

huyền chip

XÁCH BA LÔ LÊN VÀ ĐI

Tập 1:
Châu Á là nhà.
Đừng khóc!

"Đây là cuốn sách nhật ký hành trình
hay hơn thể nọ thể kia"

- ai đó nổi tiếng



Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Tự nhận mình ngây ngô đến mức bị ngộ nhận là dũng cảm, cái sự “điếc không sợ súng”, khiến cô vô tình làm nên những điều phi thường. Mười bảy tuổi, cô đã tổ chức chiến dịch Free Hug lớn nhất Việt Nam. Mười chín tuổi, cô trở thành điều phối viên tại Việt Nam của chiến dịch SEA Change 2009. Hai mươi tuổi, cô từ bỏ công việc trong mơ đang có ở Malaysia theo đuổi khát vọng “đi để trải nghiệm”. Trở về sau 2 năm, bốn ba sóng gió bụi đường qua bao đất, gặp bao người, những trải nghiệm đã đủ, nhưng không, cô vẫn khát khao được đi và được trải nghiệm nhiều hơn nữa.

Hành trình của Huyền Chip chưa thể dừng lại...

Bước chân của Huyền khởi đầu cho trào lưu mới trong giới trẻ Việt: Khát khao vươn ra thế giới, đi và trải nghiệm. – [Tiền Phong](#)

“Ta ba lô” không chỉ để thỏa mãn khát khao khám phá, trưởng thành mà còn đem hình ảnh, văn hóa Việt Nam đến với bạn bè năm châu. Nhưng không phải ai cũng có bản lĩnh để đi như Huyền. – [CAND](#)

Điều thú vị toát ra từ con người Huyền nằm trong sự khác biệt và dám khác biệt. – [Yahoo! News](#)

Bạn ấy dường như đứng ngoài khuôn mẫu thông thường của một nhân vật quan trọng. – [Thanh Niên](#)

Đã có rất nhiều nhưng cũng sẵn sàng nghĩ rằng mình chưa có gì. Đó dường như là điều đặc biệt nhất ở cô bạn 9x Huyền Chip. – [Radio Australia](#)

Thật là 01 nhật ký. 01 kỷ niệm đẹp. 01 kỷ niệm đáng nhớ... – [Me_bush2013](#)

Lần đầu tiên mình vào web này, rất ấn tượng với bạn Huyền Chip, mình đã đọc liền một mạch mười trang luôn... mình không nghĩ một cô gái 20 tuổi lại có cách viết lôi cuốn người khác như thế, rất hay, rất khâm phục. – [Natccs](#)

Bài viết đọc dễ chịu quá, khiêm tốn và chia sẻ, đúng tinh thần của những người ham dịch chuyển, thật tuyệt vời. “Xách ba-lô lên và Đi” như một slogan vậy. – [Ragdoll](#)

Lời hiệu triệu từ chính tên quyển sách và bản thân Huyền Chip đã kích thích khát khao khám phá của mỗi độc giả. Đọc bat rang đầu, bạn thấy rạo rực với những chuyến phiêu lưu, đọc tiến đến nửa quyển sách, bạn sẽ không đọc nữa mà đi thu xếp hành lý, còn nửa sách còn lại, đọc tiếp trên đường! – [Vũ Tùng](#), [Tabalo](#), [TayBacGroup](#)

Đây là cuốn sách nhật ký hành trình hay ho thế nọ thế kia – [ai đó nổi tiếng](#)

Bản quyền © Nguyễn Thị Khánh Huyền

Ảnh bìa © Asher Leiss

Ảnh © Asher Leiss

Hợp đồng xuất bản giữa Công ty cổ phần sách và truyền thông Quảng Văn với tác giả Nguyễn Thị Khánh Huyền.

Mục lục

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời nói đầu

Hành trình mơ ước

PHẦN I: ĐÔNG NAM Á: BRUNEI, MALAYSIA VÀ MYANMAR

1. Đi bừa đi

2. Người Việt Nam ở Brunei

3. Không khóc ở Brunei

4. Mưa ở Lễ hội Rừng mưa

5. Khách sạn có ma ở Sibul

6. Cô bạn nổi loạn Abbie

7. SpiFF

8. Những cô gái bao ở Kuching

9. Cứu

10. Lăn đầu ăn sấu và ông lão “dê cừ”

11. Gawai và tạm biệt Kuching

12. Đi du thuyền vòng quanh thế giới, tại sao không?

13. Kẹt trong bão biển

14. Quê hương là chùm khế ngọt

15. Đổi tiền ở Myanmar

16. Gặp sư phụ ở “Manday”

17. Thành phố chùa chiền Bagan

18. Lảm nhảm về Myanmar

PHẦN II: ẤN ĐỘ – NEPAL

19. Chào mừng đến với Ấn Độ

20. Người mẹ Kolkata

21. Lạc bước ở Kolkata

22. Chuyến đi tình cờ đến

23. Đi tàu lên Mumbai

24. Đột nhập doanh trại Hải quân Mumbai

25. Tình nguyện viên hút ở Pune

26. Ở lại Mumbai, săn nhà săn việc

27. Krishna Janmashtami

28. Bữa tiệc sinh nhật bất ngờ

29. Những người bạn cùng nhà

30. Những con người lập dị của Mumbai

31. Làm diễn viên Bollywood

32. Tạm biệt Mumbai

33. Delhi

34. Những đại sứ quán ở New Delhi

- [35. Diwali](#)
- [36.](#)
- [37. Srinagar](#)
- [38. Những chàng trai Kashmir](#)
- [39. Mumbai nằm trong tay người Pubjabi](#)
- [40. Lén vào Taj Mahal](#)
- [41. Varanasi](#)
- [42. Bị kẹt ở Gorakhpur](#)
- [43. Chùa Việt Nam ở Lumbini](#)
- [44. Trai trẻ mồ côi ở Kathmandu](#)
- [45. Không tiền về lại Ấn Độ](#)
- [46. Lễ hội Chim Mỏ Sừng](#)
- [47. Ngủ lang ở Guwahati](#)
- [48. Cuộc gặp gỡ tình cờ ở Sikkim](#)
- [49. Cho một cậu bé chưa bao giờ có cơ hội du lịch](#)
- [50. Vỡ mộng với](#)
- [51. Chiến lược “Kebano”](#)
- [52. Tìm gặp Kumari của Nepal](#)
- [53. Vipassana](#)
- [54. Maha Shivaratri](#)
- [55. Cậu bé phật của Nepal](#)
- [56. Burning Snails](#)
- [57. Tai nạn đầu tiên](#)
- [58. Tai nạn thực sự](#)
- [59. Holi màu sắc](#)
- [60. Tạm biệt Nepal](#)

[PHẦN III: TRUNG ĐÔNG: AI CẬP, ISRAEL, PALESTINE](#)

- [61. Salam Ai Cập](#)
- [62. Những người đi bộ ở Alexandria](#)
- [63. Nắng thiêu ở Siwa](#)
- [64. Kim Tự Tháp](#)
- [65. Ai Cập sau bạo động](#)
- [66. Ngôi nhà Bob Marley ở Luxor](#)
- [67. Đi nhờ xe lên Aswan](#)
- [68. Lỡ xe bus](#)
- [69. Nắng gió và biển Israel](#)
- [70. Lên Petah Tiqwa đúng ngày Shabbat](#)
- [71. Một ngày vui và một ngày buồn ở Israel](#)
- [72. Miền Bắc Israel](#)
- [73. Tìm đường vào Palestine](#)
- [74. Người nghệ sĩ không gặp thời](#)
- [75. Biểu tình ở Palestine](#)
- [76. Jerusalem](#)
- [77. Ronan](#)
- [78. Lễ hội body painti](#)

[79. Thuê nhà ở Tel Aviv](#)

[80. Suýt bị bắt cóc](#)

[81. Tam biệt Israel](#)

[82. Thiên đường Sinai](#)

[Lời cảm ơn](#)

“For Chip, on the day she turns 20:
You are the bravest girl I’ve ever met. Go wherever you want to, but remember, traveling is not
about where you are, but who you are with.
From a person you met on the road
Veera”

[“Tặng Chip, ngày em tròn 20 tuổi:
Em là cô gái dũng cảm nhất mà anh từng gặp. Đi đến bất cứ nơi nào em muốn, nhưng hãy nhớ rằng,
hành trình thực sự không phải là về những nơi em đến, mà là về những người em gặp.
Từ một người em gặp trên đường
Veera”]

Lời nói đầu

Trước hết, tôi cần nhấn mạnh lại rằng tôi đi chuyến đi này đơn giản vì đó là mơ ước của tôi. Tôi đi không để chứng minh điều gì cả. Tôi cũng không đi để thay đổi cuộc sống của ai cả, trừ cuộc sống của chính tôi.

Nhưng rồi tôi cũng không hiểu vì sao mà mọi người bắt đầu để ý đến chuyến đi của tôi và bắt đầu gán cho nó những mục đích to tát và bắt tôi giải thích tại sao tôi lại chọn đi như thế. Phải chăng ước mơ ở Việt Nam vẫn còn là một thứ lạ lùng đến mức bản thân việc “theo đuổi ước mơ” chưa đủ làm nên một lý do? Phải chăng cái quy trình “Đến trường → Cạnh tranh để vào đại học → Tìm việc → Lập gia đình → Có con → Già → Ước gì cuộc sống của mình thú vị hơn một chút” đã trở nên theo lối mòn đó đều có thể trở thành hiện tượng?

Kể từ khi chuyến đi của tôi được nhiều người biết đến thì khen cũng nhiều, nhưng đá ném ra thì cũng không ít. Rất nhiều người không tin rằng tôi đã thực sự đi. Họ nói: nào là hộ chiếu Việt Nam thì không thể xin được visa, nào là một con bé như tôi thì không thể kiếm được tiền trên đường để đi như thế. Ban đầu đọc những lời lẽ không hay của họ, tôi cũng bị mất tinh thần ghê lắm. Nhưng sau khi nghĩ đi nghĩ lại thì lại thấy đo chẳng phải là lỗi của mình để mà buồn. Đó là một hạnh phúc âm ỉ khi bạn làm được một điều lạ lùng đến mức người ta không tin là bạn đã làm được.

Cũng giống như việc tôi đi chỉ là để lấy trải nghiệm cho mình, tôi viết cuốn sách này trước hết là để cho bản thân. Viết để cho mình khỏi quên. Viết để có cái khoe với con cháu sau này rằng ngày xưa hồi bằng tuổi mày, tao cũng đã từng đi đây đi đó, viết sách này sách nọ. Tôi không phải là dân văn, không rành về cấu trúc văn phong, cũng không mặn mà với những từ đao to búa lớn. Tôi chỉ chân chất có gì kể nấy, bạn tôi đọc xong đã phải phá lên cười bởi đọc sách mà cứ như nghe tôi kể chuyện vậy.

Đây không phải là một cuốn sách hướng dẫn du lịch. Bạn sẽ không tìm được trong cuốn sách này những thông tin như ăn gì, ở đâu, đi lại thế nào. Cho những thông tin thế này, bạn có thể lên mạng tìm hoặc ghé thăm dự án “Wiki Du lịch ba-lô” nhóm chúng tôi đang làm. Đây là một cuốn nhật ký nơi tôi chia sẻ với chính bản thân mình những hỉ nộ ái ố trên đường đi, những thử thách, va chạm và vấp vấp trong suốt cuộc hành trình. Với tôi, “hành trình” không chỉ là chuyện đi hay ở. “Hành trình” còn là quãng đường mà chúng ta theo đuổi ước mơ. Tôi đi, vì đi là mơ ước của tôi. Tôi viết, vì tôi mơ ước có một cuốn sách đề tên mình. Tôi mong rằng cuốn sách của tôi sẽ phần nào truyền được cảm hứng và động lực cho các bạn theo đuổi ước mơ của mình, dù ước mơ đó là đi hay là làm bất cứ việc gì.

Hà Nội ngày 25 tháng 8 năm 2012

Huyền Chip

Hành trình mơ ước

Đối với Huyền Chip, em đi là để theo đuổi ước mơ của mình, ước mơ được đi, ước mơ được trải nghiệm, hành trình của em là hành trình ước mơ. Đối với chúng tôi, những người biên tập cuốn sách này, chúng tôi say những cung đường em đi, thú vị với những chuyện em kể, chuyến đi của em là hành trình chúng tôi mơ ước.

Em kể về chuyến đi của mình bằng lối viết tuy mộc mạc đến nhiều khi suồng sã nhưng từng câu từng chữ lại thấp lè tè trong chúng tôi khát vọng. Vừa đọc chúng tôi vừa khao khát những tháng ngày thênh thang giữa đất trời lồng gió, mơ ước được tai nghe mắt thấy những điều kỳ thú của bao miền đất lạ và mong mỗi có được tình bạn, tình thân vượt qua mọi giới hạn về tôn giáo, sắc tộc, học vấn, tuổi tác... mà em đã đạt được qua chuyến đi

Bên cạnh đó những cung bậc cảm xúc em bộc lộ qua từng trang viết: từ háo hức mong chờ đến vỡ òa sung sướng, đôi khi là chút nhói lòng thương cảm, thậm chí là thất vọng, lo sợ... cũng khiến chúng tôi cảm thấy được không khi nào con người nhiều rung động bằng khi chạm tới ước mơ.

Và thế là câu chuyện của em không chỉ khiến chúng tôi say, chúng tôi ao ước, chúng tôi muốn đi... mà nó còn khiến chúng tôi hiểu rằng, chúng tôi sẽ thật sự hối tiếc nếu không mơ ước và cố gắng theo đuổi ước mơ dù chỉ một lần trong đời.

Các bạn đọc giả thân mến! Trong mỗi người chúng ta, ai không sẵn có ít nhất một ước mơ, trước đời thực nhiều sóng gió, có người không sợ hy sinh, không ngại gian khó để biến ước mơ thành hiện thực, cũng có người vì lý do này lý do khác mà chọn từ bỏ ước mơ. Nhưng chúng tôi mong rằng, những ai đã đọc cuốn sách này hãy dám một lần theo đuổi ước mơ của mình, đừng để ý nó mang lại lợi ích gì, đừng bận tâm nó khiến người khác đánh giá thế nào, chỉ cần đó là điều bạn thực sự muốn làm, thật sự mơ ước.

Hà Nội 30/8/2012

Ban Biên Tập

PHẦN I: ĐÔNG NAM Á: BRUNEI, MALAYSIA VÀ MYANMAR



1. Đi bừa đi

Mọi người hay hỏi tôi quyết định đi “vòng quanh thế giới” như thế nào. Tôi chẳng quyết định. Khi bắt đầu đi, tôi mới chỉ là một con bé mười chín tuổi không xu dính túi, nói đi “vòng quanh thế giới” chỉ như một đứa trẻ con năm tuổi nói với mẹ “lớn lên con muốn làm nhà du hành vũ trụ”. Chuyến đi dài ngày này của tôi bắt đầu từ một chuyến đi ba ngày sang Brunei. Chuyến đi đã làm thay đổi cả cuộc đời từ khi đó.

Tháng 5 năm 2010, tôi đang ở Malaysia làm một công việc mà ai cũng nghĩ là công việc trong mơ. Quả thực, công việc, đồng nghiệp, môi trường làm việc, tất cả đều rất tốt, chỉ một vấn đề là tôi và sếp thường bất đồng ý kiến với nhau. Một lần quá mệt mỏi, tôi quyết định đi sang Brunei chơi cho khuây khỏa. Lúc đó, ý định đi một chuyến lâu thật lâu đã bắt đầu nhen nhóm, nhưng tôi không biết sẽ đi như thế nào. Tôi tính nếu bây giờ tôi nghỉ việc, lĩnh lương khoảng \$1500 chắc cũng đủ đi vài tháng, có máy tính rồi từ từ kiếm việc gì đó làm online. Nhưng tôi quên mất là laptop tôi đang dùng là của công ty, nghỉ việc thì tôi cũng không còn máy. Thế là tôi đành ngậm ngùi bỏ tiền mua một cái netbook nhỏ nhỏ, cấu hình yếu yếu nhưng đủ để viết và lướt web. Máy ảnh tôi bị mất trước đó mấy tháng nên cũng phải mua máy mới. Nhoảng cái, số tiền của tôi chỉ còn lại khoảng \$700, \$800. Tôi tặc lưỡi, thôi đi bừa, cùng lắm là hết tiền lại về Malaysia. Tôi đặt vé khứ hồi vì thực sự tôi vẫn không dám nghĩ là mình sẽ đi học. Phòng trọ tôi cũng không trả chủ nhà mà vẫn để đồ đạc ở đấy, tin chắc chắn rằng mình sẽ quay lại Malaysia.

Khi còn “la liếm” với dân công nghệ, tôi có quen Preetam Rai – nổi tiếng trong giới vì ở đâu cũng có mặt. Sinh ra ở Ấn Độ, sống và làm việc ở Singapore, Preetam đi khắp các nước châu Á tham gia đủ các thể loại hội thảo công nghệ. Anh thỉnh thoảng hay bảo tôi: “Này, tổ chức cái gì ở Việt Nam đi để anh có cơ qua”. Khi nghe tôi kể lể, anh tặc lưỡi: “Đi đi, không đặt lã. Dùng CouchSurfing⁽¹⁾ thì khỏi mất tiền ở khách sạn”.

Nếu nhà có phòng trống, ghế sofa (couch) hay bất cứ chỗ nào ngủ được, bạn có thể đăng lên

CouchSurfing cói tư cách host (chủ nhà). Dân du lịch ba lô đến một thành phố nào đó không có chỗ ở thì lên CouchSurfing gửi yêu cầu cho host xin ở nhờ. Những ngày ở Malaysia buồn, tôi cũng hay tham gia mấy buổi gặp mặt CouchSurfer⁽²⁾. CouchSurfer là dân lang thang nên tính tình đều khá cởi mở, thân thiện, tôi thích. Nhưng tôi chưa bao giờ ở nhờ cả. Phần vì tôi chưa có nhu cầu phần vì tôi cũng hơi sợ. Lần này đúng là cơ hội tuyệt vời để thử. Brunei là đất nước nổi tiếng đất đỏ. Đọc trên mạng tôi được biết cả nước chỉ có duy nhất Youth Hostel giá khoảng \$10/đêm, còn lại các khách sạn khác đều khoảng \$200. Youth Hostel thì hên xui, khách sạn thì tôi không có tiền, CouchSurfing là lựa chọn duy nhất.

CouchSurfing hoạt động dựa vào mức độ tin tưởng đánh giá qua những lời giới thiệu mà người khác để lại trên profile của bạn. Lúc đó, hồ sơ tôi trống trơn vì không có lời giới thiệu nào, nhưng may mà tôi có cái Blog khá tử tế nên gửi yêu cầu ở nhờ nào cũng tương cái Blog mình vào đó. Tôi gửi yêu cầu tới ba người thì hai người đồng ý là Phillips và Rudy. Cả hai đều bảo tôi gửi cho họ thông tin chuyến bay xem họ có thể ra đón tôi được không. Taxi từ sân bay về Bandar Seri Begawan rất đắt, khoảng \$20. Xe bus thì khó đoán. Tôi gửi thông tin cho cả hai, định bụng ai trả lời trước thì sẽ ở cùng người đấy. Nhưng đến hôm trước khi ra sân bay vẫn chẳng thấy ai trả lời. Tôi lúng túng không biết làm thế nào, nhưng quyết tâm đi rồi thì cứ phải đi chứ biết làm sao.

Tôi đi ra sân bay lúc sáu giờ sáng, trời còn chưa sáng hẳn. Tôi không đánh thức bạn ở cùng nhà dậy mà chỉ để chìa khóa lại trên bàn. Đi ra đến cổng, bác bảo vệ đang ngái ngủ thấy tôi thì vui vẻ hẳn lên.

“Chíp, đi đâu mà sớm vậy?”.

“Cháu ra sân bay đi Brunei a

“Thích ha, thế bao giờ quay lại đây dẫn bác sang Việt Nam?”.

Tự nhiên tôi không biết trả lời thế nào. Đến lúc đấy tôi mới phần nào nhận ra rằng có thể tôi sẽ không bao giờ gặp lại bác. Cổ họng tôi nghẹn cứng. Tôi cười cầu tài rồi đi vội ra bến metro.

Tàu sớm trống trơn, tôi ngồi một mình trong toa mà lòng buồn xo. Tôi đi vội vã quá. Tôi quyết định đi ngày 9/5, bay ngày 13/5. Bốn ngày vừa qua tôi cắm đầu vào lo đủ mọi chuyện mà không hề nghĩ đến khả năng nếu thành công, tôi sẽ phải chia tay với Kuala Lumpur. Bao nhiêu người tôi yêu quý ở đây mà tôi chưa chào tạm biệt. Không biết mọi người có trách mình không nhỉ? Tôi thở dài, ngủ quên lúc nào không biết.

Đến sân bay, tôi thấy mình có tin nhắn từ Phillips. Tôi nhắn tin cho Rudy bảo đừng đến đón tôi nữa rồi tắt vội điện thoại.

Brunei, here I come!

...

2. Người Việt Nam ở Brunei

Hồi ở Malaysia, có một chị làm ở Amway⁽³⁾ có liên lạc với tôi để phát triển thị trường sang Việt Nam. Vốn có ác cảm với bán hàng đa cấp, tôi không mặn mà cho lắm. Khi đọc được quyết định đi Brunei trên Blog của tôi, chị nhiệt tình hẹn gặp. Nghĩ cũng chẳng thiệt thòi gì, tôi đồng ý. Chị kể rằng chị lấy chồng Brunei, gia đình chị bên đây có người giúp việc người Việt, tên là Yến.

“Brunei có rất nhiều lao động người Việt Nam. Em muốn viết bài thì gặp họ, nhiều chuyện hay ho lắm”.

“Hay ho thế nào hả chị?”.

“Mới gần đây có một người lao động Việt Nam bị đột tử khi đang làm việc. Để tiết kiệm tiền vận chuyển về Việt Nam, ông chủ nhà để nghị cắt xác thành ba mảnh”.

Tôi nghe mà lạnh cả xương sống. Vậy nên, việc đầu tiên tôi làm khi đặt chân lên đất Brunei là tìm cách liên lạc với chị Yến. Thực ra, việc đầu tiên sau khi đã làm một tour quanh Bandar⁽⁴⁾ trên chiếc xe Jeep bụi bặm của Phillips. Anh thả tôi tại Gadong – trung tâm mua sắm nhộn nhịp nhất Bandar.

Mới nghe tôi nói tiếng Việt, chưa kịp hỏi han gì, chị Yến đã “ra lệnh”:

“Em đang ở đâu?”.

“Gadong ạ”.

“Ra chợ cá đứng đợi anh nhà chị đến đón”.

Chị Yến với anh Dũng đến đón chúng tôi trên chiếc xe con màu đỏ.

“Anh chị bên này cũng có xe ô tô, sang ghê”.

“Gì chứ em hỏi dân Việt Nam bên này ai mà không biết anh: Người Việt Nam giàu nhất Brunei!”. Anh Dũng tự hào khoe.

Anh giàu nhất hay không tôi không biết, nhưng chắc chắn anh chị là người rất “nổi tiếng” trong cộng đồng người Việt ở Brunei. Chị Yến đã từng lên báo Brunei, còn anh Dũng trong thời gian hai năm rưỡi ở đây đã giúp đỡ không ít anh em ổn định khi mới sang.

Nhà anh Dũng nằm sâu trong một con hẻm. Căn nhà thực ra chỉ là vài tấm gỗ ghép lại. “Xưởng chủ cho ở nhờ đây”. Anh Dũng bảo. Quần áo phơi đầy lối đi, chị Yến có vẻ ngại vợ vội đồng quần áo nhét vào sau tấm gỗ. Tôi thầm nghĩ, nhà “người giàu nhất” mà còn như thế này thì không biết anh em khác sống sao. Nghĩ trong bụng thế thôi chứ không dám hỏi vì sợ anh chị tự ái. Số tôi may, đúng hôm đấy trời mưa nên mọi người tập trung ở nhà anh Dũng nhậu nhẹt. Nói nhậu nhẹt cho oai chứ thực ra chỉ là uống trà với lạc rang. Khi tôi đến, chị Yến mới lấy ra một lon nước tăng lực mời riêng tôi. Biết anh chị coi tôi là “khách quý”, tôi xúc động lắm.

Lâu không gặp người Việt, mọi người tranh nhau kể chuyện, từ những vất vả khi làm việc, bị chủ quỵt tiền, đến cả những chuyện thâm cung bí sử mà mọi người bắt tôi hứa không được kể với ai.

“Em thử hình dung, bên này người thân không có, tiếng thì chẳng nói được, chủ thì nó khinh, mình phải tìm đến với nhau thôi em ơi”.

“Lúc mọi người nói từ “khinh”, tôi cũng chưa hiểu lắm. Nhưng sau khi tự mình trải nghiệm, tôi mới thấm thía cái từ này. Tôi có gặp một chị tên là Caroline BonAsia, cũng do chị bạn làm ở Amway giới thiệu. Không cần biết tôi có đang tìm việc hay không, chị thẳng thắn đề nghị:

“Công ty chị đang muốn đưa khách từ Việt Nam sang, em làm cho bọn chị, lương 500 đô Brunei”.

Tôi hoảng hồn, lương thế thì chỉ bằng 1/10 mức lương trung bình bên này.

“Lương thế thấp quá, không đủ tiền sinh hoạt chị ơi”.

“Lao động nhập cư thì thế thôi em, so với ở Việt Nam thì chắc cũng cao chán rồi”.

Tôi lịch sự từ chối nhưng trong lòng vô cùng ám ức. Nhờ có nguồn tài nguyên dầu mỏ khổng lồ, Brunei trở thành vương quốc vô cùng giàu có với thu nhập bình quân đầu người khoảng 50,000

USD/năm. Người dân Brunei được Nhà nước cấp nhà, giáo dục và chăm sóc sức khỏe đều miễn phí. Thu nhập cao, không ai muốn làm việc nặng nhọc. Những công việc như lái xe, phục vụ bàn, dọn dẹp nhà cửa, trồng rừng, làm vườn... được dành hết cho người lao động nhập cư. Dân số Brunei chỉ vón vẹn 400.000 người, trong khi Brunei có tới 100.000 lao động nhập cư, chủ yếu đến từ Indonesia, Philippines, Việt Nam. Tôi không vợ đũa cả nắm, nhưng thực sự người dân ở đây nhìn chung đều coi người lao động nhập cư là “tầng lớp dưới”, “tầng lớp phục vụ” cho họ, một thái độ mà khi gặp tôi, chính Stephen Ignatius – nhà báo đầu tiên của Brunei, cũng thừa nhận là có tồn tại và ông rất buồn vì điều đó.

Tôi thấy xót xa cho người Việt mình ở đây vô cùng. Mưu sinh nào có dễ dàng gì. Vất vả là thế, vậy mà nhiều khi còn bị quỵt tiền lương. Các công ty môi giới đưa sang đến đây là bỏ mặc, không giúp đỡ thêm gì. Thấp cổ bé họng, kiện cáo không được, mọi người đành ngậm bồ hòn làm ngọt. Đã trót vay mượn một đồng tiền để sang đây, chẳng lẽ lại gây hấn để bị đuổi về tay không? Mặc dù còn rất nhiều chuyện muốn hỏi, nhưng tôi có hẹn với Caroline BonAsia lúc chín giờ tối nên tôi xin phép về. Anh Dũng bảo nếu tôi thực sự muốn tìm hiểu cuộc sống người Việt Nam bên này thế nào thì sáng sớm mai theo anh đi xuống rừng, nơi người Việt làm việc. Tôi cẩn thận hỏi lại:

“Ngày mai anh đi làm vậy có chắc là đưa em đi được không?”

“Được được, không phải lo. Đúng sáu giờ sáng mai ra cổng siêu thị anh đến đón”.

3. Không khóc ở Brunei

Khi ra đi quyết tâm là vậy, tôi nào biết sang ngày thứ hai tôi đã suýt phải bật khóc.

Sáng hôm ấy tôi háo hức dậy sớm, mượn điện thoại Phillips gọi cho anh Dũng. Tôi tin chắc thế nào anh cũng đang trên đường đến đón tôi rồi. Nào ngờ đâu, tôi tá hỏa khi anh nói bận không đi được. Phillips lúc đấy cũng phải chuẩn bị đi làm, đồng nghĩa với việc tôi bị “đá” ra khỏi nhà.

“Tôi nay anh với bạn đi Rainforest Music Festival ở Miri⁽⁵⁾. Em chịu khó tìm chỗ khác ở nhé”.

Couch Surfing là thế. Tôi có phòng trống, tôi cho bạn ở nhờ. Tôi không có thời gian cho bạn nữa, tôi đuổi bạn đi. Không trách nhiệm, không oán trách.

Anh để tôi lại trước cổng một siêu thị nào đó trên đường đi làm.

Sáu giờ sáng, bầu trời Brunei xanh xanh ngắt, mà lòng tôi buồn buồn xất. Tôi ngồi một mình trước cổng siêu thị vắng tanh vắng ngắt, không có nơi nào để đi, không có ai để nhờ giúp đỡ, cũng không có điện thoại để liên lạc với ai. Ba người đầu tiên tôi gặp ở Brunei: một người cho tôi leo cây, một người đá tôi ra khỏi nhà, một người đối xử với tôi như lao động nhập cư. Tôi không khóc mà nước mắt cứ chực trào ra. Thế này mà đòi đi vòng quanh thế giới à? Mới có qua ngày đầu tiên tôi đã thảm hại thế này rồi? Còn sớm quá chẳng th làm được gì, tôi lấy cuốn sách mình mang theo ra đọc.

Tôi chẳng nhớ là lúc đấy tôi đọc gì, nhưng nó làm tôi phân chấn hơn rất nhiều. “Không thể ngồi đây ăn vạ mãi được”, tôi tự nhủ. Tôi quyết định gạt lòng tự ái của mình sang một bên, đến cây điện thoại công cộng, gọi cho Caroline. Vì tôi không biết mình đang ở đâu, chỉ bảo tôi tìm cách đến siêu thị Gadong sẽ cho xe đến đón.

Thử thách của tôi bây giờ là làm sao tìm được đường đến siêu thị Gadong. Nói thêm một chút về Brunei, vương quốc này chắc chắn không dành cho khách du lịch, ai cũng có xe riêng, lái xe riêng nên không ai dùng xe bus, taxi. Hệ thống xe bus bên này vô cùng khó đoán, còn taxi thì cả nước chỉ có trên dưới bốn mươi chiếc, nằm chủ yếu ở sân bay. Mà giả sử tôi có may mắn tìm được taxi thì cũng chẳng đủ tiền trả bởi đường giá vô cùng đắt. Tôi tìm mấy nhân viên siêu thị hỏi đường thì không ai nói được tiếng Anh. Tôi quyết tâm đi bộ rồi hỏi đường dần dần.

Nhưng rồi tôi nhanh chóng nhận ra mình là người duy nhất đi bộ trên đường. Người Brunei không có thói quen đi bộ, đi từ đường bên này sang bên kia cũng lái xe. Bí quá không biết làm thế nào, tôi giơ tay ra muốn dừng xe lại để hỏi đường. Lái xe đều nhìn tôi lắc đầu. Hừ, tôi chỉ muốn hỏi đường thôi mà, ai thèm đi nhờ xe!

Trời nắng chang chang, cái ba lô mười kilogam trên lưng tôi bắt đầu làm mình làm mẩy, lưng tôi ướt sũng mồ hôi. Đi bộ được hơn một tiếng, tôi nản quá bỏ luôn ý định dừng xe thì bỗng một chiếc xe đỗ xích trước mặt. Anh chàng không nói được tiếng Anh, tôi bập bẹ duy nhất từ Gadong, Gadong. Anh chàng ra dấu cho tôi lên xe.

Với vốn tiếng Malay bập bẹ, tôi biết anh tên là Arnand. Anh có một cửa hàng sửa chữa cơ khí gì đó. Anh lái xe đi miết mà chả thấy bóng dáng siêu thị Gadong đâu. Bất chợt anh rẽ vào một ngõ hẻm vắng tanh vắng ngắt, dừng lại trước một cánh cổng đóng kín mít và ra hiệu cho tôi đi theo anh. Trời ơi đây là đâu? Tôi lo cuống cả lên, nhưng không muốn để Arnand biết. Tôi đành đi theo anh. Anh bảo tôi cứ để ba lô trên xe, nhưng tôi cứ mang theo có gì còn... chạ

Đi qua cánh cổng, rẽ vào một ngõ hẻm nữa, Arnand dừng lại trước một quán ăn. Tôi ngả ngửa, hóa ra Arnand chỉ muốn dẫn tôi đi ăn sáng. Thần hồn nát thần tính đây mà.

Trong menu có món “Phở Việt”, tôi gọi ăn thử thì thấy nó chả Việt Nam tí nào. Trong bát phở có ngô, cà rốt, nấm,... tất cả những thứ chả bao giờ nhìn thấy trong phở Việt Nam. Arnand nhất định không để tôi trả tiền. Ăn xong, Arnand nhất định không để tôi trả tiền. Ăn xong, Arnand đưa tôi đến Gadong. Tôi sau này có viết về anh trên Blog của mình. Bài viết được Brunei FM dịch lại và họ gọi

Arnand là “người Brunei của tháng”. Qua đó, rất nhiều người Brunei gửi email cho tôi nói là nếu tôi cần giúp đỡ gì ở Brunei thì cứ báo họ. Rất tiếc, lúc đấy tôi đã cao chạy xa bay khỏi Brunei rồi.

4. Mưa ở Lễ hội Rừng mưa

Thời gian còn lại ở Brunei tôi dành để thăm thú các điểm du lịch nổi tiếng: những đền thờ Hồi giáo trị giá hàng triệu đô, cung điện Sultan nguy nga tráng lệ, làng nổi lớn nhất thế giới Kampong Ayer – nơi 10% dân số Brunei sinh sống. Nhờ may mắn, tôi có dịp gặp gỡ và nói chuyện với Stephen Ignatius – nhà báo đầu tiên của Brunei và Tegla Loroupe – nữ vô địch điền kinh thế giới, nhà hoạt động vì quyền phụ nữ người Kenya với câu chuyện cuộc đời giàu sức truyền cảm hứng. Tegla Loroupe sinh ra trong một gia đình với hai mươi tư anh chị em, lớn lên ở nơi phụ nữ không được đến trường, không được chơi thể thao, cô gạt bỏ những kỳ thị để theo đuổi đam mê của mình: chạy. Mối quan hệ của tôi với Caroline cũng được cải thiện đáng kể. Tôi bấy giờ đã chuyển đến ở nhà Rudy – CouchSurfer mà tôi lỡ cho “leo cây” từ ngày đầu tiên. Tối tối, Caroline đều gọi điện hỏi tôi có ổn không khiến tôi vô cùng xúc động. Có một câu chuyện vui để thấy Brunei nhỏ như thế nào. Khi biết tôi đến ở người lạ, Caroline rất lo lắng, hỏi tên đầy đủ của Rudy. Rồi sau chỉ vài cú điện thoại, Caroline đã biết chính xác tên tuổi, địa chỉ, nghề nghiệp của Rudy, thật đáng sợ. “Brunei như một cái làng vậy. Ở đây từ nhỏ đến lớn, ai cũng biết ai”.

Một buổi chiều, tôi đang ngồi dùng Internet ở văn phòng của Caroline thì chị đột ngột hỏi:

“Này, mai đi Rainforest Music Festival ở Miri không?”.

“Mai á?”.

“Ừ”.

Thế là tôi gạt đầu. Lúc đó tôi đã quên bém vé máy bay khứ hồi về lại Malaysia. Ở Malaysia đã lâu, tôi chưa bao giờ sang bán đảo Đông Malaysia, khu vực mà bạn bè người Malaysia của tôi đều bảo là “Malaysia thực sự”.

Chín giờ sáng hôm sau, tôi có mặt ở văn phòng của Caroline. Caroline lái chiếc xe Honda bảy chỗ to đùng. Tò mò tôi hỏi:

“Sao đi xe to cho tốn xăng hả chị?”.

Chị phá lên cười không trả lời. Sau này tôi mới biết xe bốn chỗ của nhà chị toàn “xe xịn”. Người Brunei coi Malaysia là một quốc gia kém phát triển, không an toàn nên không ai lái xe xịn sang đây cả. Xăng dầu ở Malaysia không phải là vấn đề, bởi giá xăng ở đây cực rẻ. Một lít xăng lúc bấy giờ chỉ nửa đô Brunei (khoảng sáu ngàn tiền Việt). Caroline cho hay những người Miri làm việc ở Brunei hay vận chuyển lậu xăng từ Brunei về để bán với giá cao gấp đôi, nên chính phủ Brunei có luật giới hạn việc mua bán xăng của lao động nước ngoài ở đây.

Hai giờ lái xe từ Bandar đến Miri là cơ hội tuyệt vời để thưởng ngoạn phong cảnh làng quê Brunei. Brunei quả thực là một đất nước vô cùng xanh sạch đẹp. Ở đâu cũng toàn cây là cây. Do mức độ ô nhiễm thấp, bầu trời Brunei xanh ngắt. Đến tận bây giờ, tôi vẫn chưa thấy bầu trời ở đâu xanh đến như vậy.

Miri thuộc bang Sarawak, khu vực tự trị của Malaysia với visa và con dấu xuất nhập cảnh riêng. Người Việt Nam mình không cần visa cho Malaysia nên cũng không cần visa cho Sarawak. Những ai cần visa để vào Malaysia, nếu muốn vào Sarawak sẽ phải nộp hồ sơ xin visa Sarawak lúc xin visa của Malaysia. Các bác Hải quan ở Sarawak rất dễ chịu, chỉ nhìn hộ chiếu của tôi rồi cho đi mà không đóng dấu nhập cảnh. Sang đến Miri rồi, tôi mới chột hỏi:

“Tối nay ngủ ở đâu hả chị?”.

“Dĩ nhiên là khách sạn rồi”.

Bạn của Caroline đã đặt phòng cho chúng tôi ở khách sạn sang nhất Miri, còn là phòng xịn nhất. Bạn của Caroline làm du lịch nên anh lấy được giá rẻ, nhưng vẫn quá sức tôi. Caroline nhìn tôi có vẻ thông cảm:

“Em trả được bao nhiêu thì trả còn lại để chi”.

Để chi trả cũng ngại nên tôi tự trả hết phần của mình. Hết veo \$100. Thôi, sau mấy ngày vật vờ ở Brunei, một đêm đêm âm thầm em cũng bỏ, tôi tặc lưỡi. Bệnh sĩ chết trước bệnh tim đầy mà.

Đến nơi tôi mới biết đây là thời điểm tốt nhất để thăm Miri. Lúc đó thành phố đang tổ chức kỷ niệm ngày chính thức thành lập với rất nhiều lễ hội. Đường phố tràn ngập những trang trí rực rỡ. Chúng tôi không được xem Music Festival vì hết vé, nhưng hóa ra thế lại may bởi buổi tối hôm đó trời mưa suốt, người đi xem chạy mưa như vỡ đám, Charles và Justin, bạn của Caroline, đến đón chúng tôi ở khách sạn và một đêm ăn uống long trời lở đất bắt đầu. Tôi chưa bao giờ ăn nhiều món ngon đến thế. Trước hết, chúng tôi đến một nhà hàng trên bãi biển ăn satay. Satay là món ăn quốc gia của Indonesia nhưng hết sức phổ biến ở Malaysia. Đây đại khái là thịt xiên, nhưng ăn với nước sốt. Ở Malaysia, khách được chọn que thịt sống, tự nhúng vào nước sốt sôi sùng sục, nói hỏi vừa thổi vừa ăn. Tôi không biết tên gọi của nó là gì, nhưng nó bao gồm rất nhiều thứ: lúa mạch, vải khô, thạch,... và có mùi thơm rất dễ chịu. Sau đó chúng tôi đến một nhà hàng hải sản được cho là nổi tiếng nhất của Miri. Phải nói là hải sản Malaysia còn lâu mới bằng hải sản Việt Nam, nhưng tôi đặc biệt thích món nghêu hấp sả và mực chiên bột. Tiếp theo là đồ tráng miệng ở Citrus và đây vẫn là đồ tráng miệng ngon nhất là tôi từng ăn. Nó bao gồm bánh chuối, chuối, siro và sô-cô-la trên một đĩa nóng. Chúng tôi cũng đi thăm Marina Bay – nhà hàng xây trên biển bởi tôi tò mò về kiến trúc của nhà hàng này. Xây nhà trên cát quả thực không đơn giản. Trước hết, họ phải củng cố móng, đợi cho mọi thứ lắng đọng và đông đặc lại mới bắt đầu cất nhà. Toàn bộ nhà hàng được làm bằng gỗ, chạm khắc tỉ mỉ bởi những thợ lành nghề nhất của Indonesia. Từng tấm gỗ đều được bảo quản đặc biệt để có thể chống chọi với cái ẩm ướt từ biển.

Chúng tôi trở về khách sạn lúc nửa đêm, no đủ và vui vẻ. Tôi ngủ một lèo đến sáng, chẳng lo nghĩ gì.

5. Khách sạn có ma ở Sibuspan>Sáng, Caroline lên đường trở lại Brunei. Tôi tỉnh dậy, và bắt đầu hỏi một câu hỏi, một câu hỏi mà kể từ đó về sau, tôi phải tự hỏi mình rất nhiều: “Đi đâu bây giờ nhỉ?”.

Tôi gửi đồ ở khách sạn và bắt đầu đi vòng vòng quanh thành phố để lấy ý tưởng. Tôi gặp một nhóm xe vespa từ Brunei qua Miri tham gia điều hành mừng sinh nhật thành phố. Biết tôi đi du lịch một mình từ Việt Nam, họ hết sức thích thú, xin chụp ảnh cùng và xin số liên lạc. Họ gợi ý cho tôi đến Kuching – thủ phủ bang Sarawak. Đây được coi là mảnh đất của những huyền thoại, những cánh rừng nguyên sinh, những chú chim mỏ sừng Rhinoceros và những bộ tộc săn đầu người.

Tôi quyết định đến Kuching, nhưng trên đường đi tôi muốn ghé thăm Sibul – thành phố người Hoa duy nhất ở Đông Malaysia. Dân số ở đây chủ yếu là người Hoa Foochow⁽⁶⁾ nổi tiếng với Foochow food.

Caroline gọi cho tôi lúc tôi đang ở trên xe bus. Lo lắng vì tôi sẽ đến Sibul lúc nửa đêm, chị giới thiệu cho tôi với Koh, một người bạn của chị ở Sibul. Koh đón tôi ở bến xe và dẫn tôi vào thành phố tìm khách sạn. Vì lúc đó đã muộn, tôi đã khá mệt và không muốn làm phiền Koh nhiều, tôi chọn bữa một khách sạn tôi thấy. Đó là một khách sạn khá lớn ở ngay trung tâm thành phố, có vẻ cũ kỹ, nhưng được cái khá rẻ (50RM ~ \$15), lại có wifi. Người đàn ông gốc Hoa ở bàn tiếp tân không nói được tiếng Anh. Koh giúp tôi check in và để tôi ở lại trong phòng một mình.

Hành lang khách sạn

Việc đầu tiên tôi làm khi nhận phòng là kiểm tra nhà vệ sinh. Vòi nước và xả bồn cầu không hoạt động. Tôi chạy xuống gọi người đàn ông trực đêm, ông vào kiểm tra thì mọi thứ đều hoạt động bình thường. Ông đi xuống và tôi bắt đầu sửa soạn để tắm. Đột nhiên, tôi nghe tiếng nước chảy trong nhà tắm, ai đó mở vòi nước rồi lại đóng lại. Tôi chạy vào xem, thì thấy nước vẫn chảy, bồn cầu đang xả nước và cuộn giấy vệ sinh tự động thả giấy xuống. Hoảng hốt, tôi lao xuống bàn tiếp tân, cố gắng giải thích cho người đàn ông nhưng ông không hiểu. Tôi không thể check out và tìm khách sạn khác, bởi Sibul không chỉ nổi tiếng bởi đồ ăn mà còn nổi tiếng với những băng nhóm gangster thống trị mọi ngóc ngách phố ban đêm. Tôi đành quay lại phòng, mở Facebook và bắt đầu kêu khóc với bất cứ ai tôi gặp online. Tôi không dám sử dụng nhà vệ sinh, thậm chí không dám tắm. Đến khoảng ba giờ sáng, mọi âm thanh kỳ lạ kết thúc, và tôi ngủ thiếp đi khoảng một giờ sau đó.

Sáng hôm sau, tôi đi xuống và gặp một phụ nữ người Hoa ở bàn tiếp tân. Bà có thể nói tiếng Anh. Tôi kể lại cho bà những chuyện kỳ lạ lúc nửa đêm. Bà chẳng có vẻ gì ngạc nhiên:

“Cháu ở phòng nào?”.

“405 ạ”.

“Ở đây không có phòng 405”.

Tôi giật mình nhìn lại chìa khóa phòng: là 407. Vì lý do nào đó, cả đêm tôi cứ nghĩ mình ở phòng 405. Tôi cũng không hiểu sao ở đây không có phòng 405 trong khi 405 không phải là một con số người Hoa kiêng kị. Tôi hỏi nhưng không nhận được câu trả lời. Tôi check out, Koh đến đón đưa tôi về nhà chị. Có cho tiền tôi cũng không dám ở khách sạn đấy thêm nữa.

Bé Chloe muốn nói rằng cô bé yêu mình ☺

Vợ chồng Koh có hai con gái, con gái lớn học lớp 9, con gái nhỏ mới có năm tuổi, tên là Chloe. Không hiểu sao, Chloe rất thích tôi, không chịu rời tôi nửa bước. Koh cũng bảo tôi là người lạ đầu tiên Chloe gần gũi đến thế. Koh và Chloe dẫn tôi đi thăm quanh thành phố. Nhưng tôi thích tự mình khám phá thành phố hơn. Đúng là thành phố của người Hoa, nhà hàng nào cũng trưng biển tiếng Hoa, kiến trúc cũng đậm màu sắc Trung Quốc và đồ ăn Foochow cực kỳ hấp dẫn. Sibul có một con sông lớn hết sức thơ mộng với ngôi chùa Tua Pek Kong cổ kính từ thế kỷ XIX soi bóng bên. Tháp chùa có bảy tầng, trèo lên trên đỉnh có thể nhìn toàn cảnh thành phố. Tôi đặc biệt ấn tượng với chợ Sibul, chợ

vô cùng lớn, rực rỡ nhiều màu sắc với nhiều loại hoa quả tôi chưa thấy bao giờ. Ham ăn, tôi chết mê chết mệt đồ ăn ở đây. Kompyang món bánh quy đặc trưng của Sibul, làm từ bột mỳ, hành, mỡ và muối với nhân đa dạng tùy sở thích: nhân thịt, nhân rau, nhân ngọt... ăn với nước sốt. Kampua Mieng – mì xào khô với thịt lợn xắt miếng, một đặc sản khác của Sibul. Chai Pau – bánh bao chay. Tôi cũng thử món lòng lợn xào hành tây và món chè Sibul. Tôi ở với gia đình Koh một ngày, tối bắt chuyến xe bus qua đêm đến Kuching. Koh gói đồ ăn để tôi không bị đói trên xe bus. Tôi cảm kích vô cùng, không biết phải cảm ơn thế nào cho đủ.

6. Cô bạn nổi loạn Abbie

Thời gian ở Kuching là quãng thời gian mà tôi học hỏi và trưởng thành hơn rất nhiều qua những mối quan hệ giữa người với người chông chéo mà trước đó tôi chưa từng trải nghiệm.

Tôi liên hệ trước với Spiff trên CouchSurfing và cậu đồng ý cho tôi ở nhờ. Spiff bằng tuổi tôi, người Nigeria nhưng đang học ở Kuching. Cậu đón tôi từ bến xe bus, đưa tôi về ngôi nhà cậu đang ở với những người bạn Nigeria khác của mình. Cậu dẫn tôi vào phòng ngủ lớn nhất của ngôi nhà:

“Đây là phòng ngủ của tớ. Tớ host CouchSurfer ở đây luôn”.

Tôi tá hỏa, tôi không hề biết rằng mình sẽ phải chung phòng với Spiff, đừng nói là... chung giường. Nhưng lỡ đến đây rồi biết làm sao, dùng dùng bỏ đi thì thô lỗ quá, mà cũng chẳng biết đi đâu. Nghĩ nhiều nhưc đầu, giờ mới là sáng sớm, tôi tặc lưỡi, thôi đi tắm đã rồi hăng hay. Thế là tôi đi tắm. Phòng con trai có khác, phòng tắm bẩn. Vốn không chịu được bẩn, tôi tiện thể kỳ cọ luôn chứ không có ý gì. Vậy nhưng Spiff có vẻ áy náy lắm.

Spiff dẫn tôi đến gặp Abbie. Cuộc gặp gỡ có vẻ ngượng ngịu. Hai người chủ yếu nói chuyện với tôi chứ không nói chuyện với nhau. Spiff đề tôi lại với Abbie vì cậu phải đi có việc. Tôi đến đúng vào thời gian nghỉ hè, cậu tranh thủ đi làm thôi

Tôi kết thân với Abbie khá nhanh. Phần vì chúng tôi bằng tuổi, phần vì cô bạn này cũng có vẻ “nổi loạn”. Ban đầu, tôi chỉ định ở lại Kuching vài ngày, nhưng Abbie thuyết phục tôi:

“Chỉ mười ngày nữa là Gawai, áy mà bỏ lỡ thì phí lắm”.

Gawai, hay Lễ hội thu hoạch, là ngày lễ quan trọng nhất của bang Sarawak. Gawai được tổ chức hàng năm vào ngày 31/5 và 1/6.

Thế là tôi quyết định ở lại. Trong thời gian chờ đợi, tôi tính kiếm việc gì làm cho đỡ chán. Abbie dẫn tôi đến club Terminal One, nơi mà năm mười bảy tuổi, cô đã từng bỏ nhà đến đây xin việc. Chủ Club coi Abbie như em gái. Chị lập tức đồng ý nhận cả tôi và Abbie vào làm. Thế là tôi có việc. Nhưng vấn đề là bố mẹ Abbie sẽ không bao giờ cho phép cô làm việc ở đây, dù công việc chỉ là phục vụ bàn thuần túy. Cô than phiền là bố mẹ cô quá nghiêm khắc, họ không tin tưởng cô, và không cho cô ra ngoài chơi. Abbie đưa tôi về nhà, hy vọng tôi có thể thuyết phục bố mẹ cho cô vào thành phố ở cùng tôi (dĩ nhiên là chỉ trên danh nghĩa, tôi còn chẳng có chỗ ở cho tôi nữa là).

Gia đình Abbie sống ở một làng nhỏ tên là 17 Mile, cách Kuching đúng 17 dặm. Ngôi làng nhỏ xinh xắn bình yên có nét gì đó rất giống với quê tôi. Ai bảo chỉ ở Việt Nam mới có chuyện cả gia đình trên một chiếc xe máy? Ở làng này, xe máy kẹp ba, kẹp bốn phóng vèo vèo. Spiff đưa chúng tôi đến đây, nhưng không chịu vào mà quay về ngay. Tôi hỏi lý do, Abbie mới ngập ngừng:

“Bố mẹ tớ không thích Spiff”.

“Tại sao?”.

“Spiff là bạn trai cũ của tớ”.

Ra vậy! Hôm đấy là ngày đầu tiên hai người mặt giáp mặt kể từ khi chia tay một năm. Abbie cũng không hiểu sao Spiff lại chọn đúng hôm đấy để liên lạc lại với mình.

Abbie hóa ra là con lai, mẹ là người dân tộc Iban bản địa, bố là người Ấn Độ. Thảo nào cô có nước da nâu đẹp thế.

Bố Abbie hào hứng chia sẻ với tôi đủ chuyện trên trời dưới bể, nhưng tôi hứng thú nhất câu chuyện về bộ tộc săn đầu người ở đây. Sarawak từng được biết đến với cái tên hết sức hãi hùng “Vùng đất của những thợ săn đầu người”. Thanh niên bộ tộc này muốn trở thành đàn ông thực thụ thì phải săn được ít nhất một đầu người. Nạn nhân thường là kẻ thù hay là những người làng khác lạc bước vào địa phận làng họ. Đầu săn được sau đó sẽ trở thành chiến lợi phẩm khoe với cả làng, đốt khô và treo trước cửa nhà như một chiến tích. Nhà nào càng nhiều đầu lâu càng được coi trọng. Những năm 50, khi

thương gia Trung Quốc sang đây tìm đường buôn bán, không ít kẻ xấu số đã bị chuộc rượu say và cắt mất đầu. Tục lệ này ngày nay tuy không còn duy trì nhưng không ít thợ săn đầu người ngày trước vẫn còn sống. Một số công ty du lịch ở đây có tour đi vào rừng thăm bộ tộc này. Tôi bày tỏ mong muốn đi một mình, mọi người đều khăng khăng ngăn cản. Nhờ chẳng may có thợ săn đầu người nào ngứa nghề, thấy tôi lại tặc lưỡi: “A, mình chưa có cái đầu Việt Nam nào” thì tôi chết.

Nói chuyện với bố mẹ Abbie một hồi, tôi nhận ra vấn đề của Abbie chẳng khác gì vấn đề của hầu hết bạn bè đồng trang lứa với tôi. Bố mẹ Abbie không phải là nghiêm khắc, mà họ chỉ yêu thương và lo lắng cho Abbie nhiều hơn mức mà Abbie muốn. Ban đầu, mẹ Abbie khăng khăng phản đối ý tưởng cho Abbie vào thành phố, nhưng sau khi tôi thuyết phục cả một đêm (cộng những thay đổi tích cực trong thái độ của Abbie), sáng hôm sau mẹ Abbie cũng đồng ý cho cô vào thành phố ở một tuần, thậm chí còn cho cô tiền tiêu vặt. Bố mẹ Abbie cũng mời tôi đến đón Gawai cùng gia đình cô.

Khi ở Kuching, phần lớn thời gian tôi đi chơi cùng Abbie và bạn bè cô. Tuy quãng thời gian ngắn ngủi, chúng tôi chia sẻ cùng nhau không ít chuyện vui buồn và đến giờ vẫn còn khá thân thiết. Tôi ở lại nhà Spiff, cũng một phần vì Abbie muốn tôi “do thám” cậu.

7. Spiff

Có lẽ sẽ là không công bằng nếu tôi không dành đất để nói nhiều hơn về Spiff, người đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong thời gian tôi ở Kuching, người tôi đã gây cho không ít phiền toái và cũng là người đã gây cho tôi không ít ngại ngùng. Nhưng hơn hết, chúng tôi trở thành bạn tốt mà tôi vẫn hy vọng sẽ có ngày tôi đến Nigeria thăm cậu ấy.

Tôi ấn tượng với Spiff không chỉ bởi Spiff là người da đen đầu tiên tôi kết bạn, mà còn bởi vì cậu vô cùng thông minh và tốt bụng. Không phải là người bản địa nhưng cậu đã chứng tỏ được khả năng lãnh đạo của mình và trở thành Chủ tịch của Liên hội sinh viên khối sáu trường đại học ở Kuching. Spiff cũng có mức sống cao hơn so với một du học sinh bình thường: ở một ngôi nhà khá sang, đi xe ô tô riêng và dùng toàn hàng hiệu. Trong phòng cậu có tới hai mươi đôi giày Nike Air.

“Ấy nghĩ người Nigeria đi du học là bình thường hả? Không phải khoe đâu, nhưng bố tớ là chính trị gia”. Một lần hai đứa huyền thuyên, Spiff cao hứng chia sẻ.

Spiff rất tốt với tôi. Tôi muốn đi đâu Spiff đều đưa tôi đi, rồi đón về. Có lần tôi chẳng may khóa cửa mà quên không mang theo chìa khóa. Lúc đấy Spiff đang ở chỗ làm. Tôi không dám gọi cho Spiff vì không muốn làm phiền cậu, nhưng mấy cậu bạn cùng nhà lại gọi cho Spiff. Cậu về ngay lập tức, trèo lên mái nhà tìm cách mở cửa. Không những không cáu với tôi, cậu còn luôn miệng an ủi: “Đừng sợ, đừng sợ, tớ sẽ mở được cửa để ấy vào nhà”.

Như một lẽ đương nhiên, tôi có cảm tình với Spiff. Nhưng lúc bấy giờ, Spiff đã có bạn gái, một cô gái da trắng gốc Ma-rốc tên là Houda. Houda hơn chúng tôi tới mười tuổi. Chị là một phụ nữ mạnh mẽ và bạo miệng. Ở tuổi ba mươi, chị đã đến hơn một trăm nước, từng sinh sống và làm việc ở không dưới năm quốc gia và nói thạo năm thứ tiếng. Một tối Spiff dẫn tôi đi ăn tối cùng Houda. Spiff đề nghị trả tiền cho tôi, nhưng không đề nghị trả cho Houda. Khó xử, tôi quay sang cầu cứu Hou

“Này, bảo bạn trai của chị đi, đừng đòi trả tiền cho em chứ”.

Houda nhún vai:

“Cậu ấy muốn, sao chị cấm được”.

Tôi cảm giác có cái gì đó không bình thường trong mối quan hệ của hai người này, nhưng không hỏi.

Tôi đã ở nhà Spiff năm ngày. Chúng tôi dùng riêng chăn. Spiff không bao giờ động chạm hay có hành động sàm sỡ gì. Tôi hết sức tôn trọng Spiff vì điều đó. Nhưng đến đêm thứ năm, khi tôi đang đọc tin trên mạng, Spiff bắt chuyện:

“Chip này, ấy biết là ấy rất dễ thương không?”.

“Ừ?”. Tôi ậm ừ bừa vì đang mải đọc.

“Ấy thông minh và hài hước. Tớ thích con gái mạnh mẽ như ấy”.

“Hả? Ấy nói thế là có ý gì?”. Tôi giật mình.

“Chẳng có ý gì cả. Tớ chỉ muốn nói là tớ thích ấy”.

“Ấy không yêu bạn gái mình à?”.

“Có chứ. Tớ yêu Houda lắm. Nhưng tớ cũng thích ấy nữa”.

“Ừ, tớ cảm ơn”. Tôi muốn kết thúc cuộc hội thoại này càng sớm càng tốt.

“Với tớ, thể xác và tình cảm là hai thứ hoàn toàn khác nhau. Tớ yêu Houda, nhưng tớ có thể thích người khác cùng lúc”, Spiff không bỏ cuộc.

“Ý ấy là ấy đã cấm sùng Houda nhiều lần?”.

“Tớ không cho đấy là “cấm sùng”. Tớ và Houda đã giao hẹn hai người có quyền làm những gì mình thích”.

“Ấy đã ngủ với bao nhiêu cô gái rồi?”.

“Tớ không đếm”. Spiff ngập ngừng.

“Hay là không đếm được?”. Spiff cười ngượng nghịu. Tôi biết câu trả lời là “Rất nhiều”.

“Spiff này, ấy có cảm tình với tớ, tớ hết sức trân trọng. Nhưng tớ suy nghĩ khác ấy. Tớ không chấp nhận chuyện yêu một người và ngủ với người khác cùng lúc. Tớ không đánh giá ấy, ấy làm những gì mình thích, nhưng đừng lôi tớ vào. Coi như chưa có cuộc nói chuyện này, tớ và ấy vẫn là bạn bè”.

Tôi nói tỉnh bơ thế thôi chứ lòng hoang mang lắm.

Đây là lần đầu tiên tôi gặp phải trường hợp như thế này. Trong khi đó, Abbie cứ liên tục hỏi tôi về Spiff và bạn gái mới của cậu.

“Spiff lảng nhảng lắm đúng không?”.

“Tớ không biết”. Tôi không dám nhắc đến câu chuyện đêm hôm trước.

“Bạn gái mới của Spiff thế nào? Nghe nói già lắm

“Tớ không biết tuổi, nhưng không xinh bằng ấy”. Tôi quyết định phải chấm dứt tình trạng này càng sớm càng tốt. Tôi liên hệ với Barry Chong, một Couchsurfer khác ở Kuching. Ông đồng ý cho tôi ở và tôi chuyển đến nhà ông ngay ngày hôm đó.

8. Những cô gái bao ở Kuching

Barry Chong là một người đàn ông trung niên độc thân sống trong một căn hộ nhỏ xinh xắn ở Pandungan.

Đây là trung tâm thành phố, nhưng cũng được coi là khu đèn đỏ của Kuching. Căn hộ của ông có hai phòng trống. Một phòng ông cho một cô gái Philippines thuê, phòng kia ông để tôi ở.

Để bảo vệ danh tính người “hàng xóm”, tôi xin tạm gọi chị là Trắng. Mới gặp Trắng, tôi lờ mờ đoán ra công việc chị làm, phần vì đồ trang điểm rẻ tiền Trắng dùng, phần vì lịch làm việc khuya thất thường của Trắng và cũng phần vì con gái Philippines, cũng như con gái Việt Nam ở nước ngoài, vốn bị chụp mũ cho cái nghề này. Trắng năm nay hai mươi lăm tuổi, xinh xắn, nói chuyện có duyên và lúc nào cũng nở nụ cười tươi rói. Hôm ấy chẳng có việc gì làm nên khi Trắng rủ sang nhà bạn chị chơi, tôi đồng ý ngay.

Bạn của Trắng, tạm gọi là Đỏ và Xanh, sống trong một shop house (đây là kiểu nhà trọ rất phổ biến ở Kuching, tầng một là cửa hàng, tầng hai cho thuê để ở). Khi chúng tôi đến, Đỏ vẫn đang ngủ, Xanh mới ngủ dậy. Tôi mỉm cười với chị vài lần nhưng chị chẳng thèm cười đáp lại. Khi Trắng giới thiệu tôi, Xanh cũng chỉ “ừ hừ” rồi tiếp tục nói chuyện bằng tiếng Tagalog⁽⁷⁾. Vừa tủi thân vừa sợ, tôi tiu ngịu ngồi nghe Trắng và Xanh nói chuyện, cố gắng đoán xem họ nói gì. Khoảng nửa tiếng sau, Đỏ ngủ dậy và Trắng đưa cho chị đủ loại sản phẩm: kem làm trắng da, sữa tắm, thuốc giảm cân... Đỏ có thân hình hết sức đồ sộ. Chị tăng cân kể từ sau khi sinh đứa con thứ hai. Chị nhìn những viên thuốc giảm cân với nụ cười ng rở, rồi mở tủ lấy ra một bịch sô-cô-la ăn ngon lành.

Đỏ có vẻ thân thiện. Chị nhìn tôi lo lắng:

“Em đi du lịch một mình thế mà không sợ à?”.

“Không, sợ gì chứ. Mọi người hầu hết đều tốt mà”.

“Bao thế. Hồi mười chín tuổi mình làm gì nhỉ? Bị hiếp rồi mang thai chứ có làm được gì đâu”.

Tôi nghe mà choáng váng cả người. Sốc, bởi thông tin một phần, nhưng chủ yếu bởi vì cách chị nói về nó. Chị nói chuyện như thể bị hiếp rồi mang thai ở tuổi mười chín là chuyện thường ngày ở huyện vậy. Rồi cả ba cùng nhau ôn lại câu chuyện cuộc đời mình hết sức thư thả, không hề đau buồn hay oán trách. Xanh có con gái đầu lòng với bạn trai năm mười bảy tuổi, nhưng rồi anh ta bỏ chị để cưới một người con gái khác. Giờ chị đã có hai con, cả hai đều đang sống với bà ngoại ở Philippines. Còn Trắng khi học xong cấp ba, nhờ học hành giỏi giang lại con nhà khá giả, chị được gửi sang Singapore du học. Ở đây qua những buổi đi bar, chị quen và yêu một người đàn ông hơn chị mười ba tuổi. Trắng nhẹ dạ nên tin là ông ta đang làm giấy tờ ly dị vợ như ông ta nói. Bất chấp sự phản đối của cả đình, chị cưới ông ta mà không hề có giấy tờ đăng ký nào, để rồi bị ông bỏ rơi khi chị đã có thai tháng thứ ba. Gần đây chị nghe được tin người đàn ông đó cặp kè với một cô gái Philippines khác, rồi cũng bỏ cô ta sau khi đã có với cô ta ba đứa con. Tôi thương Trắng lắm. Sai một ly, đi một cuộc đời.

Tôi đánh liều hỏi về công việc của họ. Ban đầu, họ nói đang “kinh doanh cá nhân”. Nhưng sau khi nói chuyện một lúc, chắc họ nghĩ có thể tin được tôi, nên mới nói thật chuyện họ làm việc ở câu lạc bộ đêm, bar, nhà hàng... Đỏ nấu ăn và mời tôi ăn cùng. Sau bữa trưa, Đỏ và Trắng vào phòng nói chuyện riêng, để tôi lại một mình với Xanh phần lớn thời gian. Vận dụng đủ mọi kế sách: hỏi chuyện về hình xăm của chị, khen chị xinh, rồi kể chuyện gặp ma... cuối cùng tôi cũng khiến Xanh cởi mở hơn. Xanh cho biết chị đã mười một tháng mà không có giấy phép làm việc. Hàng tháng chị phải rút lót để có thể gia hạn Visa du lịch. Mỗi lần như thế tốn khoảng 200RM – 400RM (\$60 – \$120).

“Trước đây chị làm ở một hộp đêm, nhưng rồi bạn trai chị không cho chị làm nữa”.

Xanh gặp bạn trai khi đang “làm việc” và họ yêu nhau. Bạn trai chị năm nay bốn mươi lăm tuổi, hơn chị hơn hai mươi tuổi, ông ta là cảnh sát, đã có vợ và hai con.

Mắt Xanh sáng bừng lên khi kể chuyện bạn trai chị yêu chị thế nào. Những khi hai người cãi nhau, chị chỉ cần dọa sẽ bỏ về Philippines là ông ta xuống nước liền.

“Chị chưa về lại Philippines trong năm nay đâu. Chị chỉ dọa bạn trai chị để anh van xin chị ở lại thôi. Bạn trai chị hay ghen lắm, chẳng muốn cho chị đi chơi với bất kỳ người con trai nào khác. Nhưng chị vẫn đi chơi cho vui, chứ chẳng phải chị muốn ngủ với ai. Thỉnh thoảng chị đi nhảy với con trai, bạn trai chị gọi chị chẳng thèm nhắc máy. Thế là bạn trai chị phát điên lên. Vui lắm (!!!?)”.

Tôi hỏi vợ bạn trai chị biết chuyện của họ không. Xanh bảo bà vợ phát hiện ra khi kiểm tra điện thoại chồng. Bà gọi cho chị, rất lịch sự, yêu cầu chị rời bỏ chồng bà. Nhưng Xanh bảo với bà là chị không biết rằng ông đã có vợ, chị chỉ yêu một cách mù quáng thôi. Xanh tâm sự với tôi nếu biết trước ông đã có vợ, chị cũng chẳng thèm dây dưa làm gì. Khi biết, chị muốn bỏ về Philippines nhưng bạn trai không cho. Tôi bảo, về Philippines hay không là quyền của chị, bạn trai có quyền gì, Xanh không trả lời.

Có rất nhiều cô gái như thế ở Kuching, hầu hết họ đều đến từ Philippines. Họ đến và ở lại Malaysia bất hợp pháp. Thỉnh thoảng họ bị cảnh sát chặn đường, yêu cầu cho xem giấy tờ. Nếu cảnh sát phát hiện ra, họ sẽ bị bắt trước khi gửi trả về Philippines. Ấy là trong trường hợp họ có tiền trả cho vé máy bay. Nếu không có tiền, họ sẽ phải ngồi tù cho đến khi có người mua vé cho về thì thôi.

Tôi hỏi Xanh:

“Chị có bao giờ nghĩ đến chuyện lập gia đình không?”.

“Có chứ, một ngày nào đó chị sẽ lấy người đàn ông mà chị yêu”.

“Nếu như bạn trai chị cặp bồ thì sao?”.

“Chị sẽ bắn chết ngay, bắn chết cả hai”.

Xanh trả lời đầy đắc thắng. Thật may, vợ bạn trai chị không có cùng suy nghĩ như thế.

9. Cứu núi Chiếc Răng của Kuching

Hồi còn tập đầm bốc ở Kuala Lumpur, tôi có chơi thân với một chị cùng tập. Khi tôi đến Kuching, chị giới thiệu cho tôi gặp bạn của chị, một nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp, Jong Saw Kang. Tôi nhanh chóng kết bạn với cả Jong và bạn gái của anh, Hui Hui. Jong và Hui Hui đưa tôi đi thăm quan rất nhiều nơi ở Kuching cũng như Sarawak. Có một chuyện tình cờ thế này. Một năm sau khi tôi rời khỏi Kuching, một người bạn từ Mỹ của tôi sang Kuching làm tình nguyện viên, thế nào rồi lại cũng quen Hui Hui. Khi bạn tôi add Hui Hui trên Facebook, thấy ngay tôi là bạn chung. Thế giới thật là nhỏ bé.

Jong không những dắt tôi đi chơi rất nhiều nơi, mà còn dạy cho tôi những kỹ thuật chụp ảnh cơ bản. Biết tôi thích chơi thể thao, Jong rủ tôi leo núi (rock-climbing) với nhóm leo núi của anh. Anh úp úp mở mở là lần leo núi này có ý nghĩa đặc biệt.

Điểm leo là một vách núi nằm trong rừng, cách Kuching khoảng một giờ lái xe. Vách núi này có hình dáng rất đặc biệt, thẳng đứng và nhọn ở phía trên, trông như một chiếc răng khôn vậy. Có lẽ vì thế mà vách núi này có tên là núi Chiếc Răng. Nhóm leo núi của Jong có khoảng hai mươi người, chủ yếu là người nước ngoài đang sinh sống, làm việc hay tình nguyện ở Kuching. Trưởng nhóm là Malcolm, nghe đồn là tay leo núi kỳ cựu bậc nhất đất Sarawak này. Ông tầm khoảng bốn, năm mươi tuổi, nước da cháy nắng đen sạm, khung người cứng cáp đúng kiểu dân thể thao, tác phong quân nhân.

“Chip, leo núi bao giờ chưa?”

“Chưa ạ”.

“Muốn leo thử không?”.

“Có ạ”.

Malcolm hướng dẫn tôi thắt dây bảo hộ và để con trai ông đứng dưới giữ dây bảo hộ cho tôi. Không có giày leo núi chuyên nghiệp, tôi leo bằng giày thể thao thường.

“Đi giày trơn, dễ trượt. Nhưng có dây bảo hiểm, không lo đâu”. Malcolm động viên.

Ban đầu, tôi leo rất nhanh. Nhưng nhanh thì ầu. Một phút bất cẩn, tôi trượt chân. Phản ứng tự nhiên của dân ngoại đạo, tôi bám tay vào dây bảo hộ. Dây cửa lòng bàn tay tôi chảy máu. Mọi người ở dưới lo cuồng lên. Malcolm hét vọng lên:

“Chip, xuống ngay”.

Nhưng lúc đó tôi đã gần lên tới đỉnh, không muốn xuống. Tôi tiếp tục leo tiếp. Malcolm hết sức tức giận. Lúc tôi xuống đến nơi, ông nạt:

“Lần sau mà còn ngoan cố như thế sẽ không cho leo nữa”.

Jong bào chữa cho tôi:

“Nhưng Chip leo giỏi đấy chứ”.

“Ừ, con bé leo tốt, cho tham gia nhóm được”.

Tôi nghe mà mở cờ trong bụng. Tuy mới leo núi lần đầu, nhưng tôi đã thấy thích môn thể thao này. Leo núi không nguy hiểm như mọi người vẫn tưởng, bởi đây là một môn thể thao tinh thần nhiều hơn là sức mạnh thể chất. Trong thời gian ở Kuching, mỗi lần nhóm đi leo núi, tôi đều đi cùng. Và sau này, khi đến các quốc gia khác, tôi cũng luôn tìm cách tham gia các nhóm leo núi tại địa phương. Leo núi không chỉ trở thành một công cụ giúp tôi kết bạn nhanh chóng, mà còn giúp tôi khám phá những địa danh tuyệt đẹp mà ít khách du lịch đặt chân tới được.

Chúng tôi ở đây khoảng hơn một tiếng thì có nhóm phóng viên đến. Lúc đấy tôi mới biết ý nghĩa đặc biệt của chuyến leo núi lần này. Đây là nỗ lực cuối cùng để bảo vệ núi Chiếc Răng. Bởi vì việc khai thác đá xây dựng đã khiến không ít ngọn núi quanh khu vực này biến mất, núi Chiếc Răng là một trong những ngọn núi hiếm hoi còn sót lại. To tát hơn một chút, mọi người hy vọng lần leo núi này sẽ

lôi kéo được sự chú ý của dư luận với việc bảo vệ môi trường. Nhưng những nỗ lực này cũng chẳng đi đến đâu. Một tháng sau, Jong cho tôi hay không còn dấu vết gì còn núi Chiềc Răng nữa. Cái duy nhất tôi còn giữ là bản scan bài báo này trên báo Star, một trong những tờ báo lớn của Malaysia. Bài báo có hình và câu hỏi phỏng vấn tôi nữa. Sau này, tôi sẽ cho con cái tôi xem nó, mặt buồn bã mà nói rằng: Mẹ là một trong những người cuối cùng leo núi Chiềc Răng.

10. Lần đầu ăn sâu và ông lão “dê cụ”

Trước khi mọi người đọc tiếp phần này, tôi phải khẳng định rằng Kuching có rất rất nhiều cảnh đẹp, nhiều đến mức tôi phải viết riêng một phần để nói về những nơi ấy chứ ở đây không đủ đất. Ấy vậy mà khi tôi hỏi bạn bè tôi đến Kuching thì nên xem gì, ai cũng trả lời: “Làng văn hóa”, “Làng văn hóa”. Thế là tôi quyết định phải đến đây thăm quan một lần cho biết. Nhưng mà vé vào cửa đắt quá, những 60RM (~18\$) nên tôi chần chừ mãi chưa đi. Cho đến một hôm, Barry Chong cho tôi biết về Word Harvest Festival (đại loại là lễ Gawai nhưng do Nhà nước tổ chức) ở Làng văn hóa vào ngày 29 và 30 tháng 5. Vé vào cửa là 25RM vừa cho phép bạn tham gia lễ hội, vừa cho phép bạn tham quan Làng văn hóa. Tôi lấy vé mà hí hửng, mình thông minh quá đi mà (^-^).

Nhưng rồi cái sự hả hê của tôi qua đi nhanh chóng ngay khi tôi bước qua cánh cổng làng. 25RM cho cái làng này còn là đắt! Cả làng chỉ có bảy ngôi nhà, đều là kiểu kiến trúc đặc trưng của Sarawak: nhà dài (longhouse) của người Iban, Bidayuh và Orang Ulu, nhà cao của người Melanau, rồi cả nhà trang trại của người Trung Quốc... Nói về nhà dài, nếu ở một làng người bản địa thực sự, nhà dài sẽ rất dài, đủ dài để chứa cả chục hộ gia đình. Nhà dài ở Làng văn hóa chỉ đủ cho một gia đình ở. Tôi nghĩ, đến bảo tàng Sarawak xem mô hình các ngôi nhà này còn thú vị hơn nhiều. Ở bảo tàng, thậm chí bạn có thể bước chân vào một ngôi nhà và đầu bạn sẽ chạm vào cái đầu lâu treo lưng lửng ở đó. Đó đều là đầu lâu thật, được thu thập từ không đâu khác chính từ nhà của những thợ săn đầu người nổi tiếng của bang Sarawak. Ở bảo tàng còn có một cột gỗ cao, to một vòng tay người lớn ôm không xuể với những hình chạm khắc rất kỳ dị. Trên đỉnh cột đấy là quan tài. Chỉ những tộc trưởng hay người lập công lớn mới được mai táng như thế.

Điểm hấp dẫn duy nhất của Làng văn hóa là màn trình diễn các điệu nhảy truyền thống của Sarawak từ một rưỡi sáng đến bốn rưỡi chiều. Nhưng vì tôi đã xem màn trình diễn đó không ít lần ở nhà hát nên cũng không hứng thú lắm. Tôi lân la hỏi chuyện một cậu bạn đang sống cùng gia đình trong một ngôi nhà dài ở đây. Cậu bằng tuổi tôi, đang học đại học ở Kuching. Cậu cho biết gia đình cậu được trả tiền để sinh sống trong ngôi nhà đó. Thảo nào vé vào đây đắt thế.

Trời mưa, tôi chạy vào trú mưa trong một ngôi nhà. Ông cụ quản lý nhà có đôi tai to ơ là to. Ông rất nhiệt tình chỉ dẫn cho tôi cái này cái kia. Nghĩ là ông thân thiện, tôi xin chụp ảnh cùng ông. Ông ta ôm tôi rất chặt. Tôi gạt tay ông ra, nhưng ông cứ sấn lại. Ông ghé sát vào tai tôi thì thầm: “Kiss me”. Và khi tôi còn chưa kịp định thần, ông ta cho tay lên ngực tôi. Lúc đấy trời tạnh mưa, mọi người bắt đầu đổ xô vào nhà. Không biết là tôi quá sốc nên không kịp phản ứng, hay là vì tôi không muốn gây cho một kẻ đã già như lão ta rắc rối, tôi chỉ lẳng lặng đi ra. Đáng nhẽ tôi phải vả vào mặt ông ta rồi.

Ấm ức, tôi tìm cái gì ăn cho bổ tức. Tôi tìm đến “Lễ hội Ấm thực” tại nhà dài của người Iban. Gọi là lễ hội cho oai chứ thực ra nó chỉ là một cái bàn dài chứa đầy đồ ăn. Tôi để ý ngay một cái đĩa đầy những sâu rán. Nhìn thấy cái mặt ghê tởm ra của tôi, bác chủ quán biết ngay tôi là du khách. Bác giải thích với tôi đây là món ăn truyền thống của người Iban. Bác cho hay con này ăn sống được, sau đó bê ra cho tôi một xô đầy sâu. Bác giục: “Ăn thử đi”. Nhìn những con sâu to cỡ ngón tay cái, trắng nõn nà, béo múp míp, quần quai trong đồng đất tơi trộn xơ dừa, chưa cần cho vào miệng tôi đã thấy nhầy nhụa trong cuống họng. Tôi cố nuốt trôi miếng nước bọt, ấp úng: “Thôi bác rán cho cháu”.

Trước hết, tôi phải chọn cho mình con con sâu trông có vẻ “ngon lành” nhất. Người Iban thực sự chắc sẽ chọn con to béo nhất, tôi chọn cho mình con nhỏ bé gầy gò nhất. Bác chủ quán sau đó lấy một que dài, lạnh lùng xiên thẳng từ đầu tới đuôi, hay từ đuôi tới đầu gì đó của chú sâu tội nghiệp. Sau đó bác đưa nó lên bếp lửa, nướng cho đến khi lớp da bên ngoài ngả màu vàng đen. Chắc mùi phải thơm lắm, nhưng lúc ấy tôi đang trong tâm trạng thần kinh bất ổn định nên cũng chẳng để ý xem mùi nó như thế nào.

Một nhóm thanh niên mặc đồng phục xanh, chắc đi theo chương trình của một trường nam sinh nào đây, lúc đó cũng có mặt. Họ thấy sâu cũng sán vào, nhưng không đồng chí nào dám thử. Biết tôi quyết định ăn, đám ấy có vẻ thích thú lắm, người này gọi người kia, nhaoáng cái đã hơn trăm người vây xung quanh. Tôi nhắm mắt nhắm mũi đưa con sâu vào miệng, cố gắng nhai nhanh một cái rồi nuốt. Tiếng hò hét cổ vũ vang dội. Máy ảnh chớp lia lịa. Trong phút chốc, tôi trở thành ngôi sao của màn biểu diễn đắt khách nhất ngày hôm đó tại Làng văn hóa.

11. Gawai và t

Gawai bắt đầu từ đêm ngày 31 tháng 5, nhưng mọi thứ đã được chuẩn bị từ sáng ngày hôm đó. Tôi đến từ sáng sớm để không bỏ lỡ một nghi lễ nào. Chị gái Abbie đang ở Kuala Lumpur đưa bạn trai về thăm nhà. Đây là dịp cả gia đình quây quần, không ai được phép vắng mặt. Mọi người rục rịch, tự nhiên tôi thấy nhớ không khí Tết ở nhà thế.

Cả ngày hôm đó, tôi và Abbie có nhiệm vụ dọn dẹp nhà cửa, trong khi mọi người nấu nướng. Đồ ăn nhiều, cơ man nào là thịt hầm, nào là cá hấp, rồi súp, rồi rau. Mẹ Abbie dùng những nồi chuyên dụng dành riêng cho dịp lễ tết như thế này, mỗi nồi phải to như nồi nấu cơm của ông bà tôi ở quê. Mẹ Abbie bảo đồ ăn này không chỉ dành cho người trong nhà, mà dành cho cả khách đến nhà trong ngày mai nữa. Bác cũng mua hàng chục gói bánh kẹo các loại. Cả buổi tối chúng tôi ngồi xếp bánh kẹo vào những cái hộp nhỏ nhỏ xinh xinh như những hộp mứt mình vẫn dùng trong dịp tết Nguyên đán. Hễ bác gái quay mặt đi là tôi với Abbie lại tranh thủ ăn vụng, vừa ăn vừa chọc cùi chỏ vào nhau cười khúc khích. Bác quay sang nhìn, đưa nào đưa nấy mặt lại tỉnh bơ. Ngày mai, những hộp kẹo này sẽ được đặt trên bàn trà mời khách. Mục tiêu chính của Gawai là ăn, ăn và ăn. Lễ hội thu hoạch, không ai được phép đói.

Hôm sau đây, chúng tôi bỏ ăn sáng ở nhà. “Hôm nay đến nhà nào cũng phải ăn. Giờ ăn lát không chịu được đâu”, Abbie bảo. Gawai là dịp hỏi thăm họ hàng, làng xóm. Điểm dừng chân đầu tiên là nhà ông bà nội của Abbie. Trong sân nhà dựng đầy xe máy. Trong nhà đặt một cái bàn dài với đủ loại đồ ăn như tiệc buffet. Gawai dạo gần đây đã trở nên khá Tây, rất nhiều món ăn đã bị Tây hóa. Tất cả anh em họ hàng Abbie đều đến đây. Mấy chị em gái thấy tôi cứ nhăm nháy nhau cười. Bà Abbie quý tôi lắm, cứ ép tôi ăn, còn lấy chai rượu mời tôi uống. Đây là rượu tauk, rượu truyền thống của người Iban. Tôi nghe danh rượu này đã nhiều, nhưng không uống rượu nên chưa thử. Nhưng hôm nay từ chối cũng không được, tôi uống liền một hơi. Rượu chất xè. Người tôi cảm thấy lâng lâng. Đến lúc ấy, tôi đã hoàn toàn tin rằng mình đang ăn Tết và cứ đinh ninh thế nào cũng có màn mừng tuổi. Đợi mãi chẳng thấy ai lì xì cho tôi, buồn thế.

Cả buổi sáng hôm đó chúng tôi lái xe đi thăm hỏi cô di chú bác của Abbie. Đồ ăn thì ngon, nhưng vì quá nên tôi cũng không có ấn tượng đặc biệt với món nào. Ngoại trừ món gà hầm ống tre. Đây là đặc sản của Sarawak. Gà chặt nhỏ, tẩm với mười sáu loại dược thảo tìm được trong núi rừng Sarawak, cho vào ống tre, bỏ lên bếp củi, hấp cho đến khi chín thì thôi. Thịt gà mềm, ngọt, tẩm thảo dược thơm dễ chịu. Mấy hôm trước tôi ăn thử ở nhà hàng rồi, nhưng hôm nay ăn của nhà nấu thấy hương vị đậm đà hơn rất nhiều.

Mọi chuyện đáng lẽ ra là hoàn hảo, nếu như Abbie không “dở chứng” muốn đi chơi. Buổi tối, Abbie xin phép mẹ đi họp lớp, bác gái đồng ý. Ra khỏi nhà, chúng tôi đi bộ một đoạn thì gặp xe hai cậu bạn Abbie đến đón. Hai anh chàng này người Nigeria. Abbie nhăm nháy tôi:

“Giờ tớ sẽ dẫn ấy đi club vui nhất ở đây”.

“Hả? Không phải bọn mình đi họp lớp à?”.

“Không, đi họp lớp chán chết. Nhưng phải nói là đi họp lớp mẹ mới cho đi chứ”.

Tôi linh cảm có chuyện chẳng lành, nhưng trước mặt bạn Abbie không muốn gây chuyện. Thôi thì nhăm mắt làm liêu. Chúng tôi lái xe đến một câu lạc bộ trong tận thành phố. Hai anh chàng này có cách nói chuyện rất màu mè, tôi không thích. Một trong hai người có vẻ đặc biệt quan tâm đến tôi. Khi tôi hỏi sau này cậu muốn làm gì, cậu ta bảo muốn kiếm thật nhiều tiền để con trai không thiếu thốn gì. Tôi hơi giật mình. Cậu ta mới bằng tuổi tôi mà vợ con đèo huê rồi à? Cậu giải thích là có con với bạn gái ở đây, nhưng bỏ bạn gái rồi. Con trai đưa về Nigeria cho ông bà nội nuôi. Cậu ta hỏi tôi có bạn trai chưa, thích con trai thế nào. Nói chuyện một lúc, lộ rõ ý định tán tỉnh tôi. Tôi thấy khó xử nên đánh

trông lảng. Tôi ghé sát tai Abbie hỏi nhỏ cô bạn:

“Abbie thích chơi với bạn thế này à?”.

“Không. Nhưng họ có xe cho mình đi nhờ

Tôi sợ có chuyện không hay nên không uống bia rượu mà chỉ kêu nước ngọt. Tôi ngần không cho Abbie uống:

“Áy mà say thì tội mình gặp rắc rối to đấy”.

Nhưng Abbie cười bảo không sao đâu, rồi lại tiếp tục uống. Đến nửa đêm thì cô say, nôn thốc nôn tháo. Giờ tôi biết làm sao? Nếu về nhà thì chắc chắn bố mẹ Abbie sẽ biết chúng tôi trốn đi chơi, không chỉ trốn đi chơi mà còn uống say đến mức túy lúy. Hai người bạn Abbie đề nghị chúng tôi đến tá túc chỗ họ, nhưng tôi không tin hai anh chàng này. Tôi gọi điện hỏi Barry xin phép cho Abbie ngủ cùng. Thật may mắn, ông đồng ý. Abbie cũng nhắn tin xin mẹ cho ngủ lại nhà bạn.

Sáng hôm sau, khi Abbie đã tỉnh táo lại, chúng tôi đi xe buýt về nhà cô. Mẹ Abbie đứng chờ sẵn ở cửa:

“Tối qua mấy đứa đi đâu?”

Ồi biết ngay mà. Mặt Abbie cũng tái mét. Cô định nói gì đó, nhưng tôi biết nói dối cũng chẳng ích gì nên ấp úng:

“Dạ, chúng cháu đi nhảy”.

Rồi tôi kể lại đầu đuôi câu chuyện. Mẹ Abbie thở dài:

“Chip à, bác rất thất vọng về cháu. Bác không muốn nhìn thấy cháu ở đây nữa”.

Abbie nhìn tôi nước mắt ngấn dài, ra hiệu xin lỗi nhưng tôi tảng lờ. Tôi về lại nhà Barry mà lòng nặng trĩu. Tôi vừa thương vừa giận Abbie. Trách cô thì ít mà trách bản thân mình thì nhiều. Giá như tôi cương quyết hơn ngăn cản cô bạn từ ban đầu thì mọi chuyện đã không đến nông nổi này. Ít nhất, tôi đã có thể cứu vãn được mối quan hệ của tôi với gia đình Abbie – những người mà tôi hết sức yêu quý. Vé máy bay tôi đi Kota Kinabalu là vào đêm hôm sau. Ngày cuối cùng ở đây, tôi tranh thủ gặp gỡ hết những người bạn của mình. Tôi đi ăn cùng mọi người mà lúc nào cũng nghĩ đến Abbie. Tôi rất muốn biết cô ấy hiện nay thế nào, liệu có bị mẹ phạt nặng lắm không. Nhưng tôi vẫn còn giận cô lắm. Tôi mở số điện thoại của cô mấy lần, nhưng rồi lại thôi không gọi.

Trên đường ra sân bay, tôi quyết định là sẽ gọi cho Abbie, ít nhất là để nói lời chào tạm biệt. Đúng lúc đấy thì tôi nhận được điện thoại của cô:

“Chip đang ở đâu đấy?”.

“Sân bay”.

“Khoảng bao lâu nữa thì bay?”

“Khoảng tiếng rưỡi nữa”.

“Thế gặp ấy ở sân bay nhé”.

Gần một tiếng sau, Abbie xuất hiện cùng với bố mẹ cô và cả bà của cô nữa. Tôi ngạc nhiên không hiểu chuyện gì đang diễn ra. Mẹ Abbie bảo:

“Bác xin lỗi đã nặng lời với cháu. Bác biết mọi chuyện không phải lỗi của cháu. Ít nhất thì cháu cũng đã thật thà kể lại mọi chuyện. Abbie đại đột lắm, nhưng hy vọng lần này con bé được một bài học”.

Không có gì có thể diễn tả được niềm vui của tôi lúc đó. Tôi ôm hôn mọi người chia tay. Mọi người bắt tôi hứa, khi nào kết thúc chuyến đi sẽ về lại Kuching thăm cả nhà.

12. Đi du thuyền vòng quanh thế giới, tại sao không?

Thơ mộng thì có lẽ không thơ mộng như Bali của Indonesia, nhưng Kota Kinabalu⁽⁸⁾ nổi tiếng trong thế giới thợ lặn như một trong những điểm lặn đẹp và rẻ nhất thế giới. Do không biết lặn, tôi không có mấy hứng thú với những rặng san hô đẹp tuyệt vời như người ta mô tả. Nhưng vốn tính tham ăn, khi nghe đến hàng trăm quầy bán hải sản nối tiếp nhau ngay ven biển tạo thành một khu chợ hải sản có một không hai, tôi quyết định đến Kota Kinabalu một chuyến ăn cho đã.

Từ Kuching đến Kota Kinabalu chỉ khoảng một ngày đi xe bus, nhưng vì lúc đó tôi nhận được khá nhiều tin vui (tin vui gì thì những phần sau tôi sẽ kể), tôi tự thưởng cho mình một chuyến bay thẳng đến đây. Tôi đáp xuống sân bay lúc nửa đêm, chủ nhà CouchSurfing (tên là Jaco) tốt bụng ra tận sân bay đón.

Cảm nhận đầu tiên của tôi về Kota Kinabalu là thành phố này đặc trưng quá: một thành phố cảng đặc trưng và một thành phố du lịch đặc trưng. Nhưng những cái đặc trưng này lại làm cho thành phố trở nên vô cùng đặc biệt. Một thành phố biển, bạn có thể nhìn, có thể ngửi, có thể nghe, thậm chí có thể ăn nữa. Hải sản cả sống và chín được bày bán ở khắp mọi nơi. Kota Kinabalu có quá nhiều khu chợ lớn cho một thành phố chỉ vỏn vẹn sáu mươi ngàn dân. Nhưng giá ở đây không rẻ tí nào, bởi hầu hết mọi thứ đều phục vụ du khách. Thành phố này làm tôi liên tưởng đến đường Kao San ở Bangkok. Chỉ cần tạt ngang một khách sạn rẻ tiền cho dân đi bụi, bạn có thể gặp rất nhiều người đi vòng quanh thế giới. Tôi có nói với một cô bạn ở đây là nếu sau này tôi phải ổn định chỗ ở, tôi sẽ muốn ở một thành phố như thế này: không quá lớn mà không quá nhỏ, đa dạng, cởi mở, thân thiện, lại có tất cả mọi thứ: có biển, có đảo, có cánh đồng lúa, có rừng, có núi, có cả trung tâm mua sắm.

Nhưng tôi nhớ về Kota Kinabalu, về những con người mà tôi gặp nhiều hơn là những gì mà tôi thấy.

Tôi quen Marsha qua CouchSurfing. Nhìn thấy tôi trong danh sách những người sử dụng CouchSurfing ở khu vực lân cận, chị gửi tin nhắn hẹn gặp mặt. Marsha tầm trên ba mươi, nước da rám nắng, dáng người hơi cứng, giọng nói ồm ồm như đàn ông nhưng tính tình thì cực kỳ dễ chịu. Quê gốc chị ở xứ sở cao bồi Texas và chị hiện đang ở Kota Kinabalu trên một chiếc du thuyền. Không, không phải du thuyền của chị, chị chỉ làm đầu bếp trên du thuyền đó. Chị không những được đi chu du khắp nơi cùng du thuyền, mà còn được trả lương cho công việc mình làm. Tôi nghe mà mắt tròn mắt dẹt. Đây quả thực là công việc trong mơ cho những ai muốn đi du lịch miễn phí. Tôi hỏi chị tìm việc như thế nào. Chị nói dễ lắm, chỉ cần lên google, gõ “working on a yacht” (làm việc trên du thuyền) là sẽ thấy hàng loạt trang web đăng tin cho công việc này. Nhưng để kiếm được việc, mình cần có chứng chỉ chứng nhận mình đủ tiêu chuẩn làm việc trên du thuyền. Marsha cho hay, có hai loại du thuyền mình có thể xin được việc: du thuyền cá nhân và du thuyền du lịch. Du thuyền cá nhân chủ yếu là du thuyền hạng nhỏ, thường chỉ bao gồm chủ thuyền và một vài người phục vụ. Du thuyền du lịch thì lớn hơn, đông vui hơn nhưng làm việc cũng oải hơn. Marsha đùa: “Cứ hình dung làm việc trên du thuyền cá nhân như là làm ô-sin, còn làm việc trên du thuyền như là làm phục vụ bàn ở nhà hàng khách sạn”. Du thuyền chị làm việc là một du thuyền cỡ nhỏ, giá “chỉ” nửa triệu đô la. Người trên thuyền bao gồm ông chủ và bạn gái, chị và bác lái tàu. Chị có phòng riêng trên thuyền, nhưng phòng nhỏ xíu, chỉ đặt được một cái giường và một cái bàn con. Thuyền dừng lại ở mỗi nước một vài tháng tùy cảm hứng của ông chủ. Ở trên thuyền rất buồn, nên xuống đất liền cái là chị lập tức tìm bạn ăn chơi.

Qua Marsha, tôi quen thêm một phụ nữ người Úc. Marsha biết bà bởi du thuyền của hai người đậu cùng một bến. Tôi phục người phụ nữ này vô cùng. Cách đây hai mươi năm, sau khi con cái đã vào đại học hết, bà và chồng bán nhà mua du thuyền để đi vòng quanh thế giới. Kể từ đó đến nay, du thuyền của bà đã đi tới trên dưới tám mươi nước. Mới năm ngoái, chồng bà qua đời. Bà tiếp tục rong ruổi

một mình. Người phụ nữ tuổi đã ngoài lục tuần này đúng là có thần kinh thép. Một mình một thuyền giữa biển trời mênh mông cả năm trời không phải ai cũng làm được. Bà kể, có khi mấy tuần liền bà không nói chuyện với ai, cũng không có liên lạc gì với thế giới bên ngoài. Những du thuyền hạng sang có sử dụng Internet kết nối qua vệ tinh, du thuyền bà nhỏ không đủ tiền trả cho dịch vụ này. Bà cho biết đang muốn tìm thuê một thanh niên trẻ khỏe phụ những việc nặng trên thuyền. Tôi cũng thích đi lắm, tiếc là tôi không đủ khỏe. Tôi tính, nếu chuyến đi của tôi không thuận lợi như mong đợi, chắc tôi sẽ sang Philipines đầu tư học lấy chứng chỉ này.

13. Kẹt trong bão

Marsha rất quảng giao. Ở Kota Kinabalu mới có một tuần mà cô đã kịp thân với không ít người. Qua cô giới thiệu, tôi quen và chơi thân với một nhóm thanh niên bản địa trong đó có Lester, Esther, Poppy. Thành phố biển có khác, ở Kota Kinabalu ai cũng là thợ lặn. Lester và Esther là thầy hướng dẫn lặn. Những người còn lại đều có chứng chỉ Drive Master⁽⁹⁾.

Nhóm bạn này rủ tôi đi nhảy đảo và snorkeling (bơi ống thở ngắm san hô), tôi đồng ý liền. Kota Kinabalu không chỉ tự bản thân nó là một thành phố biển đầy lãng mạn, mà còn hấp dẫn du khách với những hòn đảo xinh đẹp nằm rải rác xung quanh. Nhiều công ty tổ chức tour như thế, nhưng giá lên tới cả trăm đô.

Chúng tôi tự thuê thuyền, tự thuê đồ snorkel, tự mua vé thăm đảo, giá cho mỗi người chỉ 100RM (khoảng \$30).

Chúng tôi hẹn nhau lúc tám giờ sáng ở bến Jefferson – bến cảng giành riêng cho du lịch. Tôi rất thích đi dạo ở bến cảng này. Đường lát gạch rộng và sạch. Nước biển dập dềnh dưới chân. Những cột đèn cong và những trạm điện thoại màu đỏ tạo cho bến cảng một phong cách đậm chất Châu Âu. Hôm đây là chủ nhật, bến tàu có hội chợ: hàng thủ công và đồ ăn địa phương. Mỗi gian hàng là một chiếc lều trắng nhọn, xinh xinh giống những chiếc lều ở chợ đêm phố cổ Hà Nội, nhưng kích cỡ thì to như những chiếc lều của người Mông Cổ. Chúng tôi tranh thủ ăn uống no nê rồi lên đường.

Gần Kota Kinabalu có sáu hòn đảo. Chúng tôi ghé qua Pulau Gaya đầu tiên bởi hòn đảo này gần Kota Kinabalu nhất. Đây là hòn đảo lớn nhất và cũng là đông khách du lịch nhất. Trên đảo có khoảng tám ngàn dân sinh sống, ngoài ra còn có một số resort đắt tiền. Mọi thứ ở đây đều rất đắt, đắt gấp năm, sáu lần trong đất liền. Không thích những gì bị du lịch hóa, chúng tôi ở đây khoảng mười lăm phút rồi nhanh chóng chuyển đi hòn đảo khác.

Những hòn đảo còn lại hầu hết đều không có người sinh sống. Những hòn đảo này nghe tên cảm giác đọc giông giống nhau: Pulau Sapi, Pau Manukan, Pulau Supug, Pulau Mamutik và Pulau Sepanggar; nhìn qua cũng thấy giông giống nhau và đều rất đẹp. Không ai hiểu những hòn đảo này như Esther và Lester. Theo hướng dẫn của hai chuyên gia bơi lặn này, chúng tôi đi snorkeling ở những nơi theo đánh giá của họ là có rặng san hô đẹp nhất. Tôi hồi nhỏ suýt chết đuối nên giờ sợ nước, nhưng mọi người dụ dỗ tôi xuống. Trời ạ, lúc đấy tôi mới thấy tôi đã sống uổng phí mười chín năm cuộc đời như thế nào. Có cả một thế giới dưới mặt nước xanh kia mà tôi chưa bao giờ thấy. Những rặng san hô uốn mình mềm mại cùng dòng nước. Những chú cá đủ màu sắc bơi lội tung tăng. Đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy những chú dưa biển (sea cucumber) hết sức ngộ nghĩnh. Tôi tự thề với bản thân là phải học bơi bằng bất cứ giá nào.

Như người ta thường nói “Save the best for last”, điểm dừng chân cuối cùng của chúng tôi là một hòn đảo nhỏ xíu, hoang vu không một bóng người nhưng đẹp thì ôi chao là đẹp. Biển xanh, cát trắng, những hàng phi lao rì rào trong gió. Thông thường, có hòn đảo nào đẹp mà không chật kín khách du lịch. Nhưng hòn đảo này vắng tanh vắng ngắt. Bãi cát trắng trải dài không một dấu chân người. Tôi thắc mắc tại sao một hòn đảo đẹp như thế mà lại không có ai đến thăm, Poppy là ra vẻ bí hiểm: “Hòn đảo này bị đồn là có ma”. Rồi anh chỉ cho tôi mấy đồng đồ nát rải rác trong đảo. Lúc đấy tôi nghĩ anh đùa nên cười lớn.

Đảo hoang không có người nhưng rất nhiều khỉ. Lúc chúng tôi xuống tắm, một chú khỉ ở đâu mon men chạy đến ăn trộm đồ ăn. Sợ chú khỉ này bị bệnh dại, mấy người bạn tôi dọa anh chàng chạy té khỏi. Nghịch nước chán, trời vẫn còn sớm, chúng tôi tranh thủ đi dọn rác trên đảo. Nửa tiếng chúng tôi thu thập được năm bao rác to đùng, định mang về đất liền sẽ đổ. Chúng tôi đang chuẩn bị về thì tự nhiên gió bắt đầu thổi mạnh, sấm chớp đùng đùng, rồi trời mưa như trút nước. Bác lái thuyền sợ, kêu

chúng tôi chờ trời ngớt mưa rồi về lại đất liền. Nhưng đến tận tối mà trời vẫn mưa. Câu chuyện ma vu vơ Poppy kể lúc chiều giờ nghĩ lại ai nấy đều sởn tóc gáy. Nghĩ đến viễn cảnh một đêm trên hòn đảo ma ám với một bầu khí hoang, chúng tôi đánh liều ra về. Bão biển có khác. Sóng cao hơn đầu người. Con thuyền nhỏ xíu ngã nghiêng. Mưa, ướt và lạnh. Nước vào đầy thuyền. Vừa đi chúng tôi vừa phải lấy tay tát nước. Bác chủ thuyền vừa chia sẻ thuyền máy mới đi được thế này, thì tự nhiên thuyền chết máy. Cả hội mặt tái mét. Poppy hô hào hát bài hát gì đó tiếng Malay, dạng bài hát “Dzô hò” của mình. Tất cả mọi người tham gia. Tôi chẳng hiểu gì cũng hát theo. Tiếng hò hét vang dội. Khí thế như ra trận. mấy đồng chí nam thay nhau chèo thuyền. Bác chủ thuyền dùng hết kinh nghiệm mấy chục năm đi biển của mình để lèo lái. Một lúc sau tự nhiên động cơ hoạt động lại. Chúng tôi chạy một lờ.

Tôi vào đến bờ mà tim vẫn đập, chân vẫn run. Chúng tôi ôm nhau thăm thiết, ai nấy nước mũi tèm lem. Tự nhiên ai cũng có cảm giác như đã thân nhau từ lâu lắm rồi. Dù sao thì cũng suýt chết cùng nhau còn gì. Hoàn hồn, chúng tôi mới hỏi đến mấy bao rác. Gió to thế chắc là rác bị cuốn về lại với biển hết rồi. Thôi, thế là công toi một buổi làm việc tốt.

14. Quê hương là chùm khế ngọt

Sau Kota Kinabalu, tôi về lại Tây Malaysia, Singapore rồi về lại Việt Nam. Trong thời gian ở Việt Nam, tôi cũng có ghé thăm bạn bè ở Campuchia, Lào nhưng những chuyến đi đó với tôi là “i du lịch” chứ không phải là “Đi ba lô” nên cũng không có nhiều chuyện để kể. Tôi cũng hay phải đi về giữa Hà Nội và Hải Hậu để làm một số giấy tờ: làm hộ chiếu mới, xin visa. Khi ở Hà Nội, tôi năn nỉ ông anh cho tôi host CouchSurfer. Ông anh tôi đồng ý. Làm chủ nhà cũng không khó như tôi tưởng. Host một vài CouchSurfer giúp tôi hiểu thêm rất nhiều về CouchSurfing.

Tạm dừng chuyện ba lô qua một bên. Phần này cho tôi lan man về quê tôi một chút.

Chẳng hiểu sao mọi người thường đoán tôi ở Hà Nội. Dạ, tôi là gái quê chính hiệu đây ạ. Quê tôi ở Hải Hậu, Nam Định. Nhà cách biển chừng mười cây số. Tôi học ở quê hết cấp hai. Lên cấp ba, tôi thi đỗ vào chuyên Toán Khoa học tự nhiên nên lên Hà Nội học. Ở quê tôi, mọi người hay nói ngọng chữ “L” thành chữ “N”. Hồi mới vào lớp mười, có lần thầy giáo lịch sử gọi tên tôi lên bảng trả bài. Tôi nói “Lễ hội” thành “Nễ hội”. Thầy bắt tôi lặp lại cho đến khi nói được thành “Lễ hội” thì thôi. Cả lớp cười nghiêng ngả. Tôi ngượng lắm, từ đấy mới quyết tâm sửa tật nói ngọng. Nhờ vậy mà bây giờ tôi không còn nói ngọng nữa

Hồi học cấp ba, tôi hay thấy tủi thân vì tụi bạn dân thành phố, mình... nhà quê. Bọn nó có laptop, điện thoại xịn, tôi hồi đấy chẳng biết máy tính, Internet là gì. Ôm đau bọn nó có bố mẹ chăm sóc đến tận răng, tôi ôm đau toàn lủi thủi ở nhà một mình. Nhưng giờ nghĩ lại, tôi thấy mình là đứa may mắn nhất. Nhà ở thành phố to đẹp hiện đại, nhưng có nhà nào vườn rộng mênh mông như nhà tôi ở quê.

Mà tuổi thơ không có vườn quả thật là một thiệt thòi lớn.

Vườn nhà tôi rộng lắm, có đủ các loại cây ăn trái, mùa nào quả nấy: nào xoài, nào nhãn, nào bưởi, nào na, nào mít, nào chuối, nào đu đủ, nào hồng xiêm... Cây hồng xiêm nhà tôi rất to. Cành lá mọc thành từng tán. Tôi rất thích ăn hồng xiêm. Hồi nhỏ, hay trốn ngủ trưa, leo lên hái quả chín, rồi tìm một chỗ êm êm ngay trên cây nằm vắt vẻo. Thỉnh thoảng cũng ngủ quên mất. Khi tỉnh dậy, thấy có cái gì đó nhột nhột ở cổ. Đưa tay lên sợ chột chạm vào cái gì đó mềm mềm, lạnh lạnh. Biết là sâu, tôi hoảng hồn leo xuống, bụng bảo dạ không bao giờ trèo cây nữa. Nhưng rồi ngày mai thèm ăn, lại chứng nào tật nấy. Ông nội có khoảng năm mươi gốc na. Mùa đông, sáng sáng, tôi dậy sớm ra vườn giúp ông tìm quả chín, quả nứt, quả bị chim khoét. Ngày nào cũng phải được một rổ đầy. Tôi thích ăn quả bị chim khoét. Ông nội bảo giống chim rất khôn, nó biết quả nào ngon ngọt nhất. Ha, chim khôn chim chọn quả ngon, mình khôn mình giành quả chim chọn.

Lần ấy về chụp ảnh vườn nhà, gặp ai tôi cũng khoe. Khoe rồi mới thấy tội tụi trẻ con Tây thế. Những loại hoa quả mà mình có ở Việt Nam tụi Châu Âu, tụi Mỹ hầu hết đều chưa từng nhìn thấy. Tôi nhớ có lần một đứa Na Uy khi nhìn thấy ảnh cây chuối còn hỏi đây là cây gì. Sau này tôi gặp và chơi thân với Asher, một anh chàng Do Thái người Mỹ. Asher mới gặn cổ lên bảo tụi trẻ con châu Á tội nghiệp thì có. Khi tôi đến thăm gia đình Asher ở Israel, Asher dẫn tôi ra vườn nhà di của anh ta. Anh chàng vênh váo hỏi tôi biết đây là cây gì không, tôi ầm ục lắc đầu. Vườn nhà di Asher có dây tây, có ô-liu, có vả (quả vả ở Israel rất to và ngọt), có chà là, rồi có cả quả gọi là “Loquat” (tôi tra từ điển họ dịch ra tiếng Việt là quả Sơn trà Nhật Bản, nhưng tôi cũng chưa từng nghe cái tên này bao giờ). Quả “Loquat” nhỏ như quả vả, cả da và thịt đều màu vàng tươi như quả trứng gà. Khi ăn thì bóc vỏ, nhả hạt. Mỗi quả có vài hạt to và đen. Thế giới thật là kỳ diệu. Đi rồi mới thấy có nhiều thứ mình chưa biết thế. Cách các loại cây quả phân bố cũng thật kỳ diệu. Thiên nhiên phân chia là một chuyện, có những loại hoa quả theo những đoàn người di cư vượt hàng ngàn hải lý để trở thành đặc sản của một châu lục hoàn toàn xa lạ. Tôi đi thế này thêm mít tưởng chết. Ở Trung Đông, Bắc Phi không ai biết quả mít là gì, sang đến Tanzania tự nhiên ở đường nào cũng có người chất đồng mít rao bán. Ở Israel, dừa là một

cây bị cấm, cả đất nước không bao giờ tìm được nước dừa tươi. Ở Nairobi, thủ đô Kenya, dừa là thứ vô cùng hiếm hoi, nhưng ở vùng ven biển, dừa lại là một đặc sản địa phương.

Tôi quyết định rồi, sau này lấy chồng không ở nhà chung cư đâu. Kiểu gì cũng phải kiếm được cái nhà có vườn, không thì tội cho con mình lắm.

15. Đổi tiền ở Myanmar

Tôi ở Thái Lan hai tuần, sau đó bay từ Bangkok qua Yangon⁽¹⁰⁾. Tôi muốn đi đường bộ qua Myanmar, nhưng tất cả các đường bộ vào Myanmar đều bị đóng do những bất ổn về chính trị.

Lúc ngồi trên máy bay, tôi rất lo, không biết Hải quan có cho mình nhập cảnh không. Myanmar là nước duy nhất ở Đông Nam Á yêu cầu visa dành cho người Việt. Tuy nhiên, chính sách visa của nước này thay đổi liên tục tùy theo những biến động trong nước. Tôi có đọc trên mạng rằng để xin visa ở sân bay, mình cần vé máy bay khứ hồi, đặt phòng khách sạn, hai bức ảnh hộ chiếu, ít nhất 300 USD mang theo người. Tôi lúc ấy trong người cũng có 300 USD, có vé máy bay ra khỏi Myanmar nhưng không có đặt phòng khách sạn. Ng địa phương bị cấm cho khách nước ngoài ở, nên tôi không thể mang CouchSurfing ra làm chỗ ở được. Cô bạn Kay Thi người Myanmar tôi gặp trong một khóa học truyền thông ngắn hạn ở Thái Lan cùng bay với tôi trong chuyến bay ngày hôm đó. Cô bảo chúng tôi không nên đi cùng nhau khi làm thủ tục xuất nhập cảnh bởi cô không muốn bị nhìn thấy đi cùng với người nước ngoài. Và tôi làm gì cũng không được nhắc đến khóa học truyền thông tôi mới tham gia ở Thái Lan “Chính phủ Myanmar ghét truyền thông lắm”, cô nói thế tôi càng thêm lo.

Nhưng xuống sân bay hóa ra mọi chuyện đơn giản lắm. Chính quyền Myanmar đang cần tiền từ khách du lịch nên mình chỉ cần trả 30 USD làm phí visa là họ làm cho luôn. Chẳng ai hỏi tôi vé khứ hồi hay đặt phòng khách sạn gì cả. Sau này tôi mới biết số tôi rất may, bởi tôi vào Myanmar đúng lúc thủ tục nhập cảnh đơn giản. Sau đó không lâu, tôi có đọc trên mạng rằng chính phủ Myanmar lại thay đổi chính sách không cấp visa tại sân bay nữa rồi. Bạn nào đi Myanmar thì cố gắng tìm hiểu thông tin cập nhật mới nhất nhé, tốt nhất là gọi điện lên đại sứ quán Myanmar mà hỏi.

Bạn trai Kay Thi đến đón chúng tôi tại sân bay, đưa tôi về căn hộ của Kenneth – CouchSurfing host của tôi. Kenneth là chuyên gia người Philippines đang sinh sống và làm việc ở Myanmar. Anh được công ty cấp một căn hộ ở Grand Mee Ya – một trong những khu khách sạn, nhà ở sang trọng bậc nhất ở Yangon.

Grand Mee Ya này có bể bơi, nhà hàng, trung tâm mua sắm, wifi miễn phí khắp sảnh. “Tư bản ở Myanmar”, tôi nói đùa với Kenneth. Lúc ấy, anh cũng đang host một cô bạn người Nga, nhưng hôm ấy là đêm cuối cùng cô ở đây. Cô để lại cho tôi cuốn Lonely Planet Myanmar cô không dùng nữa.

Việc đầu tiên tôi cần làm là đi đổi tiền. Lúc đấy đã sáu giờ tối, chỗ đổi tiền mà Kenneth biết đã đóng cửa, Kenneth đã bảo rằng anh sẽ nấu cơm ăn ở nhà nên tôi không phải tiêu tiền. Ăn xong, chúng tôi đi vòng quanh thành phố. Tôi tranh thủ chụp ảnh, nhưng phải cảnh giác nhìn trước nhìn sau sợ chú công an mặc thường phục nào phát hiện. Đúng lúc ấy người đàn ông Ấn Độ tiếp cận hỏi tôi có muốn bán USD với giá 1 USD: 1000 Kyat⁽¹¹⁾ không. Tôi chưa biết tỉ giá nên muốn đi kiểm tra xem thế nào. Một người khác chào giá 1 USD: 950 Kyat, chúng tôi quay lại người ban đầu hỏi bán \$100. Ông bảo là thế thì chỉ có 970 Kyat thôi, 1000 nếu như tôi muốn bán \$200 hoặc hơn. Tôi không thích cách làm ăn lặt lọng kiểu này nên bỏ đi. Ông gọi với theo nói 980 nhưng tôi cũng mặc kệ.

Ở Yangon, nếu bạn nhìn giống khách du lịch, chắc chắn bạn sẽ bị rất nhiều người tiếp cận hỏi mua USD. Hầu hết họ là người Ấn Độ. Tôi không biết họ không có quốc tịch ở đây hay họ liều hơn những người khác, bởi theo luật người dân Myanmar bị cấm giao dịch bằng ngoại tệ. Phần lớn những người này là trung gian giữa khách du lịch và ông chủ chợ đen. Bởi bản thân họ không phải là người quyết định giá, nên nhiều khi họ chỉ nói bừa một giá hy vọng dẫn được khách đến ông chủ để ăn hoa hồng. Sáng hôm sau, khi chúng tôi bước ra khỏi Grand Mee Ya, một cô môi đến đưa ra giá 1000 Kyat nếu tôi đổi \$100. Kenneth hỏi anh ta có chắc chắn, anh bảo anh phải hỏi lại ông chủ và bảo chúng tôi đi theo. Chúng tôi đi theo anh ta khoảng hai mươi phút, qua cầu băng qua đường ray đến một khu tràn ngập những cửa hàng đổi tiền và đại lý xe bus. Người chủ cho tôi giá 1020 Kyat cho \$200, nhưng từ

chối chấp nhận \$100. Một cô môi khác đi qua đưa ra giá 980 Kyat. Lúc ấy tôi bắt đầu thấy cáu với những người trung gian này lắm rồi. Tôi tặc lưỡi, thôi về Central Hotel để đổi tiền vậy.

Tỷ giá ở khách sạn này là 1:970. Tôi đưa cho cô lễ tân \$100 nhưng cô không đưa lại Kyat cho tôi. Chúng tôi ngồi chờ mười lăm phút vẫn không thấy tiền đâu. Kenneth hỏi thì cô đỏ bừng mặt, lấm lét nhìn người đàn ông đứng bên cạnh. Hóa ra cô đổi tiền bất hợp pháp, ông chủ ở đấy thì cô không được phép đổi.

Khi nhận tiền, tôi bị sốc. Tôi chưa bao giờ cầm nhiều tiền đến thế! Ở đây tờ tiền giá trị cao nhất là 5000 Kyat, nhưng nó không phổ biến và hầu hết mọi người chỉ dùng đến 1000 Kyat, tức là khoảng \$1. Tờ tiền ở đây to và dày, lại mềm và cũ nát. Tôi nhận về một cục 97 tờ 100 Kyat. Cục tiền nặng phải đến 100 gam, dày phải đến 2 centimet.

Số tôi vẫn còn may, bởi tôi chỉ có \$100 tiền Kyat. Myanmar hệ thống thẻ ngân hàng không hoạt động, nên tất cả mọi người đều nhận lương bằng tiền mặt. Thử tưởng tượng bạn làm cho công ty nước ngoài và nhận lương không đếm theo tờ mà đếm theo kilogam? Bây giờ thì tôi đã hiểu khi Preetam nói lúc rời Myanmar, anh với bạn không biết làm gì với Kyat nên cả hội ngồi gấp máy bay. Kyat chỉ có giá trị trong Myanmar.

16. Gặp sư phụ ở “Manday”⁽¹²⁾

Có một số người được trời phú cho ngoại hình mà đi đâu cũng có thể giả làm người dân địa phương. Antonio là một trong số đó. Anh có nước da rám nắng, mắt nâu, tóc đen, râu ria xồm xoàm. Ở Trung Đông, ai cũng sẽ nghĩ anh là người Ả Rập. Ở Châu Mỹ Latin, anh trở thành một người da đỏ. Ở Ấn Độ, nếu nói anh ta từ Kamir, ai cũng sẽ tin sái cổ. Hồi anh ở Việt Nam, ai cũng nghĩ anh người dân tộc thiểu số mới xuống núi. Châu Âu thì là quê nhà của anh rồi.

Nhưng đây không phải là lý do tôi viết về anh trong cuốn sách này. Tôi nhớ đến anh bởi anh là người đã dạy cho tôi nhiều bài học hết sức quan trọng, những bài học đã giúp tôi đi được đến tận ngày hôm nay. Antonio là sư biên trái phép. Anh mới có hai mươi ba tuổi nhưng đã đi gần tám mươi nước. Anh từng đi bộ qua rừng từ Trung Quốc vào Tây Tạng, đóng giả làm con trai một người dân địa phương để đi từ Kashmir⁽¹³⁾ Ấn Độ, sang Kashmir Pakistan mà không cần trình hộ chiếu. Anh đi vòng quanh thế giới với cái ba lô vồn vện chưa đầy năm kilogam đựng: một quyển sách, một cái áo khoác, hai cái quần, ba cái áo phông, ba đôi tất, ba cái quần lót, một cái bàn chải đánh răng. Tôi hỏi sao anh mang ít thế, anh tròn mắt lên hỏi: “Thế cần mang gì khác?”. Tôi mới giật mình, quả thực mình đi bụi thường mang theo nhiều đồ không cần thiết. Cô bạn Marsha tôi gặp ở Kota Kanabalu mang theo mình đến mười lăm kilogam hành lý: thuốc thang, đồ trang điểm, thậm chí cả hai đôi giày mới vì sợ không tìm mua được giày đúng ý mình trên đường đi.

Tôi gặp Antonio khi đang ngồi chờ xe buýt đi Mandayla ở Yangon. Ấn tượng đầu tiên của tôi về anh chàng này là anh nhìn... bồn bồn đã vậy còn liên tục cắn móng tay. Chúng tôi là hai người nước ngoài duy nhất trên xe bus, bởi có lẽ chúng tôi là hai “Khách du lịch” duy nhất đủ nghèo và đủ dũng cảm để đi xe bus địa phương (Myanmar có xe bus dành riêng cho khách du lịch. Tôi phải nhờ một người dân địa phương mua hộ vé xe bus này cho tôi).

Chúng tôi đến Mandalay lúc sáng sớm. Từ bến xe vào thành phố khoảng bảy kilomet, hai đứa quyết định đi bộ. Bình minh Myanmar thật yên bình. Đi bộ được khoảng một tiếng thì cái ba lô của tôi bắt đầu nặng trĩu. Đúng lúc đấy một chiếc pickup đi qua, chúng tôi nhảy lên luôn. Pickup là phương tiện di chuyển chính trong thành phố của người dân địa phương. Đây là một dạng xe tải hạng nhẹ với thân mở để chở hàng hóa, nhưng đã được bao bọc xung quanh bởi thanh kim loại để chở khách. Hành khách hoặc đứng hoặc ngồi hoặc quỳ phía trước, phía sau, phía trên, phía dưới. Tôi là con gái được ưu tiên một ghế ngồi phía sau với ít nhất hai đôi chân lủng lẳng ngay trước mặt. Xe thả chúng tôi tại tháp đồng hồ. Chúng tôi vào trung tâm thành phố đúng lúc cao điểm của phiên chợ sáng. Cả đường phố biến thành một khu chợ vô cùng tấp nập với đủ loại rau quả chất thành từng đống hai bên đường. Thấy chúng tôi là người nước ngoài, ai cũng đón đả chào mời. Tôi cũng không hiểu sao mọi người biết tôi là người nước ngoài, bởi người Việt Nam và người Myanmar nhìn không giống nhau.

Chúng tôi đến mấy nhà nghỉ giá rẻ được giới thiệu trong cuốn Lonely Planet, nhưng với Antonio vẫn là đắt. Chúng tôi đi bộ khắp thành phố tìm cho bằng được chỗ ngủ rẻ nhất có thể. Điểm dừng chân là một nhà nghỉ hết sức tồi tàn cách không xa cổng phía Đông vào cố đô Mandayla với giá 4USD/đêm. Mỗi phòng rộng khoảng mét rưỡi, dài khoảng hai mét, chỉ đủ kê đúng một cái giường đơn. Nghỉ ngơi một lát, chúng tôi đi bộ vòng quanh thành phố. Mandayla là một thành phố rất đẹp: mặt hồ xanh biếc, đường rộng thênh thang soi bóng hai hàng cây, nhiều khu dân cư hiện đại không thua kém gì những nước phát triển. Chúng tôi leo lên ngôi chùa trên đỉnh đồi Mandayla, lên tận trên cùng nơi mà không có khách du lịch nào trèo lên. Nền lát gạch ngập... phân chim. Nhưng mà lên đến nơi rồi mới thấy bổ công leo. Từ trên cao, chúng tôi có thể nhìn xuống toàn bộ Mandayla, nhìn ra tận cố đô hoành tráng xây dựng giữa lòng hồ. Bây giờ đang là mùa du lịch của dân Châu Âu, đặc biệt là Tây Ban Nha. Đi đâu cũng nghe thấy người ta nói tiếng Tây Ban Nha. Từ trên đỉnh đồi đi xuống, chúng tôi gặp một đôi

uyên ương người Tây Ban Nha. Họ định thuê taxi ngày mai đi thăm các khu đền chùa cổ xung quanh Mandalay: Ava, Amarapura, Sagaing và cây cầu U Bein nổi tiếng. Giá cả cũng phải chăng nên chúng tôi đi cùng.

Đi rồi mới thấy Antonio là bậc thầy của trốn vé như thế nào.

Đáng lẽ chúng tôi phải mua vé giá \$10 vào thăm cả khu chùa cổ. Nhưng chúng tôi không ai mua vé. Lý do không chỉ bởi chúng tôi muốn thử xem trốn vé như thế nào, mà còn bởi mọi người không muốn trả tiền cho Nhà nước Myanmar.

Antonio rất giỏi nói chuyện. Anh luôn luôn thuyết phục được người soát vé cho chúng tôi vào. Lần thì anh giả bộ chúng tôi quên vé ở khách sạn, và yêu cầu người soát vé gọi lên trung tâm bán vé để kiểm tra. Người soát vé không muốn gọi nên cho chúng tôi vào.

“Nói thật, chúng tôi không ai có đủ tiền để trả cả \$10 cho một cái vé cả. Giả sử chúng tôi mỗi người trả \$5, liệu anh có thể cho chúng tôi vào mà không cần vé không?”

“Ừ, thế cũng được”.

(Giả bộ kiểm tra ví)

“Chết rồi, bây giờ \$5 tôi cũng không có. Như anh nói thì quyền cho vào hay không đều nằm cả trong tay anh. Liệu anh có thể thông cảm cho chúng tôi vào mà không cần tiền dứt lốt không?”.

Người soát vé bó tay cho chúng tôi vào. Một lần khác, chúng tôi nói chuyện với người lái xe, ông dẫn chúng tôi vào qua cổng sau mà không cần phải đi qua người soát vé. Thế là chúng tôi đi thăm cả buổi ngày hôm đó mà không phải trả một xu tiền vé. Tất cả chi phí nằm trọn trong việc thuê taxi (taxi ba bánh giống xe tuk tuk của Thái Lan, không có đồng hồ kilomet, chỉ tính theo đoạn đường, mỗi kilomet chừng một ngàn Kyat

Có một chuyện xảy ra làm chúng tôi thấy rất khó chịu. Đây là khi về thành phố, taxi của chúng tôi bị một người mặc áo cà sa chặn lại xin tiền. Ông xin mười ngàn Kyat (khoảng mười đô Mỹ). Chúng tôi cho ông một ngàn Kyat. Ông xé tiền ngay trước mặt chúng tôi chửi bới loạn lên rồi bỏ đi. Người dân xung quanh mới túm tụm vào, họ xin lỗi chúng tôi, đồng thời cảnh báo ở Myanmar có rất nhiều người giả sư để xin tiền du khách.

17. Thành phố chùa chiền Bagan⁽¹⁴⁾

Sau Mandalay, chúng tôi đi tàu lên Bagan. Người nước ngoài bắt buộc phải mua vé hạng nhất. Hạng nhất khác hạng thường ở chỗ ghế hạng nhất được bọc một lớp đệm nhung đỏ đỏ cứ như là chưa được giặt bao giờ. Tàu lắc lư như thuyền trong bão biển, chúng tôi bị tung lên ném xuống cứ như đang cưỡi lạc đà.

Antonio có hẹn với bạn ở ga tàu. Tôi cũng chẳng hiểu anh ta hẹn với bạn thế nào bởi ga tàu thì lớn, cả hai đều không biết tàu chính xác mấy giờ tàu đến và không ai có điện thoại. Tôi để anh ta chờ ở ga, tôi vào thành phố trước.

Tôi đi nhờ xe với một chiếc pickup. Xe này dừng ở ngay trước trạm kiểm soát thành phố, buộc tôi phải mua \$10 vé vào thăm Bagan.

Ở Myanmar làm gì cũng phải mua vé. Vào một thành phố phải mua vé, vào một khu chùa phải mua vé, rồi khi vào thăm từng chùa lại phải mua vé. Tôi ám ức trả tiền mà thậm chí chắc chắn Antonio không mua vé vào đâu.

Bagan có ba khu vực chính: Old Bagan, New Bagan và Nyaung U. Old Bagan là khu phố cổ Bagan, trọng điểm du lịch của khu vực này. Cả Old Bagan có tới hơn hai ngàn ngôi chùa thuộc ba thời kỳ xây dựng khác nhau từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIII. Năm 1988, Nhà nước Myanmar sơ tán hết người dân Old Bagan sang khu vực cách đó vài cây số để tập trung phát triển du lịch khu vực này, tạo thành New Bagan. Giờ đây, Old Bagan hầu như đã bị sa mạc hóa hoàn toàn, nhìn ngút ngàn tầm mắt chỉ toàn những ngôi chùa cổ kính trên nền cát nâu mênh mông. Old Bagan chỉ có một số resort (khu nghỉ mát) thuộc sở hữu của Nhà nước, giá cao ngất trời.

Tôi tìm cho mình một nhà nghỉ ở Nyaung U, ngay cạnh khu chợ đông đúc tấp nập, cách Old Bagan khoảng bốn kilomet. Chả đâu phòng rẻ như ở Bagan. Với năm đô, tôi lấy được một phòng khép kín với điều hòa, nóng lạnh, bao ăn sáng.

Đến Bagan thích nhất là đạp xe quanh khu phố cổ. Ở đây có rất nhiều chỗ cho thuê xe đạp, giá chỉ trên dưới một đô một ngày. Một ngày hoàn hảo là sáng bạn dậy sớm, đạp xe đến một ngôi chùa cao cao ở giữa sa mạc, leo lên tầng trên cùng, ngồi ngắm mặt trời lên. Không gì tinh khiết hơn khi tia nắng đầu tiên của ngày mới chạm lên làn da bạn. Gió thổi mơn man. Khí trời trong vắt. Sau đó bạn đi lòng vòng thăm các chùa. Trưa, ghé vào một quán ăn bình dân ăn trưa như người dân địa phương. Tôi thích nhất ăn trưa ở Bagan. Có lẽ chỉ ở Myanmar bạn mới có thể ăn như vua chỉ với \$1. Người phục vụ sẽ mang ra cho bạn bảy tám đĩa đồ ăn: cơm, canh, rau, măng, dưa chua, đậu phụ, thịt gà, thịt lợn, thịt bò... Bạn ăn cho đến khi nào nó căng bụng thì thôi, ăn hết vẫn có thể kêu phục vụ mang thêm cho. Ăn xong, nếu mệt hay sợ nắng, bạn có thể tìm một ngôi chùa yên ắng với mái hiên lộng gió, làm một giấc ngủ trưa ngon lành. Ở đây thì chùa nhiều mà khách du lịch thì ít, nên hầu như các ngôi chùa nhỏ đều không một bóng người. Khi tỉnh dậy, bạn lại tiếp tục đạp xe quanh quanh thăm chùa. Chiều xuống, tốt nhất bạn nên tìm cho mình một ngôi chùa cao cao hay một ngôi chùa ở cạnh bờ sông để ngắm hoàng hôn. Hoàng hôn là một đặc sản của Bagan. Màu đỏ rực của mặt trời, màu vàng nâu của cát, màu rêu phong cổ kính của những ngôi chùa, tất cả hòa quyện lại trong một bầu không gian yên tĩnh lắng đọng đưa bạn ngược dòng thời gian về lại Bagan của cả ngàn năm trước.

Ngày đầu tiên sau hoàng hôn, tôi hì hụi đạp xe về nhà nghỉ của mình. Trời tối, một mình đi qua sa mạc hoang vu toàn chùa là chùa, tôi thần hồn nát thần tính sờ hết cả gai ốc. Tôi đạp xe như bay, đang đi thì tôi gặp một chị người Đức cũng đang đạp xe về. Nghe tôi kể sự tình, chị phá lên cười rồi đạp xe đưa tôi về tới tận khách sạn. Tôi tự nhủ ngày mai phải kiếm ai đi cùng, chứ mình nhát ma thế này buổi tối không đi một mình.

Ngày hôm sau lúc ăn sáng, tôi ngồi cùng bàn một anh chàng mặc chiếc áo phong hình cây nấm với

dòng chữ “Happy High”. Tôi thấy thế phì lên cười, thế là anh bắt chuyện. Sylvain người Pháp, mới hai mươi tuổi nhưng đã lăn lộn khắp năm châu bốn bể.

Anh từng sống ở Madagascar, New Zealand, Australia, Chi-lê. Sylvain mới đến đây đêm hôm trước. Nghe tôi dụ dỗ, anh thuê xe đạp đi cùng tôi. Có kinh nghiệm nhiều hơn một ngày, tôi thành hướng dẫn viên bắt đầu dĩ dĩ cho Sylvain. Tôi dẫn anh đến chùa Ananda, ngôi chùa mà theo tôi có kiến trúc ấn tượng nhất. Chùa có những cửa sổ lên xuống khác nhau, học theo kiến trúc những ngôi chùa trên núi của Ấn Độ. Trong chùa có hai bức tượng Phật được xây dựng rất đặc biệt. Từ những góc nhìn khác nhau, Đức Phật sẽ có biểu hiện cảm xúc khác nhau: đứng gần nhìn lên sẽ thấy Đức Phật mặt rất nghiêm như đang giảng đạo, nhưng nếu từ xa nhìn lại Đức Phật lại đang mỉm cười. Bí mật nằm ở lối thông ánh sáng trên đỉnh bức tượng. Ban đầu, chùa có bốn bức tượng như thế ở bốn góc. Nhưng người Mông Cổ đã phá hủy mất hai bức. Hai bức mới thay thế không đạt được độ tinh xảo như vậy.

Trưa, chúng tôi ghé vào một quán ăn bình dân ở Bagan ăn. Không ăn được nhiều gia vị lạ, tôi muốn hỏi người phục vụ mấy món đây có những gia vị gì, có thể bớt gia vị gì, nhưng Sylvain gạt phăng đi:

“Sao em kén chọn thế? Muốn hiểu người dân ở đây thì phải ăn như họ ăn chứ”.

“Nhưng...”.

“Không nhưng gì hết. Em đừng có cố gắng kiểm soát mọi thứ, Let it go” (đại loại là cứ để nó tự nhiên).

Anh quay sang người phục vụ:

“Chị mang ra cho cô bé này món gì mà người ở đây thường ăn nhất”.

Món mì xào họ mang ra khác xa với món mì xào mà tôi vẫn ăn, nhưng cảm giác không biết món mình ăn sẽ như thế nào cũng thú vị. Rót cuộc, ăn không chỉ để thưởng thức mà còn là để trải nghiệm. Ăn xong, nhìn thấy một nhóm trẻ con đang chơi đá cầu, chúng tôi chạy ra chơi cùng. Tôi hồn nhiên để ba lô của mình ở lại quán. Lúc vào, tôi giật mình thấy ba lô mở toang hoác, ví ở ngay bên ngoài. Tôi kiểm tra ví thì thấy mấy hết tiền đô, tiền Thái và tiền Myanmar, tức là tất cả những loại tiền có thể tiêu được ở đây. Những đồng tiền khác và thẻ ngân hàng thì vẫn còn. Tổng cộng thiệt hại khoảng \$70. Tôi vừa tức vừa buồn cười. Ai lấy tiền của tôi cũng cẩn thận quá, tỉ mỉ phân ra tiền nào tiêu được, tiền nào không. May mà tôi không mang hết tiền theo người, còn để lại ít tiền đô ở khách sạn nên vẫn chưa đến mức phải bán đồ đi để sống qua ngày.

Buổi tối về, chúng tôi tình cờ gặp Antonio và bạn anh ở chỗ thuê xe đạp. Tin vui là cuối cùng hai người cũng gặp được nhau ở bến tàu sau hai tiếng tìm kiếm. Tin buồn là Antonio cũng bị mất tiền. Số tiền anh mất chỉ là \$20 nhưng đây là toàn bộ số tiền còn lại của anh dành cho Myanmar. Tin dở khóc dở cười là vì không thể trả tiền phòng, ba giờ sáng hôm đó Antonio và bạn phải trèo cổng ra khỏi nhà nghỉ.

Sự phụ!

18. Lầm lẫn về Myanmar

Trong ngày đầu tiên ở Yangon, tôi vẫn cứ đinh ninh là mình đang ở thủ đô của Myanmar. Tôi cảm thấy hết sức lo ngại cho kiến thức địa lý của mình khi một người bạn Myanmar nói với tôi rằng Yangon không còn là thủ đô nữa. Yangon từ năm 2005 đã mất danh hiệu này cho Naypyidaw (tên viết tắt chính thức là NPT), cách Yangon chín tiếng đi bằng tàu. Thủ đô mới không mở cửa cho khách du lịch, người nước ngoài phải xin giấy phép đặc biệt mới được vào. Tôi đi qua NPT một lần duy nhất khi đi xe bus từ Bagan về Yangon. Qua thành phố này, tất cả người nước ngoài bị yêu cầu xuống xe để kiểm tra hộ chiếu.

Tuy nhiên, Yangon vẫn là thành phố lớn nhất của Myanmar với hơn bốn triệu dân. Đây cũng là thủ đô kinh tế của đất nước này.

Có lẽ do tôi đến đúng vào mùa mưa nên Yangon có cái gì đó rất ảm đạm. Xe máy bị cấm trong thành phố nên phương tiện đi lại chủ yếu là đi bộ. Xe có động cơ phần lớn là xe bus, taxi. Xe đạp rất ít. Không biết là do người Myanmar chuộng đồ cũ hay họ không có tiền mua đồ mới mà hầu như đường phố nào ở thủ đô Yangon cũng tràn ngập chợ bán đồ cũ. Cái gì người ta cũng mang ra bán được: điện thoại từ những năm 80, máy tính học sinh, quần áo, thắt lưng, kể cả đôi dép tông cũ hay tấm gương vỡ. Có những thứ với người Việt Nam mình chẳng còn giá trị gì, với người Myanmar lại là đồ quý. Mỗi quán chỉ là một tấm vải trải trên đường phố, bày biện khoảng chục món hàng. Nhưng mà mỗi đường phố có hàng trăm quán như thế. Người mua đông nghẹt. Nhưng tuyệt đối không có cảnh chào hàng, níu kéo khách du lịch như ở Việt Nam hay Ấn Độ.

Đồ ăn ở Myanmar nếu so với các nước khác thì rẻ, nhưng nếu so với thu nhập bình quân của người dân địa phương thì không rẻ tí nào, bởi tôi không hiểu người dân địa phương lấy thu nhập từ đâu ra. Các cửa hàng đồ ăn nước ngoài thì không nhiều, có chăng chỉ có nhà hàng Trung Quốc, nhà hàng Ý. Nhưng đồ ăn vỉa hè ở đây hết sức đa dạng. Que xiên trứng chim cút, chim rán, hoa quả khô, ô mai, thạch, xoài dầm, miến nấu, miến khô tôm, bánh trứng ốp lếp... Ở Yangon có cả một quán sushi vỉa hè. Tôi thích nhất món Wet-Thar-Doke-Htoe. Đây đại loại là lòng lợn cắt nhỏ, xâu thành từng xiên, nhúng vào nước sốt nóng hôi vừa thổi vừa ăn, vị đậm đà, béo ngậy.

Trang phục truyền thống của người Myanmar là Longyi, một dạng váy cuốn xung quanh mặc cho cả đàn ông và phụ nữ. Khi vừa đặt chân xuống Yangon, tôi đã nghĩ đồng phục của đàn ông quốc gia này là Longyi, áo phông, dép tông. Vì là váy cuốn nên Longyi rất hay tuột. Cứ chừng dăm phút là người mặc váy lại phải dừng lại để cuộn lại cạp váy. Du khách đến đây hay nói đùa rằng kinh tế Myanmar chậm phát triển bởi người dân nơi đây mất quá nhiều thời gian vào việc chỉnh váy. Nhưng bù lại, mặc Longyi cực kỳ thoải mái, đứng ngồi đều tiện, “tiểu đường” càng tiện hơn. Số người Myanmar “tiểu đường” cũng không thua kém gì Việt Nam.

Ấn tượng lớn nhất của tôi về Myanmar là người dân quá đổi thân thiện và đáng mến. Nếu như chỉ nghe những gì truyền thông quốc tế nói về những áp bức người dân Myanmar phải chịu, chắc ai cũng nghĩ người dân ở đây đau khổ lắm. Nhưng không, người dân ở đây đều hết sức vui vẻ, luôn luôn rạng rỡ nụ cười. Chúng tôi gặp một anh chàng mà mọi người ở đây gọi là Joker bởi anh ta có tài kể chuyện cười. Bằng chứng là chỉ bằng tiếng Anh bồi, anh làm cho tôi và anh bạn đồng hành ôm bụng cười như nắc nẻ ở chỗ sửa xe đạp.

Khi đi ăn tối ở một cửa hàng vỉa hè, tôi và cô bạn bắt chuyện với hai người phụ nữ trung niên. Tôi kể cho họ về dự định đi vòng quanh thế giới của mình. Lúc đứng dậy thanh toán, chúng tôi được biết là hai người phụ nữ đó đã trả tiền cho chúng tôi rồi. Mọi người đều cho rằng Phật giáo là yếu tố quan trọng tạo nên tính cách của người dân Myanmar.

Nói đến Myanmar mà không nói đến chùa chiền thì là một thiếu sót lớn. không chỉ ở Bagan mới

có chùa, mà khu dân cư nào cũng có. Cứ ở đâu có người ở thì ở đó có chùa. Một đất nước nghèo như Myanmar mà lại có những ngôi chùa dát vàng nguy nga trị giá hàng triệu đô la như Shwedagon ở Yangon. Người Myanmar làm không ra nhiều tiền, nhưng hễ khi nào tiết kiệm được một chút là lại mua vàng lá mang lên chùa cúng dường. Đất nước sùng đạo là thế nên tầng lớp tăng ni có ảnh hưởng rất lớn đến người dân ở đây.

PHẦN II: ẨM ĐỘ NEPAL

19. Chào mừng đến với Ấn Độ

Để tiết kiệm tiền, tôi không bay thẳng từ Myanmar qua Ấn Độ, mà quá cảnh ở Kuala Lumpur. Mười lăm tiếng quá cảnh đủ để tôi kết bạn với Tom, một anh chàng người Bỉ đang trên đường về lại Châu Âu. Anh là người đi cùng chuyến xe bus với tôi từ Bagan về Yangon, là người nhặt được vé máy bay tôi làm rơi trên sân bay Yangon, cũng là người ngồi cạnh tôi trên chuyến bay từ Yangon đến Kuala Lumpur và rồi lại có cùng thời gian quá cảnh với tôi ở sân bay này. Đôi khi có những sự trùng hợp ngẫu nhiên thật thú vị. Tom và tôi đến giờ vẫn còn giữ liên lạc. Chúng tôi đã bàn nhau sẽ mua một chiếc Minivan để tham gia đoàn caravan hàng năm từ Bỉ xuống Nam Phi, nhưng đáng tiếc là Tom tìm được công việc mới ở Philippines không đi được. Tôi biết chắc rằng nếu tình cờ gặp lại nhau ở đâu, chắc chắn chúng tôi sẽ trở thành bạn tốt.

Quay trở lại Ấn Độ. Tôi thích Ấn Độ ngay từ lần đầu tiên đặt chân đến đại sứ quán Ấn Độ tại Hà Nội. Lúc đấy tôi mới đổi hộ chiếu, hộ chiếu mới còn trắng tinh không một con dấu. Tôi không có cả chứng minh tài chính, vé máy bay khứ hồi hay đặt phòng khách sạn. Ấy vậy mà bác phụ trách visa vẫn chiếu cố cấp visa khẩn cấp cho tôi. Hôm nay nộp, hôm sau tôi đã lấy được. Bác chúc tôi đi may mắn, còn khuyên tôi sau này xin visa ở các nước khác thì đừng có nhắc gì đến chuyện viết lách bởi nhiều nước rất cảnh giác với những người làm truyền thông.

Ngồi cạnh tôi trên máy bay là một cặp vợ chồng người Ấn Độ, Asenla và Temsu, vừa trở về từ chuyến đi thăm con trai ở Singapore kết hợp với chuyến du lịch ở Malaysia. Cả hai đều hết sức ngạc nhiên khi thấy tôi đi một mình mà không có người thân đi kèm. Asenla nói rằng con trai cô năm nay hai mươi hai tuổi, đi du học ở Singapore mà cô cũng đã lo cuống lên, ngày nào cũng phải lên mạng nói chuyện hỏi han. Con gái cô mà đi một mình như tôi chắc cô đau t quá.

Asenla hỏi tôi có sách hướng dẫn du lịch không, tôi lắc đầu. Cô hỏi tôi có biết gì về Ấn Độ không, tôi lắc đầu. Cô hỏi tôi xuống Kolkata⁽¹⁵⁾ thì đến đâu, tôi cũng lắc đầu không biết. Sau một loạt những câu cảm thán với chồng. Asenla quay lại bảo tôi đừng sợ, hai người sẽ giúp tôi tìm một nhà nghỉ rẻ và an toàn ở Kolkata. Tôi rất cảm kích nhưng nghĩ thầm: “Cháu có sợ đâu, cô chú mới là người sợ đấy chứ”.

Sân bay Kolkata nhỏ và xấu, lại bị bao trùm bởi một không khí rất âm đạm. Ở đây không có cầu thang cuốn hay thang máy mà chỉ có cầu thang bộ ngổn ngang giàn dáo, tôi không biết là họ đang tu sửa hay chỉ là để chống cho mái sân bay khỏi đổ. Bảng điện tử hiển thị thông tin chuyến bay nhìn không khác gì những bảng thông báo kết quả xổ số ở Việt Nam những năm 90.

Tôi đổi tạm một ít tiền ở một trong vài quầy đổi tiền nhỏ xíu ở sân bay (Mẹo cho các bạn đi du lịch: nếu có thể thì tránh đổi tiền ở sân bay bởi vì tỷ giá ở đây luôn thấp hơn tỷ giá trong thành phố). Asenla và Temsu cho tôi đi cùng taxi về thành phố. Hai người cảnh báo tôi trước:

“Giao thông ở Kolkata kinh khủng lắm, đừng sốc nhé”.

“Cháu đến từ Việt Nam, không sốc được đâu ạ”.

Tôi cười khi khi. Quả thực giao thông Việt Nam không ít lần được bình chọn, cả chính thức lẫn không chính thức, là giao thông khủng khiếp nhất thế giới.

Ấy vậy mà tôi phải thừa nhận rằng, lần đầu tiên đi trên đường phố Kolkata, tôi không khỏi choáng váng. Xe cộ nhiều như nê. Đường đầy ỏi voi, ổ gà. Lái xe thì bạt mạng. Không biết bao nhiêu lần chúng tôi phải kêu rú lên vì cứ tưởng sắp gặp tai nạn. Nếu xe không có cửa thì chắc tôi bị ném văng ra khỏi xe từ lâu rồi.

Nếu mỗi thành phố có một màu đặc trưng, thì Kolkata sẽ là màu vàng. Những ngôi nhà quét vôi vàng. Những chiếc auto rickshaw⁽¹⁶⁾ nửa xanh nửa vàng. Những chiếc taxi nhỏ xíu màu vàng chóc. Ở Kolkata có rất nhiều taxi. Những chiếc taxi nhỏ này là nguồn cảm hứng cho những lời than vãn bất tận

của khách du lịch phương Tây. To cao như họ thì không có cách nào nhét chân vào cho thoải mái được, ngồi trong xe đầu cứ đung trần.

Từ sân bay về thành phố chỉ hai mươi kilomet mà chúng tôi đi mất hai tiếng. Trong suốt thời gian này, tôi cứ há hốc miệng bởi những gì mắt thấy tai nghe. Kolkata có một nền văn hóa vỉa hè, mọi thứ đều diễn ra trên vỉa hè: ăn uống trên vỉa hè, mua bán trên vỉa hè, thậm chí đi vệ sinh cũng trên vỉa hè, và không ít người dựng lều trải chiếu sống ngay trên vỉa hè. Mà đường phố ở đây nào có sạch sẽ gì đâu, nếu không muốn nói là bẩn, rất bẩn.

“Chào mừng đến với Ấn Độ”. Người lái xe cười toe toét.

Khách sạn Asenla và Temsu ở dĩ nhiên là ngoài khả năng của tôi, nhưng tôi đến đây nghỉ nhờ một chút và tranh thủ lên mạng. Thật may, tôi nhận được tin rằng Antoreep, một CouchSurfer ở Kolkata mà tôi gửi yêu cầu xin ở nhờ, đã nhận lời. Asenla và Temsu nhìn tôi đầy nghi ngại khi tôi giải thích khái niệm CouchSurfer. Hai người bắt tôi mua một sim điện thoại để tiện liên lạc trong trường hợp tôi gặp chuyện không may.

Nhưng mua sim điện thoại ở Kolkata không phải chuyện đơn giản. Để mua sim điện thoại ở đây, bạn cần một bức ảnh chân dung, chứng minh thư, chứng minh địa chỉ cố định bằng hóa đơn điện nước hay giấy tờ tương tự. Bán sim điện thoại trước khi thu thập đủ những giấy tờ trên là phạm pháp. Tôi có thể dùng hộ chiếu, nhưng không thể chứng minh được địa chỉ của mình nên Asenla phải đứng tên mua hộ tôi.

Trời lúc đó đã bắt đầu tối. Tôi gọi điện cho Antoreep, anh bảo tôi đến Pantaloons – một siêu thị lớn ở đây, chờ anh đến đón. Asenla và Temsu đứng chờ cùng tôi để đảm bảo rằng Antoreep có thể tin được. Tôi chia tay hai người, cảm ơn rồi rít, và hứa sẽ lên thăm gia đình họ ở Nagaland⁽¹⁷⁾.

20. Người mẹ Kolkata

Antoreep hơn tôi bốn tuổi, đang học thạc sĩ ngành văn học Anh. Văn học Anh là một ngành học cực kì phổ biến ở đây. Hầu hết những người tôi gặp ở đây đều đã và đang học ngành này. Có lẽ vì thế mà người Bengal⁽¹⁸⁾ nói tiếng Anh rất chuẩn, không bị giọng khó nghe như người các vùng khác của Ấn Độ. Mặc dù nghèo đến thế, bang Tây Bengal lại có quá nhiều trí thức. Bang Tây Bengal có tới bốn người từng đoạt giải Nobel. Trong số đó, nhà thơ Tagore được coi như một vị thánh mà tất cả người dân Bengal đều yêu mến. Đường phố tràn ngập băng rôn quảng cáo các buổi đọc thơ Tagore. Nhà nào cũng có ít nhất một bức ảnh của Tagore treo trên tường.

Gia đình Antoreep sống trong một căn hộ nhỏ ở tầng hai khu chung cư kiểu cũ từ thời thực dân.

Antoreep sống với mẹ, dì Ramita, em trai Dep năm nay mới mười lăm tuổi và ông nội ốm nằm liệt giường. Bố Antoreep qua đời năm ngoái. Ban ngày, ở nhà còn có chị giúp việc. Căn hộ có một phòng khách nhỏ xíu, một nhà bếp với bếp ga để nấu các món ăn nhanh cùng bếp củi để nấu các món ăn truyền thống khi cần và ba phòng ngủ. Phòng ngủ của Antoreep có hai giường đơn, tôi đoán bình thường chắc để cho hai anh em Antoreep ngủ, nhưng khi tôi đến, một giường để dành cho tôi. Dep ra ngủ ngoài phòng khách.

Thời gian ở cùng gia đình Antoreep, tôi đặc biệt thân với dì Ramita. Nhờ dì mà tôi có cơ hội khám phá nền ẩm thực vô cùng phong phú và tinh tế của người Bengal. Tôi chưa bao giờ thấy căn bếp nào có nhiều loại gia vị đến thế. Ngoài những gia vị như hành, tỏi, hạt tiêu thấy ở Việt Nam, dì Ramita còn có đến mấy chục hộp đủ các loại hạt, các loại lá mà tôi chịu không nhớ được tên. Mỗi loại gia vị lại có một hương vị riêng, hầu hết trong số đó tôi chưa từng được nếm.

Dì Ramita tận tình giải thích cho tôi về ẩm thực Bengal. Dì cho một bữa ăn Bengal chuẩn phải có sáu bước. Bước một là cái gì đó hơi cay hoặc hơi đắng để khai vị. Bước hai là đậu hay đồ dạng súp, ăn với đồ rán để cung cấp chất đạm. Bước ba là rau quả theo mùa để bổ sung vitamin và khoáng chất. Bước bốn bao gồm thịt cá dành cho trẻ em đang trong độ tuổi phát triển và người già, có thể bỏ qua. Bước năm là cái gì đó chua chua (như sữa chua) để giúp tiêu hóa. Bước sáu là các món ngọt để tráng miệng.

Thông thường chị giúp việc sẽ nấu ăn. Nhưng khi tôi tới đây, dì Ramita đích thân nấu cho tôi. Có những món ăn đặc biệt chỉ được nấu trong dịp lễ tết, nhưng vì tôi không đợi được tới lúc đó, dì cũng nấu cho tôi ăn. Món Payesh là món dành cho những dịp vui: khi một em bé sinh ra, bà mẹ sẽ ăn Payesh và không một bữa tiệc sinh nhật nào có thể thiếu Payesh. Dì bảo, nếu trong khi chuẩn bị Payesh mà có chuyện xui xảy ra như sữa bị đổ hay cháy thì đó là một điềm rất xấu, không bà mẹ nào có thể chấp nhận được. Tôi thích nhất món Amsatta làm từ xoài. Tôi cũng chẳng biết làm sao họ làm cho xoài trở nên trong suốt, ngọt mịn như vậy được. Đặc sản của Bengal là cá. Dì Ramita bảo rằng muốn mua cá phải ra chợ từ rất sớm, bởi hàng cá luôn là hàng hết trước tiên. Khi tôi ở đây dì nấu cho tôi món cá. Người Bengal có thói quen ăn sáng khá lạ. Họ ăn cơm nóng trộn Ghee (bơ sữa bò lỏng) và muối đá. Muối đá là những viên muối nhỏ lấy từ trong tự nhiên, rất giàu khoáng chất, ăn có vị như lòng đỏ trứng luộc.

Một buổi sáng khi chỉ có tôi với dì Ramita ở nhà, tôi đã hiểu tại sao dì lại quý tôi đến thế. Dì mang ra cho xem hai cuốn sách ảnh: một cuốn sách nói về các điểm du lịch trên thế giới. Ramita nói rằng dì và chồng đã từng có rất nhiều mơ ước, một trong số đó là xây một ngôi nhà thật đẹp, một mơ ước khác là sau khi nghỉ hưu sẽ cùng nhau đi du lịch. Nhưng rồi cuộc sống với những lo toan bộn bề, hai người không bao giờ có đủ tiền để xây cho mình một ngôi nhà xinh xắn. ước mơ du lịch cũng chưa kịp thực hiện thì chồng dì lại qua đời. Bây giờ nhìn thấy tôi đi như thế này, dì như được sống lại những mơ ước thời còn trẻ. Vậy nên, dì muốn làm hết sức mình để giúp tôi thực hiện ước mơ của mình. Tôi

ngồi nghe dì kể mà mắt ngân ngân nước, tự nhủ rằng nếu sau này nếu có điều kiện, nhất định tôi sẽ quay trở lại đưa dì đi du lịch.

21. Lạc bước ở>

Tôi ở Kolkata một tuần. Thời gian ở đây, tôi kết thân khá nhanh với Antoreep, bạn gái anh Shila và những người bạn học cùng anh. Mọi người ai cũng bất ngờ về cô bé khủng đám sang Ấn Độ một mình nên quý tôi lắm. Ngày cuối tuần, mọi người dẫn tôi đi một tour vòng quanh Kolkata để xem một Kolkata thực sự, không phải Kolkata trong sách hướng dẫn du lịch.

Buổi sáng Antoreep và tôi bắt taxi đến nhà Shila, nơi mà hai người bạn khác của Shila và Antoreep đang đợi sẵn, rồi năm người chúng tôi lại bắt taxi ra bến cảng. Có lẽ chỉ ở Ấn Độ tôi mới dám chơi sang thế. Taxi ở Kolkata rẻ như bèo. Nếu không tính đến tắc đường và nguy cơ tai nạn, không ở đâu đi lại dễ dàng và rẻ như ở Kolkata. Ở đây có những phương tiện mà bạn có thể bắt gặp ở bất kỳ thành phố nào như taxi và xe bus. Taxi chạy theo công-tơ mét, nhưng giá hiển thị trên công-tơ mét không phải là giá chính thức. Bạn phải nhân đôi con số đó lên rồi cộng với hai. Lái xe taxi nào cũng có bảng chuyển đổi cho những người sợ nhầm lẫn. Xe bus ở đây phân chia nam nữ rõ ràng: nam ngồi một bên, nữ ngồi một bên; giá đi một chuyến thông thường là 10 Rupee (1 Rupee ~ 400VND). Nhìn giống xe bus nhưng chạy trên đường ray cố định là tàu điện. Calcutta Tramways là hệ thống tàu điện duy nhất ở Ấn Độ và là hệ thống lâu đời nhất của châu Á. Tàu điện này chạy chậm, hỏng hóc nhiều nhưng được cái thân thiện với môi trường. Không biết người dân ở đây có quan tâm đến môi trường không hay chỉ dùng tàu điện vì nó đỡ đông hơn xe bus. Phương tiện đi lại phổ biến nhất ở đây lại là auto rickshaw, xe ba bánh chạy bằng mô-tơ mà mọi người gọi tắt là auto. Bạn có thể thuê auto để đi riêng như taxi, nhưng rẻ bằng nửa taxi. Có những auto chạy tuyến cố định như xe bus. Sức chứa auto là ba hành khách, nhưng những lái xe auto tài tình có thể chở được năm, sáu người. Tôi đi từ bến xe bus về Lake Garden, khu nhà Antoreep bằng auto dạng này tốn bốn Rupee. Những người đi gần thì thích rickshaw người kéo. Tôi xót lắm những người kéo xe này, chạy hùng hục một, hai cây số mà chỉ kiếm được mười Rupee. Tôi bảo với Antoreep rằng tôi không muốn đi thế này vì không đành lòng ngồi chễm chệ trên xe nhìn xuống những người đàn ông gầy gò, đáng tuổi ông mình gò lưng kéo. Nhưng Antoreep bảo rằng nếu tôi không đi thì họ sẽ không kiếm được tiền để mua thức ăn. Vậy nên, lần nào đi tôi cũng đưa thêm cho họ một ít tiền lẻ. Năm 2006, chính phủ dự định ban luật cấm toàn bộ những người kéo rickshaw thế này, nhưng không được thông qua vì nguy cơ sẽ khiến ba mươi lăm nghìn người mất kế mưu sinh. Hiện đại hơn nhiều thành phố ở Ấn Độ, Kolkata còn có cả metro, hệ thống tàu điện ngầm đầu tiên ở Ấn Độ được xây dựng từ năm 1984

Nếu tính quãng đường và thời gian, metro là phương tiện đi lại rẻ nhất và nhanh nhất bởi không lo tắc đường. Nhưng đây cũng là phương tiện đi lại đông nhất, đông một cách đáng sợ. Ban đầu tôi cười khẩy khi mọi người khuyên tôi là con gái thì không nên đi metro, nhưng đi rồi mới thấy mọi người đúng. Đứng một chân trên metro tầm mười phút, tôi cảm thấy có một bàn tay sờ soạng mông tôi, trong khi một bàn tay khác đang len lỏi tìm đường vào túi quần tôi. Tôi cự mình phản ứng, hai bàn tay biến mất. Metro đông đến mức mặc dù biết rằng cả hai đều là người đứng ngay cạnh, tôi cũng không tài nào nhìn thấy được đây là ai trong số hàng chục “hàng xóm” lân cận. Và tôi bị lỡ bến không phải vì tôi không biết bến mà vì tôi không thể chen ra kịp.

Phương tiện mà Antoreep chọn để giới thiệu Kolkata với tôi là phà. Phà ở đây tuy chậm, nhưng không bị tắc đường nên được người dân Kolkata khá ưa thích. Giới trẻ ở đây đi phà không chỉ bởi họ cần đến một điểm nào đó ven sông, mà còn bởi vì lênh đênh sông nước, về mặt lý thuyết, luôn là cơ hội “lãng mạn” để ngắm bộ mặt ít khi được thấy của thành phố. Lãng mạn để trong nháy nháy bởi vì có lẽ do sống ở một thành phố của quá nhiều cực đoan và quá ít không gian yên tĩnh, định nghĩa về lãng mạn của giới trẻ nơi đây khá là khiêm tốn. Giống như tất cả những điểm đầu mỗi phương tiện đi lại của Kolkata, bến phà là một điểm mua bán tấp nập với những người bán rong chào bán đủ loại hàng hóa. Sông Hooghly, nhánh sông Hằng chảy dọc thành phố, giống như hầu hết các dòng sông khác ở Ấn

Độ, lấm chắm với rác và xác động vật. Điểm tụ tập ưa thích của những vật trang điểm này là xung quanh chân cầu cạnh bên cảng. Chạm vào nước ở đây tôi cũng đã thấy sợ, vậy mà người dân ở đây nhảy xuống tắm hàng ngày. Khi tôi ở đây, khoảng chục bé trai đang bơi lội tung tăng, đùa nhau té nước âm ỉ.

Khác với kinh nghiệm của tôi về giao thông công cộng ở Ấn Độ, chuyến phà hôm đấy chúng tôi đi khá vắng. Chúng tôi không chỉ có ghế ngồi, mà còn có thể luồn lách từ đầu này sang đầu kia của phà. Ra khỏi bến, quang cảnh cải thiện một cách đáng kể. Tôi có cảm giác như đang nhìn vào mặt sau của thành phố vậy, một bộ mặt và Kolkata, không biết vì thẹn thùng hay ích kỷ, giấu đi không cho người ngoài thấy: mặt sau những tòa nhà cao tầng, mặt sau những ngôi nhà gạch cổ kính, mặt sau những tấm biển quảng cáo, dường như cả mặt trời cũng quay lưng về phía chúng tôi vậy. Trái ngược với Kolkata nóng và bụi, dòng sông lúc nào cũng gió lồng lộng. Lần đầu tiên kể từ khi đến thành phố này, tôi có thể hít thở sâu một cách thoải mái mà không lo ngại viêm phổi. Antoreep và Shilâu yém nắm tay nhau, một điều hiếm thấy trên đất liền. Ấn Độ cũng giống như Việt Nam ngày trước vậy: nam nữ thụ thụ bất thân. Trai gái nắm tay nhau nơi công cộng là điều cấm kỵ tuyệt đối. Con trai nắm tay nhau lại là chuyện bình thường. Nhiều khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch phương Tây, hay nhảm lẩn rằng ở đây có nhiều người đồng tính. Những bạn nam ở đây mới cười giải thích rằng do văn hóa Ấn Độ dạy đàn ông nơi đây giữ khoảng cách với nữ giới, họ lớn lên thân thiết với nhau, và không ngại ngần thể hiện tình huynh đệ nơi công cộng bằng cách nắm tay nhau.

Phà dừng cũng là lúc tôi bị ném ngược trở về hiện tại với hàng trăm người chen lấn va đập đè xuống bến. Bến phà nằm đối diện ga tàu hỏa và ga tàu hỏa luôn là nhà vô địch của sự hỗn loạn ở đất nước vốn đang giữ ngôi vị quán quân thế giới về sự hỗn loạn này. Người chen với bò, ô tô chen với rickshaw, xe đạp chen với xe máy, khách xem hàng này đua với khách xem hàng kia, người bán hàng này giành khách với người bán hàng kia, rồi tất cả chen lấn với nhau cố gắng thoát ra khỏi cái không gian hỗn loạn này. Dường như ruồi bọ nơi đây cũng ý thức được sự hỗn loạn xung quanh và nỗ lực hết mình để đóng góp vào bản hợp xướng đó. Ruồi bâu kín những gánh hàng rong, bọ bay vòng vòng quanh đồng rác ven đường, hàng triệu tiếng đập cánh vo ve bị hòa tan vào tiếng động cơ, tiếng còi tàu, tiếng cãi vã, tiếng mặc cả, tiếng nói chuyện, tiếng gào khóc, tiếng chó sủa, tiếng bò kêu...

Nằm cạnh bến tàu là một khu ổ chuột, đặc sản Ấn Độ đem ra giới thiệu với cả thế giới qua bộ phim đoạt giải Oscar “Triệu phú khu ổ chuột”. Những người đồng hành với tôi không muốn tiến sâu thêm nữa vào khu này, nhưng vì tò mò, tôi thuyết phục được mọi người đổi ý. Mặt đường không còn trải nhựa mà đã được thay thế bởi một hỗn hợp với màu đỏ của đất, màu đen của nước thải, màu nâu của xác động vật, và bảy sắc cầu vồng của đủ loại rác thải. Trái ngược với giao thông kinh khủng của Kolkata, hiếm hoi lắm tôi mới gặp một chiếc ô tô phóng rất nhanh qua con đường này.

Mùi hôi thối bốc lên nồng nặc. Tụi trẻ con đùa nghịch với rác như chơi đồ chơi. Một người đàn ông ngủ ngon lành ngay giữa đường, tóc trôi bồng bềnh trên vũng nước đọng. Một dãy các cửa hàng thịt treo lủng lẳng nào lợn, nào dê. Những người phụ nữ ngồi chồm hổm bán hàng rau củ quả. Một nhóm đàn ông trung niên ngồi gác chân lên ghế đánh cờ. Một toán thanh niên đánh nhau ngay giữa chợ. Tất cả nhìn chúng tôi với ánh mắt hằn học, như thể chúng tôi đang xâm phạm lãnh địa linh thiêng của họ vậy. Thì thâm vào tai tôi dừng có đại đột gì mà chụp ảnh. Đi được khoảng trăm mét, không chịu nổi cảm giác tội lỗi và sợ hãi của kẻ xâm phạm, chúng tôi quay ngược về thành phố.

22. Chuyển đi tình cờ đến Sundarbans

Tôi gặp được Anuradha âu cũng là duyên trời định. Một nhà báo người Đức khi ấy đang làm việc ở Việt Nam tình cờ đọc được thông tin về chuyến đi của tôi trên một tờ báo tiếng Anh (mà đến giờ tôi vẫn chưa rõ là tờ báo nào). Đoán rằng lúc đấy tôi đang ở Ấn Độ, anh gửi link Blog của tôi cho bạn anh ở Kolkata, chính là Anu. Duyên số thế nào, nhà Anu lại ngay gần nhà dì Ramita, đi bộ chỉ khoảng mười lăm phút. Ấn tượng đầu tiên của tôi về Anu là chị rất đẹp, một vẻ đẹp pha trộn giữa phương Đông và Ấn Độ: mặt trái xoan, mắt đen sâu thẳm, tóc đen dài, nước da sáng, gò má duyên và nụ cười rạng rỡ. Và khi chị cầm tay tôi hỏi với một giọng quan tâm thực sự: “Em đến đây lâu chưa? Chỗ này đông người chen chúc thế em có sợ không?”, tôi biết mình đã yêu người phụ nữ dịu dàng mà vô cùng mạnh mẽ này. Và quả thực, cho đến tận bây giờ, chị vẫn như một người chị của tôi vậy. Mỗi lần đọc Facebook hay Blog đầy tâm trạng của tôi, chị đều tìm số điện thoại của tôi gọi điện an ủi, bất kể tôi đang ở nước nào. Anu viết bài cho tờ The Times of India – tờ báo lớn nhất Ấn Độ và cũng là tờ báo tiếng Anh có lượng xuất bản cao nhất thế giới. Nói vậy để biết trình độ tiếng Anh của người Ấn Độ cao thế nào. Chị rất quảng giao, quen biết nhiều nhân vật có tiếng ở Kolkata.

Lúc bấy giờ, Kolkata đang diễn ra Hội chợ du lịch. Nghĩ tôi quan tâm, Anu dẫn tôi đi xem và giới thiệu tôi với Asanth, chủ một công ty du lịch ở Bengal. Tình cờ thế nào, Asanth lúc đấy đang tổ chức chuyến đi thăm quan truy tìm dấu vết loài hổ trắng Sundarbans cho một vị khách quý, anh đề nghị tôi và Anu đi cùng. Sundarbans là vùng châu thổ lớn nhất thế giới với một phần thuộc Ấn Độ và một phần lớn hơn thuộc Bangladesh. Không dám tin vào vận may của mình, tôi cứ nghĩ Asanth nói đùa, chỉ đến khi Anu gọi điện nhắc tôi chuẩn bị đi tôi mới tin là thật.

Xe đón chúng tôi lúc sáng sớm tại nhà Anu, không kịp ăn sáng, dì Ramita cẩn thận làm b mì kẹp cho tôi và Anu mang theo. Chúng tôi không ngờ rằng chuyến đi này được công ty của Asanth chuẩn bị chu đáo, bao gồm cả ăn sáng. Xe dừng lại ở một quán ăn địa phương ngay ngoài khu phát triển công nghệ – một khu vực tương đương Silicon Valley của Kolkata. Người Ấn Độ rất thích Curd (sữa đông, ăn như sữa chua), nhưng họ không ăn Curd như quả vớt hay tráng miệng mà ăn hoặc là như một món ăn, hoặc là như một món gia vị thêm cho bữa ăn. Quán ăn hôm đấy có Curd được trình bày cực kỳ đẹp, đẹp đến mức tôi chỉ nhớ Curd đấy nhìn như thế nào chứ không nhớ nổi hương vị ra sao. Curd trắng muốt, mịn như nhung, cảm giác như có thể soi gương, đựng trong một chiếc cốc nhỏ nhỏ xinh xinh làm bằng đất sét. Cao khoảng ngón tay, bề rộng tương đương, những chiếc cốc này bầu bĩnh ở giữa những lại thắt vào ở gần miệng hết sức duyên dáng. Đây là một thứ xa xỉ chỉ có ở Ấn Độ: người dân chỉ dùng những chiếc cốc này một lần. Mua café hay trà ngoài vỉa hè, trà chỉ khoảng 3R (khoảng 700 đồng), bạn không chỉ có trà mà còn có cả cốc. Người dân ở đây dùng xong thoải mái quăng cốc đi, không phải nghĩ đến chuyện rửa cốc. Lao động địa phương quá rẻ mạt đến mức công lấy đất sét làm cốc còn rẻ hơn nước rửa cốc.

Khách quý mà Asanth nói là Taufiq – Phó chủ tịch Liên hiệp các công ty du lịch của Bangladesh. Ông sang đây tìm hiểu cơ hội hợp tác với các công ty tổ chức tour du lịch bên này. Người còn lại trong đoàn là Prasanth, hướng dẫn viên du lịch lão làng từ công ty của Asanth.

Chúng tôi lái xe về phía tây, thẳng hướng Sundarbans. Thoát khỏi đoàn xe chen chúc hướng vào thành phố, tôi lập tức bị sốc bởi tốc độ thay đổi chóng mặt của cảnh vật xung quanh. Thay vì thành phố ồn ào, những ngôi nhà san sát xấu xí, giao thông ngột ngạt, khói xe bụi mù là những cánh đồng trải rộng bất tận, lơ lửng những túp lều tranh, con đường vắng tanh, không khí trong lành. Nơi đây mới mùa thu hoạch nên cánh đồng không có lúa mà chỉ xâm xấp nước, như một tấm gương khổng lồ phản chiếu mây núi, đất trời. Nếu như ở Kolkata, tôi không bao giờ nhìn xa được quá vài chục mét vì tầm nhìn bị chắn nào bởi nhà cửa, nào là xe cộ thì ở đây, tôi có thể phóng tầm mắt ra xa tận chân trời. Hiếm hoi lắm tôi

mới bắt gặp một ngôi làng nhỏ với những ngôi nhà vách đất trộn rơm, mái lợp lá. Nếu ở thành phố, đàn ông chiếm đến 90% dân số ngoài đường thì phụ nữ chiếm 90% số người chúng tôi nhìn thấy ở đây. Anu giải thích rằng ở Ấn Độ, chỉ con trai mới được lên thành phố học hành, tìm việc, con gái ở nhà lo ruộng vườn, nhà cửa. Chuyến đi này ươm mầm cho một câu hỏi mà sau này suốt thời gian ở Ấn Độ tôi luôn dần vật tìm câu trả lời: “Người Ấn Độ, đất đai làng quê bạt ngàn như thế sao không ở mà cứ phải đổ xô vào thành phố làm gì, không khí không có mà thở như thế này?” (Nhưng sau này về lại Việt Nam tôi mới ngộ ra rằng Việt Nam có khác gì đâu).

Sau khoảng một tiếng rưỡi lái xe đều đều với tốc độ trong mơ, chúng tôi dừng lại ở một ngôi làng nhỏ ven sông để lên thuyền. Những người phụ nữ mặc sà-ri (saree) buôn bán ven sông nhìn tôi dè dặt, ánh nhìn mà tôi đã học để hiểu rằng tôi trông khác quá, tôi không thuộc về nơi đây. Tôi nhe răng cười cầu tài và nhận lại vài nụ cười thừa thớt. Asanth đã bố trí cho chúng tôi một chiếc thuyền riêng. Thuyền tuy nhỏ nhưng tiện nghi quá đầy đủ so với tiêu chuẩn của Ấn Độ. Thuyền có hai tầng, tầng trên là boong có mái che để ngồi uống trà tán dóc, tầng dưới là phòng ngủ và nhà vệ sinh.

Chúng tôi dành phần lớn thời gian ngồi trên boong ngắm cảnh. Hai bên sông lơ thơ mái chòi, đầu đó lại thấy một đền thờ Hồi giáo mái vòm cung. Parasanth kể cho chúng tôi lịch sử vùng đất này. Vì hiểu biết của tôi là zero, mọi người phải kiên nhẫn giải thích cho tôi từ điều nhỏ nhất. Sundarbans trong tiếng Bengal có nghĩa là “khu rừng đẹp”, nhưng “sundar” trong cái tên này cũng có nghĩa là cây đước. Rừng thiêng sông nước nơi đây đã là cảm hứng của bao nhiêu nhà văn nhà thơ đất Bengal, trong đó có nhà thơ huyền thoại Tagore, người đã nhận giải Nobel văn học năm 1913 để trở thành người châu Á đầu tiên đạt được giải thưởng cao quý này. Đây cũng là bản địa của loài hổ trắng Bengal, loài hổ khét tiếng hung dữ nhất trong số tất cả giống loài của mình.

Dòng sông mở mỗi lúc một rộng, nhà mỗi lúc một thưa, bụi đước hai bên mỗi lúc một rậm rạp, cho đến khi chúng biến thành một cánh rừng. Thuyền cập bến vào một ngôi làng nhỏ với vài túp lều thưa thớt. Chúng tôi ven theo bờ ruộng, đi lên một con đường nhỏ xít lát gạch rất xinh, rẽ phải vào “Sundarbans Camp”, nơi chúng tôi sẽ ngủ qua đêm. Tại camp này mà lần đầu tiên tôi có khái niệm về “responsible tourism” – du lịch trách nhiệm với môi trường và cộng đồng.

Camp này có khoảng chục bungalow⁽¹⁹⁾ với những nét trang trí đậm chất Á Đông, trước cửa là một bãi đất nhỏ trồng hoa, mái lợp kính nấp năng lượng mặt. Bây giờ tôi mới biết rằng bungalow có xuất phát từ khu vực Bengal này. Bungalow vốn có nghĩa là nhà của người Bengal. Giữa camp là một cái ao đầy cá, vắt ngang bởi một cây cầu xinh xinh. Cây cầu dẫn vào một nhà ăn lát sàn gỗ, lợp mái gỗ, nhô hẳn ra ngoài ao, khách có thể vừa ăn vừa ngắm cá bơi lội tung tăng, chỉ biết là rất đắt. Đây là một trong những khu nhà nghỉ cao cấp nhất ở Sundarbans.

Hai ngày ở đây, chúng tôi dành phần lớn thời gian trên thuyền, lang thang từ trung tâm bảo tồn thiên nhiên này đến trung tâm bảo tồn thiên nhiên kia với hy vọng được nhìn tận mắt loài mãnh thú Bengal. Tuy không tìm được, bởi như Prasanth nói thì loài thú này rất hiếm, phải chài chực hàng tuần liên may ra mới có cơ hội nhìn thấy, chúng tôi đã có những kỷ niệm tuyệt vời lênh đênh giữa sông nước Sundarbans và lắng nghe những giai thoại của con người nơi đây. Anu kể cho chúng tôi câu chuyện về làng bà góa nơi này. Do quá nhiều người bị hổ và cá sấu ăn thịt, mỗi khi người đàn ông trong gia đình ra khỏi nhà đi đánh cá, mọi người coi như là ông đã chết. Người vợ sẽ tự coi mình như bà góa và chuyển đến ở làng bà góa. Nếu người chồng trở về, ông sẽ đến tìm vợ ở làng này. Nếu ông không trở về, người vợ sẽ tiếp tục sống với những bà góa khác. Sinh ra và lớn lên nơi rừng thiêng nước độc, người dân nơi đây chấp nhận cái chết như một phần của cuộc sống. Tôi hỏi tại sao họ không chuyển đi nơi khác làm ăn, Prasanth cười: “Vì đây là quê hương”. Trên suốt quãng đường, chúng tôi nhìn thấy những miếu thờ nữ thần Banbibi rải rác hai bên bờ sông. Người dân nơi đây tin rằng loài hổ trắng thực ra là ác thần Dakkhin Rai trá hình để hại người, và nữ thần Banbibi chính là người được

Allah sai xuống để bảo vệ người dân nơi đây. Có lẽ Banbibi là một vị thần hiêm hoi được cả người theo đạo Hindu và người theo đạo Hồi thờ cúng. Trước khi vào rừng, người dân đều đến miếu Banbibi xin được che chở khỏi bị loài mãnh thú ăn thịt.

Cuộc sống luôn là một chuỗi những bất ngờ, chuyện này lại dẫn đến chuyện kia mà không bao giờ chúng ta có thể lường trước được. Khi tôi kể cho mọi người nghe những câu chuyện tôi lượm lặt trên đường, Taufiq lắng nghe một cách thích thú, rồi bất chợt hỏi:

“Em đã sang Bangladesh

“Sundarbans ở phía Bangladesh đẹp hơn nhiều. Em biết đặc sản của Bangladesh là gì không? Là sông. Công ty anh xin được mời em sang thăm Bangladesh mười ngày, thăm thú tất cả những điểm thú vị của Bangladesh. Bù lại, em hứa sẽ viết một số bài cho tờ báo của bên anh”.

Dĩ nhiên là tôi nhận lời.

23. Đi tàu lên Mumbai

Ấn Độ là một đất nước rộng lớn và chỉ những ai phải đi lại giữa các vùng miền của Ấn Độ mới cảm nhận rõ mức độ rộng lớn của đất nước này. Phương tiện đi lại trong nước có xe bus, tàu hỏa và máy bay. Máy bay thì đắt. Xe bus thì không khác gì hành xác vì đường Ấn Độ rất xấu, mọi người khuyên tôi đi tàu hỏa. Lúc bấy giờ tôi vẫn còn chưa biết hitchhiking (đi nhờ xe) là gì, cộng với việc vẫn còn là dân gà ba lô thấy người ta dọa một tí là sợ, nên tôi quyết định nghe theo lời khuyên của mọi người. Tàu ở Ấn Độ có rất nhiều hạng vé. Tôi chọn hạng vé rẻ nhất, Sleeper 2. Khoang này có sáu giường nằm, mỗi bên ba giường tầng. Giường tầng dưới thường bị sử dụng để ngồi, giường ở giữa chỉ được kéo xuống lúc ban đêm, tôi chọn cho mình giường trên cùng vì nó an toàn nhất.

Ấn Độ có hệ thống đặt vé tàu online tuyệt vời, nhưng vì lúc đấy trong tài khoản của tôi không có một xu nào nên tôi đành mua vé ngoài đại lý du lịch, chấp nhận trả thêm 50R. Chuyến tàu của tôi rời ga lúc sáng sớm. Không muốn lặn lội ra ga lúc bốn giờ sáng (sớm như thế thì chỉ có cách đi taxi, mà taxi sớm như thế cũng không an toàn), tôi đành đi xe bus ra ga từ đêm hôm trước. Trước khi đi, tôi mua tặng dì Ramita một chiếc khăn quàng làm quà cảm ơn, dì tặng tôi một chiếc khăn tay dì tự thêu. Tôi trân trọng chiếc khăn đấy lắm. Đến tận bây giờ tôi vẫn còn ghét bản thân mình vì làm mất nó ở đâu cũng không biết.

Tới ga rồi mới thấy kê sách ngủ vật vờ ở ga của tôi chẳng có gì là đặc biệt. Thiên hạ ngủ la liệt ngoài ga tàu. Ai may mắn thì kiếm được một chiếc ghế dài, ai muốn thoải mái thì nằm bừa ra đất, đầu gác lên ba lô, kéo chăn che mặt. Người ngủ đã nhiều nhưng người thức còn nhiều hơn. Mật độ đàn ông lấn áp cùng với những ánh mắt soi mói của mọi người (tôi nhận ra mình là người nước ngoài duy nhất ở ngoài ga lúc đấy), tôi tự nhiên thấy chột dạ không dám ngủ. Chọn cho mình một góc yên tĩnh xa thật xa nhà vệ sinh công cộng bốc mùi nồng nặc, tôi quyết tâm thức đọc sách cả đêm, nhưng rồi lại ngủ gục từ lúc nào.

Kolkata là bến đầu tiên nên tàu khởi hành khá đúng giờ (ngạc nhiên chưa!!?). Tàu dài, số toa được đánh một cách hết sức ngẫu nhiên nên đưa lần đầu tiên đi tàu như tôi phải vất vả chạy lên chạy xuống mới tìm được toa của mình. Tôi ngồi cùng với năm người phụ nữ khác: một người phụ nữ trung niên đi cùng cháu gái lên Mumbai, một cô bạn sinh viên về thăm nhà ở ngôi làng nằm giữa Mumbai và Kolkata, hai người còn lại tôi lờ mờ không nhớ rõ. Cô bạn này nói tiếng Anh khá tốt. Cô mời tôi ghé thăm gia đình cô, nhưng vì lúc đấy tôi hồi hộp muốn xem ánh sáng Bollywood lắm rồi nên hẹn cô dịp khác. Thật đáng tiếc, cuốn sổ ghi thông tin liên lạc của cô và rất nhiều người khác tôi gặp trên đường đi tôi đã để quên trên một chiếc xe tôi đi nhờ ở Tanzania.

Người phụ nữ đi cùng cháu gái mặc sà-ri đen, tay vẽ Henna⁽²⁰⁾, luôn miệng nhai trầu. Một người đàn ông khoảng trên dưới sáu mươi, lưng còng đến xin ngồi nhờ, lập tức bị bà cô này đuổi đi thẳng. “Ghé mình đâu mà không ngồi?” bà hỏi. Ông đi rồi, bà quay sang tôi giải thích: “Dân trôn vé đấy. Nhiều lắm. Mình cho một người ngồi những người khác sẽ đổ xô đến”. Lúc đấy tôi nghĩ là bà gay gắt quá, nhưng sau này đi tàu nhiều hơn tôi hiểu bà cảnh giác như vậy không phải là không có lý do. Bà chỉ vào cô cháu gái: “Bố mẹ nó nghèo. Tao đưa nó lên thành phố để chăm sóc”. Cái kiểu vừa nói vừa nhóp nhép nhai trầu của bà tự nhiên khiến tôi liên tưởng đến Tú Bà. Từ “chăm sóc” được nói một cách nhẹ nhàng khiến tôi băn khoăn tự hỏi không biết bà cô này “chăm sóc” kiểu gì? Liệu cô bé có được đi học không hay phải ở nhà làm ô-sin, hay tệ hơn là bị gửi sang nhà khác làm ô-sin? Việc các bé gái bị gửi đi làm con ở ở Ấn Độ không phải là hiếm. Tôi nhìn sang cô bé tội nghiệp đang ngồi nép mình vào trong góc, tay ôm khư khư cái túi vải màu đen mà tôi đoán là bọc quần áo, mắt lăm lét nhìn tôi. Cô bé chỉ mới mười tui, chưa lên Mumbai bao giờ.

Tàu chạy mãi miết, mãi miết, qua biết bao nhiêu là ngôi làng, bao nhiêu là cánh đồng, bao nhiêu

là ngọn núi. Tôi dí mắt nhìn qua cửa sổ mãi cũng chán. Phần lớn thời gian, tôi ngồi trên giường của mình ở tầng trên cùng, lý do là để đọc sách nhưng thực chất là để tránh đụng độ về quyền sử dụng ghế với bà cô đánh đá. Lúc đấy tôi đang đọc cuốn Holy Cow của nhà văn người Úc Sarah McDonald. Đây là cuốn sách tôi mua trên vỉa hè chỉ vì cái tên thôi đã đủ khiến tôi bò lăn ra cười. Thành thật mà nói, cuốn sách với tôi chẳng có tí giá trị văn học nào, nhưng Sarah có cách viết vô cùng hài hước, với đầy những thông tin hay ho về Ấn Độ. Sarah đến Ấn Độ lần đầu tiên khi bố mẹ mua vé máy bay ép cô phải “đi ba lô”, kiểu “đi để trải nghiệm”. Lúc bấy giờ, cô ghét Ấn Độ vô cùng và thề sẽ không bao giờ quay trở lại cái đất nước bẩn thỉu, hỗn loạn, đầy thủ đoạn này nữa. Ấy vậy mà chục năm sau, cô phá bỏ lời thề để đi theo vị hôn phu của mình sang Ấn Độ công tác. Cuốn sách này là về những điều cô gặp ở Ấn Độ. Tuy không hoàn toàn đồng ý với cách nhìn nhận sự việc của Sarah (cô tiếp cận sự việc từ góc nhìn của một người nước ngoài điển hình, nhìn xuống những người dân khốn khổ ở một đất nước nghèo nàn, kém phát triển), tôi vẫn nghĩ đây là một cuốn sách rất dễ đọc, văn phong hài hước, không quá nặng nề. Tôi rất thích phần cô nói về Đền vàng Amristar – trung tâm thiêng liêng của đạo Sikh và thiên đường trần gian Kashmir. Tôi nhất định sẽ đến thăm hai nơi này.

Tàu đến Mumbai khoảng mười giờ sáng. Tôi cần tìm đường đến nhà Arfi ở Andhri West. Arfi là CouchSurfing host của tôi ở Mumbai. Anh bảo có tàu đi từ bến tàu tôi đang ở đến bến tàu Andheri, rồi sau đó tôi phải đi rickshaw từ đó đến nhà anh. Ở Ấn Độ có hệ thống đường ray nối các thành phố và trong thành phố lại có một hệ thống tàu khác. Hệ thống tàu của Mumbai phủ khá rộng, thành phố được chia khu vực theo bến tàu chạy qua đó. Andheri là một bến tàu, phía tây bến tàu này là khu vực Andheri West, phía đông của bến tàu này là khu vực Andheri East. Vé tàu đi là rẻ nhất, nhưng lúc bảy giờ quầy bán vé có hàng trăm người đang chen chúc nhau chờ mua vé. Sau gần ba mươi tiếng ngồi trên tàu, không còn sức đâu mà cạnh tranh với thiên hạ nữa nên đành cắn răng đi rickshaw thẳng đến nhà Arfi. Nhưng trước đó, tôi phải mua cho mình một SIM điện thoại cho Mumbai đã. Người ta nói Ấn Độ là một tiểu lục địa và mỗi bang như một quốc gia vậy. SIM mua ở bang nào thì chỉ rẻ trong bang đấy thôi, dùng ở bang khác sẽ bị tính cước rất đắt.

Arfi sống một mình trong một căn hộ nhỏ ở một khu chung cư khá đẹp. Sau này tôi mới biết, khu vực này là nơi tập trung những studio, công ty sản xuất phim của Mumbai. Từng là người mẫu, vận may mang đến cho anh một vai phụ trong bộ phim “Triệu phú khu ổ chuột” và anh đã sử dụng vận may đó để tìm kiếm cho mình những cơ hội khác trong ngành sản xuất phim đang phát triển hết sức mạnh mẽ của đất nước này. Khi tôi gặp Arfi, anh đang cùng bạn mở một công ty sản xuất phim. Lúc tôi ở đấy, anh khá bận nên phần lớn thời gian tôi đi lang thang một mình. Tôi liên hệ thêm một số CouchSurfer nữa hẹn gặp mặt, nhưng chỉ có Nitesh trả lời.

Tôi hẹn gặp Nitesh ở Infiniti mall, một trung tâm mua sắm cách chỗ tôi ở khoảng bốn lăm phút đi bộ. Khi đang trên đường đến đây, một anh chàng dừng lại hỏi tôi cái gì đó. Không hiểu anh ta nói gì, tôi lắc đầu: “Xin lỗi, tôi không nói tiếng Hindi”. Anh ta tức giận hét lên: “Cái gì? Cô không nói tiếng Anh à?” rồi giậm chân bỏ đi. Hóa ra anh chàng nói tiếng Anh. Người Ấn Độ nói tiếng Anh rất khó nghe. Sau hai tuần ở Ấn Độ, người khác vẫn không hiểu tôi nói gì và tôi cũng không hiểu họ nói gì.

Không có việc gì làm, tôi đến điểm hẹn sớm hơn cả tiếng đồng hồ. Nhìn vào những trung tâm mua sắm lung linh rực rỡ ở Mumbai, khó ai có thể đoán được rằng Ấn Độ vẫn là một quốc gia đang phát triển. Ngay sảnh trung tâm là một chiếc bàn với tấm biển “Astrology and hand-reading” (Chiêm tinh và xem bói). Đúng là chỉ ở Ấn Độ mới có thầy bói ở một trung tâm mua sắm hiện đại thế này.

Lang thang nhìn ngắm các cửa hàng mãi cũng chán, tôi ngồi bệt xuống một góc, khoan chân đọc sách. Nhưng rồi đúng lúc đấy, tim tôi đập loạn nhịp.

Đàn ông Ấn Độ đẹp trai quá!!!

Ba anh chàng đẹp trai lung linh đi ngang qua trước mặt tôi. Đẹp trai nhất là anh chàng đứng giữa:

cao ráo, da nâu sạm nắng, đầu đinh, lông mày đen rậm, mắt đen láy, cười tươi tít mắt khoe má lúm đồng tiền. Trong giây phút thần thờ, tôi mơ hồ nghĩ rằng anh chàng này cũng đang nhìn tôi. Nhưng chớp mắt một phát, anh ta đã mất hút trong dòng người qua lại. Tự nhiên tôi thấy như bị điện xẹt vậy, trong đầu tôi xuất hiện cả nghìn kịch bản trong đó tôi “tình cờ” làm quen với anh chàng này. Nhưng kể sách nào ích lợi gì nữa, người ta đi mất rồi. Tôi tiu ngưu cúi xuống đọc sách tiếp. Đời còn dài, zai còn đầy, hơ hơ.

Ấy vậy mà khoảng năm phút sau, lại cũng mấy anh chàng ấy đi qua. Không còn nghi ngờ gì nữa, họ CỐ nhìn tôi. Lúng túng không biết làm gì, tự nhiên tôi toét miệng ra cười. Anh chàng đẹp trai cũng cười đáp lại! Anh tiến đến gần:

“Hi”.

“Hi”.

“Em đang đọc sách gì đấy?”. Giọng anh trầm và ấm. Anh lại nói tiếng Anh rất chuẩn, tôi có cảm tình ngay.

“Pinocchio”. Tôi đỏ mặt. Trời ạ, sao tôi không đọc cuốn sách gì đó có vẻ thông minh một chút mà lại đọc cuốn sách trẻ con thế này chứ? Mấy anh chàng kia cùng phá lên cười.

“Hồi nhỏ anh cũng thích những truyện thế này lắm”.

“Hồi nhỏ ở Việt Nam em có nghe nói đến thôi chứ chưa đọc bao giờ”.

“Việt Nam!!! Em đến từ Việt Nam à? Em đến Mumbai lâu chưa?”.

“Hôm nay mới là ngày thứ hai”.

Đúng lúc ấy thì điện thoại tôi rung. Nitesh đang ở đây rồi.

“Em phải đi đây”. Tôi đứng dậy, thật chậm, phân vân không biết có nên xin số điện thoại của anh không.

“Ừm, thật

“Dạ, thật ạ”.

“Ừm, tạm biệt em”.

Đau!

...

Tôi gặp Nitesh ở quán café trên tầng hai. Nitesh cao, đen, gầy, đeo kính cận. Nhìn thoáng qua anh không khác gì dân lang thang không nhà không cửa. “Anh là nhiếp ảnh gia”, anh bảo “chuyên chụp ảnh cho giới nghệ sĩ Bollywood”. Giới nghệ sĩ đây mà, thảo nào. Tôi hỏi công việc có nhiều không, anh nhún vai: “Cố gắng được chừng nào hay chừng đấy”. “Cho em xem ảnh anh chụp được không?”. Anh gửi tôi link đến trang Facebook của “Nitesh Square” – tên anh muốn đặt cho studio trong tương lai của mình. Nói thật là tôi bị sốc. Ảnh anh chụp cực kỳ đẹp. Trong danh mục của anh có khá nhiều nghệ sĩ mà người ngoại đạo như tôi cũng biết là nổi tiếng. Thảo nào “Nitesh Square” có tới hơn sáu ngàn fan!!! Gần đây khi nói chuyện với anh, tôi được biết Nitesh Square đã trở thành một studio thực sự. Không chỉ chụp ảnh, giờ studio còn nhăm nhe sang làm phim. Bộ phim ngắn đầu tay “The Dark Queen” của anh đã đoạt giải nhất cuộc thi làm phim bốn mươi tám giờ.

Ai mà ngờ được phía sau vẻ cà bông như anh lại là một tài năng nổi bật như thế. Vì cả hai chúng tôi đều đang là dân lông bông nên nói chuyện khá hợp. Anh cho hay sắp tới sẽ có buổi gặp mặt các Blogger Mumbai ở khách sạn Princess Hotel, bãi biển Zuhu. Gul Panag, cựu hoa hậu Ấn Độ và là một trong những khách hàng của anh, cũng sẽ có mặt. Tôi cũng đăng ký tham gia.

Buổi họp mặt hôm đấy được tổ chức khá hoành tráng tại phòng hội nghị của khách sạn với sự góp mặt của hơn ba trăm Blogger đến từ không chỉ Mumbai mà còn nhiều thành phố khác của Ấn Độ như Delhi, Kolkata, Chennai... Nhiều công ty công nghệ của Ấn Độ cũng có mặt với banner quảng cáo và quà tặng cho Blogger tham dự. Tôi cực kỳ ấn tượng về sự năng động, nhiệt tình của Blogger nơi đây.

Họ viết Blog về đủ các loại chủ đề. Không chỉ giới trẻ mới viết Blog mà nhiều bậc làm làm mẹ cũng tham gia trào lưu này. Cô bạn Magi, mười sáu tuổi, viết Blog về thời trang đến tham gia cùng mẹ là Blogger ẩm thực. Ragat có một Blog chuyên viết về điện thoại di động, nhưng Blog của anh chuyên nghiệp không khác gì một tạp chí online. Anh cho biết một ngày anh ngủ không quá sáu tiếng và ngày nào cũng viết ít nhất mười bài. Đáp lại cho những nỗ lực ấy, Blog của anh khá nổi với lượt truy cập lên đến cả trăm ngàn. Bao giờ ở Việt Nam mới có được một lực lượng Blogger tâm huyết như thế.

Trong buổi gặp mặt, tôi đề ý một anh chàng tóc dài, mắt to, dáng người gầy gò. Anh ngồi yên tĩnh trong một góc, không nói chuyện với ai. Anh làm tôi lên tưởng đến mấy anh chàng sinh viên dùng máy tính nhiều quá đâm tự kỷ, không hòa nhập được với cộng đồng. Tôi đi đến bắt chuyện. Anh tên là Swapnil, hơn tôi một tuổi. Anh viết bài cho một trang web đặt tại Israel để kiếm sống, và đang xây dựng một Blog tổng hợp tin tức công nghệ (<http://gigjet.com>) cùng với bạn. Sẵn có máy tính ban tổ chức đặt ở đây, Swapnil khoe trang Blog của anh. Gigjet có giao diện nhìn rất chuyên nghiệp, nhưng tin tức viết còn khá non tay. Nhằm tưởng tôi là cây bút nhà nghề, Swapnil xin thông tin liên lạc với tôi hy vọng tôi có thể giúp được gì cho Gigjet. Tôi chẳng biết mình giúp được gì không nhưng có thêm một người bạn mới cũng chẳng đi đâu mà thiệt.

Buổi gặp mặt diễn ra khá suôn sẻ. Phần căng thẳng nhất có lẽ là phần tự giới thiệu bản thân của người tham gia. Năm lời giới thiệu thú vị nhất sẽ được nhận phần thưởng bí mật. Chỉ có ba mươi giây để giới thiệu bản thân, ai cũng phải vắt óc nghĩ ra cách để gây được ấn tượng nhất. Kết quả là có khá nhiều câu khá dí dỏm, như lời giới thiệu của Binoy: “Tôi viết Blog về những chủ đề nghiêm túc như: Mười lý do không nên hiếp chị giúp việc nhà bạn”, hay một lời giới thiệu khác của một ông bố viết Blog: “Tôi có hai con và một Blog”. Tôi thì chẳng cần phải suy nghĩ gì nhiều, chỉ cần đứng lên nói: “Hi, mình đến từ Việt Nam” là đã đủ khiến mọi người chú ý rồi. Tôi là người nước ngoài duy nhất ở đây. Nitesh sau đó còn đứng lên nói thêm là tôi đã một mình đi đến mười một nước. Thế là tự nhiên tôi trở thành ngôi sao của buổi gặp mặt. Mỗi người được phát một tờ giấy khổ A0, đeo sau lưng để những người khác viết những gì họ nghĩ về người đó. Tôi được quá trời người viết. Sau đó tình cờ tôi đọc được bài viết của một Blogger có mặt hôm đó, trong bài viết có đoạn thế này:

“Nhưng điều thú vị nhất trong buổi gặp mặt là mình được xếp ngồi một cô bé Việt Nam cực kỳ dễ thương. Cô bé đang một mình đi vòng quanh thế giới. Có ai biết tên cô bé đấy là gì không?”.

Và trong comment trả lời thế này:

“Mình nhớ không nhầm thì cô bé Việt Nam đấy giới thiệu bản thân mình là Ching Chong Chang hay gì đó (tôi đọc đoạn này mà nghiêng răng ken két). Mình cũng muốn đến nói chuyện với cô bé đấy nhưng không tìm thấy đâu”.

Và một comment khác như thế này:

“Cô bé dễ thương đó tên là Chip, Twitter là @chipro”.

Thảo nào sau buổi gặp mặt tôi có thêm gần năm mươi follower.

24. Đột nhập doanh trại Hải quân Mumbai

Những ngày còn ở Việt Nam, tôi có quen Kavleet, một thương gia Ấn Độ lấy vợ người Việt, hiện đang sinh sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh. Khi biết tôi ở Mumbai, ông giới thiệu tôi cho em gái ông là Katrina. Katrina mời tôi đến nhà cô chơi. Cô chỉ đường cho tôi đến nhà thờ RC Church và đến đón tôi ở đó.

Katrina lấy chồng là đại tá Hải quân nên gia đình cô được cấp nhà trong doanh trại Hải quân ở phía nam thành phố. Khu này kiểm tra an ninh vô cùng nghiêm ngặt. Người nước ngoài không được phép vào thăm. Katrina bảo tôi khi đi qua trạm kiểm soát nếu bị hỏi thì nói mình tên là Monalisa. Đây là tên phổ biến của con gái người dân tộc Ao đến từ phía Đông Bắc Ấn Độ. Nếu ai hỏi tôi bằng tiếng Hindi thì trả lời rằng tôi chỉ nói tiếng Ao. Người vùng Đông Bắc Ấn Độ nhìn không khác gì người Đông Nam Á. Tôi đã biết điều này khi nói chuyện với Asenla và Temsu. Hai người này cũng là người dân tộc Ao và đều không nói tiếng Hindi. Katrina trấn an tôi rằng chắc họ cũng chẳng hỏi han gì đâu, cô sẽ lo giải thích.

Khu Hải quân của Mumbai dường như thuộc về một thế giới khác hẳn so với những gì tôi thường thấy ở Ấn Độ. Ở đây có quá nhiều cây xanh, công viên bãi cỏ xanh rì. Họ có sân Golf riêng, bể bơi riêng, phòng tập thể dục riêng, thậm chí có cả bãi biển riêng dành cho những người làm trong Hải quân và gia đình. Katrina lái xe đưa tôi đi tham quan một vòng. Chị hết sức thích thú khi thấy tôi chết lặng đi ngắm nhìn vẻ đẹp tách biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài của nơi đây: “Thích không? Lấy chồng Hải quân đi sẽ được ở khu này. Quân nhân ở Ấn Độ được hưởng chính sách đãi ngộ rất tốt”.

Chồng Katrina đang đi công tác xa, ở nhà chỉ có chị và hai cô con gái. Cả hai đều cực kỳ dễ thương và hết sức tài năng. Hai bé tranh nhau khoe tôi những bài thơ các bé làm, những bức tranh các bé vẽ và những bức tượng các bé nặn. Mẹ nào con nấy. Katrina cũng là một họa sĩ rất tài năng. Trong nhà treo đầy những tác phẩm của cả ba mẹ con.

Sau bữa cơm chiều, chị lái xe đưa chúng tôi ra địa điểm yêu thích nhất của chị ở khu này: bãi biển riêng của lính Hải quân. Chúng tôi ngồi trong nhà hàng kiêm quán bar ngay cạnh bãi biển, vừa uống nước vừa nghe sóng rì rào vỗ bờ. Gió thổi mát lộng. Bất chợt, một anh chàng tiến đến bàn chúng tôi, nhìn và hỏi:

“Ừa, em là người Việt Nam mà, sao em vào được đây?”

Katrina cuống quýt xua tay định giải thích, nhưng tôi ngăn chị lại. Tôi không dám tin vào mắt mình nữa, đây chính là anh chàng đẹp trai má lúm đồng tiền mà tôi gặp tại Infiniti Mall hôm trước.

Veera hóa ra đang là lính Hải quân, thuộc đội tàu ngầm. Chúng tôi mời anh ngồi uống nước cùng. Anh khá chín chắn và nói chuyện có duyên hết sức. Lúc cáo lui, anh hỏi hết sức lịch sự:

“Chip này, em có thể cho anh số của em để sau này khi cần đột nhập đồn địch, anh nhờ em tư vấn nhỉ?”.

Anh đi rồi, Katrina nhìn tôi cười tinh quái:

“Anh chàng được đấy chứ”.

Tôi cười toe toét.

25. Tình nguyện viên hụi ở Pune

Để tìm việc, cơ hội thực tập hay cơ hội tình nguyện, Ấn Độ có một trang web rất hiệu quả tên là LetMeKnow. Qua trang web này, tôi tìm được một công việc tình nguyện ở Pune – thành phố cách Mumbai khoảng một trăm kilomet. Ashutosh, một chính trị gia địa phương, thành lập một tổ chức phi chính phủ với mục đích giúp giới trẻ Pune hiểu biết hơn về những gì diễn ra xung quanh đồng thời củng cố tư duy phản biện. Công việc của tôi là hàng ngày đọc tin cho học sinh cấp hai và đưa ra câu hỏi để các bé tranh luận quanh chủ đề này. Ashutosh hết sức thích thú khi nhận được email của tôi: “Ở đây học sinh ít khi nhìn thấy người nước ngoài. Chắc chắn chúng sẽ rất hồ hởi khi được gặp em”.

Host Couchsurfer của tôi ở Pune là Kranti Kanade.

Kranti có một profile thú vị đến mức nếu không có việc gì ở Pune, tôi cũng sẽ vẫn đến đây chỉ để gặp anh. Profile trên Couchsurfing giới thiệu anh là đạo diễn, về Pune sống ẩn dật vì không thích cuộc sống phồn hoa ồn ào ở Mumbai. Profile cũng nói rằng anh có một bộ sưu tập sách rất đồ sộ, và bất cứ ai ham đọc và muốn có những cuộc đàm thoại sâu sắc đều được chào đón. Bệnh nghề nghiệp, tôi gõ tên anh trên Google và hết sức bất ngờ khi thấy trang Wikipedia nói về anh. Anh đã từng đoạt bảy giải làm phim cấp quốc gia ở Ấn Độ. “Mahek”, bộ phim anh làm được lựa chọn đưa vào giáo trình giảng dạy của một trường đại học ở Mỹ. Đó quả thực là thành tích đáng khâm phục với một nhà làm phim ở độ tuổi mới chỉ ba mươi như

Kranti đến đón tôi ở bến xe bus. Ấn tượng đầu tiên của tôi về Kranti là anh có vẻ rất hiền, dịu dàng đến mức có vẻ gì đó nữ tính. Anh mặc vest rất chỉnh chu, trong túi lúc nào cũng có một chiếc khăn tay. Người lái xe của anh lúc Kranti không ở đây đã thì thầm với tôi rằng tôi ở với Kranti là may đấy, vì “Kranti chu đáo như một người mẹ vậy”.

Kranti sống với mẹ trong một căn hộ hai tầng, một khu nhà xây dựng từ thời thuộc địa. Căn hộ tuy nhỏ nhưng hết sức ấm cúng với phòng khách, phòng bếp, ban công rộng lớn ở tầng một cùng ba phòng ngủ ở tầng hai. Kranti vốn yêu thích nghề thợ mộc, đồ gỗ trong nhà như bàn ghế, giường tủ đều do anh tự tay làm. Có lẽ vì thế mà căn hộ có cái gì đó rất “Kanade”. Thật khó mà hình dung anh sống ở một nơi nào khác. Đúng như anh nói, anh có một tủ sách đủ lớn để làm một bức tường tràn ngập sách. Cả bố và mẹ Kranti đều là tiến sĩ, nhưng bố anh đã qua đời từ mấy năm trước. đam mê điện ảnh của anh được khơi nguồn từ rạp chiếu bóng mà bố mẹ anh sở hữu khi anh còn nhỏ. Khác với những gia đình trung lưu của Ấn Độ, gia đình Kranti không thuê người giúp việc mà anh và mẹ tự nấu ăn. Lúc bấy giờ tôi đã quen với việc nhìn thấy bộ sưu tập gia vị đồ sộ trong bếp của người Ấn Độ rồi nên không còn choáng khi thấy cả trăm lọ to nhỏ đứng chật kín trong bếp nhà Kranti nữa. Sau này đi nhiều hơn tôi mới nhận ra rằng chỉ ở Việt Nam mình mới sử dụng ít gia vị thế.

Tôi gặp Ashutosh ở một cửa hàng. Ông thết tôi món gì tôi cũng không còn nhớ tên (Từ giờ phải chăm chỉ ghi chép lại tất cả những gì mắt thấy tai nghe miệng nếm trên đường mới được), nhưng đại loại là hai vòng tròn bánh rán nhúng trong súp làm với nước cốt dừa, hương vị đậm chất Nam Ấn. Sau đó ông dẫn tôi đi một vòng quanh các trường học mà tôi sẽ tình nguyện trong vài tuần tới. Ông đưa cho tôi một tờ báo địa phương và bảo tôi chọn một tin. Tôi chọn bài viết lên án thói quen khắc nhổ bữa bãi của người dân Ấn Độ và Nepal. Bài viết đúng ý tôi quá. Tác giả đưa ra lý lẽ rằng khắc nhổ vừa bất lịch sự, vừa mất vệ sinh, lại là tác nhân lan truyền các bệnh truyền nhiễm qua đường nước bọt như viêm phổi. Không đâu mà người dân khắc nhổ ngoài đường nhiều như ở đất nước này. Người ta nhổ ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào, bất kể khi đang làm gì: khắc nhổ khi đang đi bộ, khắc nhổ qua cửa kính ô tô, khắc nhổ qua cửa xe bus, khắc nhổ qua cửa sổ. Cứ khoảng mười phút là người ta lại dừng lại, lấy hơi rồi nhổ mỗi bãi rất to. Đùa chứ, trình độ chắc chắn phải là kết quả của một quá trình thực hành lâu dài, chứ những người không quen khắc nhổ như tôi thì có cố đến mấy cũng không bao giờ tổng hợp

được nhiều nước bọt đến thế. Điều nguy hiểm là khách du lịch đến đây không những không giúp người địa phương sửa được thói quen này mà lại có xu hướng bị nhiễm nó. Asher, người bạn sau này tôi gặp ở Nepal, ít nhiều bị nhiễm thói xấu này khi đang ở đây. Anh bao biện vì Ấn Độ và Nepal bụi quá, không khắc nhỏ không chịu được. Tom Thumb, anh chàng đi nhờ xe từ Anh đến Ấn Độ, viết trong cuốn nhật ký, thói quen khắc nhỏ anh học từ Ấn Độ gây cho anh không ít phiền toái khi quay trở lại Châu Âu. Bạn gái anh được một phen hốt hoảng khi bắt gặp anh nhổ một bãi nước bọt rõ to ngay trong chậu rửa mặt. Ashutosh có vẻ rất hài lòng với sự lựa chọn của tôi. Học sinh nơi đây cũng có vẻ quý tôi. Ông hên sáng mai sẽ cho xe đến đón đưa tôi lên trường.

Nhưng mà sáng hôm sau tôi chờ mãi chờ mãi không thấy ai đến. Gọi điện ông không nhắc máy, nhắn tin ông không trả lời. Tôi lấy máy của bạn tôi gọi cho ông, ông nhắc máy, nhưng vừa nghe thấy giọng tôi phát là: “Xin lỗi, tôi đang bận một chút” rồi cúp máy. Tôi gọi điện lại thì không nhắc máy. Tôi cực kỳ ghét kiểu làm ăn như thế. Trong công việc thay đổi kế hoạch là chuyện khó tránh khỏi, nhưng ít nhất phải báo cho những người liên quan biết.

Bực mình, tôi dành thời gian còn lại đi khám phá Pune trước khi quay trở về Mumbai. Ngay lập tức, tôi hiểu tại sao Kranti lại chọn nơi đây để tìm lại cảm hứng sáng tác. Là thành phố lớn thứ hai bang Maharashtra (chỉ nhỏ hơn bang Mumbai), Pune được coi là thủ đô văn hóa của bang. Khác với thời tiết oi nồng ở Mumbai, Pune có thời tiết vô cùng mát mẻ dễ chịu. Với gần hai ngàn năm lịch sử hào hùng, Pune là quê hương của nhiều kiến trúc cổ kính xinh đẹp, hòa quyện một cách hoàn hảo vào những rặng cây xanh bạt ngàn, vô tư lự với cuộc sống hiện đại diễn ra xung quanh. Nếu chịu khó để ý, bạn sẽ dễ dàng nhận thấy dấu vết rõ rệt của những sự kiện phi thường diễn ra trong quá khứ. Đã từng đặt chân lên cả trăm thành phố, đây là nơi duy nhất mà tôi từng thấy một nhà thờ được trưng dụng để làm chợ: tượng thần Ganesh, Shiva được bày bán ngay cạnh những bức tường chạm khắc hình thánh giá.

Được mệnh danh là “Oxford của phương Đông”, Pune là nơi tập trung hàng trăm trường đại học của cả nước. Nếu như ở Kolkata ai cũng là nhà văn, ở Mumbai ai cũng là diễn viên, đạo diễn thì Pune ai cũng là sinh viên. Lực lượng sinh viên hùng hậu nơi này tạo cho Pune một không khí náo nhiệt trẻ trung và một cuộc sống về đêm hết sức sôi động. Buổi tối, tôi cùng CouchSurfer khác đến các quán bar thưởng thức nhạc sống chơi bởi các ban nhạc sinh viên hết sức tài năng của thành phố này. Ban ngày, tôi ở nhà lục bộ sưu tập sách của Kranti. Lúc bảy giờ Kranti vẫn đang trong quá trình sửa kịch bản cho bộ phim anh sắp làm, “Against itself”. Anh đưa kịch bản cho tôi đọc. Tài năng của Kranti quả thực không thể phủ nhận. Chỉ là kịch bản thôi cũng đủ hấp dẫn để tôi đọc một lèo một ngày đến hết. Sau này đổi tên thành “Gandhi of the month”, bộ phim hiện đang trong quá trình sản xuất với dàn diễn viên chính bao gồm Harvey Keitel (diễn viên của Taxi Driver, Pulp Fiction...) và Ayush Mahesh (diễn viên nhí trong phim Triệu phú khu ổ chuột). Du lịch cho phép ta gặp gỡ những con người mà nếu như chỉ ở nhà, có lẽ không bao giờ ta có cơ hội tiếp cận.

26. Ở lại Mumbai, săn nhà săn việc

Tôi không biết tôi yêu Mumbai trước hay yêu Veera trước. Nhưng tôi biết mình thuộc về nơi này trong buổi tối Veera đưa tôi đi dạo quanh vịnh Marine Drive. Hàng trăm ánh đèn e ấp nối đuôi nhau tạo thành một đường cong duyên dáng quanh vịnh, rực rỡ như chiếc vòng cổ xinh đẹp của một vị nữ hoàng. Vì biển trời mênh mông và vì chàng trai đứng cạnh, tôi quyết định ở lại Mumbai. Ha, nói thế cho lãng mạn thôi chứ lý do thực sự là tôi hết tiền, phải ở đây kiếm việc gì làm một vài tháng mới có tiền mà đi tiếp được.

Việc quan trọng nhất bây giờ là tìm nhà. CouchSurfing có thể ở vài ngày đến một tuần, chứ ở cả tháng trời thì khó lắm. Các thành phố lớn của Ấn Độ được cái Internet rất phát triển, cái gì cũng có thể tìm online được. Có khá nhiều trang web chuyên đăng tin mua bán và cho thuê nhà. Tôi tìm được khoảng hai mươi địa chỉ cho thuê phòng với giá trong khoảng 5000 – 10000R (khoảng 2 – 4 triệu) một tháng. Tuy nhiên, hầu hết các chỗ đó hoặc là đắt quá, hoặc là xa bến tàu quá, hoặc là những người ở cùng nhà có vẻ thích sàm sỡ quá. Phần nhiều trong số đó là PG, viết tắt của Paying Guest, kiểu ở trọ cùng với chủ nhà, tức là người trọ chỉ có một chiếc giường kê ngoài phòng khách. Ở kiểu đó rẻ nhất, lại không phải đặt cọc nên khá nhiều sinh viên chấp nhận. Tôi muốn có sự riêng tư cá nhân nên tìm phòng riêng. Tuy nhiên, phòng riêng đồng nghĩa với việc phải đặt cọc trước cả năm. Tôi thì lại không có nhiều tiền đến vậy. Đi lại xem phòng mãi, cuối cùng tôi cũng ưng ý một căn phòng ở Santa Cruz East. Đây là một căn hộ hai phòng ngủ, một phòng bếp trong một khu chung cư tuy có vẻ cũ kỹ nhưng khá an toàn. Căn hộ này có vị trí đi lại hết sức thuận tiện bởi nó nằm ngay phía sau bến tàu Santa Cruz. Hiện tại có hai cậu sinh viên đang ở đây. Họ đang ở một phòng, cho thuê phòng còn lại với giá 5000R. Yêu cầu đặt cọc chỉ là một tháng, tôi có thể xoay xở được.

Sáng hôm sau, tôi dậy sớm tha lỏi tất cả đồ đạc của mình đến đây hy vọng có thể chuyển vào trước khi những người bạn ở cùng tương lai đi làm mất. Họ hẹn tôi chín giờ. Đúng chín giờ sáng, tôi bấm chuông cửa thì thấy một anh chàng ngái ngủ ra mở cửa. Tôi bước vào căn phòng của mình thấy chiếc bàn học để đầy sách vở của mấy anh chàng này vẫn còn ở đấy, trên giường là vài chiếc quần xà-lông con trai. Tôi ngạc nhiên hỏi:

“Ừa, anh bảo chiếc bàn này là bàn học của các anh mà?”.

“Ừ”.

“Sao anh không chuyển đi?”.

“Không, không chuyển được. Giờ đang là mùa thi bọn anh phải học đêm nhiều”.

“Nhưng đây là phòng em. Chuyển bàn về phòng của anh đi”.

“Không vừa”.

“Thế thì chuyển vào bếp”. (Căn hộ này có một phòng bếp rất rộng)

“Ai lại học trong bếp?”. Anh chàng này cuối cùng cũng tỉnh ngủ, dụi mắt nhìn tôi ngơ ngác như thể tôi vừa nói điều gì đó ngớ ngẩn vậy.

“Thế ai đời con trai lại cứ nửa đêm vào con gái ngồi HỌC?”.

Cãi nhau một hồi, anh ta bắt đầu giải thích là họ không muốn cho thuê phòng này hoàn toàn, mà vẫn muốn sử dụng phòng này. Anh ta còn đưa ra yêu cầu, nếu tôi ở đây thì cuối tuần khi họ đi chơi cùng bạn gái về khuya, tôi phải cho cô ta ngủ chung giường với tôi. Tôi cố gắng nuốt trôi cục tức: “Xin lỗi, tôi không thể ở đây được” rồi tức giận bỏ đi.

Trời lúc đấy mưa như trút nước. Tôi mang theo ba lô nặng trĩu trên vai không biết đi đâu về đâu. Arfi đã về quê thăm gia đình ở Punjab. Veera đang ở dưới tàu ngầm. Đứng trú mưa trong một cửa hàng ven đường, tôi lấy điện thoại ra, đăng một status kể khổ trên Facebook.

Bỗng tôi nhận được điện thoại của Swapnil. Anh đọc được status trên Facebook và hết sức lo

ngại cho tôi. Anh hỏi tôi đang ở đâu, tôi trả lời “gần bên tàu Santa Cruz”. Anh bảo tôi vào một cửa hàng ở gần đó ngồi gọi cái gì đó ăn sáng, mười lăm phút sau anh có mặt.

Lúc nhìn thấy Swapnil, tôi cảm giác như mình vừa thấy thiên thần bước ra từ trong truyện cổ tích. “Đừng lo. Về nhà anh nghỉ tạm đã. Chỗ anh có Internet, anh sẽ tìm cho em một chỗ ở”. Thế là tôi theo anh về căn hộ của anh ở Kandivali West. Lúc lên mạng ở nhà anh, tôi phát hiện trang chủ Twitter của tôi tràn ngập tin với nội dung đại loại như: “@chipro đang tìm nhà ở Mumbai. Phòng riêng, gần bến tàu, giá dưới 10.000R/tháng, đặt cọc tối thiểu. Ai biết liên hệ 09xxxxxxx”. Hóa ra Swapnil đưa thông tin này lên Twitter, và có tới ít nhất ba chục người sử dụng Twitter ở Mumbai đăng lại tin này.

Swapnil cùng một số Blogger khác bắt đầu chiến dịch săn tìm nhà cho tôi. Anh tìm trên mạng, đọc trên báo, nhờ người quen giới thiệu. Có địa chỉ nào anh cũng tự mình đến xem trước xem có ổn không rồi mới dẫn tôi đến xem. Trong thời gian đấy, tôi ở tạm nhà của một vũ công người Đức tên là Julia. Julia là bạn thân của một CouchSurfer tôi quen. Hai tuổi, Julia bắt đầu học nhảy, luyện thanh từ khi mới sáu tuổi. Sau một sự nghiệp thăng trầm ở Châu Âu, chị sang Ấn Độ tìm vận may ở Bollywood. Tuy nhiên sau nửa năm ở đây vận may của chị mới chỉ dừng lại ở những vai diễn quần chúng với một vài show biểu diễn. Chị ở căn hộ một phòng ngủ ở ngay cạnh bến xe bus. Tuy nhiên, khu chị ở khá phức tạp, không có cổng hay bảo vệ gì. Một buổi tối khi đi, tôi gặp một đám thanh niên đứng ngay tại bậc cầu thang hút thuốc gì tôi cũng không biết. Phải tự trấn an một lúc tôi mới dám đi qua.

Sau khoảng một tuần, cuối cùng tôi cũng tìm được một căn phòng ở Palms Hotel, Goregaon East, ngay cạnh Film City. Khu này từng được xây làm khách sạn nên rất đẹp, nhà khách rộng, phòng bếp hiện đại, mỗi phòng ngủ lại có nhà vệ sinh riêng. Vấn đề duy nhất là nó nằm sâu tít, xung quanh đồng không mông quạnh, cách đường chính khoảng ba kilomet. Có lẽ vì thế mà giá phòng rất rẻ. Tuy tôi tìm được căn phòng này thông qua một tin đăng trên CouchSurfing chứ không phải qua Swapnil, sự giúp đỡ mà Swapnil dành cho tôi khiến tôi vô cùng cảm kích. Chúng tôi trở thành bạn thân thiết từ khi đấy.

Tìm được nhà rồi, việc quan trọng tiếp theo là tìm việc. Ấn Độ không chỉ là miền đất hứa cho những tài năng điện ảnh, mà còn là mảnh đất màu mỡ cho những người đam mê công nghệ thông tin. Nếu muốn xem những ứng dụng web có ích cho cuộc sống hàng ngày nhất, bạn không cần đến Châu Âu hay Mỹ, hãy đến Ấn Độ. Ngay từ khi còn tham gia những hội thảo công nghệ ở Đông Nam Á, tôi đã nghe rất nhiều về sự sáng tạo và thực tế của cộng đồng công nghệ thông tin nơi đây. Họ có dịch vụ bán vé xe bus, bán vé tàu online; dịch vụ web cho phép bạn gửi tin nhắn đến các số điện thoại trong Ấn Độ hoàn toàn miễn phí; những chiến dịch làm social media⁽²¹⁾ quy mô và hiệu quả. Tôi được hai chỗ nhận vào làm, một với vị trí quản lý dự án cho một dịch vụ web, một với vị trí tư vấn social media. Vấn đề là những công ty mới khởi nghiệp này không đủ khả năng, cả về mặt tài chính lẫn pháp lý, để xin giấy phép cho tôi làm việc ở đây. Họ cũng không muốn chịu rủi ro thu nhận một nhân viên bất hợp pháp.

Nơi mà không ai đoái hoài gì đến giấy phép như nhà hàng, quán bar thì trả lương rất thấp. Trên dưới 10.000R thì không đủ cho tôi sống ở đây nói gì đến tiết kiệm tiền để đi tiếp. Mọi người khuyên tôi thử vận may với Call Center (trung tâm điện thoại). Rất nhiều thanh niên Ấn Độ lựa chọn công việc này vì lương cao (khoảng \$700/tháng), yêu cầu thấp bởi chỉ cần nói tiếng Anh thành thạo là được. Hai trong số ba người bạn ở cùng nhà với tôi làm ở Call Center. Bạn thân của Swapnil là Gari cũng có một công việc tương tự. Họ nói rằng các công ty đều lớn nên rất có thể họ sẽ xin work permit (giấy phép lao động) uy hiếp công việc này là một công việc vô cùng căng thẳng. Thử tưởng tượng tám tiếng liền bạn chỉ trả lời điện thoại thắc mắc của khách hàng. Trong khi người gọi toàn là những người đang gặp rắc rối với sản phẩm của mình, họ cáu, họ gắt, họ quát tháo và mình thì vẫn phải tươi cười trả lời. Vì Call Center làm việc với khách hàng ở châu lục khác nên giờ làm việc ở đây rất quái khiến cho những người làm việc ăn ngủ hết sức thất thường. Biết sức mình không chịu nổi nhiệt, tôi không đi theo

con đường này. Một buổi chiều khi đang than vãn ở nhà Swapnil, bất chợt anh chàng à lên một tiếng như vừa nghĩ ra cái gì đấy:

“Này Chip, em có viết list post không? Nếu có thì đề anh hỏi bên Walyou (trang web Israel mà anh đang cộng tác) cho em”.

“List post là gì?”.

“Đại loại là những bài viết liệt kê những thứ hot nhất, đỉnh nhất, ví dụ như 20 ván trượt hiện đại nhất, 15 mẫu thiết kế tủ lạnh của tương lai, 20 mẫu costume Star Wars kỳ quái nhất. Chủ đề chủ yếu là công nghệ, game, khoa học viễn tưởng. Em cũng thích mấy cái đấy mà”.

“Ừ, nhưng ai cho em cái danh sách ấy để viết?”.

“Tìm trên mạng. Yên tâm dễ lắm, đọc tài liệu hướng dẫn là làm được”.

Thế là Swapnil gửi email cho Eran, người sáng lập đồng thời là biên tập viên của Walyou. Không biết anh chàng ba hoa gì về khả năng viết lách của tôi mà Eran đồng ý. Công việc khá đơn giản, Eran sẽ gửi chủ đề cho tôi, tôi tìm leads (danh sách những thứ nằm trong danh mục), gửi cho Eran để phê duyệt. Eran sẽ gửi lại cho tôi list cuối cùng và tôi viết giải thích cho list ấy. Mỗi bài viết tôi mất khoảng ba tiếng để hoàn thành, 700 – 1.000 chữ, Walyou trả \$10 cho một list post. Ở Israel thì chắc là bóc lột sức lao động, nhưng so với mức thu nhập ở Ấn Độ thì cũng không tệ tí nào.

Krishna Janmashtami

Veera được lên đất liền và rủ tôi đi xem Krishna Janmashtami. Đây là một lễ hội Hindu tổ chức để kỷ niệm ngày sinh của thần Krishna, tổ chức hàng năm theo lịch của đạo Hindu. Năm 2010, Janmashtami rơi vào thứ Năm, ngày 2/9 (đúng ngày quốc khánh Việt Nam). Số tôi may bởi tôi ở đúng bang mà Janmashtami được đón nhận nồng nhiệt nhất: bang Maharashtra. Tại đây lễ hội này được biết đến như Dahi Handi có nghĩa là “Lọ đựng Curd”, một nét đặc trưng của lễ hội ở bang này. Cái tôi thích nhất ở đạo Hindu là các vị thần của đạo này rất “Con người” với tính cách không khác gì người phàm trần. Ví dụ, thần Krishna hồi nhỏ là một cậu bé rất nghịch ngợm. Cậu thích ăn Curd nên luôn tìm cách ăn vụng Curd của mẹ. Thế là mẹ cậu phải treo nôi Curd lên cao ngoài tầm tay với của cậu. Nhưng cậu bé Krishna không chỉ tham ăn mà còn rất thông minh. Cậu thuyết phục đám bạn xếp thành một kim tự tháp hình người, người này đứng trên vai người kia, đủ cao để cậu có thể với tay đến lọ đựng Curd quý báu. Tục lệ Handi được mô phỏng theo truyền thuyết này.

Trước ngày lễ, Handi đựng đầy Curd sẽ được treo lên cao. Các nhóm thanh niên sẽ phải tạo thành kim tự tháp người, và người trên cao nhất sẽ sử dụng một vật cứng để đập vỡ Handi. Các nhóm thanh niên này được gọi là Govinda Pathaks. Dĩ nhiên, những nhóm thành công sẽ nhận được giải thưởng là tiền mặt và quà tặng. Khắp thành phố Mumbai trong ngày lễ sẽ có khoảng bốn ngàn Handi được treo và khoảng hai ngàn nhóm Govinda Pathaks cạnh tranh để giành phần thưởng. Veera cho rằng xem những kim tự tháp người xây và đổ này sẽ là một trải nghiệm “Không thể nào quên”. Anh nói cụm từ “Không thể nào quên” với giọng kéo dài đầy châm biếm nên tôi không biết đây là điều tốt hay xấu nữa.

Lúc ấy tôi vẫn đang ở nhà Julia. Buổi sáng hôm ấy, chúng tôi quyết định mặc cái gì đó “Ấn Độ” một chút nên Julia cho tôi mượn một bộ shalwar kameez màu hồng, còn chị mặc một bộ màu xanh. Shalwar kameez khá giống bộ áo dài ở mình, khác cái là phần áo chỉ dài đến gần gối. Để hoàn chỉnh dự án Ấn Độ hóa, chúng tôi còn đeo khăn cùng màu và gắn hạt binti cùng màu lên trán. Bao nhiêu công sức là thế vậy mà khi gặp Veera bò lăn ra cười rồi n một câu xanh rờn là nhìn chúng tôi không khác gì khách du lịch nước ngoài điển hình.

Vì chúng tôi muốn đến nơi đông vui nhất, Veera dẫn chúng tôi đến một khu phố cổ ở Bandra East. Khu phố cổ này có nét gì đó khá giống phố cổ Hà Nội với những ngôi nhà gỗ hai tầng, những con hẻm nhỏ, những hàng hiên hẹp được che phủ bởi những mái nhà cong cong. Đến nơi rồi chúng tôi ngay lập tức nhận ra sai lầm của mình. Theo tiêu chuẩn Ấn Độ, “Vắng vẻ” thì có nghĩa là “Đông”, còn “Đông” có nghĩa là “Không thờ được”. Đường phố tràn ngập người. Vì chiều cao khiêm tốn, tôi không thể nào nhìn quá gáy của hàng trăm người đàn ông trước mặt. Chen lấn mãi chúng tôi mới leo lên được một mái hiên nơi có tầm nhìn tốt hơn và mật độ người thấp hơn.

“Này, hiên này là của nhà riêng mà, mình được phép lên không?”.

Veera nhún vai: “Quan trọng gì”.

Mỗi góc phố đều có một Handi. Từ vị trí chiến lược này, chúng tôi có thể nhìn thấy ba Handi ở ba góc khác nhau. Handi ở gần tôi nhất, theo ước lượng của chúng tôi, phải cao đến mười ba mét. Bên dưới Handi đây là cả trăm nam thanh nữ tú mặc đồng phục màu đỏ. “Đây là một nhóm Govinda. Họ chuẩn bị xây kim tự tháp người đây”, Veera giải thích. “Handi này cao nên cần nhiều người”. Ban đầu, tất cả đứng sát vào nhau tạo thành một vòng tròn đặc kín người. Sau đó người này leo lên vai người kia, chuyên nghiệp không khác gì diễn viên nhào lộn. “Trước Dahi Handi các nhóm này phải tập luyện rất cẩn thận”. Sau bảy tầng người, kim tự tháp chỉ còn cách Handi khoảng hai mét. Đứa gà như tôi cũng có thể biết đây là thời điểm căng thẳng nhất bởi tiếng hò hét của mọi người xung quanh bỗng ngưng lặng xuống. Tất cả nín thở theo dõi một cậu bé cao gầy nhanh nhẹn leo lên trên tầng cao nhất của kim tự tháp. Người phá Handi luôn là trẻ con bởi người lớn quá nặng cho vị trí này. Đứng trên vai hai người

đàn ông trên cùng, cậu với tay cô gắng đập vỡ lọ, nhưng sau vài lần ngã nghiêng, cậu mất thăng bằng ngã xuống. Toàn bộ kim tự tháp cũng theo đó mà sụp đổ. Hàng trăm cánh tay ở dưới giơ lên cố gắng đỡ được ai thì đỡ. Trong cảnh tượng vô cùng hỗn loạn bên dưới, tôi dễ dàng nhận thấy một cô gái Govinda bị gãy tay nằm nhẵn nhụi, người xung quanh thi nhau vẩy nước và phẩy tay quạt với hy vọng ít nhất cô bé có đủ không khí để thở trong lúc chờ xe chở tới bệnh viện. Tội nghiệp cô bé, giờ để chen ra khỏi đám đông cũng không phải chuyện đơn giản

Nghỉ ngơi khoảng vài phút, toàn bộ quá trình được lặp lại từ đầu trong sự kinh ngạc của cả tôi và Julia. Veera, như những người Ấn Độ khác đã quá quen với cảnh này, hồn nhiên: “Dĩ nhiên họ sẽ tiếp tục, mới ngã một lần thì ai đã bỏ cuộc”. Lần này họ lại bị ngã. Nhưng đúng với tinh thần Govinda, họ đứng dậy tiếp tục chinh phục đỉnh Handi danh vọng. Đến lần thứ tư, cuối cùng họ cũng thành công. Lúc Curd từ Handi nhỏ tong tong xuống cũng là lúc cả con phố như nổ tung với tiếng reo hò. Không chỉ Govinda mà tất cả mọi người xung quanh cùng reo hò nhảy múa. Cậu bé vừa đập vỡ Handi trở thành anh hùng, được mọi người công kênh chạy khắp phố. Nước té tung tóe làm tôi liên tưởng đến lễ hội té nước ở Lào và Thái Lan. Không ai biết đây có phải là một phần của nghi lễ không hay chỉ vì trời nóng quá nên mọi người phát cuồng.

Chúng tôi xuống đường tính đi tìm một Handi khác cao hơn để xem. Trời nắng chang chang, ai nấy mồ hôi nhễ nhại. Người ta hay nói người Ấn Độ có mùi đặc trưng do đồ ăn của họ sử dụng nhiều gia vị cay nóng và chen lẫn trong dòng người nhớp nháp mồ hôi này tôi mới thấm thía “đặc trưng” nghĩa là thế nào. Không chỉ thế, tôi còn có cảm giác như hàng trăm cánh tay từ đủ mọi phương hướng cố gắng sờ soạng khắp người mình. Julia da trắng tóc vàng nên còn chịu nhiều tổn thất hơn. Veera đơn thương độc mã phải cố gắng lắm mới đưa được chúng tôi thoát khỏi đám đông một cách trọn vẹn. Đứng trong bóng râm để lấy lại hơi, Veera lên tiếng hỏi:

“Em biết cái gì rẻ nhất trong khu Hải quân không?”.

“Con trai?”.

“Không”. Veera phá lên cười “Bia”.

“Thật á?”.

“Ừ, phải có bia thì lính nơi đây mới chấp nhận được thực tại”. Veera vui vẻ nói “Ở trại lính đồ uống có cồn không phải chịu thuế”.

Nghe thấy bia là mắt Julia sáng rực lên. Chúng tôi bắt tàu đi ngược Colaba. Julia tóc vàng không lén vào được trại Hải quân nên tôi cùng cô đứng ngoài đợi. Veera hớn hờ quay trở ra với chục lon bia giấu trong ba lô của mình. Sau đó chúng tôi bắt tàu đi xuống Bandra. Bình thường uống rượu bia ngoài bãi biển là bất hợp pháp, nhưng Veera biết một chỗ ngay dưới gầm cầu Sea Link có thể ngồi uống mà không bị ai bắt gặp. Đúng như tên gọi của nó gợi ý, Sea Link là cây cầu bắc qua biển nối liền hai phần của Mumbai là Bandra và Worli. Dài năm, sáu kilomet, Sea Link là niềm tự hào của kiến trúc nơi đây. Sea Link đẹp nhất là vào buổi tối khi hệ thống ánh sáng đất tiền của nó phát huy công suất tối đa. Lúc đấy, cây cầu giống như một sợi dây ánh sáng vắt qua mặt biển đầy sao.

Bãi biển bí mật thông với thế giới bên ngoài bởi một đường hầm phủ đầy Graffiti. Chúng tôi chọn cho mình ba chỗ ngồi trên bãi đá đã bị sóng đánh mòn. Sea Link kẻ một đường cong phân cách bầu trời và mặt nước.

“Sao anh biết uống bia ngoài biển là bất hợp pháp?”.

“Tụi anh từng bị bắt một lần rồi”.

Có một điều tôi không thể hiểu về Veera và có lẽ chính anh cũng không hiểu:

“Làm thế nào mà người ham vui, nổi loạn, sẵn sàng phá bỏ bất cứ luật lệ nào như anh lại có thể sống sót trong quân đội?”.

“Lương cao, đãi ngộ tốt”. Anh trả lời.

“Vớ vẩn. Đừng có lấy cái đấy ra bịp em”.

“Ha ha, em hỏi câu khó quá. Bản thân anh suốt bảy năm vừa qua cũng tự hỏi mình câu hết như vậy mà đến giờ vẫn chưa tìm được câu trả lời thích đáng”.

“Anh tham gia hải quân từ năm mười bảy tuổi. Hồi ấy cũng chẳng có gì là lạ khi một thằng con trai sinh ra trong môi trường Hải quân, lớn lên trong môi trường Hải quân, có gia đình làm Huyết định theo nghề nghiệp cha cả. Khi kí hợp đồng hai mươi năm, anh đâu ý thức được rằng mình đang bán đi một phần đáng kể của cuộc đời mình. Lúc đấy anh đâu có suy nghĩ được như em để biết mình muốn gì. Khi biết mình muốn gì, anh đã bị kẹt với cái nghề này rồi”.

“Bây giờ đâm lao thì phải theo lao. Đằng nào anh cũng lặn vào cái nghề này rồi, anh sẽ đẩy mọi thứ đến giới hạn tối đa, ăn Hải quân, ngủ Hải quân, chơi Hải quân xem cuộc sống sẽ đi đến đâu”. “Nếu hiếp dâm là điều không thể tránh khỏi, thì tốt hơn là nên chiều theo và tận hưởng nó như người ta khuyên?”.

Anh phá lên cười.

28. Bữa tiệc sinh nhật bất ngờ

Tôi chuyển đến nhà ở mới được một tuần thì sinh nhật tôi, chủ nhật ngày 19/9. Không có nhiều bạn ở Mumbai, cũng chẳng có tiền mà tiệc tùng, tôi quyết định sẽ lẳng lẳng đón sinh nhật một mình. Sáng thứ bảy, Guru gọi điện cho tôi hẹn gặp ăn trưa. Guru là bạn của Preetam, người bạn gốc Ấn của tôi ở Singapore. Khi biết tôi đang ở Mumbai, Preetam giới thiệu anh cho tôi. Chúng tôi hẹn gặp nhau ở một nhà hàng Trung Quốc khá nổi tiếng gần nhà tôi. Guru biết tôi thèm ăn đồ Việt Nam nhưng vì ở Mumbai không có nhà hàng Việt nào nên dẫn tôi đến đây ăn bù. Công việc Guru làm có lẽ là công việc mơ ước của nhiều người. Anh là kỹ sư tàu thủy. Cứ bốn tháng trên tàu là anh lại có bốn tháng nghỉ ăn lương. Tàu anh làm là tàu chở hàng di chuyển giữa Ấn Độ và Châu Âu. Khi làm việc trên tàu, anh có cơ hội đến thăm nhiều nước Châu Âu. Khi khng phải làm việc, anh muốn đi đâu thì đi. Ăn xong, tôi rủ Guru đi mua sách.

“Em có thói quen cứ sinh nhật thì mua tặng mình một quyển sách hay”. Tôi hồn nhiên kể với Guru. Tôi mua cho mình cuốn Five point someone của Chetan Bhagat. Cuốn sách này mới được chuyển thành bộ phim 3 Idiots được đạo diễn bởi ngôi sao Aamir đang làm mưa làm gió ở Bollywood, ai cũng nói về bộ phim này nên tôi muốn đọc thử xem sao

Lúc đưa tôi về, bắt chợt Guru ddauw tôi một quyển sách gói rất đẹp: Maximum City: Bombay Lost and Found của Suketu Mehta. Anh xin lỗi rằng anh không biết hôm đấy là sinh nhật tôi nên anh không chuẩn bị trước được. Tôi cảm ơn anh những cứ áy náy sợ anh có khi nghĩ là tôi nhắc khéo.

Tôi về, bước chân vào nhà, tôi thấy ba anh chàng cùng nhà ăn diện hết sức bảnh bao. Allen giục tôi thay đồ nhanh nhanh cả nhà đi Blue Frog. Blue Frog là một trong những câu lạc bộ đêm lớn và sang trọng nhất Mumbai. Tôi nhớ nhó:

“Blue Frog vé vào cửa đắt lắm”.

“Ash nhờ bạn cho mình vào danh sách khách mời nên không phải trả tiền. À, mà nhớ mặc đẹp vào đấy”.

Tôi tủi thân vì không ai nhắc gì đến sinh nhật. Cả ba người đều là bạn tôi trên Facebook mà không ai thấy thông báo của Facebook à? Tôi mặc lên người chiếc váy duy nhất mà mình có. Đi dép cao gót vào, buộc tóc gọn gàng lại, đeo đồ trang sức lên, tôi soi gương rồi tặc lưỡi: “Nhìn mình cũng dễ thương đấy nhỉ?”. Allen và Titus thì cứ trêu tôi cả buổi tối rằng tôi mặc váy vào nhìn cũng giống con gái. Ash thì liên tục giả vờ treo chân như thể anh đang đi dép cao gót vậy.

Đội chúng tôi ở Blue Frog là ba người bạn khác của Allen: hai người con gái mà tôi quên mất tên rồi và một anh chàng tên là Ken. Ken cao ráo, da trắng, mắt nâu, tóc nâu, có vẻ gì mơ màng giống Neo ở trong phim Ma trận vậy.

“Ken đẹp trai không?”. Allen thì thào vào tai tôi sau khi giới thiệu tôi với mọi người.

Tôi nhún vai:

“Nhìn cũng được”.

“Ken là diễn viên đấy

“Ở Bollywood thì ai mà chả là diễn viên”, tôi nghĩ thầm trong bụng. Julia cũng là diễn viên. Nhiều người có được một vài vai quần chúng cũng tự gọi mình là diễn viên.

Hôm đó là cuối tuần nên Blue Frog rất đông. Sàn nhảy chật cứng người. Không hiểu vô tình hay cố ý mà chỗ xung quanh bàn của chúng tôi đặc biệt đông hơn hẳn. Thình thoảng lại có người đến chụp ảnh chúng tôi, bảo vệ phải đến ngăn không cho họ lại gần. Nitesh lúc đấy cũng đang có mặt ở Blue Frog bởi anh được vũ trường thuê để chụp ảnh. Anh chạy đến chào hỏi chúng tôi rồi lại phải tiếp tục đi làm nhiệm vụ. Đúng mười hai giờ, tự nhiên DJ chuyển sang chơi bài Happy Birthday. Một anh chàng phục vụ bàn bưng chiếc bánh sinh nhật cắm nến lung linh đến bàn chúng tôi. Allen cười hi hỏ

khi thấy bộ mặt ngơ ngác ra vì ngạc nhiên của tôi:

“Em tưởng tui này không biết sinh nhật của em hả? Nhìn mặt em tiu nghỉu lúc tối buồn cười lắm, nhưng không ai nói vì muốn em bất ngờ”.

Cả vũ trường, hàng trăm người, quay về phía chúng tôi hát mừng sinh nhật. Chưa bao giờ tôi được nhiều người chúc mừng sinh nhật đến thế. Từ hồi học cấp ba tôi đã sống xa nhà nên chẳng được bố mẹ tổ chức sinh nhật cho. Tôi đứng ngây ra, xúc động đến suýt phát khóc. Mọi người ôm tôi chúc mừng sinh nhật. Ken hôn nhẹ lên cổ tôi. Tôi đỏ bừng mặt. Sau đó, Ash đưa chúng tôi đến một nhà hàng rất đẹp để tôi có một bữa tối sinh nhật tử tế. Julia đến tham gia cùng chúng tôi. Lần ấy là sinh nhật vui nhất từ trước đến giờ của tôi.

Mấy hôm sau, Allen đang nói chuyện với bạn trên điện thoại thì chạy đến đưa điện thoại cho tôi:

“Ken muốn nói chuyện với em”.

Ken cho tôi hay cuối tuần này anh có buổi biểu diễn ở Hard Rock Café, anh mời tôi đến xem. Anh hỏi số của tôi, nhưng tôi không nhớ số của mình. Tôi bảo anh rằng nếu tôi đi được sẽ lấy số của anh từ Allen để báo cho anh biết. Nói vậy rồi cuối tuần tôi đi chơi với Swapnil và đám bạn nên cũng quên bằng đi mất. Khoảng hai tuần sau, tôi gặp lại Nitesh. Anh hỏi:

“Sao em lại quen Ken?”.

“Ken nào cơ?”.

“Ken mà em đi cùng đến Blue Frog hôm sinh nhật em ấy”.

“À, Ken là bạn của Allen. Anh cũng biết Ken à?”.

“Ken thì ai mà không biết”.

Lúc bảy giờ Nitesh mới giải thích cho tôi rằng Ken là một diễn viên, ca sĩ nhạc rock rất nổi tiếng ở Ấn Độ. Tôi về nhà tìm đọc về anh trên Wikipedia thì đúng là anh nổi tiếng thật. Biết rằng anh nổi tiếng, tự nhiên tôi quan tâm đến anh hẳn lên. Suýt nữa tôi còn hỏi Allen số của anh để liên lạc. Nhưng rồi tự nhiên tôi ngồi cười một mình. Tại sao vấn đề anh nổi tiếng hay không lại ảnh hưởng đến cách cư xử của tôi như thế? Ôi buồn thế, hóa ra mình cũng nông cạn như ai!!!

29. Những người bạn cùng nhà

Khi viết Blog về sinh nhật ngày hôm đó, tôi có kết thúc bằng một phút dành cho quảng cáo thế này: “Mình có ba anh bạn cùng nhà (nếu nhìn kĩ thì cũng) đẹp trai, được giáo dục tốt (đặc biệt sau khi ở với tôi), công việc ổn định (không bao giờ sợ mất việc vì chẳng ai thêm công việc của họ). Vì một số lý do ai cũng biết những không tiện nói ra ở đây, họ đều chưa có bạn gái. Vậy nên, đàn bà con gái trong lứa tuổi 18–28, xinh xắn, độc thân, tuyệt vọng và muốn có bạn trai, làm ơn liên hệ với mình ngay nhé. Mình rất mong muốn được tổng khứ mấy anh chàng này đi”.

Ba anh chàng cùng nhà này là Ashwin (mà chúng tôi hay gọi là Ash), Allen và Titus. Khi tôi đến xem nhà, theo kế hoạch thì sau khi Ashwin chuyển về Bangalore tháng tới tôi sẽ chuyển vào phòng anh. Nhưng vì tôi đang cần nhà gấp, Allen và Titus chuyển vào ở cùng một phòng để phòng trống cho tôi ở. Để tôi khỏi phải cảm thấy khó xử, hai người giải thích rằng vì cả hai cùng làm ở Call Center, giờ giấc không trùng nhau nên chẳng mấy khi dùng phòng cùng lúc. Nhưng tôi hiểu rằng lý do gì đi chăng nữa, ai mà không muốn có sự riêng tư cá nhân. Họ cho tôi ở nhờ vì muốn giúp tôi mà thôi.

Ash làm quản lý marketing cho Nike, một công việc mà tất cả chúng tôi đều ghen tị. Ngoài lương và thưởng, cứ ba tháng anh lại được cho \$2000 để đi mua đồ Nike với lý do là anh cần nhìn “Nike” hoàn toàn khi gặp gỡ khách hàng. Đây là chưa kể khi Nike có sản phẩm mới hay ra đồ khuyến mại, anh lại được nhận đồ miễn phí. Tất cả những thứ anh dùng đều Nike: từ mũ lưỡi trai, áo phông, đồ thể thao, tất, túi xách, đến cả quần lót cũng Nike. Giày thì thôi khỏi nói. Ở căn hộ mà chúng tôi ở, anh có khoảng ba mươi đôi. Còn ở nhà anh ở Bangalore anh có hẳn một phòng riêng chuyên để chứa giày, phải tám mươi đôi là ít. Lúc đấy tôi đang đi giày Adidas. Anh nhìn tôi rồi nhíu mày: “Chip muốn có giày mới không? Anh mua tặng cho một đôi Nike”. Hóa ra anh có nhiều tiền để mua đồ Nike quá anh không biết để làm gì nên cứ thỉnh thoảng lại dẫn bạn bè đi theo. Vấn đề duy nhất là anh không được phép mặc bất kỳ đồ của hãng thời trang thể thao nào ngoài Nike. Giả sử khi nào anh chán việc thì anh không cần viết đơn xin nghỉ việc, chỉ cần mặc cái gì đó của Adidas tới là sẽ được cho nghỉ ngay lập tức.

Titus tính trẻ con nhất nhà. Allen có một chú chó giống Đức daschund mới sáu tháng tuổi tên là Scratch. Chú cún này nhỏ xíu, chân ngắn tũn những cái lưng dài ngoằng, tai to, lông đen mượt. Tôi nào Titus cũng phải ôm Scratch mới ngủ được. Anh cũng là người có giờ giấc làm việc quái đản nhất, lịch làm việc lại thay đổi liên tục, có lẽ vì thế mà ít khi chúng tôi nói chuyện, mà nếu có gặp thì chúng tôi cũng chỉ phùng mang trợn mắt lên dọa nạt nhau hay giả vờ đánh nhau như trong phim chưởng. Titus là người dễ dãi trong chuyện ăn uống nhất. Anh là người duy nhất luôn sẵn lòng ra đường ăn đồ vỉa hè với tôi mà không cần nhần về vệ sinh an toàn thực phẩm. Hồi đấy tôi chết mê chết mệt món Pani puri. Pani là viên bánh tròn như bánh rán, rỗng ruột bên trong, Puri nghĩa là nước. Pani sẽ được nhồi với đậu xanh xay nhuyễn, thêm nước gia vị chua cay mặn ngọt, rồi đút cả vào miệng. Món bánh ngon những nhiều người không dám ăn bởi người bán thường hay nhúng cả bàn tay vào thùng nước gia vị.

Titus cùng làm việc với Allen ở Call Center. Allen có chức vụ quản lý khá cao nên được nhiều nhân viên nữ nhòm ngó. Một buổi tối anh về nhà kể với chúng tôi về một cô nhân viên thuộc bộ phận khác đến phỏng vấn xin chuyển sang bộ phận anh. Anh bảo, trong suốt buổi phỏng vấn, cô nàng cứ liên tục hỏi han anh chuyện riêng tư. Allen có một hình xăm ở tay, nàng cầm tay anh lên hỏi, rồi sau đó bảo: “Em cũng có một hình xăm ở hông, anh có muốn xem không?”. Anh chàng sợ quá phải kết thúc buổi phỏng vấn sớm. Lần khác anh lại bị cảm nắng một cô nàng nhưng không dám nói. Nghe chúng tôi thuyết phục mãi anh mới đi chơi với cô nàng. Muốn cho chàng và nàng có sự riêng tư, tôi sang nhà Swapnil chơi. Khoảng mười giờ, Allen nhắn tin cho tôi: “Này, em bao giờ về mua cho anh một bao thuốc lá nhé”. Tôi nhắn lại hỏi: “Hẹn hò thế nào rồi?”. Anh nhắn lại ngay lập tức: “Vui thì đã chả phải

nhắn tin với cô thế này”. Nhưng nói chung Allen rất sát gái, hầu như lúc nào cũng có con gái vây quanh. Có lẽ vì thế Allen bị nhiễm bệnh con gái là bệnh nghiện mua sắm. Mỗi lần đi đến trung tâm mua sắm là anh bị mất kiểm chế, tiêu tiền như điên. Nặng đến mức anh phải nhờ một bà chị cũng là quản lý ở công ty anh làm mà anh rất thân giữ hộ thẻ tín dụng. Mỗi khi đi mua sắm anh đều phải đi cùng bà chị này để chị quản lý mức độ chi tiêu của anh. Tôi đi cùng anh một buổi. Đại loại là buổi mua sắm của anh diễn ra thế này.

“Em mua chiếc áo phong Batman này nhé?”.

“Không. Mới tháng trước cậu mua ba cái áo phong Batman rồi”.

“Ba cái đấy khác, cái này khác. Chip, áo này đẹp mà đúng không?”. Anh quay sang tôi cầu cứu “Họ chỉ có limited edition, không mua nhanh là sẽ hết”.

Tôi nhanh chân chuồn đi mất giả vờ không nghe anh nói gì. Anh đứng tần ngần ngắm chiếc áo chán chê rồi khi đã chắc chắn là không thể làm gì được mới đi sang bộ sưu tập quần áo khác. Cuộc hội thoại lại được bắt đầu lại từ đầu.

Trong nhà Allen là người thân với tôi nhất. Thỉnh thoảng hai đứa lại ra bar công ngồi uống bia, tán dóc đủ chuyện trên trời dưới bể. Allen muốn trở thành DJ chuyên nghiệp, lúc bấy giờ anh mới hoàn thành xong khóa học DJ và đang tìm kiếm những gig đầu tiên. Anh loại nói rằng tôi là người bạn ở cùng nhà tốt nhất mà anh từng có. Bất kể anh đi làm về muộn đến đâu, tôi cũng thức đợi mở cửa cho anh mà không một lời cằn nhằn. Trời ạ, bức thư xúc động đến thế mà chẳng lẽ tôi lại nói ra sự thật phũ phàng là tôi có thói quen thức khuya dùng mạng cho nhanh chứ chưa từng bao giờ nghĩ đến chuyện anh sẽ về sớm hay muộn à? Tôi tỉnh queo gửi email lại cho anh: “Awww, anh biết là em quý anh lắm mà”.

30. Những con người lập dị của Mumbai

Trong số những người bạn thân thiết nhất của tôi ở Mumbai còn có Swapnil và đồng bọn: em gái anh Sweetie, hai người bạn thân của anh: Gary và Gaurang. Sweetie mới mười bảy tuổi nên chúng tôi không lôi bé vào những trò đại dốt, nhưng những người còn lại đều là khủng không có thuốc chữa (khủng theo nghĩa tốt hay xấu thì tùy cảm nhận mỗi người).

Khi mới quen Swapnil, anh khiến tôi đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác. Một lần lúc nửa đêm, anh gọi điện cho tôi cầu cứu: “Chip ơi, bạn gái anh muốn anh dẫn đi sàn nhảy bây giờ mà anh muốn ở nhà xem buổi ra mắt sản phẩm mới của Apple, phải giải thích với cô ấy thế nào?”. Tôi há hốc miệng: “Anh có bạn gái cơ à?”. Biết là mình vô duyên nhưng tôi không dừng được. Như ấn tượng lần đầu tiên gặp anh của tôi: Dáng vẻ không khác gì ma cà bông, tính tình bên lén, suốt ngày chỉ thích nói về công nghệ, game gì đó, tôi không khi nào nghĩ rằng anh lại có bạn gái. Một buổi tối khác, anh gọi điện rủ tôi lái xe vòng quanh thành phố với đám bạn anh, tôi hỏi ngay: “Xe ở đâu ra?”. Tôi vẫn cứ nghĩ là anh nghèo xơ nghèo xác như tôi vậy, ngờ đâu anh cũng có nhà, có xe. Rồi một hôm khác, anh than vãn rằng ngày mai phải đến trường đi thi, tôi lại được một phen hết hồn: “Anh là sinh viên à?”. Tôi suốt ngày thấy anh ở nhà ôm máy tính chứ chưa bao giờ thấy anh đến trường hay nhắc gì đến chuyện bài vở. Anh mới giải thích là ở Ấn Độ đại học cho phép sinh viên học ở nhà, chỉ cuối kỳ mới phải có mặt để tham dự thi. “Trông mặt mà bắt hình dong” thế này thì hỏng bét.

Sweetie là một cô bé rất ngoan và dễ thương. Tuy nhiên, anh em nhà này có một hoàn cảnh gia đình rất buồn, buồn đến mức Swapnil đã không dưới một lần khóc khi tâm sự với tôi. Khóc vì đau đớn thể xác thì ít, mà vì cảm giác bất lực thì nhiều. Swapnil và Sweetie nạn nhân của bạo hành gia đình, một điều không phải là hiếm ở đất nước Ấn Độ này. Swapnil đủ lớn để tránh xa người bố nhẫn tâm, nhưng Sweetie còn á nhỏ để có thể bảo vệ mình. Swapnil thương em nhưng không thể làm được gì. Anh bắt tôi hứa với anh sẽ thường xuyên nói chuyện với Sweetie để giúp cô bé trở nên cứng cỏi. Tôi cảm thấy xấu hổ khi mình luôn miệng than vãn rằng không có gia đình ở bên cạnh, trong khi chính bản thân là người dứt áo ra đi. Thương thay những đứa trẻ bị hành hạ bởi gia đình mà không chạy trốn đi đâu được.

Chơi với Swapnil từ nhỏ, cả Gary và Gaurang đều lập dị không kém. Tất cả chúng tôi đều thích nhạc Rock, nhưng hai anh chàng này không chỉ nghe mà còn mặc cả Rock lên người: đi xe máy phân khối lớn, dây chuyền sắt, bấm khuyên tai, áo phông đen với logo của Metallica, Scorpions, Iron Maiden... Gary còn chơi cho một ban nhạc Underground tên là Krazy Electronic. Ban nhạc này thỉnh thoảng được người quen mời đến biểu diễn ở trường đại học hay quán cà phê, nhưng hầu hết thì chưa ai nghe đến tên này bao giờ. Mỗi lần tụ tập, Gary thường mang theo cây đàn ghi ta chơi nhạc theo yêu cầu, chúng tôi gân cổ lên hát theo, đập bàn đập ghế loạn xạ. Lần đầu tiên nghe Gary chơi tôi đã bị sốc vì kỹ năng chơi đàn và chất giọng quá tuyệt vời của anh. Tôi nói thế này không phải vì tôi là bạn anh, mà là vì anh tài năng thực sự. Cái tôi khâm phục nhất ở anh là đam mê. Ngay cả khi chỉ có chúng tôi là khán giả, anh vẫn chơi hết mình với cảm xúc bốc lửa như thể đang biểu diễn cho cả ngàn khán giả vậy.

Ồn ào như vậy nên chúng tôi luôn bị đuổi ra khỏi các nơi công cộng. Tìm được vị trí cho phép chúng tôi vừa uống đồ uống có cồn vừa có thể gào thét khàn giọng ở Mumbai là điều không đơn giản tí nào. Cái khó lớn cái đại, chúng tôi nhớ ra rằng mẹ Gary sở hữu một phòng trưng bày tranh. Gary lấy trộm chìa khóa của mẹ, kế hoạch là chúng tôi sẽ lén vào đây, hò hét một hồi sẽ lẳng lặng lén ra không để lại dấu vết gì. Nhưng rồi cao hứng thế nào, tất cả đều say tá lả. Swapnil trượt chân ngã làm vỡ hai chai bia, mảnh sành bắn tứ tung, bia tràn lênh láng. Gary nôn thốc nôn tháo. Phòng trưng bày tranh nhìn không khác gì cảnh đập đá tan hoang trong phim Hollywood. Tôi và Gaurang, hai người duy nhất còn tỉnh táo, phải dành cả đêm hôm đấy lau dọn bãi chiến trường, đến tận sáu giờ sáng mới xong. May mắn

thay, không bức tranh nào bị ảnh hưởng gì. Gary đô con nhất nhưng lại dễ bị say nhất và cái sự thiếu kiểm soát của anh đã gây ra không ít bi hài. Một buổi tối sau khi tụ tập trên sân thượng nhà Swapnil, Gary đáng lẽ sẽ đưa tôi về nhà nhưng nhìn thấy anh say ngây say ngất, tôi lắc đầu: “Đời nào mình lại để cho y đưa mình về nhà”. Gary tức giận nói: “Em không tin anh à?”. “Em không tin người say lái xe”. Thế Gaurang đưa tôi về. Như để chứng tỏ sự tỉnh táo của mình, Gary lấy xe bám theo chúng tôi. Linh tính chuyện chẳng lành, Swapnil cũng đi theo. Về nhà được khoảng năm phút, tôi nhận được điện thoại của Swapnil:

“Em về đến nhà chưa?”.

“Rồi”.

“Tốt. Đừng xuống đây. Gary đang ở dưới sân chung cư. Trần trường”.

Đến giờ tôi vẫn không hiểu điều gì khiến anh chàng cởi bỏ quần áo lái xe giữa đêm như vậy.

Sinh nhật Swapnil và Gary cách nhau đúng một ngày vào đầu tháng mười nên hai người thường tổ chức sinh nhật chung. Năm đây là sinh nhật hai mốt tuổi của Swapnil, anh chàng quyết định đánh dấu ngày trọng đại này bằng một thứ mà chỉ nghe nói đến tên thôi đã khiến dân trong nghề khiếp đảm: Absinthe. Absinthe là loại rượu mạnh nhất trong số tất cả các loại rượu, với độ cồn có khi lên đến 98%. Loại chúng tôi uống ngày hôm đấy chỉ có 89% cồn. Absinthe bị cấm ở Ấn Độ, tôi không biết mấy anh chàng này kiếm ở đâu ra, chỉ biết là giá không rẻ tí nào: \$200 cho hai chai 500ml.

Ngày trọng đại được bắt đầu lúc tám giờ tối ở nhà Gary. Gary ở cùng bố mẹ và bà nội. Theo truyền thống của Ấn Độ, nghi lễ sinh nhật được bắt đầu bằng việc bà nội Gary đặt tay lên trán chúc phúc cho cả Gary và Swapnil. Xong rồi, bà sẽ nhét kẹo vào miệng hai anh chàng này, cử chỉ được cho rằng sẽ mang lại may mắn. Sau đó, Gary nhét kẹo vào miệng Swapnil, Swapnil nhét kẹo vào miệng tôi, tôi nhét kẹo vào miệng Sweetie, Sweetie nhét kẹo vào miệng Gaurang... cứ như thế cho đến khi tất cả mọi người đều được ăn kẹo. Đây là loại kẹo chuyên được sử dụng trong dịp lễ tết. Tôi không nhớ chính xác tên của loại kẹo này là gì vì Ấn Độ có cả ngàn loại kẹo, loại nào nghe cũng giống loại nào và ăn cũng giống loại nào. Sau khi cắt bánh sinh nhật, tất cả hội họp chờ đến món quan trọng nhất: Absinth

Gary tỉ mỉ chế biến cocktail như dân chuyên nghiệp vậy. Anh hơ thìa đường trên một ngọn nến cho đường nóng chảy rồi cho rượu chảy qua đấy xuống ly để ở dưới, sau đó vắt chanh vào. Được làm từ hạt cây tiểu hồi cần (anise trong tiếng Anh), Absinthe có vị giống viên ngậm làm thơm miệng của Ấn Độ. Rượu mạnh, uống vào đến đâu biết đến đấy, cổ họng nóng như đang nuốt lửa vậy. Hôm đấy cả bà nội của Gary cũng thử và xấu hổ thay, bà còn uống được nhiều hơn tôi. Tôi chỉ nhấp miệng vài ngụm rồi phải đưa cho Swapnil uống hộ.

Sau đó chúng tôi leo lên sân thượng khu chung cư Swapnil ở nơi mà nửa tá người bạn khác của cả hai đang đứng đợi họ. Họ mang theo một dàn loa để chơi nhạc. Chúng tôi nhảy nhót hát hò đến khi mặt trời lên. Trời nắng chang chang, cả bọn rủ nhau ra bãi biển hóng gió. Tôi kiệt sức bỏ về trước. Hôm sau tôi nghe kể rằng sau khi ra biển, buổi tối tất cả lại đi nhảy ở một câu lạc bộ đêm. Bữa tiệc kéo dài đúng ba mươi sáu giờ. Swapnil nhìn như người sắp chết nhưng hết sức mãn nguyện vì có bữa tiệc sinh nhật hai mốt tuổi trở thành huyền thoại trong trí nhớ của tất cả đám bạn. May mà đời người chỉ có một lần hai mốt.

31. Làm diễn viên Bollywood

Những ngày ở Mumbai, ngoài thời gian viết bài cho Walyou, những chuyến đi ngắn ngày đến Lonavala, Goa, những phi vụ động trời với Swapnil & Co, tôi chẳng có việc gì để làm. Nghe Julia kể đi đóng phim có nhiều chuyện hay ho, tôi cũng muốn đi thử cho biết. Bình thường người nước ngoài ở Mumbai tìm vai quần chúng rất dễ, dễ đến mức họ không cần tìm phim mà phim sẽ tự tìm đến với họ. Người Ấn Độ thích dân da trắng nên các nhà làm phim lúc nào cũng muốn chèn vài nam thanh nữ tú mắt xanh tóc vàng vào hậu trường chẳng biết để làm gì. Julia mỗi lần đi ngoài đường là liên tục được những người đàn ông ăn vận như thương gia đến hỏi cô có muốn đóng phim không. Còn tôi vì nhìn không khác gì con gái miền Đông Bắc Ấn Độ nên chẳng có ma nào thèm hỏi. Nhưng may mà tôi có Julia. Quảng cáo TV mà chị sắp đóng cần thêm một người nước ngoài nữa, “Người Trung Quốc hay người Châu Âu đều được hết” (trích lời người thuê chị). Julia giới thiệu tôi với đủ lời ba hoa không đúng sự thật, thế là tự nhiên tôi được làm diễn viên.

Theo lịch, quảng cáo này được quay từ chín giờ tối, 1.000R cho sáu tiếng. Trước khi đi, tôi đã hỏi họ là tôi nên mặc gì, họ bảo mặc gì cũng được. Vậy mà khi tôi xuất hiện với quần bò áo phông, họ lại bảo là không được, phải mặc quần lửng cho giống du khách. Thế là tôi lại phải về nhà thay quần. Cũng may mà địa điểm quay lại chính là khách sạn Palm Hotel, ngay cạnh nhà tôi (tòa nhà tôi ở ban đầu được xây như phần mở rộng của khách sạn này).

Quần áo chỉnh tề xong là đến phần mà tôi thích nhất: trang điểm. Đoàn làm phim có một xe bus, tân trang lại thành xe thay đồ của diễn viên với một bàn trang điểm nhìn rất chuyên nghiệp. Ngồi vắt chéo chân, mắt nhìn thẳng, tay khoanh trước ngực trong khi một chuyên gia hì hụi làm tóc, trang điểm cho mình, tôi có cảm giác như mình sắp thành diễn viên nổi tiếng đến nơi rồi vậy. Nhưng thời gian hưởng thụ chưa được bao nhiêu thì thời gian khổ cực bắt đầu. Sau mười lăm phút trang điểm, chúng tôi vào sảnh khách sạn bắt đầu quay.

Đây là một quảng cáo của Zee TV – kênh giải trí dành cho giới trẻ khá lớn ở Ấn Độ. Kịch bản đại khái ba khách du lịch đến check in khách sạn. Lễ tân khách sạn cố gắng thuyết phục ba vị khách khó tính này ở lại. Ngoài những dịch vụ tuyệt vời mà khách sạn cung cấp, con át chủ bài chính là khách sạn này còn có Zee TV. Lễ tân khách sạn là một người đàn ông trung niên mà theo phong cách diễn xuất của ông, chúng tôi đoán là ông đã ở trong nghề khá lâu. Khách du lịch gồm có Julia, tôi, và một anh chàng tóc đỏ tên là Rick.

Nhiều người có khả năng đóng phim, diễn xuất rất tự nhiên trước ống kính, nhưng chắc chắn tôi không phải là một trong số đó. Tôi cảm thấy tội lỗi bởi vì tôi khá nhiều cảnh quay phải quay lại, nhưng Julia an ủi rằng phần lớn những người nước ngoài khác mà họ nhặt được ngoài đường cũng chẳng khá khẩm gì hơn. Ngay cả anh chàng Rick này đóng cũng dở ẹc. Khả năng bỏ bom trường quay của anh cũng thâm hậu không kém gì tôi. Sau khi quay mấy lần, đạo diễn nhanh chóng nhận ra khả năng của mỗi chúng tôi và phân chia lại vai diễn. Các cảnh khó được giao hết cho Julia. Tôi và Rick chỉ có việc đi theo, thỉnh thoảng chêm vào mấy câu cảm thán vô hại: “Wow”, “Đẹp quá”, “Có Zee TV cơ à”, “Minh thích Zee TV lắm”.

Ban đầu quay còn thấy vui, nhưng sau khi cảnh quay bị quay đi quay lại đến lần thứ sáu, thứ bảy, tôi bắt đầu thấy oải. Chưa kể có những khi chúng tôi phải ngồi chờ cả tiếng liền để đạo diễn chỉnh sửa kỹ thuật gì cũng không biết. Chúng tôi ngồi buồn chuyện. Khác với Julia, Rick không phải là diễn viên chuyên nghiệp. Anh sang đây du lịch rồi quyết định ở lại vì nhận thấy cơ hội kiếm tiền ở đây. Anh mới nhận được một vai mười bốn ngày trong một show truyền hình ăn khách ở Ấn Độ. Julia thì thâm vào tai tôi: “Tại sao cơ hội luôn đến với những người không có khả năng nhỉ?”. Lịch quay đến ba giờ nên đúng khi đồng hồ điểm ba giờ, tôi đến hỏi đạo diễn mình về được chưa thì ông lắc đầu kêu chúng tôi

ngồi đợi. Chúng tôi mỗi người một góc lẩn ra ngủ lẩn lóc. Đến bốn giờ họ đánh thức chúng tôi dậy nói rằng chúng tôi về được rồi. “Trời ạ, thế sao không cho người ta về từ một tiếng trước mà phải giữ người ta lại ở đây làm gì?”, tôi cáu. “Thế này là chuyện bình thường. Đạo diễn muốn giữ mình đến lúc nào là quyền của ông ta”. Julia nhún vai.

Ngái ngủ nên tôi cáu thế thôi, chứ thực ra tôi nghĩ đây là cách kiếm tiền khá dễ. Tiền trả không cao nhưng trong hoàn cảnh của tôi lúc này, một xu cũng quý. Công việc chẳng có gì nhiều, diễn xuất thì ít mà thời gian đợi thì nhiều. Nếu tôi mang theo hợp laptop đi để làm việc hay sách để đọc thì cũng không đến nỗi nào. Vậy nên tôi nhờ Julia có vai diễn thì báo tôi, hứng lên thì tôi đi. Có nhiều vai diễn khá buồn cười. Một lần tôi và Julia làm diễn viên quần chúng cho một cảnh quay lễ trao giải gì đó với hàng trăm diễn viên quần chúng khác. Chúng tôi chỉ đến để điếm danh sau đó lên ra ngoài đi chơi, cuối ngày lại chui vào nhận tiền. Một lần khác chúng tôi trở thành những người tham gia bữa tiệc bể bơi trong bộ phim của một trong những đạo diễn hàng đầu Bollywood. Julia có một vai nhỏ mười ngày trong bộ phim này. Cảnh quay diễn ra tại một biệt thự kiểu Victoria cực kỳ đẹp với giàn hoa giấy phủ kín mái hiên, bãi cỏ xanh rì bao quanh nhà và bể bơi cong cong hình số 8. Julia thỉnh thoảng còn phải nói vài câu này nọ, còn tôi chẳng phải làm gì ngoài việc uống cocktail, ăn đồ ăn barbecue (thịt nướng trên bếp nướng sân vườn), rồi tán dóc như thể đang dự tiệc thật. Tôi không ở trong ngành làm phim nên nhiều thứ tôi không hiểu: ví dụ như cô diễn viên chính đang nằm trong bể bơi kia tại sao cứ phải ưỡn ngực ra, còn một anh chàng diễn viên phụ lúc nào cũng phải cời trần để khoe bụng sáu múi đúng kiểu “Ta đẹp ta có quyền” ngay cả khi máy không quay? Lúc đi qua tôi, anh chàng dừng lại hỏi:

“Em là người Ấn Độ à?”.

“Không, là người Ấn Độ khó lắm”.

“Sao mà khó?”.

“Phải thích Bollywood mới làm người Ấn Độ được”.

Tôi cười, anh cũng cười theo. Julia đang đứng nói chuyện với hai người đàn ông trung niên song sinh ở cách đó không xa cũng chạy tới:

“Hai người làm quen rồi à? Chip, đây là Sandrah (cô nháy mắt một cái). Sandra, đây là Chip mà em vẫn kể với anh đấy”.

Không biết Julia có kể về tôi với Sandra thật không, chứ chị kể về Sandra với tôi rất nhiều. Chẳng là mấy hôm trước khi đi quay về, chị luôn miệng kể cho tôi về anh chàng người mẫu kiêm diễn viên đẹp trai mà chị gặp ở trường quay. Hai người trao đổi số điện thoại rồi không ngừng nhắn những tin nhắn ướm ắt từ hôm đó tới giờ. Anh chàng có cách viết tin nhắn như dân xì-tin chập chững tập nói. Tôi bị đọc mấy lần khi Julia không dịch nổi tin anh gửi và nhờ tôi lý giải giùm. Tin anh nhắn đại loại thế này: “Hru? Mis u bab. I wnt 2 c u rght nw”. Tôi ác cảm với anh từ đó.

Khi yêu con người ta trở nên đại dột, mù quáng với những gì tất cả mọi người xung quanh đều thấy rõ. Tôi có thể ngửi thấy mùi sớ khanh ở Sandra từ cách đây cả kilomet, nhưng Julia không thể nhận ra điều đó. Anh ta hứa hẹn với Julia nhiều nhưng luôn là người lỗi hẹn. Ngay cả khi ở cạnh Julia, anh ta vẫn dáo dác đảo mắt tìm kiếm những cô gái khác. Julia thì chết mê chết mệt anh ta, bởi anh ta không chỉ đẹp trai mà còn dẻo mồm. Trai đẹp là trai nguy hiểm, trai dẻo mồm là trai mất nết.

Như Sherlock Holmes đã từng nói: “Không gì nguy hiểm bằng làm tan nát trái tim một người phụ nữ đang yêu”. Thương Julia nhưng không nỡ (và cũng không dám) phá bỏ ảo tưởng của chị, tôi chỉ lẳng lặng theo dõi xem chuyện gì sẽ diễn ra. Chuyện gì tới cũng phải tới. Một buổi tối Julia gọi điện cho tôi khóc nức nở. Julia đang đi chơi với Sandra ở Kino 108 thì một cô gái tới bên hai người quát tháo ầm ĩ. Sandra lập tức trở mặt nói là không quen Julia rồi bỏ đi với cô gái này. Cô gái này là bạn gái tội nghiệp bị Sandra lừa dối. Ngay từ đầu, Sandra chưa bao giờ yêu Julia, mà chỉ dùng cô để khoe khoang với đám bạn. ai Ấn Độ thích mê con gái ngoại quốc. Julia da trắng tóc vàng là chiến lợi phẩm

hoàn hảo cho mục đích này.

32. Tạm biệt Mumbai

Veera là người khiến tôi quyết định ở lại và oái oăm thay, anh cũng là người khiến tôi quyết định ra đi. Một buổi tối, khi chúng tôi đi bộ qua Marine Drive, nơi mà cách đó không lâu trái tim tôi hoàn toàn tan chảy, Veera hỏi tôi một câu hỏi mà tôi đã lo sợ rằng trước sau gì anh cũng sẽ hỏi:

“Chip này, em đã bao giờ nghĩ đến chuyện ở lại đây chưa?”.

Câu trả lời là có. Tôi đã từng cân nhắc câu hỏi này nhiều, rất nhiều nhưng chưa bao giờ đủ can đảm để đưa ra quyết định, bởi tôi biết đó sẽ là một quyết định phũ phàng, bạc bẽo, đầy ích kỷ. Tôi yêu Mumbai, yêu những bãi biển lộng gió, yêu những tòa nhà xinh đẹp cổ kính, những người bạn điên khùng dám sống hết mình. Tôi thuộc về nơi này không thua kém gì hàng triệu những bạn trẻ đầy ham mê và nhiệt huyết khác đến đây tìm kiếm cơ hội và cảm hứng. Nhưng sau sáu tuần ở đây, tôi nhận ra rằng mình chưa sẵn sàng để dừng lại. Mumbai đã trở nên quá thân thuộc, thân thuộc đến mức khiến tôi bắt đầu cảm thấy ngột ngạt khi mà ngày ngày tôi làm cùng một thứ, gặp gỡ cùng một nhóm người, đi đến cùng một địa điểm. Tôi nôn nóng được ra khỏi Mumbai để tiếp tục cuộc hành trình. Đường xa vắng gọi, thử thách chào đón. Kashmir có đúng là thiên đường trần gian như lời đồn đại? Cảm giác khi ở trên dãy Himalaya sẽ thế nào? Chiến sự vùng Trung Đông liệu có làm mất đi vẻ huyền bí của nơi này không? Một tình yêu đẹp, một công việc ổn định, những người bạn tốt chưa đủ để tôi từ bỏ khao khát khám phá những mảnh đất xa lạ nơi mà tôi chưa từng đặt chân tới.

“Em phải tiếp tục đi”.

“Vì sa

“Vì em là một khách lữ hành”.

“Khách lữ hành thì không yêu à?”.

“Có. Nhưng họ có những cảm xúc khác mãnh liệt hơn”.

Và đây là lần cuối cùng tôi gặp Veera.

Quyết định ra đi của tôi khiến tất cả mọi người bất ngờ. Họ biết rằng trước sau tôi cũng đi, nhưng không ai nghĩ rằng tôi lại đi đột ngột đến thế. Allen lên giọng hờn dỗi: “Tôi biết mà. Cô làm cho chúng tôi quen với sự có mặt của cô ở đây rồi lại bỏ chúng tôi mà đi. Giờ làm sao mà tôi tìm được một người bạn cùng nhà tốt như cô?”. Swapnil đón nhận tin với một vẻ u uất: “Em đi được là tốt. Anh bị kẹt ở Mumbai thế này bao giờ mới thoát ra được?”. Gary thì bảo rằng sẽ có một ngày anh bỏ công việc nhàm chán của anh ở Call Center để chơi nhạc và đi du lịch như tôi. Một năm sau. Anh gửi email cho tôi nói rằng anh đã bỏ việc thật. Tuy chưa có thể tự mình đi du lịch, Krazy Electronics đã bắt đầu đạt được những thành công nhất định, cho phép anh đi tour biểu diễn ở khắp Ấn Độ và gần đây là một gig ở Châu Âu.

Chuyến tàu tôi đi khởi hành lúc mười giờ tối. Swapnil đi cùng tôi ra ga. Lúc chia tay, chúng tôi vẫn còn hớn hờ cười đùa. Nhưng khi tàu bắt đầu chuyển bánh, Mumbai khuất dần vào bóng đêm, bóng dáng Swapnil lùi dần vào quá khứ, tự nhiên tôi thấy lòng nặng trĩu. Và khi nhận được tin nhắn từ Allen: “Từ nay về sau cô phải sống tốt đấy nhé”, tôi không kìm được nữa, tu lên khóc. Anh nhắn tin như thể chúng tôi sẽ không bao giờ gặp lại vậy. Như thế!? Liệu vài năm sau anh còn nhớ tôi là ai không? Hay liệu tôi có còn nhớ anh là ai không? Anh vẫn ở Mumbai, vẫn chơi cùng Titus, Jacob, vẫn tối tối ngồi soạn nhạc, cuối tuần ra ban công ngồi uống bia suy nghĩ chuyện đời, chỉ khác là tôi không còn ở đây nữa. Tôi đã biến mất khỏi cuộc đời của anh, của những người nơi đây như một đám mây mưa tan biến sau khi cơn mưa tạnh. Tôi úp mặt vào tường, miệng cắn chặt vào tay để không bật khóc thành tiếng. Vai tôi rung lên bần bật, mũi ngạt đến mức tôi không còn ngửi thấy mùi nồng nặc bốc ra từ nhà vệ sinh ngay cạnh, nước mắt chảy ướt đầm cuốn sách đang đọc: cuốn *Motorcycle Diaries* của Che Guevara. Ngay trang đầu tiên là lời đề tặng:

“For Chip, on the day she turns 20:

You are the bravest girl I’ve ever met. Go wherever you want to, but remember, traveling is not about where you are, but who you are with.

From a person you met on the road.

Veera”

[“Tặng Chip, ngày em tròn 20 tuổi:

Em là cô gái dũng cảm nhất mà anh từng gặp. Đi đến bất cứ nơi nào em muốn, nhưng hãy nhớ rằng, hành trình thực sự không phải là những nơi em đến, mà là những con người em gặp.

Từ một người em gặp trên đường.

Veera”]

33. Delhi

Sau một giấc ngủ dài đầy mộng mị, tôi tỉnh dậy cứ nghĩ mình vẫn đang ở trong căn phòng của mình ở Mumbai, nhưng rồi nhanh chóng bị lôi trở lại thực tại với tiếng tàu chuyển bánh xình xịch, lớp khăn trải đệm, mùi hôi đặc trưng của nhà vệ sinh trên tàu. Buổi sáng thức dậy trên tàu luôn có cái gì đó rất đặc biệt: có cái gì đó vừa quen thuộc vừa lạ lẫm, vừa tĩnh lặng vừa chuyển động không ngừng, vừa huyền ảo vừa rất có trật tự. Tôi ngồi trên giường của mình tầng trên cùng, khoanh chân nhìn xuống thế giới chuyển động bên dưới như thể đang xem một chương trình truyền hình thực tế được quay bằng máy quay trộm đặt ở trên cao vậy. Một em bé đứng súc miệng ở bồn rửa mặt. Một bà cô đứng tuổi tay cầm bàn chải đánh răng kiên nhẫn ngồi chờ. Một người đàn ông trung niên hồi hải chạy vào nhà vệ sinh. Một anh chàng ngồi dựa lưng vào ghế, mắt lơ đãng nhìn ra ngoài, ngáp không thèm che miệng. Không ai nói với ai một lời, có mở miệng cũng chỉ là những lời thì thầm như thể ai đó ra lệnh cấm không gây ồn ào vào buổi sáng vậy. Ngay cả những người bán hàng rong cũng không dám cất tiếng chào hàng. Thay vào đó, họ đứng nán lại ở mỗi khoang lâu hơn một chút. Những chòm đầu đi qua đi lại bên dưới, chẳng ai có vẻ gì là để ý đến sự tồn tại ở trên này cả.

Chuyến tàu lên Delhi là một chuyến tàu dài không thua kém gì những tàu từ Kolkata lên Mumbai. Tôi không có ấn tượng gì nhiều về chuyến tàu này, ngoại trừ một người đàn ông say rượu bị bảo vệ liên tục nện dùi cui vào đêm thứ hai và một cậu bé ba tuổi ngồi cùng khoang với tôi bên lên nói với mẹ rằng lớn lên cậu muốn cưới tôi làm vợ vì tôi “xinh” (yêu trẻ con Ấn Độ thế ha ha). Tàu đến ga Delhi lúc năm giờ sáng. Robinson đã đợi sẵn ở ga mặc dù tôi đã nói với anh rằng tôi có thể vật vờ đến khi trời sáng hửng để anh khỏi phải dậy sớm. Tôi quen Robinson một cách rất bất thường, bất thường đến mức mỗi khi giới thiệu tôi với bạn, anh đều hơn hớ: “Chip, kể cho mọi người nghe em quen anh thế nào”. Chẳng là khi còn tìm việc ở Mumbai, tôi có lên LinkedIn tìm kiếm những người làm trong ngành du lịch ở Ấn Độ. Hồ sơ Robinson ngay ở trang đầu tiên, anh là phó chủ tịch một công ty du lịch khá lớn. Tôi gửi tin nhắn cho anh với số điện thoại của mình. Khoảng một tuần sau, anh gọi điện cho tôi. Cuộc hội thoại diễn ra thế này:

“A lô. Cho hỏi đây có phải số điện thoại của Chíp không?”.

“Dạ, đúng rồi ạ”.

“Cháu cho chú gặp bố”.

“Bố cháu ở Việt Nam cơ”. Tôi ngỡ ngàng. “Chú có nhầm số không? Đây là Chíp”.

Anh cũng lúng túng không kém gì tôi. Sau này khi gặp mặt rồi anh mới giải thích rằng vì giọng trong thư của tôi chừng chặc quá, anh cứ nghĩ tôi phải là đàn ông đã đứng tuổi rồi. Vậy nên khi nghe điện thoại thấy giọng trẻ măng, anh cứ nghĩ tôi là con của người đang ông tưởng tượng đó. Quay trở lại với cú điện thoại. Sau khi đã nhận ra Chíp chỉ là một con bé giọng non choẹt, Robinson vẫn đồng ý gặp tôi. Robinson kể cho tôi đủ chuyện trên trời dưới bể. Anh kể ngày xưa anh cũng thích đi lăm. Không có tiền, anh tìm hiểu xem nghề gì có thể cho anh đi nhiều nhất. Anh phát hiện ra nghề tiếp viên hàng không. Thế là anh luyện và thi đậu vào hãng American Airlines. Công việc không chỉ cho phép anh bay lượn suốt ngày, mà còn cho phép anh mua vé của hãng với giá cực rẻ. Anh đã từng sang Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Châu Âu. Khi tôi đến ở nhà anh ở Delhi, anh khoe với tôi một xấp vé máy bay ngày xưa anh đi. Anh bảo rằng anh thích nói chuyện với tôi vì tôi hiểu được đi là như thế nào. Nhiều người ở Ấn Độ không hiểu tại sao anh lại mê đi như vậy, mà dù học có mê đi thì họ cũng ít đi, thành ra cũng khó nói chuyện với họ về thế giới bên ngoài. Anh quý tôi tới mức lần tiếp theo tới Mumbai, anh dẫn theo cả gia đình anh để giới thiệu cho tôi: vợ anh Murdi và bé gái Karen. Anh thết đãi tôi ở trong một quán hải sản sang trọng bậc nhất ở đây.

Murdi xinh và duyên theo tiêu chuẩn của Ấn Độ: hơi mỡ màng một tí, hơi thẹn thùng một tí. Bé

Karen thì yêu không chịu được. Bé vào nhà hàng thấy ai cũng bắt chuyện, nói một vài câu là cười tít mắt. Tôi hỏi Murdi:

“Chị có thích ăn hải sản không?”

“Không biết nữa”. Chị bẽn lẽn. “Đây là lần đầu tiên chị ăn hải sản”.

“Hả?”. Tôi nhìn sang Robinson “Chị nói thật á?”

“Thật”.

“Cá chị ăn chưa?”

Chị cười, lắc đầu.

Cả đời chưa từng ăn cá bao giờ?

Sinh ra và lớn lên ở Việt Nam, tôi đã quá quen với việc có cá trong bữa ăn hàng ngày nên phát hiện một người cả đời chưa từng ăn cá bao giờ giống như khi tôi phát hiện ra khủng long cũng có loài chỉ ăn cỏ vậy.

“Chị không ăn cá là do đạo Hindu không cho ăn hay do chị không thích?”.

“Chị cũng chẳng biết. Từ nhỏ gia đình đã không ăn cá, ở Delhi cũng chẳng thấy ai bán cá”.

“Những lần đến Mumbai trước chị cũng không ăn cá à?”.

“Không, đây là lần đầu chị đến Mumbai”.

Tôi định sốc thêm lần nữa, nhưng chợt nhớ ra là ở Việt Nam cũng nhiều bạn ở đầu này đất nước đã bao giờ đến đầu kia đất nước đâu. Cũng lạ, ra nước ngoài rồi tự nhiên thấy mấy ngàn cây nó gần, ở trong nước thì đi mấy trăm cây cũng đã là xa.

Tôi ngắm Murdi và Karen ăn cá, cua, tôm lần đầu tiên mà ghen tị. Tôi ăn mấy thứ này lần đầu tiên quá sớm, không nhớ được cảm giác lần đầu tiên ăn như thế nào. Murdi bảo thịt cá có kết cấu hơi lạ, thịt không ra thịt, rau không ra rau nên chỉ ăn vài miếng là không ăn nữa, cua thì chị không thích mùi, chỉ có tôm hùm là chị thích (cũng sành ăn lắm chứ hơ hơ).

Nói chung là tôi quen gia đình Robinson như thế. Khi tôi đến Delhi, Robinson tắt tả dậy sớm ra tận bến tàu đón tôi. Nhà Robinson là một căn hộ chung cư kiểu cũ nằm ở Noida, một những thành phố vệ tinh của Delhi. Căn hộ nhỏ nhỏ xinh xinh với một cái ban công cực kỳ dễ thương, trên đó đặt một đu quay cho bé Karen. Mẹ Robinson sống một mình ở căn hộ ở dưới đáy hai tầng, Robinson và vợ không muốn ở quá xa để có thể chăm sóc mẹ, cũng không muốn ở chung vì cần sự riêng tư.

Để giúp các bạn hiểu rõ thêm về gia đình nhà này, cũng như hiểu rõ hơn về văn hóa Ấn Độ, tôi kể một câu chuyện thế này. Tôi có một thói quen xấu, rất xấu, đó là khi thấy một cặp trai gái bên nhau hạnh phúc, tôi hay hỏi cặp này quen nhau thế nào. Thế là tôi hỏi hỏi đó Robinson ngỏ lời như thế nào. Murdi bỗng nhiên đỏ bừng mặt, còn Robinson thì cười hỉ hả.

“Hồi đấy đâu có ngỏ lời đâu...”

Robinson chưa nói hết lời thì Murdi véo tay anh.

“Đừng có kể mà”.

“Em việc gì phải ngại”.

“Anh hồi đấy có phải chịu đàm tiếu đâu mà hiểu”.

“Ồ hay, hồi đấy anh cũng phải dằn vặt lắm chứ. Hồi đấy anh cũng phải từ bỏ ước mơ của mình để cưới em còn gì”.

“Anh làm như cưới tôi là đau khổ lắm vậy”.

...

Thế là hai người bắt đầu cãi nhau. Bé Karen sợ khóc thét lên. Tôi dẫn bé Karen về phòng mình, khóa cửa chặt, vừa ngồi vừa run. Tôi rất sợ cãi nhau. Bản thân tôi không cãi nhau được và cứ thấy mọi người cãi nhau là đầu óc tôi quay cuồng. Ngồi trong phòng không biết làm gì, tôi bắt đầu nghĩ quẩn. Chẳng may hai người ly dị thì sao? Lỗi này có phải từ tôi mà ra không? Tôi có nên chuyển ra ngoài

không? Khoảng gần một thì có tiếng gõ cửa phòng tôi. Robinson hùng hỏ bước vào phòng, mặt đỏ gay.

“Chip này, giờ anh đi đây. Hàng tháng anh sẽ để lại 500\$ cho mẹ con Karen. Em ở đây chăm sóc hai người giùm anh nhé”.

Tôi sửng sốt không biết trả lời sao nữa. Chẳng lẽ mọi chuyện đã đến mức này. Tôi nhìn bé Karen mà lòng sắt lại. Bất chợt Robinson phá lên cười. Murdi từ đâu cũng nhảy ra cười rũ rượi.

“Trời ơi, nhìn mặt Chíp kia”.

“Em tưởng anh bỏ đi thật à? Vợ chồng là thế, cãi nhau thì cãi nhau là thế, nhưng vẫn yêu nhau lắm chứ”.

Hai người ôm nhau hết sức tình cảm, rồi kêu tôi thay quần dài vào ra ngoài ăn coi như “đền bù” cho phút đứng tim. Trời ạ, hai vợ chồng nhà này lắm trò quá, dễ làm tôi đứng tim mà chết mất.

34. Những đại sứ quán ở New Delhi

Thời gian ở Delhi của tôi là thời gian lộn độn vật lộn với các thể loại visa, chính vì vậy mà tôi có dịp lướt đủ các đại sứ quán. Các đại sứ quán ở New Delhi tập trung chủ yếu ở Chanakyapuri, khu vực cao cấp của thành phố. Bước vào khu vực này, bạn có cảm giác như đã bay khỏi sự ồn ào náo nhiệt của Ấn Độ để đến với một khi yên tĩnh thanh bình nào đó ở New Zealand vậy. Chanakyapuri nhiều công viên, bãi cỏ xanh rì, đường phố rộng rãi, thoáng mát, nhà vườn xinh xắn, sang trọng. Người ta nói trông mặt mà bắt hình dong, muốn biết đất nước như thế nào thì cứ lên đại sứ quán của nước đấy thì biết.

Đại sứ quán Mỹ to, rộng uy nghi, từ tường cho đến c sáng loáng màu kim loại. Bảo vệ, thanh chắn tầng không biết là sợ khủng bố hay bản chất nước lớn phải thể hiện ra như thế.

Không phô trương như đại sứ quán Mỹ, đại sứ quán Trung Quốc làm theo kiểu tầm ngầm tầm ngầm mà đâm chết voi. Sứ quán này nằm khuất trong một góc, yên tĩnh nhưng bề vệ, bao quanh bởi một bức tường gạch to mà dày. Nằm tại Ấn Độ, nơi có nhiều người Tây Tạng đang tha hương, đại sứ quán này là mục tiêu của không ít người biểu tình.

Đại sứ quán Pakistan lại cho người ta cảm giác nơi đây đã thuộc về quá khứ. Cổng đóng im ỉm, tiếp dân ngày hai lần qua một ô cửa sổ bé xíu, chằng lưới sắt, dính đầy mạng nhện. Cứ mỗi lần bác bảo vệ nhận hồ sơ xong là đóng cửa, đi vào trong làm gì đó, rồi mở cửa trả lời. Lề đường phủ đầy lá rơi, người trái chiều năm la liệt chờ đến lượt mình. Không cần đọc tin, chỉ cần nhìn qua đại sứ quán này cũng biết quan hệ hai nước đang vô cùng căng thẳng. Tôi muốn đi Pakistan nhưng đại sứ quán bên này khẳng khái không cho khách du lịch ở Ấn Độ nộp đơn. Tôi năn nỉ cũng không được vì vừa nhìn thấy mặt tôi họ đã đóng sập cửa sổ.

Tôi thích đại sứ quán Iran ngay từ cái nhìn đầu tiên. Nằm khuất sau hàng cây xanh mượt, đại sứ quán Iran không phô trương nhưng vẫn hút hồn với những họa tiết trang trí đậm chất nghìn lẻ một đêm, trần nhà mái vòm kiến trúc Hồi giáo. Đây là một trong hai điểm dễ xin visa Iran nhất, điểm còn lại là lãnh sự quán Iran ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Nổi bật nhất và cũng thu hút nhiều tranh luận nhất trong số tất cả các đại sứ quán ở đây là đại sứ quán Bỉ. Một trong những điều làm đau đầu những người chấp bút tranh luận là kiến trúc sư trưởng của tòa nhà này, Satish Gujral, thậm chí còn không là một kiến trúc sư, mà là một nhà điêu khắc. Với những hình khối kỳ lạ, đại sứ quán này mang hơi hướng một bức tượng điêu khắc khổng lồ. Những tháp tròn dạng Disneyland mang lại cho nơi đây bầu không khí vui vẻ, cởi mở không giống như những gì người ta vẫn hình dung về một đại sứ quán.

Nhưng không đâu bằng đại sứ quán Việt Nam mình.

Nhìn thấy dòng chữ tiếng Việt khắc ngay ngắn “Việt Nam”, tự nhiên tôi nao nao có cảm giác như về nhà vậy. Đại sứ quán Việt Nam xinh xắn và ấm cúng với vườn hoa phía trước. Mấy hôm trước, một người bạn hỏi tôi có lên gặp đại sứ Việt Nam ở đây không, tôi cười bảo mình phận dân đen, có việc gì mà gặp. Rồi hôm trước tìm thông tin mấy đại sứ quán, tự nhiên thấy đại sứ quán mình ở ngay gần đây, tôi lấy số gọi. Sau mấy giây lúng túng ban đầu, tôi giới thiệu mình là một người Việt tha hương muốn lên chào các bác. Bác Tuấn bảo khi nào lên đến nơi gọi cho bác. Bác hết sức ngạc nhiên khi thấy tôi chỉ là một con bé trẻ măng. “Trẻ hơn cả con gái bác”, bác bảo. Tôi phải nói mãi, nói mãi bác mới tin là tôi đang đi một mình. Tôi kêu với bác là mình thèm đồ ăn Việt, bác mời tôi về ăn cơm với gia đình bác (ha ha ha, mình cũng thủ đoạn ghê).

Có lẽ chỉ có đại sứ quán Việt Nam mới thân thiện và nhiệt tình như thế. Sau này khi tôi kể với những người bạn nước ngoài của tôi, mọi người mới bảo đồ ai tự nhiên lên đại sứ quán Mỹ, châu Âu hay Israel làm quen rồi lại còn được mời về nhà ăn nữa đấy.

35. Diwali

Tôi ở Delhi hai tuần, phần vì lộn độn lo visa, phần vì bị ngộ độc thực phẩm phải ở nhà suốt. Delhi là một thành phố khá thú vị để ghé thăm. Tôi thích nhất khu phố cổ quanh Qutb complex – khu đền thờ đạo Hồi đầu tiên và lớn nhất của Ấn Độ, nhưng giờ đây hầu hết chỉ còn là đồng đồ nát. Xung quanh đây là hàng chục con phố nhỏ xíu bày bán đủ các loại hàng quà, lúc nào cũng tấp nập người đi lại. Sau này khi đi nhiều hơn rồi, tôi nhận ra đây là nét đặc trưng của phố cổ Hồi giáo. Những người đàn ông mặc áo chùng trắng, những người phụ nữ vấn khăn trùm mặt, những quán thom nức mùi biryani, mùi cà ri thịt cừu, mùi kebab, mùi paneer... không phải là một thành phố mà tôi muốn sống. Là thủ đô, nơi lưu giữ những giá trị truyền thống, Delhi vẫn có những nét cứng nhắc, khó gần, không có sự cởi mở, cuồng nhiệt mà tôi thích ở Mumbai.

Cuộc sống ở đây cũng bình bình. Những ngày không bị đau, tôi bắt metro đi vào thành phố. Hệ thống metro của Delhi cũng như nhiều công trình đồ sộ của thành phố này, đã được nâng cấp, cải thiện đón chào Commonwealth Games 2010 (Đại hội thể thao khối thịnh vượng chung). Hệ thống này tuy không dài và phủ khắp được như hệ thống metro của Singapore, nhưng cũng hiện đại không thua kém gì. Duy chỉ có một điều, một vấn đề cố hữu của tất cả các thành phố lớn của Ấn Độ: metro lúc nào cũng đông chật người. Cũng may, phụ nữ được hai khoang riêng nên không sợ bị sàm sỡ.

Tôi cũng đã có kha khá bạn ở đây: một số người bạn tôi quen qua CouchSurfing; một số tôi tìm thấy Blog của họ và lân la làm quen; một số là bạn của bạn bè tôi ở những nơi khác giới thiệu; một số tôi tình cờ gặp trên đường. Quen một cách tình cờ nhất phải kể đến anh chàng Vineet. Một buổi tối khi tôi đang đi metro ở Delhi, một anh chàng người Ấn Độ bắt chột tiến đến gần và hỏi rằng tôi là người Việt Nam à. Tôi không tin vào tai mình nữa. Ở đây tất cả đều nghĩ tôi là người Trung Quốc. Nếu tôi có nói tôi là người Việt Nam thì cũng phải lặp đi lặp lại mấy lần vì chẳng mấy ai nghe thấy cái tên Việt Nam cả.

“Trời, anh không nghĩ em là người Trung Quốc hả?”.

“Không, người Trung Quốc nhìn khác, người Việt Nam nhìn khác. Bạn gái anh người Việt nên nhìn anh biết liền”.

Vineet khẳng khẳng bảo tôi chat với bạn gái của anh trên Yahoo. Nhìn ảnh avatar bạn này, tôi thấy có gì đó quen quen nhưng ảnh nhỏ quá không nhìn ra được. Chúng tôi nói chuyện một hồi, thì hóa ra đó là cô bạn ngồi cạnh tôi hồi cấp hai. Chúng tôi mất liên lạc vì gia đình ấy chuyển đi nơi khác, còn tôi chuyển lên Hà Nội học. Thế giới thật là nh

Tôi cũng kiếm cơ lên nhà bác Tuấn chơi để được ăn cơm bác gái nấu. Bác gái là con gái Hà thành có khác, nấu ăn không chỉ ngon mà còn đẹp. Tôi học mãi vẫn không học được cách làm đậu của bác. Đến nhà bác chơi nhiều tôi được truyền cảm hứng để nấu đồ ăn Việt cho nhà Robinson. Chiều hôm ấy chị Nga, con bác và bé Vân, đang học ở Delhi dẫn tôi đi chợ Thái mua nguyên liệu. Tôi làm món gà kho gừng, đậu sốt cà chua và rau bắp cải xào tỏi. Ai ngờ bạn Murdi cứ khẳng khẳng không chịu ăn món gà tôi làm vì bạn ấy kêu là sống mặc dù mình đã kho hai mươi phút. Ở Ấn Độ, hầm vài tiếng cho mềm nhũn ra mới được coi là chín. Cũng may là các bạn ấy còn thích hai món kia, chứ không thì tôi đã thề là sẽ không bao giờ nấu ăn cho người Ấn Độ nữa.

Một lý do khác khiến tôi ở lại Delhi lâu như vậy là vì tôi muốn chờ Diwali. Diwali, từ viết tắt của Deepavali – lễ hội ánh sáng, là một trong những lễ hội quan trọng nhất của người theo đạo Hindu. Mỗi ngày lễ của Ấn Độ đều có xuất xứ từ một huyền thoại gắn liền với các vị thần của họ và Diwali không phải trường hợp ngoại lệ. Người theo đạo Hindu tổ chức Diwali chào mừng chúa Rama đánh bại chúa quỷ Ravana để có thể trở về cùng nữ thần Sita và Lakshman sau mười bốn năm lưu đày. Hai nơi đẹp nhất để chiêm ngưỡng Diwali là Ayodhya, nơi sinh hạ của chúa Rama và sông Hằng, dòng

sông thiêng nhất trong đạo Hindu, khi người dân thả hàng nghìn ngọn đèn lấp lánh trôi sông.

Mặc dù có nhiều phiên bản khác nhau, nhưng các huyền thoại về Diwali đều ca ngợi chiến thắng của thiện với ác. Ánh sáng Diwali không chỉ thắp sáng ngôi nhà, mà còn thắp sáng trái tim mỗi con người, đưa chúng ta đến với sự thật và hy vọng. Ánh sáng Diwali còn tượng trưng cho ánh sáng của tri thức, xua đuổi sự ngu dốt che phủ bản chất thực sự của con người.

Trước đây, tết Diwali kéo dài cả năm ngày với mỗi ngày kỷ niệm một sự kiện khác nhau. Ngày đầu tiên được gọi là Naraka Chaturdasi, đánh dấu sự bại trận của quỷ Naraka dưới sức mạnh của chúa Krishna và vợ Satyabhama. Trong ngày này ở phía nam Ấn Độ, người theo đạo Hindu sẽ dậy sớm, tắm bằng dầu thơm và mặc quần áo mới. Amavasya, ngày thứ hai của Diwali, là ngày thờ nữ thần Lakshmi, nữ thần của sự giàu sang, Amavasya cũng là ngày kỷ niệm chúa Vishnu khi ngài trong hình hài một người lùn đã đánh bại bạo chúa Bali và giam hãm xuống ngục. Trong ngày này chồng sẽ tặng quà cho vợ. được trở lại trái đất mỗi năm một lần, chính là ngày thứ ba của Diwali, để thắp hàng triệu ngọn đèn xua tan bóng tối và sự ngu dốt, đồng thời lan truyền ánh sáng của tình yêu và trí khôn. Ngày thứ tư được biết đến như Bhaiduj. Trong ngày này, chị em sẽ mời anh em trai của mình đến nhà chơi. Thời gian gần đây, do bận rộn công việc, người dân Ấn Độ chỉ tổ chức Diwali trong một ngày. Năm nay, Diwali rơi vào thứ sáu, ngày 05/11.

Trước Diwali cả tuần, Robinson đã chăng đèn màu xung quanh nhà ganh đua với hàng xóm. Ánh đèn màu lấp lánh khắp nơi nơi cùng với thời tiết Delhi lạnh lạnh khiến tôi có cảm giác như đang đón Noel vậy. Công việc chuẩn bị thực sự bắt đầu từ ngày thứ năm khi Murdi dậy sớm cùng chị giúp việc dọn dẹp nhà cửa. Sau đó, chị với tôi tỉ mẩn ngồi đồ dầu sáp, xếp bắc nến vào những chén nhỏ làm bằng đất nung, được gọi là Diya để hôm sau đốt. Chiều tối, Murdi dẫn tôi đi chợ mua kẹo, pháo với đồ ăn bởi Diwali chợ không mở cửa. Karen được bố mẹ mua cho quần áo mới và Robinson cũng nằng nặc đòi mua cho tôi luôn bởi theo truyền thống Diwali người lớn sẽ tặng quà cho trẻ nhỏ. Mặc dù tôi không còn nhỏ tí nào. Murdi mua tặng tôi một chiếc váy Bô-hê-miêng màu đỏ cực kỳ xinh. Tết Diwali không có giao thừa, nhưng mọi người rục rịch bắn pháo hoa, nổ pháo từ đêm thứ năm. Cả Ấn Độ ngập tràn trong ánh nến, ánh đèn lung linh. Tiếng trẻ em reo hò lẫn trong tiếng pháo nổ ùng ùng. Ở đây chao ôi là nhiều loại pháo. Pháo hoa đốt hai đầu, phóng vọt lên trên trời nở thành từng chùm rực rỡ đủ màu sắc. Pháo chanki là những bánh xe lửa quay tít. Một loại pháo khác thì phun trào lên như những ngọn tháp ánh sáng. Pháo hương đốt cầm được trên tay. Rồi còn cả pháo tên lửa mà mỗi lần ai đó bắn, tôi lại nhắm mắt cầu nguyện nó không rơi vào cửa sổ nhà mình. Sợ nhất là pháo tép, không may xác pháo bắn vào người là bỏng da rất thật. Tối hôm đấy chúng tôi hốt hoảng vì một quả pháo của chúng tôi rơi sang sân thượng nhà hàng xóm, không rõ rơi vào cái gì mà nó bén lửa cháy. Nhà hàng xóm lại đi vắng nên chúng tôi không có cách nào sang dập lửa được. Hốt hoảng, chúng tôi tính đến chuyện gọi cứu hỏa, may mà sau khoảng mười phút, lửa tự tắt. Một điều nữa tôi cũng không thích là đêm hôm ấy cả Delhi ngập trong khói thuốc. Tôi nghe bạn bè kể thì tết Diwali ở Mumbai năm nay không vui như mọi năm, bởi Colaba – chợ pháo nhộn nhịp nhất Mumbai – phải dẹp tiệm để đảm bảo an toàn cho chuyến thăm của Barack Obama.

Ngoài pháo, một mặt hàng khác bán cực kỳ chạy trong Diwali là kẹo. Người Ấn Độ thích ăn kẹo, hẳn có dịp gì vui là họ ăn kẹo mà theo như lý giải của Robinson bạn tôi là bởi vì “kẹo mang lại cho họ may mắn”. Chính vì thế, đốt pháo xong là mọi người kéo nhau xuống nhà ăn kẹo. Mỗi người trong nhà thay phiên nhau nhét một viên to dùng vào miệng tôi, bắt tôi ăn cả chứ không được cắn, bởi theo quan niệm của người Ấn nếu cắn rồi thì sẽ không còn được may mắn nữa. Mỗi lần ăn kẹo là một lần được ôm chúc mừng Diwali.

Thứ sáu là ngày thăm hỏi họ hàng, bạn bè. Vợ chồng Robinson dẫn tôi đi chúc Tết gia đình, hàng xóm. Nếu như quà chúc Tết ở Việt Nam thường bao gồm bánh chưng, cân đường thì quà chúc Tết ở Ấn

Độ nhất định phải có một hộp kẹo. Đến nhà nào chúng tôi cũng lại được mời ăn kẹo, uống trà; nhà nào sang hơn sẽ có cả nho khô, hạt điều. Cũng như pháo, kẹo ở Ấn Độ hết sức đa dạng. Tôi ăn thử mỗi loại một chút thôi mà sau hôm đó cứ nhắc đến kẹo là sợ.

Khởi đầu là một lễ hội mang tính tôn giáo, Diwali đã phát triển trở thành một lễ hội đặc trưng của người dân Nam Á: từ Ấn Độ cho đến Nepal, Sri Lanka, kéo dài sang cả Malaysia, Singapore. Diwali được đánh dấu bằng đèn dầu Diya, kẹo, pháo, pháo hoa và quà tặng. Cũng như tết cổ truyền ở Việt Nam, tết Diwali đánh dấu sự khởi đầu của một năm mới, khi hầu hết các gia đình kinh doanh bắt đầu năm tài chính mới của mình vào ngày này. Nhiều người Ấn Độ còn xem Diwali là cơ hội “đánh bạc”. bởi tương truyền ngày này, nữ thần Parvati chơi xúc xắc với chồng và nói rằng: bất cứ ai đánh bạc trong Diwali việc làm ăn sẽ thuận lợi.

36. Kashmir

“If there is parasite on Earth, it is here, it is here, it is here”.

[Nếu thực sự có thiên đường trần gian, chính là đây, chính là đây, chính là đây.]

Câu cảm thán của một vị hoàng đế Mông Cổ khi đặt chân đến mảnh đất này hàng trăm năm trước đã trở thành câu nói cửa miệng của bất cứ ai đến nơi đây, bởi có lẽ không có từ nào có thể miêu tả đúng hơn về Kashmir, thiên đường trần gian. Tôi không nhớ cái tên Kashmir kẹt trong đầu tôi bắt đầu từ khi nào, tôi chỉ biết là một buổi tối, máu chảy về chân, tôi cuồng lên vào trang Facebook “Xách ba lô lên và Đi” của mình than thở rằng: “Trời ơi muốn đi Kashmir quá”.

Nhiều người không tin vào chuyện đi của tôi vì có vẻ như nó nhiều cái may từ trên trời xuống quá. Tôi không trách họ, bởi bản thân tôi nhiều lúc cũng không dám tin vào vận may của mình. Lần này là một dịp may như thế. Tôi vừa post lên Facebook được vài giờ thì nhận được tin nhắn từ chị Khánh. Chị đang ở Thái Lan, ngày hôm sau sẽ sang đến Delhi để đi... Kashmir. Chị đặt tour, thuê xe riêng nên có thể cho tôi đi nhờ. Tôi chưa bao giờ gặp chị Khánh, cũng như không biết tại sao chị lại tốt với tôi thế, nhưng nếu chị đủ tin tôi để cho tôi đi nhờ xe thì chẳng có lý do gì để tôi không tin chị cả. Cũng chính thêm, nếu chị Khánh không cho tôi đi nhờ thì tôi cũng sẽ vẫn mày mò tự đi xe bus hay đi tàu.

Tôi cuồng cuồng chuẩn bị cho chuyến đi. Đồ đạc tôi đi quen rồi chẳng có gì chuẩn bị: vài cái áo phông, một cái quần bò. Nhưng lúc tôi lên mạng đọc về Kashmir thì mới phát hiện ra trên đây đang chuẩn bị vào đông, đêm có thể xuống tới 0oC. Tôi không có quần áo mùa đông, đến cả áo dài tay cũng không có. Murdi phải cho tôi mượn một cái áo len và một chiếc áo phông dài tay.

Buổi sáng thức dậy sớm, nghiên cứu bản đồ metro đi đến khách sạn chị Khánh ở. Đến nơi rồi tôi mới thấy phục bản thân quá. Công nhận, ra nước ngoài tinh thần mò mẫm bản đồ của tôi lên cao hẳn. Ngày xưa, ba năm ở Hà Nội tôi không tìm ra được đường xe bus từ nhà đến trường. Chị Khánh người nhỏ nhưng rất cứng cáp, nhìn đã biết là dân máu đi.

“Này, tối qua em xem TV không?”.

“Có ạ, vụ truy bắt khủng bố ở Kashmir á?”.

“Ừ, sợ không?”.

“Hơi hơi ạ”.

Lái xe là một anh chàng người Delhi tên là Pankaj. Anh chàng đã ngoài ba mươi nhưng khuôn mặt vẫn trẻ măng, hay cười ít nói. Chúng tôi vào địa phận Jammu & Kashmir lúc chiều tối. Xe cộ vào bang này phải đi qua một trạm kiểm tra. Không biết ngày hôm đấy họ có vấn đề gì về giấy tờ, hay là do kẹt xe, hoặc chỉ đơn giản là chuyện thường ngày, mà chúng tôi phải đợi phía trước trạm kiểm soát cả ba tiếng đồng hồ. Xe ô tô, xe tải nối đuôi nhau xếp thành hàng dài vài cây số. Tối hôm đấy, tôi định đi qua Jammu sẽ bảo vào nhà người bạn CouchSurfer tôi đã liên hệ trước để ngủ nhờ. Nhưng do phải chờ lâu quá, tôi đến thị trấn lúc đã mười giờ tối. Phố vắng vẻ, đường tối om, sim Ấn Độ tôi đang dùng vào bang này bị mất sóng, tôi không biết sẽ tìm đến nhà bạn đấy bằng cách nào nên tôi quyết định đi cùng chị Khánh lên Katra, thị trấn nằm cách Jammu bảy mươi hai kilomet. Trên đường đi, Pankaj dừng xe lại lưng chừng đèo cho chúng tôi uống trà. Kể cũng lạ, tự dưng giữa đồi núi hoang vắng không một bóng người lại mọc đâu ra quán trà vỉa hè chật kín khách. Lúc đấy tôi đã bắt đầu cảm nhận được cái rét đêm núi. Cảm giác tay tê tê lạnh được chạm vào cốc trà nóng thật tuyệt. Tôi đưa cốc trà lên sát mặt, để khói trà thơm phả vào mũi, vào mắt, vào miệng cho ấm.

Chúng tôi đến Katra lúc đã quá nửa đêm. Thành phố này dần dần hiện ra sau màn đêm dày đặc với những ánh đèn lung linh phủ kín cả một mặt đồi. Một đường cong sáng rực rỡ dẫn lên đỉnh. Pankaj bảo đấy là đường dẫn lên đền Maa Vaishno Devi. Nằm dưới chân núi Trikuta, Katra không có gì nổi

bật ngoại trừ việc đây là thị trấn gần Maa Vaishno Devi nhất. Vaishno Devi là hiện thân của nữ thần Mẹ (Mother Goddess) trong đạo Hindu. Ngôi đền thờ nữ thần Mẹ này là một trong những nơi linh thiêng nhất của Ấn Độ, đứng thứ hai ở Ấn Độ về mặt số lượng người thờ cúng với tám triệu người hành hương đến đây mỗi năm. Nói thật là trước khi đến đây tôi chưa nghe nói đến ngôi đền này bao giờ, nhưng đến đây rồi mà không đi thăm thì hơi phí, tôi quyết định sáng hôm sau đi thăm.

Đền nằm chênh vênh trên đỉnh đồi, cách thị trấn những mười bốn kilomet. Ban quản lý khách sạn cho hay đền này không có đường ô tô lên, hoặc là đi máy bay trực thăng lên thẳng đến nơi, một chiều là 1.225Rs ~ \$27; hoặc đi lừ cả lên cả xuống là 750Rs ~ \$16. Chị Khánh chọn đi máy bay, tôi tính là mình cứ thông d đi bộ lên đã, khi nào mệt thì sẽ thuê một chú lừ. Mình có cả ngày ở đây cơ mà.

Đi một lúc rồi tôi mới phát hiện ra là mình không biết đường. Thế là tôi tìm một chú nhìn có vẻ thông thạo đường, bập bẹ hỏi đường lên Vaishno Devi vì chú không nói được tiếng Anh. Chú ra dấu đi theo chú, tôi cũng ngoan ngoãn đi theo. Con đường chính lên đồi bị kẹt rickshaw hàng mấy trăm mét, chú nhảy xuống một bậc thang hướng ngược lại, đi vào một con hẻm nhỏ xíu giữa hai vách đá. “Đường tắt, cho nhân viên”, chú khoe tấm thẻ cảnh sát. Chẳng biết có phải đường tắt thật không, nhưng nhìn chú có vẻ hiền lành tin được. Tôi thì còn đang bần hỉ hả vì nhờ đi đường này tôi lần đầu tiên được thấy một hang sadhu (sadhu là thầy tu Ấn Độ). Thầy tóc vắn trong khăn, người trát đầy phấn, lưng trần khoe rõ xương sườn, hông quần tẩm vải. Hang thực chất chỉ là một cái lỗ trong bức tường đá, trang trí với hoa cúc, gỗ thơm đặc trưng của đạo Hindu. Trên sàn có một tấm nệm rách te tua để giữa âm cho thầy trong cái rét căm căm này. Trên tường chạm một bức tượng thần khỉ Hanuman cao đến trần hang, trên sàn là bàn thờ có hình Sai Baba, cạnh chỗ thầy ngồi là bếp củi. Thầy ra hiệu cho tôi quỳ xuống, vẩy vẩy ít nước thánh lên người tôi, sau đó đổ một ít nước vào tay tôi bắt tôi uống. Tôi không biết nước này có nguồn gốc thế nào, nhưng cứ nhắm mắt nhắm mũi cho lên miệng. Sau đó thầy cho tôi một ít hạt khô để ăn lấy may.

Tôi bắt gặp hàng dài người chờ mua vé lên đền, nhưng vì chú làm ở đây nên chú đưa tôi qua mà không cần mua vé. Lúc vào con đường mòn lên núi rồi tôi mới phát hiện ra mình không phải là người bộ hành duy nhất. Chỉ có khách du lịch mới đi máy bay, đi lừ thôi chứ còn người hành hương toàn đi bộ hết. Chúng tôi hòa vào dòng người đông như trẩy hội. Con đường lên núi được lát gạch rất đẹp, phải cái mùi phân lừ nồng nặc. Cứ khoảng một vài mét lại có một người đứng quét phân lừ, khoảng vài chục mét lại có quầy bán đồ uống siêu rẻ. Tối qua không được ngủ đủ, sáng nay lại không kịp ăn sáng, người lại vẫn chưa khỏi hẳn sau vụ ngộ độc thực phẩm, leo được hai mươi phút thì tôi đã bắt đầu thở hắt hắt, leo được nửa tiếng tôi đã nghĩ mình sắp chết. Chú thì cứ lao phăng phăng phăng phăng làm tôi lại càng tự ái thể chất của mình. Xung quanh người nườm nượp, tôi còn gặp phải hai cụ già phải ngoài sáu mươi, đi từng bước từng bước rất thận trọng mà chẳng có dấu hiệu mệt mỏi gì. Chẳng lẽ mình hai mươi bẻ gãy sừng trâu mà lại thua người ta à? Thế là tôi lại cắn răng đi tiếp, không dám kêu ca gì. Sau ba tiếng, cuối cùng chúng tôi cũng lên một cái hang nơi mà hàng ngàn người hành hương đang đứng ngồi kiên nhẫn chờ đến lượt mình. Tôi hớn hờ reo lên: “Vaishno Devi”. Chú lắc đầu, chỉ tay lên trên cao nữa. Đây là Ardh Kuari, hang nơi mà Vaishno Devi được cho lẩn nấu chín tháng. Chú lại một lần nữa lạm dụng quyền hạn của mình để đưa tôi vào thăm hang mà không cần xếp hàng. Trước khi ra, chú nhặt cho tôi một nhúm hạt khô. Xong, chú dẫn ngược tôi ra đường xuống núi. Chú ra dấu bảo:

“Về đi, chú làm ở đây rồi”.

“Không, cháu muốn lên đền Vaishno Devi cơ”.

“Xa lắm”.

“Xa cháu cũng đi”.

Chú chỉ cho tôi đường lên núi rồi lắc đầu.

Thế là tôi tiếp tục leo, leo, leo. Cứ mỗi lần nhìn thấy tòa nhà nào, tôi lại chắc mẫm đây là đền rồi, nhưng rồi đều phải thất vọng vì không phải. Nhưng tôi đã đi quá xa để có thể quay lại mà không thấy tiếc. Càng lên cao đường càng vắng, khung cảnh càng đẹp. Những vách đá chênh vênh nằm bên thung lũng xanh rì, những thửa ruộng bậc thang nằm nghiêng nghiêng bên dòng sông lấp lánh ánh bạc. Tôi bắt chuyện với một cặp vợ chồng trẻ đang đi gần đây cho có bạn có bè. Hai người bảo năm nào cũng hành hương lên đây. Họ còn không có tiền ở khách sạn nên toàn phải cắm trại. Hầu hết những người đi hành hương cũng toàn ngủ lều, có ai được sung sướng ở khách sạn như tôi đâu (tôi ở khách sạn kè với chị Khánh thôi). Khoảng một giờ chiều, cuối cùng tôi cũng đến được cái biển chào gắn chi chít hoa cúc.

“Đến đền rồi đó”. Người chồng bảo tôi. “Em có vé vào chưa?”.

“Chưa. Mua ở đâu hả anh?”.

“Ở dưới chân đồi, này em không mua hả?”.

Tôi mới chợt nhớ ra là sang nay tôi đi đường tắt với chú tốt bụng kia nên không đi qua chỗ mua vé. Tôi chung h

“Không có cách nào vào được hả anh?”.

“Không, em phải có vé cơ”. Anh nhìn tôi thông cảm.

“Thế thôi em xuống”.

Lúc đó tôi cũng nghĩ là mình đi xuống thật, bởi thực ra vào được bên trong hay không đối với tôi không quan trọng lắm. Quan trọng là tôi đã leo được mười bốn kilomet để đến đây, một điều mà mới sáng nay tôi còn nghĩ là không tưởng. Nhưng lúc quay lưng đi xuống thì tự nhiên một ý nghĩ đen tối hiện ra. Kể ra đến đây rồi mà không vào trong thì cũng phí. Để xem có cách nào chui vào trong được không. Sau khi quan sát, tôi nhận ra rằng do quá đông, người ta không thể nào kiểm tra chi li từng vé được. Tôi nghĩ, tôi có thể trà trộn vào một nhóm nào đấy đi vào.

Tầm tía một lúc, tôi tìm được một nhóm thanh niên tầm tuổi tôi đang chờ đến lượt mình vào. Tôi chạy đến hỏi:

“Mọi người có ai biết là mình có thể mua vé vào cửa ở đâu không?”.

“Áy phải xuống chân núi mua cơ”.

“Trời, đi bộ cả sáng lên đây, giờ mà xuống nữa là khỏi lên luôn đấy. Có cách nào khác vào được không?”.

“Áy có một mình thôi hả?”.

“Ừ”.

“Thế vào đứng chung với tụi này đi. Đông người, không ai kiểm tra hết được đâu”.

“Chắc kh

“Chắc”.

Sau khi đứng chờ cả gần tiếng, cuối cùng chúng tôi cũng vào được trong đền. Nói chung, đền xây trong hang, ngoài ý nghĩa tâm linh ra thì về mặt kiến trúc cũng không có gì đặc biệt. Vào tham quan một lúc rồi tôi đi ra để xuống trước khi trời tối. Lúc đấy cũng đã gần ba giờ chiều rồi.

Hoàng hôn xuống, núi đồi càng đẹp. Tôi cũng không hiểu mình lấy đâu ra sức mà đi xuống bằng băng. Đi một lúc, tôi nhận ra rằng chân tôi không còn cảm giác nữa. Tôi như bị say vậy, bước này tiếp bước kia theo quán tính. Tôi không dám dừng lại, bởi tôi biết nếu tôi dừng lại, tôi sẽ gục ngay không đứng dậy được. Tôi cứ lao như vậy từ trên đỉnh núi xuống chân núi mà không nghĩ. Xuống đến chân núi, một phần vì không còn sức, một phần vì tôi nghĩ mình xứng đáng, tôi tự thưởng cho mình bằng cách kêu rickshaw về thẳng khách sạn. Về đến nơi, tôi hỏi chị Khánh ngày hôm nay thế nào, chị nhăn nhó bảo không mua được vé máy bay nên phải đi lửa lên, ngồi lửa cả ngày đau lưng quá trời. Chị còn bị tắc đường, chờ lâu ời là lâu. Mệt, chị về khách sạn gọi đồ ăn ngay trong đó chứ không ra ngoài. Tôi đi loanh quanh tìm đồ ăn mới phát hiện ra mấy món vỉa hè ngon lành của Kattr. Ha, hóa ra đi kiêu

nghèo như tôi lại hay hơn. Mặc dù mệt, tôi nghĩ hôm nay tôi đã có một ngày tuyệt vời: Tôi làm được một việc mà bản thân mình cho là không tưởng, được ngắm cảnh núi đồi, được gặp gỡ nói chuyện với kha khá người. Ai bảo đi kiêu nghèo như tôi là khổ?

37. Srinagar

Sau một đêm ngủ như chết, sáng hôm sau chúng tôi lên đường đi Srinagar, thủ phủ của Kashmir. Có lẽ chỉ có ở Kashmir biển báo thành phố mới dám ghi một câu xanh rờn: “Welcome to Paradise on Earth”. Đôi khi tôi buồn vì mình không có tài tả cảnh và Kashmir càng làm cho tôi phải đau khổ dằn vặt vì cái sự bất tài của mình. Tôi ước gì mình có khả năng biến mọi cảm xúc của mình thành chữ, để người đọc có thể cảm nhận được cái đẹp, cái hồn của Kashmir. Mãi ngắm cảnh, chúng tôi chẳng mấy khi nói chuyện. Nếu có nói, thì chủ đề cũng chỉ là về một cái đẹp khác của Kashmir.

“Trời ơi, chị muốn xem người Kashmir quá. Nghe nói con trai Kashmir đẹp dã man luôn”.

“Murdi bạn em là người Kashmir đấy. Bạn ấy xinh lắm. Nghe nói con gái Kashmir cũng đẹp quá trời luôn”.

“Đúng đúng. con gái Kashmir đẹp lắm”. Pankaj chen vào.

“Con trai thì sao?”. Cả tôi và chị Khánh đồng thanh hỏi.

“Hai chị phải tự xem rồi”.

Trời mỗi lúc một lạnh. Mới bắt đầu vào đông mà nhiệt độ đã xuống ba, bốn độ. Chị Khánh ủ một cái áo khoác lông to đùng. Tôi vẫn chỉ có chiếc áo len mặc bên ngoài chiếc áo phông dài tay. Tour sắp xếp cho chị Khánh ở khách sạn, nhưng nghe tôi dụ dỗ, chị muốn đi ngủ nhà thuyền. Quả thực, đến Kashmir mà không ở nhà thuyền thì chưa phải đến Kashmir. Nhà thuyền là một đặc sản, và cũng là minh chứng cho vẻ đẹp không thể cưỡng lại của mảnh đất này. Đến Kashmir, thật không khó để nhận ra điều đó. Hàng trăm ngôi nhà thuyền nhỏ nhắn rực rỡ màu sắc vai kề vai nối tiếp nhau trải dài cả cây số ven sông hay ven hồ Dal và Nagin. Theo Robinson kể, do Kashmir quá đẹp, quá nhiều người muốn mua đất ở đây. Để bảo vệ Kashmir khỏi đầu cơ bất động sản từ tư bản bên ngoài, quốc vương Kashmir bấy giờ mới ra một luật chỉ người Kashmir mới được mua đất ở Kashmir. Khi thực dân Anh sang Ấn Độ, họ tìm mọi cách để có thể lách luật và nhà thuyền là kết quả của việc lách luật đó. Những ngôi nhà thuyền ban đầu là nơi nghỉ dưỡng của người Anh dần dần được nâng cấp lên thành nhà nghỉ cho du khách. Người bạn mà tôi liên hệ trước trên CouchSurfing, Mustafa, ở trong một căn nhà thuyền như vậy. Tôi xin Mustafa cho tôi và chị Khánh ở nhờ.

Mustafa hẹn gặp chúng tôi trên cây cầu vắt qua con sông nơi thuyền nhà cậu neo đậu. Mustafa bằng tóc đen, mắt sâu, râu quai nón đậm chất Trung Đông. Cậu không hẳn là đẹp trai như những gì chị Khánh và tôi hình dung về con trai Kashmir, nhưng tôi có thể nói là cậu khá có duyên.

“Trời ơi, ấy mặc thế có lạnh không?”

“Nghe tiếng gì kêu lách cách không? Tiếng răng tứ đập vào nhau đấy”.

Thuyền có phòng khách, phòng ngủ, nhà vệ sinh, bếp đủ cả. Khắp thuyền có rèm nhung phủ bốn phía để giữ ấm. Bác trai ngồi hút thuốc, chân hơ bên trên một giỏ lửa.

“Người Kashmir ai cũng có một giỏ lửa thế này để giữ ấm trong mùa đông. Người ta gọi nó là người vợ mùa đông đấy”. Bác cười móm mém. Tóc và râu bác dài bằng nhau, phủ ngang đến ngực.

“Bác hút gì thế?”.

“Cần sa. Cần sa Kashmir là hàng hiếm đấy”.

Bác gái từ dưới bếp tất tả chạy lên với ba ly trà. Trà Kashmir khác với trà ở các khu vực khác ở Ấn Độ, mà sau này tôi phát hiện ra là nó giống trà ở Ai Cập: trà thơm, không sữa nhưng nhiều đường. Trời lạnh không ai muốn uống nước cả, nên chỉ có uống trà nóng tí tí thôi.

Phải ở trên thuyền, chòng chành mỗi khi có người bước hơi mạnh chân, ngắm mặt trời lên lấp ló bên hàng cây chinara rực rỡ, nhâm nhi trà Kashmir, nghe cá gọi trên mặt nước, mới hiểu tại sao du khách yêu nhà thuyền đến thế. Thú đấy nhưng lạnh. Trời lạnh, ở trên sông càng lạnh. Đánh răng mà lười cứ tê cứng lại. Ngửi thấy hơi nước là đã thấy tê tái nói gì động vào nước. Sáng tỉnh dậy thấy

nước đóng băng ở cạnh bờ. Chị Khánh tặc lưỡi:

“Ở một hôm cho biết thế thôi, đêm nay về lại khách sạn ở”.

Mustafa vốn là hướng dẫn viên du lịch nên hôm sau cậu đề nghị dẫn chúng tôi đi chơi. Nhưng chả hiểu sao Pankaj cứ mặt nặng mặt nhẹ có vẻ không muốn cho cậu đi cùng nên sau khi đến một số điểm du khách không thể bỏ qua như vườn thượng uyển, hồ Dal, leo lên đỉnh núi ngắm bao quát toàn cảnh thung lũng Kashmir đẹp như tranh vẽ, tôi và Mustafa tách ra đi riêng. Đi qua một chợ hàng thùng, tôi tạt vào mua một cái áo khoác mỏng dính với giá 200Rs (\$4). Tôi không muốn mua áo quá dày vì nặng, dùng xong ở Kashmir rồi chẳng biết có dùng ở đâu nữa không mà tha lỏi linh kinh.

Mustafa dẫn tôi đến đám cưới một người bà con của cậu. Đám cưới Kashmir rất lạ. Trong mấy ngày liền, cô dâu mới cứ phải trang điểm, mặc quần áo đẹp cho bà con làng xóm tới ngắm. Cô dâu mặc chiếc váy đỏ, đội khăn đỏ, khắp người là đồ trang sức bằng vàng. Chị ngồi yên trong một góc phòng, lúc nào cũng phải cười tươi, còn bà con thì ngồi khắp phòng vừa ăn vừa nói chuyện rôm rả. Chẳng ai nói được tiếng Anh, mọi người mang trà và bánh ngọt ra cho tôi rồi vừa nói chuyện vừa chỉ trỏ tôi gì đó, tôi nhìn thì lại cười một cách trù mến. Tôi cũng cười lại. Chẳng biết làm gì, tôi cứ uống trà. Chị bung trà cho tôi cứ cười tùm tùm, có lẽ chưa thấy ai uống trà nhiều như tôi. Tự nhiên tôi thấy đồng cảm ghêgớm với cô dâu mới kia, đã lạ nước lạ cái rồi lại còn cứ phải ngồi như phỗng cho người ta ngắm nghía bàn tán. Mustafa bảo mọi người quý tôi lắm vì tôi xinh hiền, lại có vẻ ngoan, nhưng ai mà biết là Mustafa nói dối hay nói thật, hơ hơ.

Cũng nhờ Mustafa mà tôi được ăn thử rất nhiều đồ ăn đặc trưng của Kashmir. Buổi tối, cậu dẫn tôi ngồi ăn thịt xiên nướng cạnh hồ Dal. Trời lạnh, tôi thích ngồi cạnh đống lửa, ngồi gần đến mức hơi nóng có thể phả vào mặt. “Mustafa sao không học đại học?”. Tôi hỏi. Cũng như hầu hết các bạn trẻ ở đây, cậu chỉ học xong cấp ba là nghỉ.

“Ngày trước có học, nhưng mà đợt vừa rồi bị giới nghiêm ba tháng, phải ở nhà suốt chẳng đến trường được nên bỏ luôn”.

“Giới nghiêm ba tháng?”.

“Ừ, ấy may mà lên đây đúng lúc bạo động đấy. Từ tháng sáu đến tháng chín, bạo động liên miên.

Cứ vài hôm lại bị giới nghiêm một lần, không ai được ra ngoài vì họ sợ người dân biểu tình, ném đá”. (Giờ tôi đã hiểu tại sao ở Srinagar lại nhiều xe bị vỡ cửa kính đến thế).

“Kể cả đi học?”. Tôi không tin vào tai mình nữa.

“Ừ. Trẻ em còn chẳng được ra ngoài chơi. Nhiều bé bị khủng hoảng tinh thần nghiêm trọng vì suốt ngày bị giữ trong nhà. Tớ có tình nguyện với một tổ chức phi chính phủ giúp đỡ những em bé bị như thế”.

“Nếu đi học lại, ấy muốn học nghề gì?”.

“Hướng dẫn viên du lịch”.

“Tại sao?”.

“Công việc nhàn, lương cao, được gặp nhiều người nước ngoài”.

Tôi thấy buồn vì hầu hết các bạn trẻ tôi gặp tại những điểm du lịch nổi tiếng toàn muốn học để trở thành hướng dẫn viên. Không có gì sai khi chọn nghề này cả, nhưng ai cũng làm hướng dẫn viên thì lấy ai làm những nghề khác? Chưa kể, ở Kashmir do bạo động liên miên, ngành du lịch còn chưa biết đi đâu về đâu thì nói gì hướng dẫn viên. Đến thăm Kashmir lòng tôi cứ xất lại. Một vùng đất vốn kiếm sống bằng ngành du lịch mà giờ đây không còn khách du lịch nữa thì sống bằng gì? Các cửa hàng đóng cửa, khách sạn điêu hiu, đình công liên miên, chợ tan từ sáu giờ tối. Sau tám giờ tối là không còn ai ra ngoài. Phương tiện công cộng không hoạt động. Trạm xăng không bán nên auto-rickshaw, taxi vô cùng đắt đỏ. Khách sạn, chúng tôi là những người khách duy nhất.

Ngày chúng tôi rời Srinagar là “Black Day” – “Ngày đen tối” 27 tháng 10, đánh dấu ngày đầu tiên

quân đội Ấn Độ đặt chân lên Kashmir. Trong ngày này, người dân phản đối bằng cách ném đá vào quân đội và quân đội đôi khi sẽ bắn trả. Giới nghiêm toàn thành phố. Đêm trước đó đã có tám người bị thương. Tài xế của chúng tôi, vốn là người Ấn Độ theo đạo Hindu, sợ quá phải gọi anh chàng lễ tân vào ngủ cùng. Chúng tôi rời thành phố mà trong lòng cứ thấp thỏm. Giới nghiêm toàn thành phố. Cứ đi được khoảng năm phút chúng tôi lại bị chặn lại tra hỏi, liên tục phải vòng qua đường khác. Cũng may, do chúng tôi là khách du lịch nước ngoài nên cuối cùng cũng đi được. Ra khỏi Srinagar, chúng tôi lại suýt nữa bị mắc kẹt vì hết xăng mà trạm xăng đang đình công không hoạt động.

38. Những chàng trai Kashmir

Những ngày còn lại ở Kashmir, chúng tôi đi lang thang một số điểm du lịch nổi tiếng của khu vực này: Pahalsam, Kashmir. Nói chung, đi tour mặc dù cũng thú vị, nhưng chẳng có chuyện gì nhiều để kể. Chuyện mà tôi thấy hay ho nhất lại là một cái note nhảm nhí tôi ghi lại trong một ngày ở đây:

“Hôm nay mình đã có một suy nghĩ vô cùng đại dột, đó là suýt nữa đã mời một bạn trai đi ăn tối. Tại sao, tại sao, tại sao? Bố mẹ anh ấy ăn gì mà đẻ con ra đẹp trai quá đỗi như vậy?”.

Đó là cảm nghĩ của tôi khi đứng trước anh chàng Kashmir đẹp rưng rờ mà chúng tôi gặp ở Gulmarg, điểm trượt tuyết nổi tiếng của Kashmir. Da săn rậm nắng, gò má cao ửng hồng vì lạnh, môi đầy, sống mũi thẳng, tóc xoăn, mắt nâu mơ màng, anh mang trong người vẻ đẹp Kashmir huyền thoại mà chúng tôi đã được nghe nói đến bấy lâu nay. Nếu hình dung những ngôi sao điện ảnh là Disneyland thì anh là đồng cỏ bao la lồng gió đầy hoa đại vậy. Anh là người dắt ngựa cho chúng tôi khi chúng tôi cưỡi ngựa đi dạo quanh khu cao nguyên tuyết đẹp này. Anh bảo bây giờ tuyết rơi chưa nhiều nên anh mới đi dắt ngựa. Khi nào trượt tuyết được, anh hướng dẫn trượt tuyết.

“Bây giờ có ai dám lên Kashmir nữa đâu mà có khách?”

“Không, năm nay anh được sang Châu Âu hướng dẫn cho khách hàng quen bên đó”.

“Bạn gái à?”.

“Không, khách hàng thôi. Anh không có bạn gái”.

“Nhà anh ở đâu?”.

“Anh ở làng cách đây khoảng mười hai cây số”.

“Anh về bằng gì?”.

“Anh đi xe máy”.

“Cho em về thăm làng anh nhé”.

“Ừ, tí nữa anh xong việc về đây. Em đi cùng luôn đi”.

Ha ha, nếu mà đi một mình chắc là tôi đi ngay rồi đấy, nhưng đang đi cùng chị Khánh nên không đi được. Pankaj không có vẻ gì là muốn lái xe đến làng đấy cả. Đây là vấn đề của đi tour, mình lúc nào cũng phải theo lịch trình, không thể nào cao hứng lên đi khác được.

39. Mumbai nằm trong tay người Pubjabi

Đền Vàng Harmandir Sahib ở thành phố Amritsar, bang Punjab – một trong những điểm tôi muốn đến thăm trước khi tôi chết, bởi đây là trung tâm của đạo Sikh, có vị trí như Vatican của Thiên Chúa giáo vậy. Đạo Sikh là tổ chức lớn thứ năm trên thế giới và là một tôn giáo có nhiều điều vô cùng thú vị. Thứ nhất, so với các tôn giáo khác ở Ấn Độ như đạo Hồi hay đạo Hindu, đạo Sikh cấp tiến hơn hẳn khi cho phụ nữ quyền bình đẳng với nam giới, và phụ nữ có thể dẫn dắt buổi cầu nguyện. Thứ hai, tôn giáo này nghiêm cấm mọi hành động tâm linh mù quáng, mê tín dị đoan như bắt phụ nữ che mặt, nhịn ăn, thờ cúng tranh tượng. Tôi rất ủng hộ quan điểm này. Thứ ba, đạo Sikh không hề có thầy tu, nữ tu bởi tôn giáo này phản đối các kiểu sống không gia đình: tha hương cầu thực, đi tu... Thứ tư, đây là một tôn giáo vô cùng hiếu chiến. Mỗi người theo đạo Sikh đều được khuyến khích phải sống như một chiến binh thần thánh. Với họ, nợ máu phải trả bằng máu và điều này đã được thể hiện qua những vụ trả thù đẫm máu trong lịch sử đạo Sikh. Bản thân Vương quốc đạo Sikh (nay là bang Punjab) được thành lập khi Guru Gobind Singh mang quân đi xâm lược thành phố Sirhind lúc bấy giờ còn đang theo đạo Hồi để trả thù cho cái chết của những người con trai út của mình. Người theo đạo Sikh luôn phải giữ 5 K, một trong số đó là Kirpan, con dao nhỏ cong ở đầu để gợi nhớ về lòng dũng cảm của năm người Sikh đầu tiên đã sẵn lòng tử vì đạo. Nhận biết người Sikh rất dễ. Bạn có thể nhìn vào tên họ: đàn ông đạo Sikh luôn có tên họ là Singh, nghĩa là sư tử; phụ nữ có tên họ Kaur, nghĩa là công chúa. Ngoài ra, đàn ông đạo Sikh không bao giờ cắt tóc. Tóc dài được cuộn khăn thành một vòng tròn trên đầu. Nhiều bạn thường nhầm khăn cuộn này với khăn cuộn đạo Hồi, nhưng khăn cuộn đạo Sikh to hơn hẳn và họ hoàn toàn không để lộ tóc ra ngoài.

Quả thực, trước khi đến Ấn Độ tôi chẳng biết đạo Sikh là gì. Tôi bắt đầu nghe đến đạo này khi đọc cuốn Holy Cow của Sarah McDonald trên tàu từ Kolkata đi Mumbai. Sau đó, khi đến Mumbai tôi nghe mọi người đùa rằng kinh tế Mumbai nằm trong tay người Punjabi (phần lớn người Punjabi theo đạo Sikh). Tuy là thiếu sót, người Sikh đã đạt được khá nhiều thành tựu về kinh tế và chính trị ở đất nước này. Thủ tướng Ấn Độ lúc bấy giờ là Manmohan Singh, nghe tên mọi người cũng biết là theo đạo Sikh. Tôi không biết thành công của họ là do sự hiếu chiến hay sự đoàn kết của những người theo tôn giáo này nữa. Hiếu chiến không hẳn mang nghĩa là thích đổ máu, nhưng hiếu chiến theo nghĩa “hăng”, đã làm gì thì sẽ làm hùng hục. Tôi đã ngộ ra một điều, muốn làm được gì đó thì bản thân mình phải thúc, phải đẩy cho nó xảy ra, không thể cứ ngồi ì chờ người khác làm cho mình được.

Sarah đến Amritsar để chữa bệnh. Tôi cũng không nhớ lúc đó Sarah mắc bệnh gì, đến Ấn Độ người không quen có thể mắc đủ các thứ bệnh quái đản. Có bệnh thì vái tứ phương, có người giới thiệu cô đến Amritsar tắm nước hồ Sarovar. Tương truyền, hồ Sarovar quanh đền Vàng có chứa amrit, nước thánh hay nước trường sinh bất lão có khả năng chữa bách bệnh. Nước này thực ra là nước sông Hằng. Người đổ về đây đông như kiến, cả người tin lẫn người không tin. Đền Vàng có bốn cổng, mỗi cổng có hai bác bảo vệ đứng gác, uy nghiêm đúng kiểu chiến binh thần thánh đạo Sikh: cao lớn, áo dài chùng màu xanh đậm, khăn cuốn tóc và thắt lưng đều màu vàng, râu quai nón, mặt nghiêm nghị, chân dạng bằng vai đứng tấn, tay cầm thanh giáo uy nghiêm. Trông dữ dằn là thế nhưng khi tôi đến hỏi, bác vẫn tươi cười trả lời.

Muốn vào trong mình phải cởi dép, phủ đầu che tóc. Bước qua cổng, qua hành lang là vào đến hồ Sarovar. Gần cửa chỉ có đàn ông tắm, phụ nữ tắm ở phía trong kín đáo hơn. Đàn ông nơi này cũng lạ, xuống tắm đồ cởi gần hết mà tóc thì vẫn cuộn nguyên cả cục trên đầu. Tôi phân vân có nên xuống tắm không, nhưng rồi nghĩ khả năng chữa được bệnh thì ít, mà khả năng lây bệnh da liễu thì nhiều nên lại thôi.

Đi lòng vòng quanh hồ, tôi phát hiện ra một mái hiên lớn, dưới đó là khoảng vài chục các bác,

các anh, các chị ngồi hì hụi nhào bột, bóc tỏi. Một giỏ sắt khổng lồ chứa ngập khay đựng đồ ăn, cao quá đầu người. Phía trên mái hiên là hàng chữ: “The Lord himself is the Farm. Himself is the Farmer. Himself he grows & grinds the corn”. (Bản thân Đức Chúa là nông trại. Bản thân Ngài là người nông dân. Bản thân Ngài trồng và nghiền ngô) Thấy hay hay, tôi ngồi xuống bữa một bác gái bận bộ sari màu nâu, vắn khăn màu nâu và một bạn nữ mặc sari màu tím nhạt, vắn khăn cũng màu tím nhạt, nhạt mấy củ tỏi lên bóc cùng mọi người.

“Bạn có nói tiếng Anh không?”. Tôi quay sang hỏi cô bạn ngồi cạnh.

“Chút chút”. Cô bạn bẽn lẽn trả lời.

“Mọi người đang làm gì vậy?”.

“Nấu ăn”.

“Cho ai?”.

“Cho tất cả”.

“Tất cả? Cho cả tớ nữa á?”.

“Ừ”. Cô bạn cười.

Thì ra đây là bếp ăn tập thể. Sau này tìm hiểu thêm tôi được biết hàng ngày bếp này phục vụ khoảng năm mươi ngàn người đến đây hành hương, hoàn toàn miễn phí. Người hảo tâm quyên góp đồ ăn, mọi người vào làm bếp, mọi người phục vụ, mọi người ăn. Hóa ra cái câu mà tôi đọc bên trên không chỉ là một trích đoạn trong Kinh Thánh của họ mà còn là một câu nhắc nhở mọi người “Muốn ăn thì lăn vào bếp”. Tôi chẳng hiểu lúc đấy tôi bị sao mà thấy bóc tỏi thú vị thế. Đầu tiên tôi bóc tỏi như mọi người bóc, tách nhánh ra, lấy dao cắt gốc, bóc vỏ rồi lại cắt gốc, bóc vỏ. Sau đó tôi phát hiện ra là nếu mình cắt gốc một lượt rồi bóc vỏ sẽ nhanh hơn rất nhiều. Một lúc sau tôi phát hiện ra nếu không dùng dao sẽ nhanh hơn nữa. Thế là tôi vừa bóc vừa tính giờ tự lập kỷ lục với mình, rồi tự sướng vì thấy mình bóc nhanh hơn hẳn người ta. Cứ ngồi bóc đến khi đầu ngón tay cái sưng đỏ lên mới đứng dậy đi ăn. Ngẩng lên mới phát hiện ra bạn gái ngồi cạnh đã đứng dậy đi từ lúc nào.

Tôi xếp hàng vào nhà ăn và được mọi người phát cho một cái khay đựng đồ ăn tiêu chuẩn của Ấn Độ: khay bằng kim loại, nông, chia ngăn đựng các loại đồ ăn khác nhau. Sau đó, tôi theo đám đông vào trong, ngoan ngoãn tìm chỗ, ngồi khoanh chân dưới đất, đặt khay trước mặt chờ đồ ăn. Tuy đông nhưng mọi người ngồi vào hàng lối rất lịch sự: nam một bên, nữ một bên. Đầu tiên là một bác với một rổ đầy rô-ti (bánh mì dẹt của Ấn Độ) đi dọc hàng, thả vào mỗi khay hai cái rô-ti. Sau đó lại có những người khác phát cơm rang, khoai tây xào, súp màu xanh xám bằng gì đó tôi cũng không biết. Tôi ăn không thích lắm nhưng không dám để thừa. Còn bao nhiêu người không có mà ăn, mình được cho ăn mà để thừa thì phí quá. Ăn xong đi loanh quanh tôi phát hiện ra một căn phòng rộng thênh thang, nền trải khăn, trần trần quạt cho mọi người đến nghỉ trưa. Một số người trải chăn ngay ở bãi cỏ phía ngoài để ngủ. Hành hương tiết kiệm một cách tối đa. Tôi nghĩ, nếu bạn nào đến khu vực này chẳng may không có chỗ qua đêm, thì đêm vào đây trải khăn ra ngủ cũng được.

Ăn no ngủ say rồi tôi mới đi thăm Đền Vàng. Đền nằm giữa hồ với một hành lang lát đá hoa, lợp vải trắng, lan can dát vàng lấp lánh dẫn vào. Nói chung Đền Vàng là tiêu biểu cho một kiến trúc cùng không ăn ảnh. Nhìn ở ngoài thì rất hoành tráng nhưng lên ảnh cứ bình bình thế nào ấy. Ảnh tôi chụp chẳng có ảnh nào đẹp, lên mạng tìm ảnh thiên hạ chụp cũng thấy toàn ảnh xấu. Phần đẹp nhất là những chạm khắc đá ngọc bên trong thì lại bị cấm không được chụp ảnh.

Một điểm thú vị khác của Punjab là lễ hội Đồi cò ở biên giới Pakistan – Ấn Độ. Ngày nào cũng thế, đúng năm rưỡi chiều, hai nước mở cửa biên giới và trao đồi cò cho nhau. Những sĩ quan tham gia nghi lễ cứ như đang trình diễn một điệu múa kỳ lạ vậy. Nghi lễ này thu hút hàng ngàn du khách mỗi ngày. Mọi người la hét, reo hò cứ như cổ vũ đội tuyển quốc gia ra sân thi đấu. Tôi vừa xem vừa âm ỉ. Trời ạ, Pakistan cách có vài bước mà mình không xin được Visa để sang đó.

40. Lẻn vào Taj Mahal

Từ những ngày còn nhỏ không biết tên của công trình đó là gì, tôi cũng biết tòa lâu đài đá cẩm thạch trắng với những mái vòm tròn nguy nga tráng lệ là biểu tượng vĩnh cửu của một trong những môi trường đẹp nhất lịch sử loài người.

Lớn lên, tôi được biết đây không phải là tòa lâu đài mà thực ra là khu lăng mộ Hoàng đế Mông cổ Shah Jahan xây để tưởng nhớ đến ái phi Mumtaz Mahal. Kiệt tác kiến trúc này mất hai mươi một năm để hoàn thành. Tiếc thay, lúc khu lăng mộ này hoàn thành cũng là lúc vị Hoàng đế nặng tình bị chính con trai của mình phế truất và giam vào một ngôi nhà cạnh Pháo đài Aara. Khi qua đời, ông được chôn cất tại lăng mộ bên cạnh người vợ yêu dấu của mình.

Khi đến Ấn Độ, tôi mới biết rằng Taj Mahal nằm tại cố đô Agra, cách Delhi chưa đến ba giờ lái xe. Tôi có thể dậy sớm để đến Agra và trở lại Delhi trong ngày.

Khi đến Agra rồi, tôi mới phát hiện ra rằng vé vào cửa Taj Mahal là 750Rs, tương đương \$15, nhiều hơn toàn bộ tiền mặt tôi đang có lúc đó. Không có tiền mua vé vào, chẳng lẽ đến đây rồi lại v

“Đi ăn cái đã”. Tôi tặc lưỡi. “Có thực mới vực được đạo, từ sáng đến giờ chưa ăn gì”.

Tôi đi vòng vòng mấy ngõ hẻm xung quanh thì tìm được một quán vỉa hè bán mì chow chow chỉ 10Rs một nửa đĩa. Tôi ngồi xuống ngay cạnh một anh chàng thanh niên Ấn Độ. Anh hỏi tôi:

“Em từ đâu đến?”.

“Anh nghĩ em từ đâu đến?”.

“Hoặc là Trung Quốc, hoặc là vùng Đông Bắc Ấn Độ”.

Như tôi đã nói ở trên về cặp vợ chồng Nasaland tôi gặp trên chuyến bay từ Kuala Lumpur sang Kolkata, người Đông Bắc Ấn Độ nhìn không khác gì người Đông Nam Á mình.

“Anh đoán tài quá, em là người Đông Bắc, Bang Nagaland”.

“Em nói tiếng Hindi không?”.

“Không. Em là người bộ tộc Ao, chỉ nói tiếng Ao thôi”.

Anh chàng “à” lên một tiếng ra vẻ hiểu rồi. Một ý tưởng chợt lóe lên trong đầu tôi.

“Anh ơi, vé vào cửa Taj Mahal cho mình là bao nhiêu nhỉ?”.

“Cho người Ấn Độ mình là 20Rs thôi, cho người khu vực Nam Á là 150Rs, còn cho khách nước ngoài là 750Rs cơ”.

“Sao cho người nước ngoài đắt vậy?”.

“Vì họ có tiền mà”.

“Thế còn người nước ngoài mà không có tiền thì sao?”.

“Người nước ngoài không có tiền thì họ sang đây làm gì?”.

“Sang đây vì muốn xem Ấn Độ. Em nói thật với anh nhé, vừa nãy em trêu anh thôi, xem anh có tin không. Em không phải là người Ấn Độ, em đến từ Việt Nam đây. Em không giàu có như những khách du lịch khác đâu”.

“Thật không?”.

“Thật. Anh có thấy khách du lịch giàu sang nào ăn ở quán này như em không”.

“Hừm. Bố mẹ em đâu?”.

“Em đi một mình”.

“Nếu không có tiền thì em sống thế nào, ăn ở thế nào?”.

“Em ở nhờ nhà bạn. Ăn uống thì rẻ hèn, như ăn ở đây này. Nhưng nói chung em không than nghèo khổ đâu. Em có việc muốn nhờ anh”.

“Việc gì?”.

“Em mua vé sẽ rất đắt. Em đưa tiền anh mua giúp em vé cho người Ấn Độ được không?”.

“Mua rồi em làm sao vào trong? Người ta vẫn

“Em sẽ nói là em là người Đông Bắc. Vừa nãy anh tin còn gì”.

“Người ta kiểm tra giấy tờ nữa đó”.

“Hên xui anh ơi. Cùng lắm người ta đuổi em ra. Cũng chỉ là 20Rs thôi mà”.

Thuyết phục một hồi cuối cùng anh cũng đồng ý giúp tôi. Cầm tấm vé màu vàng trong tay tôi bắt đầu suy tính làm sao để người soát vé tin rằng tôi là người Đông Bắc.

Tôi đi lòng vòng khảo sát địa hình và tìm được cửa đông khách nhất. Đông khách quá, người soát vé không có nhiều thời gian kiểm tra từng người. Tôi quyết định đóng đô ở cửa này chờ cơ hội.

Địa đã lợi rồi, giờ phải làm sao kiếm được “nhân hòa”. Tôi nghĩ, nếu tôi đi cùng một nhóm người Ấn Độ nhìn cũng giống tôi, tầm tuổi tôi thì đỡ bị nghi ngờ hơn. Nhưng mà tìm hoài không thấy nhóm nào như vậy. Rồi tôi tự nhiên phát hiện ra một bác gái trung niên nhìn khá giống người Đông Nam Á. Bác mặc đồ tây khá hợp mốt nhưng trán dính hạt binti. Tôi đến đứng xếp hàng ở cạnh bác.

“Đông quá bác nhỉ”. Tôi bắt chuyện.

“Ừ, Taj Mahal đẹp mà”. Bác nói tiếng Anh giọng đặc sệt Ấn Độ.

“Bác là người ở đâu hả bác?”.

“Bác quê ở Assam, nhưng giờ đang sinh sống ở Anh”. Assam là một bang khác ở Đông Bắc Ấn Độ, khá gần Nasaland.

“Thế ạ? Cháu quê ở Nasaland này, nhưng bây giờ đang sống ở Việt Nam. Bác còn nói tiếng Hindi không bác?”.

“Có chứ. Cháu có nói được không?”.

“Một chút thôi bác ạ, nhưng không tốt lắm, ở nhà cháu chỉ nói tiếng Ao thôi, còn bạn bè cháu chẳng ai nói tiếng Hindi”.

Càng đến gần người soát vé, tôi càng run, nhưng mặt cứ phải giả vờ tỉnh bơ vừa đi vừa nói chuyện với bác gái kia. Lúc tôi đưa vé cho người soát vé, ông nhìn tôi chăm chăm như nghi ngờ gì đấy, rồi hỏi câu gì đó bằng tiếng Hindi mà lúc đó tôi chẳng có hồn vía đâu mà nghe mà hiểu. Đoán là ông gáy hỏi tôi từ đâu đến, tôi trả lời bừa: “Nasaland” rồi quay sang nói chuyện với bác gái kia tiếp, kiểu như không quan tâm. Người soát vé làm bầm gì đó rồi quay sang người tiếp sau tôi.

Tôi vui tưởng chết nhưng chẳng có ai để ăn mừng cùng nên cứ vừa xem Taj Mahal vừa cười tủm tỉm. Tiền thì có hạn nhưng thủ đoạn vô biên.

Thiết nghĩ, nếu bạn có tiền, thì bỏ ra \$15 vào thăm Taj Mahal cũng đáng lắm. Mặc dù đã xem quá nhiều ảnh về công trình này, phải tự mình đứng trước khối đá ngọc thạch trắng muốt khổng lồ này, tự mình đặt chân lên nền đá mát lạnh, tận mắt chứng kiến những chạm trổ tinh vi mới có thể phần nào cảm nhận được cái đẹp, cái nguy nga, cái lộng lẫy của Taj Mahal. Đến Taj phải đến cả ngày, từ bình minh tới lúc trời tối để ngắm Taj đổi màu theo màu nắng. Điểm đẹp nhất để ngắm Taj là từ phía bên kia bờ sông Yamuda, khi bạn có thể ngắm cả Taj và phản chiếu long lanh của Taj dưới mặt nước. Có khá nhiều giai thoại quanh công trình vĩ đại này. Một trong số đó là giai thoại kể rằng Shah Jahan muốn xây một Taj Mahal bằng đá ngọc thạch đen phía bên kia bờ sông, nhưng bị oán ngòi khi chưa kịp bắt đầu. Một giai thoại khác lại kể sau khi ngôi đền được hình thành. Shah Jahan ra lệnh chặt tay của tất cả những kiến trúc sư và thợ xây tham gia xây dựng để không ai có thể tạo ra một công trình thứ hai như thế nữa. Để trả thù, một người trong số đó đã đục một lỗ hổng trên tường. Mỗi khi trời mưa, nước sẽ theo lỗ hổng đó chảy vào bên trong lăng, nhưng đã mấy trăm năm qua mà vẫn có không ai tìm ra lỗ hổng ấy. Vậy nên tôi cũng không buồn khi mình mất cả ngày mà không thấy nó ở đâu.

Ba phía của Taj được bao bọc bởi tường đá sa thạch đỏ. Phía ngoài bức tường là một số lăng mộ chôn cất vài người vợ khác của Shah. Điều tôi thấy thú vị là lăng mộ lớn hơn cả trong số đó lại dành cho cung nữ được sủng ái nhất của Mumtaz. Thật đúng là làm con ở của ái phi còn có vị thế hơn là làm

vợ vua mà không được ân sủng.

Tại sảnh của Taj và ngôi vườn xung quanh đó có rất nhiều loài vật: chim hạc, sóc và cơ man nào là khi. Khi đứng, ngồi, buồn chuyện riu rít trên lan can cạnh bờ sông, trong đó có một đôi khi đang cựa cằm nhau. Cao hứng, tôi chạy ra chụp ảnh đôi khi này. Ai ngờ khi đực nổi đóa, nhảy bổ về phía tôi, rít lên làm tôi sợ chạy tóe khói. Chạy vào trong rồi tôi mới thấy mình lãng xẹt, không đâu lại bị khi đánh ghen.

41. Varanasi

Tôi là một đứa dễ bị mê hoặc bởi giai thoại và khi đã bị mê hoặc rồi, tôi dễ bị dụ đi theo tìm hiểu giai thoại đó. Cái tên Varanasi đối với tôi gắn liền với những giai thoại về aghori sadhu. Sadhu là những thầy tu đạo Hindu. Họ không sống ở chùa hay nhà thờ mà sống tha phương cầu thực: không làm việc mà sống bằng bố thí. Theo Wikipedia: “Ngày nay, ở Ấn Độ có tới bốn, năm triệu sadhu. Họ vẫn được kính trọng vô cùng: tôn sùng vì sự thánh thiện của họ, sợ hãi vì lời nguyền của họ”.

Tôi biết đến aghori sadhu lần đầu tiên qua cuốn sách Holy Cow của Sarah McDonald. Trong đó, cô kể rằng lần đầu tiên gặp aghori sadhu, cô bị nguyên rửa và bị ôm gần chết. Dưới ngòi bút vô cùng sinh động của cô, sadhu có vẻ giống như một dạng phù thủy man rợ của Ấn Độ, sống trong nghĩa địa, uống nước từ đầu lâu người, ở trần truồng và có đôi mắt lạnh như băng. Thường thường, tôi không tin lắm vào những câu chuyện Sarah kể nên không suy nghĩ nhiều, cho tới khi Robinson tiêm nhiễm nó vào đầu tôi một lần khi chúng tôi ăn tối.

“Này, anh từng gặp aghori sadhu đấy. Ông nhìn thẳng vào mắt anh và nói: “Hầu hết những kẻ đến với ta đều vì sợ ta hoặc vì muốn lợi dụng ta. Nhưng người có một trái tim trong sáng. Người có thể hỏi ta bất cứ điều gì người muốn”. Thế là anh hỏi ông cho xem ma. Em biết là sadhu luôn mang theo ma bên người

“Anh có thấy ma không?”.

“Hừm, ông hỏi lại anh là anh nghĩ ma là cái gì. Ma thực chất chỉ là năng lượng, giống như một đám mây tích điện quá nhiều. Ông có thể cho anh xem, nhưng năng lượng này quá mạnh, đến mức nó có thể quật ngã anh”.

“Thông minh phết nhỉ”.

“Ừ, tốt nghiệp Cambridge ra mà. Nói bảy thứ tiếng”.

“Hả? Thế sao ông lại trở thành sadhu?”. Tôi hỏi mà trong đầu nghĩ thầm rằng ông này chắc học nhiều quá phát cuồng, hoặc thị trường việc làm ở Ấn Độ giờ quá cạnh tranh.

“Ông bảo rằng sadhu sinh ra đã là sadhu, chứ không phải được tạo thành. Khi ông mới hai tuổi, ông đã biết ông là sadhu rồi. Em hay anh không thể trở thành sadhu được”.

“Nhưng cũng phải qua nghi lễ nào đó mới trở thành sadhu được chứ?”.

“Có có. Ông bảo ông phải đi bộ khoảng hai ngàn kilomet từ Kolkata lên tận Gingotri trên dãy Himalaya”. Robinson sau đó kể một câu chuyện dài về ông sadhu này, rằng ông gặp hồn ma một cô gái bị hiếp dâm rồi giết chết bởi chính chồng và bạn bè hấn công đêm tân hôn và rồi ông đã giúp cô tìm lại cái vòng đeo tay bị đánh mất như thế nào.

“Nghe giống Liêu trai chí dị thế. Chuyện ma thế này ở Việt Nam có mà đầy”.

“Họ còn ăn xác chết cơ”.

“Hả?”.

“Họ thậm chí còn ngủ với xác chết”.

“Như thế nào cơ?”.

“Nghi lễ của họ đấy. Mỗi năm một lần, họ phải ăn một mẩu thịt người chết. Họ cũng phải đánh cắp xác của một người phụ nữ không quen biết, ở nhà xác hay ở đâu đó, để ngủ với cái xác đó. Họ không phải là muốn thế đâu, nhưng phải làm thế để hiến dâng cho Chúa và tạo mối quan hệ với người chết. Tự bản thân sadhu coi họ là những người đã chết, thậm chí được chứng nhận chết bởi chính quyền. Họ có thể phải tham gia lễ tang của chính mình trước khi đi theo guru”.

“Họ ăn sống à?”.

“Không không. Em biết là ở một số nơi như Varanasi, người ta đốt rất nhiều xác mỗi ngày. Họ ăn ở những chỗ đấy”.

“Vậy là ở Varanasi có nhiều sadhu hả?”.

“Nhiều chứ”.

Tôi quyết định khăn gói lên đường đi Varanasi.

Vé tàu lên Varanasi không phải dễ kiếm. Robinson cứ khẳng khẳng không chịu cho tôi đặt vé tàu hạng thường, còn tôi cứ khẳng khẳng không chịu mua vé tàu hạng sang. Nhưng vé hạng thường hay hạng sang thì cũng chẳng còn. Người Ấn Độ đi lên Varanasi quá nhiều nên chuyến tàu nào cũng chật kín khách, phải hai tuần tới mới có vé. Mà tôi thì lại không muốn chờ lâu đến thế. Vậy là mặc cho Robin ra sức phản đối, tôi khăn gói lên đường ra ga tàu quyết săn vé cho bằng được. Sáng tôi dậy sớm ra ga phòng có gì bắt tắc.

Sáng sớm, ga đã rộn ràng kẻ buôn người bán, kẻ ra người vào. Mua cho mình một cái bánh dosa nhân hành ăn cho ấm bụng, tôi len lỏi vào được phòng Tourist Information – phòng dành cho khách du lịch với hy vọng nơi đây sẽ có người hiểu được tôi muốn nói gì. Dosa là món bánh của miền Nam Ấn Độ mà tôi rất thích và thời gian ở cùng gia đình Robinson cũng được Murdi dạy cách làm. Đầu tiên bạn phải ngâm bột gạo vào nước, để qua đêm cho bột lên men. Rồi bạn cho chảo lên bếp đợi một chút cho nóng, cho chút dầu vào chảo, dùng một nửa củ hành di di phai bên trên để dầu phủ đều khắp chảo. Sau đó, múc một muôi nước bột gạo rót vào chảo, dùng mặt sau của muôi di di lên trên bột để bột trải ra đều đều hình tròn. Bột lên men, gặp nóng sẽ phồng lên một chút. Bạn đợi cho bột khô, lật bánh, muốn ăn thêm nhân gì thì rắc lên trên. Bước cuối cùng là gấp đôi bánh lại, gấp sao để không bị gãy, cho vào đĩa và ăn.

Lại lạc đề rồi. Trái ngược hẳn với cảnh hỗn độn bên ngoài, phòng Tourist Information khá sạch sẽ. Trong phòng có mấy hàng ghế kê sát tường, một cái bàn ở giữa, ở trên đó là một cái máy tính và cạnh đó là một anh chàng chắc chỉ khoảng đôi mươi đang ngồi chơi Solitaire. Nhìn đã thấy hy vọng rồi. Những bạn trẻ trẻ thư sinh thế này dễ đồng cảm với mình.

“Anh ơi, em muốn đi Varanasi mà không mua được vé tàu “.

“Thế thì đợi khi nào có vé rồi đi em ơi”.

“Không được anh ạ, em cần đi gấp ngày hôm nay. Bạn thân của em đang ở trên đấy, mai nó đi rồi. Nếu em không lên kịp sẽ không gặp được nó”. Mặt tôi nhìn buồn xo. Mọi người đều bảo tôi có khuôn mặt rất biểu cảm. Tôi mà làm mặt buồn thì thiên hạ thế nào cũng tưởng tôi sắp khóc.

“Đi bằng máy bay đi em. Để anh tìm vé cho”.

“Ặc, em làm gì có tiền mà đi máy bay anh. Em chỉ trả được vé tàu thôi. Có cách nào không có vé mà vẫn lên được tàu không anh nhỉ”.

“Không, không được”.

“Phải có cách nào đó chứ anh. Có ai đó hủy vé chẳng hạn

“Hủy vé thì chắc không đâu, nhưng để anh kiểm tra thử xem”.

Anh click click click trên màn hình máy tính, rồi à lên.

“Ừa, có vé mà em?”.

“Đâu anh? Ở nhà em đã kiểm tra trên mạng đâu thấy có”.

“Có, foreign quota mà anh quên mất. Hầu hết các chuyến tàu đều có một lượng vé nhất định dành cho khách du lịch, vé này không tìm trên mạng được, em phải đến ga tàu để mua. Còn hai vé đấy, em chạy lên mua ngay không hết”.

“Có đắt hơn vé thường không anh?”.

“Không em ơi”.

Tôi hỏi đường phi ngay lên Tourist Bureau để mua vé. Phòng Tourist Bureau có điều hòa, ghế ngồi lịch sự hết sức. Các bạn du khách ngoan ngoãn điền form ngồi chờ, tôi cũng làm theo. May mà hôm nay tôi lên đây mới biết có cái foreign quota này, chứ nếu cứ ở nhà như Robinson ngăn cản thì có

mà chờ hai tuần nữa.

Tàu chạy qua đêm, tôi đến Varanasi sáng sớm ngày hôm sau. Varanasi có gì đó rất khác. Nếu Kolkata có cái vẻ hỗn độn điên cuồng thì Varanasi lại có vẻ hỗn độn rất trật tự, như thể mọi chuyện đã diễn ra như thế từ hàng ngàn năm nay. Một em bé đứng rửa bát ngay cạnh cống thoát nước. Phía sau em, người lớn ngồi xồm bồm ăn ngon lành. Một người đàn ông vừa đi vừa đánh răng bằng cành cây. Một người phụ nữ ngồi khấp nép sau xe kéo, một tay giữ váy, một tay giữ khăn. Một anh chàng chạy xe Vespa lịch bạch. Đường chính đông nghẹt xe là xe. Đường nhỏ thì nào người, nào bò. Ngõ hẻm được trưng dụng hoặc để làm chợ, hoặc để làm nơi đổ rác, hoặc là cả hai. Với lịch sử ba ngàn năm tồn tại, Varanasi tự hào là một trong những thành phố lâu đời nhất thế giới. Trong khu phố cổ bên bờ sông Hằng, mọi thứ như chưa thay đổi gì suốt mấy ngàn năm qua vậy. Vẫn những ngôi nhà ch mái hiên gỗ hơi nhô ra ngoài, vẫn những cánh cửa thấp đến mức mình phải cúi đầu mới đi qua được, vẫn những ngôi đền thờ rực rỡ màu sắc, vẫn những con đường nhỏ đến mức nếu gặp một chú bò đi ngược đường, bạn sẽ phải lùi lại nhường đường cho bò đi.

Đi vòng vòng một hồi, tôi tìm được một căn phòng giá 300Rs. Phòng đơn ở một đầu cầu thang, nhà vệ sinh ở phía kia cầu thang, đi qua một cái hành lang tối mù. Tôi để đồ ở đấy rồi đi ra bờ sông chơi.

Ở đây có quá nhiều sadhu. Nhưng không như những gì tôi vẫn hình dung về sadhu như gầy gò, tóc tai xơ xác vì sống khổ hạnh, sadhu ở đây nhiều người béo tốt, phốp pháp, vải cuốn ngoài sạch bong không một vết bẩn. Thấy tôi chụp ảnh, mấy bác còn kéo tôi lại kì kèo xin tiền. Tôi nhất định không cho, bởi nghĩ mấy ông này tu hành gì, chắc chỉ trát sơn lên mặt làm tiền thôi. Chón xô bồ thật giả lẫn lộn, không biết chân nhân đâu mà tìm. Tôi nhớ câu Robinson bảo tôi: “Nếu sadhu muốn gặp em thì họ sẽ tự đến, còn mình đi tìm thì sẽ không được đâu”.

Varanasi được coi là thủ đô tôn giáo của Ấn Độ và sông Hằng là mạch máu của nó. Truyền thuyết kể rằng, sau khi cưới Parvati, thần Shiva về cư ngụ tại Varanasi với tất cả các vị thần khác ở cạnh bên và sông Hằng chính là nước chảy ra từ đỉnh ba của Người. Hơn ba trăm năm mươi vị nam thần và nữ thần tụ họp nơi này tạo thành một vòng tròn vũ trụ với thần Shiva ở giữa. Chính vì vậy, đây là thành phố linh thiêng của Ấn Độ, không thua kém Jerusalem của người theo đạo Thiên Chúa giáo, hay Mecca của người theo đạo Hồi về số người hành hương về đây mỗi năm. Sông Hằng chảy từ Bắc về Nam ở cả Ấn Độ, nhưng đến Varanasi thì tự nhiên đổi hướng chảy từ Nam về Bắc. Người dân kể rằng, đó là vì sông Hằng muốn tỏ lòng kính trọng với thần Shiva. Cũng có phiên bản khác kể rằng, sông Hằng là con gái của thần Himalaya. Tán tỉnh thần Shiva không được, nàng ngại luôn tránh mặt thần Shiva. Người Ấn Độ tin rằng tắm ở sông Hằng sẽ được rửa sạch tội lỗi trần gian. Cầu thang dẫn xuống bờ sông được gọi là ghat. Hầu hết các ghat ở đây là dùng để tắm. Dễ phải có đến cả ngàn người đang tắm rải rác ở khắp các ghat. Có lẽ chỉ ở đây mới có thể thấy người Ấn Độ rõ đến thế. Tất cả mọi người, không phân biệt đẳng cấp, giàu nghèo, quê quán... đều lột bỏ quần áo để tắm cạnh nhau trên cùng một dòng sông. Trong khi Ấn Độ là một nước phân biệt đẳng cấp (caste) hết sức nặng nề, trai gái không cùng đẳng cấp sẽ không được lấy nhau.

Người Ấn Độ cũng tin rằng nếu chết ở Varanasi sẽ được giải thoát khỏi kiếp luân hồi. Vì vậy, ở đây có một ghat dành riêng cho việc thiêu xác, gọi là Burning Ghat. Ghat này rất dễ nhận ra, cứ thấy ở đâu khói bốc lên mù mịt thì đó là nó. Tôi không phải là đứa yếu bóng vía, nhưng tôi phải thừa nhận, cả đời tôi chưa bao giờ thấy cái gì sợ đến thế. Burning Ghat rất bẩn. Varanasi đã bẩn, nhưng Burning Ghat là tận cùng của cái sự bẩn ấy. Ngay cạnh đó là khu vực thả bò, nước tiểu, phân bò, phân người phủ kín mặt đất. Cứ mấy mét lại có một đồng gỗ, bên trên là một xác người chỉ được cuốn mỗi tấm chăn đang cháy dở. Đây là lần đầu tiên tôi ngửi thấy mùi thịt người nướng. Mùi tóc cháy khét lẹt, mùi mỡ, mùi thịt cháy cứ xộc thẳng vào mũi làm tôi không dám thở. Tự nhiên tôi nhớ lại bộ ảnh “Filthy

India” chụp bởi mấy bạn Trung Quốc. Nào là xác người, xác bò trôi lênh phênh, nhuwnngx bộ phận cơ thể người chưa cháy hết bập bênh bám vào rác ngay ở bờ sông nơi nhiều người tắm. Hoa mắt, chóng mặt, nhìn đâu cũng thấy người chết, tôi đâm hoảng loạn, bối rối tìm đường ra, không để ý một cái xác khác được khiêng ngược chiều với tôi. Người ta gói xác không kỹ, lúc đi ngang qua tôi, tay cái xác tự nhiên buông xõng, quệt vào vai tôi. Tôi thân hồn nát thần tính, tự nhiên bật khóc.

Kể từ đây về sau, tôi không dám ăn, không dám uống gì ở Varanasi. Thử hỏi, sống ở đây, nấu nướng không dùng nước sông Hằng thì dùng nước gì? Thành ra, cái gì tôi ăn, uống ở đây cũng khiến tôi có cảm giác như đang ăn những mảnh rữa của xác người chết vậy. Tôi chịu không ăn nổi cái gì ở đây, toàn phải mua đồ gói làm từ nơi khác về ăn.

Tôi gặp nhiều dân ba lô ở đây, có bạn ở đây vài tuần, có bạn ở đây đến cả vài tháng. Họ thích Varanasi, bởi nơi đây họ có thể quên đi những bộ bề lo toan của thế giới hiện tại, đắm chìm vào không gian của hàng ngàn năm về trước. Tôi cũng thích nơi này lắm. Sáng sáng đi ra sông ngắm người tắm, trưa len lỏi các ngõ ngách phố cổ, chiều mát hoặc đi thăm các đền chùa, hoặc chèo thuyền trên sông Hằng, tối tối trèo lên sân thượng quán cafe cạnh bờ sông xem người ta trình diễn aarti. Aartilà nghi lễ cúng chỉ có ở Varanasi. Sáu sân khấu được dựng lên ngy cạnh bờ sông. Trên mỗi sân khấu là một anh chàng cao ráo, sáng sủa, mặc một bộ đồ trùng đến gót chân, vắt một cái khăn chéo vai. Sáu chàng trai uyển chuyển chuyển động theo tiếng nhạc khi réo rắt, khi dặt dìu. Ở bên dưới, khán giả đông nghìn nghịt, chen chúc nhau xem. Tôi không hiểu tại sao chỉ mấy bước chân là có thể tìm được chỗ xem trên cao đẹp như thế này, mà không ai chịu tìm.

Nhưng với tôi, tâm linh thôi là chưa đủ. Một phần quan trọng trong cuộc sống của tôi là ăn. Tôi thích đi lang thang, tự mình khám phá ra những món ăn lạ mình chưa được ăn bao giờ. Ở đây, tôi chịu không ăn nổi gì. Được ba hôm, tôi bỏ của chạy lấy người, lên Bodh Gaya chơi.

42. Bị kẹt ở Gorakhpur

“Tứ động tâm” – bốn địa điểm linh thiêng nhất của đạo Phật bao gồm Lumbini – nơi Phật đản sanh, Bodhgaya – nơi Phật thành đạo, Sarnath – nơi Phật chuyển pháp luân – thuyết pháp lần đầu tiên cho năm anh em Kiều Trần Như và Kusinara – nơi Phật nhập Niết bàn. Đã đến Varanasi và Bodh Gaya rồi, tôi cao hứng đến Lumbini. Vấn đề duy nhất là mặc dù Lumbini chỉ cách Bodh Gaya bốn trăm cây số, nhưng nó lại nằm ở phía bên kia biên giới, bên Nepal. Lúc đấy tôi nghĩ mình sẽ đến Nepal khoảng hai tuần rồi quay lại Ấn Độ. Visa Ấn Độ của tôi khi đấy xin được sáu tháng, được phép vào nhiều lần.

Tôi nghĩ mình cũng rảnh rồi, không đâu lại đi tàu ngược lên Varanasi, ở lại một đêm rồi lại đi xe khách lên Lumbini. Chẳng ai ở bên xe nói được tiếng Anh, tôi bập bẹ Nepal, Nepal thì họ chỉ cho tôi một cái xe chắc phải cổ hơn Napoleon, không điều hòa, nhồi nhét gấp đôi số ghế. Xe xóc long sông sọc, thỉnh thoảng lại có người mở cửa sổ nôn thốc nôn tháo mà chẳng cần nilon hay túi giấy gì. Tôi phát hiện ra trên xe ngoài một bạn gái khác đang đi cùng anh trai hay chồng gì đó, tôi là phụ nữ duy nhất.

Thỉnh thoảng khi đi xe, tôi thích tự kỷ. Tôi thích nhìn ra ngoài cửa sổ, khi những thứ mình biết lùi dần về sau và những gì mình chưa biết cứ mở dần ra trước mặt. Tôi nghĩ về quá khứ, về tương lai, về hiện tại. Tôi nghĩ về gia đình, về bạn bè, về những người mà tôi tình cờ gặp trên đường. Anh chàng ngồi cạnh tôi thì không hiểu, cứ thích bắt chuyện. Tôi liền lấy tai nghe ra mở nhạc trên điện thoại, đưa cho anh chàng một tai nghe, tôi nghe một tai để khỏi phải nói chuyện. Anh có vẻ rất cảm kích hành động này.

không lên mạng được để tìm hiểu từ trước, tôi chẳng biết xe sẽ đi đến đâu, dừng lại lúc nào. Khoảng chín giờ tối, xe đột ngột vào bến. Tôi hỏi anh chàng ngồi cạnh thì được biết xe không chạy nữa. Muốn đi Lumbini, tôi phải bắt chuyến xe ngày mai. Thành phố xe dừng là Gorakhpur, vốn là một thành phố vốn có nhiều ý nghĩa to lớn về mặt lịch sử và tôn giáo, nhưng lại chẳng có gì đặc sắc về mặt kiến trúc hay nghệ thuật. Từ cái nhìn của khách qua đường như tôi, thành phố này chẳng khác gì hầu hết những thành phố bậc trung khác của Ấn Độ. Thành phố này cũng quá sơ sài, không có vẻ gì là có một quán ăn hay nhà hàng lớn nào đó mở cửa thâu đêm để tôi có thể vào tá túc chờ đến trời sáng được cả. Bến xe thì tối om om đầy đe dọa. Tôi không biết phải làm gì, đang tính đi tìm đèn cảnh sát để ngủ nhờ thì phát hiện ra anh chàng ngồi cùng xe vẫn đang lẻo đẻo theo mình.

“Em định đi đâu đấy? Tôi rồi đi một mình rất nguy hiểm”.

“Em đang tìm chỗ ngủ”.

“Có một khách sạn cách đây hơn cây số thôi”.

“Giá khoảng bao tiền hả anh?”.

“Khoảng 500Rs”. Tức là trên \$10. Trong túi tôi lúc đấy còn rất ít tiền. Tiền viết bài cho trang web ở Israel thì chưa được nhận nên tôi không thể ở khách sạn được.

“Ặc có chỗ nào rẻ hơn không anh?”.

“Nếu em không ngại, có thể nghỉ qua đêm ở văn phòng công ty anh”.

“Công ty nào vậy?”.

“Một công ty về công nghệ. Hiện tại có hai bạn khác cũng đang ở đây. Có phòng riêng cho em, không phải ngại”.

Tôi phân vân dữ lắm. Có tin được anh chàng này không? Có tin được cả bạn anh chàng không? Tôi thấy mình dở hơi thế, cả ngày trên xe không chịu khó nói chuyện tìm hiểu xem anh là người như thế nào. Nhưng giờ tôi không có nhiều thời gian để suy tính. Tôi phải đưa ra quyết định một cách nhanh chóng.

Tôi nhìn anh từ đầu đến chân. Khuôn mặt hiền lành, giọng nói dễ chịu, phong thái lịch sự, nói tiếng Anh khá tốt. Anh mặc quần Tây, áo sơ mi, tay xách túi đựng laptop, không có vẻ gì là màu mè hoa mỹ, nhìn đúng là dân kỹ thuật thật.

“Sao anh lại muốn giúp em?”.

“Thấy người cần giúp đỡ thì nên giúp. Anh đi xe khách nhiều mà chưa thấy người nước ngoài nào đi xe như em. Anh nghĩ, chắc em cũng không có tiền thật”.

“Nhưng còn hai đồng nghiệp của anh thì sao?”.

“Họ cũng tốt lắm”.

Tôi quyết định mình sẽ tin anh. Chúng tôi lên xe người kéo về văn phòng anh. Văn phòng chứa đầy máy và linh kiện điện tử, nhìn giống nhà kho hơn là văn phòng. Bên cạnh là một căn phòng trống với nhà vệ sinh, bếp than tổ ong. Hai đồng nghiệp của anh đang cặm cụi làm rô-ti. Phía sau là một căn phòng nhỏ cũng ngập đồ đạc với một cái giường đơn đặt vừa vặn vào chỗ trống. Anh chỉ cho tôi cất đồ vào đó, đốt cho tôi que hương muỗi rồi đưa vào cho tôi cái quạt. Tôi nhẹ cả người khi căn phòng này có khóa trong. Người tôi bần lả, nhưng vì không cảm thấy thoải mái cho lắm nếu tắm ở đây nên chỉ rửa mặt mũi chân tay rồi ra giúp bạn bè anh làm bữa. Hai đồng nghiệp của anh tuy không nói được tiếng Anh nhưng mặt mũi hết sức hiền lành, lại có vẻ bẽn lễn nữa. Tôi đã được dạy làm rô-ti rất nhiều lần nhưng vẫn làm hết sức dờ. Chuyên gia làm rô-ti sẽ biết áp dụng lực vừa đủ để lớp bột tự xoay vòng dưới que cán và tự nó tròn một cách hoàn hảo. Tôi toàn phải tự xoay mà nó vẫn không tròn. Tôi nhớ đến anh chàng làm bánh rô-ti mà tôi gặp ở Punjab. Anh chàng còn chả cần thớt hay que cán mà cứ tay không tung hứng cục bột vèo vèo vèo vèo, một phút phải làm được hai cái bánh rô-ti. Tôi thì phải mười phút mới xong một cái. Ban đầu mọi người còn kiên nhẫn chờ tôi làm, xong rồi vì tôi làm chậm quá, tôi bị đuổi đi. Bữa cơm đạm bạc chỉ có rô-ti và súp lơ sào khoai tây nhưng ngon lành vì cả ngày chưa được cái gì vào bụng.

Sáng hôm sau khi tỉnh dậy, tôi cảm động suýt phát khóc khi phát hiện ra mọi người đã mua sẵn bánh mì và sữa đặc cho tôi ăn sáng. Bánh mì chỉ cho tôi thôi, còn mọi người ăn rô-ti từ hôm qua. Tôi ăn không hết, mọi người cứ nhất định bắt tôi cầm theo đi ăn. Sau đó, một người còn đưa tôi ra tận bến xe khách, đợi cho tôi lên xe rồi mới về. Trên đời này đúng là còn nhiều người tốt lắm.

43. Chùa Việt Nam ở Lumbini

Hộ chiếu Việt Nam có thể xin visa từ cửa khẩu: \$25 cho visa 15 ngày, \$40 cho visa 30 ngày, \$90 cho visa 90 ngày. Đúng là chỉ có khi xin visa người ta mới mua được thời gian. Nếu ở Ấn Độ chẳng ai biết Việt Nam là gì thì ở biên giới Nepal, mới nhìn thấy hộ chiếu Việt Nam của tôi, các bác Hải quan đã hớn hờ: “Doctor Lam, doctor Lam”, nghĩa là “Tiền sĩ Lâm, tiền sĩ Lâm” – tên gọi thân mật mọi người nơi đây dành cho sư thầy Lâm Trung Quốc, trụ trì Việt Nam Phật Quốc tự ở đây.

Tôi nghe thấy Lumbini lần đầu tiên từ anh chàng khủngAntonio tôi gặp ở Myanmar. Anh bảo quãng thời gian anh thích nhất là một tuần liền trên đất Phật sinh, tá túc ở một ngôi chùa Hàn Quốc. Tôi hớn hờ hỏi anh là tôi đến xin ở có được không, anh mới à lên: “Được chứ, ở đây có cả chùa Việt Nam mà”. Lần thứ hai tôi nghe đến Lumbini là khi nói chuyện với các bác ở Đại sứ quán Việt Nam về một đoàn khách từ Việt Nam sang đây hành hương “Tứ Động Tâm”. Các bác bảo thầy Huyền Diệu rất giỏi: Thầy sang Nepal từ khi Lumbini vẫn chỉ là mảnh đất hoang tàn. Thầy chính là ngưi nước ngoài đầu tiên xây dựng chùa ở Lumbini và là người có công lớn trong việc vận động chính quyền Nepal và chính quyền các nước khác để xây dựng lên khu Liên Hiệp Quốc Phật giáo, làm sống lại Đất Phật. Các bác tặng tôi cuốn sách Lòng tri ân: Sức mạnh và mầu nhiệm của thầy để đọc nghiên cứu. Càng đọc, càng tìm hiểu về thầy trên mạng tôi càng phục thầy, rất muốn có dịp được sang Lumbini thỉnh giáo.

Xe dừng lại ở Sonauli, tôi phải đi bộ qua biên giới, rồi bắt xe khách khác đến thị trấn Bhairahawa cách biên giới bốn một xe bus khác đến Lumbini. Chao ôi, chưa bao giờ tôi đi một cái xe bus nào chậm đến như thế. Đường xấu, máy cũ, xe chạy với tốc độ còn chậm hơn cả rùa bò. Đã vậy, ai vậy xe cũng dừng. Xe nhồi khách như nhồi vịt, tôi ban đầu còn được đứng hai chân, lúc sau chỉ còn được đứng một chân. Mỗi lần công an kiểm tra là phải xuống hết từng người từng người một, rồi tất cả lại phải từ từ nhồi nhét lại. Ở biên giới Nepal người dân thì ít mà công an thì nhiều. Cứ khoảng chục phút xe lại bị chặn lại kiểm tra. Quãng đường chỉ hơn hai chục cây số mà xe chạy mất hơn hai tiếng.

Tôi đến Lumbini lúc bảy giờ tối mà trời tối om om làm tôi cứ có cảm giác như đang nửa đêm vậy. Thị trấn không có điện, chỉ heo hắt vài ánh nến hắt ra từ mấy nhà nghỉ ven đường. Tôi biết mình đã đến gần đất Phật khi nhìn đâu cũng thấy toàn sư là sư, chủ yếu ăn vận theo kiểu nhà sư Tây Tạng: quần nâu, áo trong vàng, vải đỏ sậm vắt chéo bên ngoài. Tôi cần phải đến Vườn Thiêng – nơi Phật sinh và cũng là nơi tập trung Liên Hiệp Quốc Phật giáo, nhưng tôi không biết Vườn Thiêng cách đây bao xa, đi đến bằng cách nào. Sợ người tu hành ngại tiếp xúc với nữ giới, tôi không dám hỏi đường. Thông tin duy nhất mà tôi có được là khi xuống xe bus, một bác khuyên tôi nên tìm nhà nghỉ nào ở quanh đây, mai trời sáng hãy đến Vườn Thiêng. Không muốn phải tốn tiền thuê nhà nghỉ lằng xẹt như vậy, tôi đi vòng vòng do thám. Đi một đoạn thì phát hiện ra cái cổng trắng với dòng chữ “Sacred Garden” (Vườn Thiêng) to đùng. Quả thực lúc đấy tôi không biết có phải Vườn Thiêng không bởi ngoài trừ dòng chữ đấy ra, xung quanh chẳng có dấu hiệu gì khác. Đêm tối đen như mực làm tôi cứ có cảm giác phía sau cánh cổng kia chỉ là một cánh đồng khác. Đang thập thò ở cửa thì tôi phát hiện ra hai chú bảo vệ. Chú không nói được tiếng Anh nên tôi chỉ nói: “Vietnam temple”. Chú à lên vui vẻ: “Vietnam Vietnam”. Chú đưa cho tôi tờ bản đồ, chỉ hình ngôi chùa nhỏ xíu có chữ “Vietnam” trên đó. Tôi gật đầu, chú liền dắt xe đạp ra, ra hiệu cho tôi ngồi ra phía sau. Sợ nổ lốp xe, tôi chỉ vào chân mình ra hiệu rằng chú cứ đi trước đi, tôi đi bộ, nhưng chú cứ khăng khăng chỉ vào gác бага đợi tôi lên. Tôi cũng ngoan ngoãn leo lên, xúc động dạt dào. Mình đâu có mảnh mai gì cho cam, mà ba lô của mình cũng đâu có nhẹ gì.

Trăng mỗi lúc một sáng. Trăng lấp lánh mặt hồ, trăng lấp ló tán cây, trăng lấp lờ bụi cỏ. Không gian im lặng như tờ, nghe rõ cả tiếng đạp xe lóc cóc, tiếng dế kêu rả rích, tiếng chó sói hú xa xăm. Tôi hơi lạnh xương sống, giật giật áo chú: “Wolf?”. Chú xua xua tay ý là nó còn ở xa lắm. Lâu lắm rồi tôi không ngồi sau xe đạp. Tự nhiên nó khiến tôi nhớ lại những ngày còn nhỏ, được bố đèo xe đạp đi vòng

vòng quanh xóm. Cảm giác an toàn và

Xe dừng lại ở trước một cái cổng lớn. Chú bảo: “Vietnam”, rồi quay xe đi về. Trăng sáng không đủ nhìn rõ mặt người, nhưng đủ để tôi thấy thấp thoáng bóng người phía sau cổng. Tôi lớn tiếng gọi: “Hello”. Ai đó đi tiến lại phía cổng với ánh đèn pin lập lòe, nhưng không mở cổng ngay mà có vẻ đang cố gắng nhìn rõ mặt tôi qua thanh cửa sắt: “Who is that?”. Trời ạ, nói tiếng Anh giọng này thì chỉ có người Việt Nam. Tôi hớn hờ reo lên:

“Anh là người Việt Nam ạ?”.

“Trời, em cũng là người Việt Nam hả?”. Anh cũng mừng rỡ không kém.

“Vâng. Anh ơi, thầy Huyền Diệu có ở đây không anh?”.

“Thầy đi vắng rồi, có Minh Hòa ở đây thôi. Em vào trong đã”.

Anh quay ra la toáng lên với mấy người ở trong:

“Có con gái Việt Nam này”.

Tôi mờ mờ nhìn được khoảng bốn, năm người đang ngồi uống trà dưới gốc cây. Tuy không nhìn rõ mặt, tôi có thể cảm thấy ánh mắt vui vẻ của mọi người dõi theo tôi. Minh Hòa tắt tả từ trong nhà chạy ra.

“Em vào đây bằng cách nào?”.

“Chú bảo vệ dẫn em vào”.

“Có lấy tiền công không?”.

“Không anh ạ. Cũng không thấy ai kêu tiền vé

“Trời ơi, làm con gái thật sướng. Vào đất Phật mà được chú bảo vệ đèo vào tận đây là phải có phước lắm đó. Em tìm thầy có việc gì?”.

“Em đi hành hương đất Phật, muốn gặp thầy xin chỗ tá túc”.

“Chuyện đây thì thoải mái. Chùa có mấy chục phòng khách để trống kia kìa”.

Thế là tôi ở lại trong chùa. Minh Hòa là đồ đệ của thầy, giúp thầy lo việc trong chùa khi thầy đi vắng. Ngoài anh, chùa còn khoảng mười anh em thợ hồ từ Huế sang đây giúp thầy xây chùa và một bác quản gia người Nepal.

Có lẽ vì thương tôi mà mọi người rất quý tôi, mặc dù tôi không phải là người theo đạo Phật. Tôi được ở trong một căn phòng trong dãy phòng khách ở phía trong, còn mọi người thì ở trong một ngôi nhà nhỏ hai tầng ngay phía cổng. Căn phòng rất sạch sẽ với giường đôi, bóng điện chạy bằng ác quy, nhà vệ sinh nước sạch đầy đủ. Chưa bao giờ ngủ trong chùa, lại thấy dãy phòng khách vắng vẻ, âm u, buổi đầu tiên tôi thấy hơi sờ sờ nhưng khi mọi người hỏi: “Sợ không?”, tôi lắc đầu. Chứ sao giờ, chẳng lẽ kêu sợ để nhờ mọi người vào ngủ cùng à?

Tuy không phải là người theo đạo Phật, tôi có cái nhìn khá cởi mở về tôn giáo. Không sùng bái cũng không phản đối, tôi nhìn nhận tôn giáo như một nét văn hóa thú vị. Tôi thích không khí bình yên trong chùa, thích những câu chuyện Phật dạy, thích tìm hiểu mối liên hệ giữa đạo Phật và các tôn giáo khác. Tối tối mọi người lên chùa đọc kinh, tôi cũng lên cùng. Tôi chỉ hơi bối rối lúc ăn cơm cùng mọi người. Tôi theo đạo Thiên Chúa nên khi ăn cơm tôi làm dấu thánh giá.

Để khỏi thấy mình vô dụng, ngày ngày tôi cầm chổi đi quét chùa, tự nhiên nhớ đến câu:

“Con vua thì lại làm vua

Con sãi thì quét lá đa”.

Khuôn viên chùa rất rộng. Phía trước chùa là một cái ao đầy hoa sen với một cây cầu cong cong vắt qua. Một cụm trúc vàng nghiêng nghiêng soi bóng. Phía sau nhà khách là một khu vườn rậm rạp như một cánh rừng nhỏ. Lốp lá khô lâu rồi không ai động vào, tôi khua khua chổi là muỗi bay loạn xạ, đốt chi chít mặt mũi chân tay tôi. Tôi thích buổi sáng sớm ra bờ ao ngồi chơi với hồng hạc (mọi người gọi là hồng hạc nhưng thực ra tên khoa học của loài chim này là Sarus Crane – Sếu đầu đỏ). Đây là

loài chim cực kỳ quý hiếm, đứng thẳng có thể cao đến hai mét, nhưng lại vô cùng uyển chuyển. Sự xuất hiện của những chú chim này ở đây là một điều bí ẩn mà có lẽ cách duy nhất để giải thích cho nó là “đất lành chim đậu”. Mọi người bảo trước đây Lumbini không có hồng hạc đâu, chỉ từ khi chùa Việt Nam bắt đầu xây, hồng hạc mới quay trở về, càng ngày càng nhiều. Cái lạ hơn nữa là hồng hạc chỉ tập trung ở chùa Việt Nam chứ các chùa khác ở ngay cạnh đấy cũng không có. Hồng hạc duyên dáng đứng soi bóng bên bờ ao, đùa nghịch bên khóm trúc. Chúng rất dạn người, có mấy chú còn thân nhiên đi dạo quanh sân, thấy tôi ăn táo cũng chạy vào ăn cùng. Chiều chiều, tôi thích đạp xe lòng vòng tham quan chùa các nước khác. Vườn Thiêng được mọi người gọi đùa là “Liên Hiệp Quốc Phật giáo” bởi cho đến nay đã có trên hai mươi quốc gia dựng chùa ở đây, mỗi ngôi chùa mang nét kiến trúc đặc trưng của đất nước đó. Chùa Thái Lan với những mái cong xếp chồng lên nhau, chùa Campuchia đậm chất kiến trúc Angkor Wat, chùa Nepal bầu bĩnh với con mắt Phật nhìn xuyên thấu, chùa Myanmar dát vàng, tròn ủng ở dưới nhưng càng lên cao càng nhọn, chùa Trung Quốc nhìn như Thiếu Lâm tự, chùa Pháp là một sự kết hợp độc đáo của văn hóa phương Đông và phương Tây...

Thỉnh thoảng buổi chiều tôi đi chợ cùng mọi người, vừa đi thăm chợ, vừa nhân cơ hội tiếp cận với “thế giới văn minh”. Chẳng qua là trong chùa điện thì chập chờn, một ngày có điện được mấy tiếng thôi, sóng điện thoại còn chẳng có nữa là Internet, nên muốn gọi điện hay vào mạng tôi phải đạp xe vào thị trấn cách đó mấy cây số. Thị trấn Lumbini có nhiều nét rất giống Việt Nam những năm 90. Phương tiện đi lại chủ yếu ở Lumbini là xe đạp, nhà giàu mới có xe máy. Nhà tranh mái rạ lụp xụp hai bên đường đất, quần áo đủ màu sắc sặc sỡ trải ngay trên mái nhà. Lumbini có hai chợ, một chợ họp hai phiên mỗi tuần, chợ kia chỉ họp một phiên. Ngày chợ phiên, người dân mang những thứ nhà trồng được đến mảnh đất trống ngay cạnh cánh đồng, bày ngay trên đất để bán. Không biết mọi người có ý thức giữ gìn môi trường hay là do không có tiền mua túi nilon, ai đi chợ ở đây cũng mang một cái bao và cho hết đồ rau củ quả của mình vào đấy. Bạn tôi đang chạy chương trình “Tôi ghét Nilon” mà sang được đến đây chắc thích điên lên mà không có điện chẳng biết làm gì, mọi người hay ngồi gốc cây để đàn hát cho đỡ nhớ nhà. Tôi thương anh em thợ hồ ở đây lắm. Nghe thầy kêu gọi cần người giúp xây chùa, mấy anh em bỏ việc ở nhà sang đây giúp thầy cả năm trời mà không lấy tiền công.

Ở Lumbini được một tuần mà vẫn không thấy thầy Huyền Diệu về, tôi quyết định lên đường đi Kathmandu. Tôi chia tay mọi người mà bịn rịn. Sau này, mọi người kể rằng mọi người đã sốc khi lần đầu tiên gặp tôi. Thường người Việt Nam sang đây toàn đi theo đoàn, báo trước cả tuần liền. Chỉ có mỗi mình tôi là đêm hôm chẳng biết từ đâu chui ra, gõ cửa xin ở nhờ.

44. Trại trẻ mồ côi ở Kathmandu

Sau chuyến đi xe khách ngày hôm đó, tôi đã rút ra được điều này: Đời người ai cũng nên đi xe khách ở Nepal một lần, nếu không phải vì cảnh đồi núi hùng vĩ thì cũng là vì cái cảm giác mạnh. Đường đèo Himalaya trập trùng, bác tài xế lại có máu phiêu lưu. Đường thẳng thì xe chạy chậm rì mà cứ chỗ nào vách núi cheo leo thì bác lại rú ga phóng vèo vèo. Ngồi trong xe tôi còn có cảm giác mình sắp bị quăng ra ngoài cửa xuống thẳng vực sâu, vậy mà mấy người ngồi trên nóc xe mặt mũi cứ tỉnh bơ như đã quen với chuyện này vậy.

Càng lên cao, không khí càng lạnh. Kathmandu từ xa nhìn lại giống một bức ảnh ai đó chụp với chế độ tilt-shift⁽²²⁾. Những ngôi nhà vuông vức, nhỏ nhỏ đều nhau nhấp nhô như những miếng ghép Lego đứa trẻ nào đó vô tình làm rơi. Lại gần hơn, bức tranh tilt-shift này bất chợt nổ tung ra thành trăm ngàn âm thanh hỗn loạn. Trên núi sao mà có nhiều người thế. Giữa đường đông nghẹt xe cộ. Hai bên đường là hàng trăm sạp quần áo nối tiếp nhau, hàng ngàn người chen chúc nhau xem hàng, bán hàng, nói chuyện, cãi cọ. Ngay cạnh bên xe là một vòng tròn người xúm đen xúm đỏ quanh một gánh diễu rong. Trên xe lúc bấy giờ có hai người khách du lịch khác, chúng tôi bắt chung một taxi đi về Thamel – trung tâm thành phố, thánh địa của tất cả dân du lịch ở Nepal.

Mấy người đi cùng tôi check in vào một nhà nghỉ được gợi ý trên Lonely Planet. Tôi thì đã liên hệ trước được với Menuka, một CouchSurfer xin ở nhờ. Lúc bấy giờ tôi vẫn chưa mua được SIM điện thoại (mua SIM điện thoại ở Nepal cần ảnh và copy hộ chiếu), nên toàn phải hỏi người đi đường dùng nhờ điện thoại của họ gọi cho Menuka. Gọi năm lần bảy lượt tôi mới tìm được đến nhà cô. Bằng tuổi tôi, Menuka thuê phòng trọ ở cùng em trai trên Kathmandu. Hai chị em, lại có thêm bạn trai Menuka và tôi nữa là bốn người ở trong một căn phòng nhỏ xíu. Mặc dù chị em Menuka cực kỳ tốt bụng, ở đây có vẻ hơi bất tiện nên tôi chỉ ở một đêm rồi xin phép đi đến trại trẻ mồ côi. Tôi muốn đi tình nguyện. Trước khi đến đây, tôi đã lên CouchSurfing hỏi và được Maya, quản lý một trại trẻ mồ côi ở đó, rủ đến tình nguyện.

Children Wealthfare Home (ChildWH) nằm chênh vênh trên một ngọn đồi cách Thamel khoảng chục cây số. Đáng lẽ chỉ đi hai lần xe bus là tới rồi, tôi phát âm nhầm tên địa danh nên lần xe bus đầu tiên đưa tôi đến tít tận đầu kia thành phố, thành ra tôi phải bắt bốn lượt xe bus mới tới nơi, mất trọn hai giờ đồng hồ. Nhưng cũng nhờ vậy mà ngay ngày đầu tiên tôi đã có dịp đi vòng quanh khắp thành phố. Tình nguyện viên ở ChildWH lúc đó còn có ba mẹ con người Hà Lan. Gia đình này sống như dân du mục vậy. Cô Noah làm việc bán thời gian cho một công ty vận tải bán hàng không. Cái lợi của công việc này là nó cho phép cô sống ở bất cứ đâu cô thích, nên cô chẳng đại gì mà bỏ lỡ. Cô sống nay đây mai đó, dẫn luôn hai đứa con của cô đi theo. Hai bé học chương trình học từ xa với mẹ là người kèm cặp trực tiếp, nộp bài và thi cử qua Internet. Thế giới đúng là rất nhỏ. Con trai lớn của Noah có quen biết một người bạn người Việt Nam của tôi trên một diễn đàn về biến đổi khí hậu. Bạn tôi phục lẫn cậu bé này. Theo đánh giá của bạn tôi, tuy mới mười bốn tuổi mà hiểu biết về lịch sử, văn hóa, môi trường cũng như cách tư duy, lập luận của cậu bé này, người tuổi bạn ấy (hai mươi tư tuổi) cũng khó ai bì kịp. Chúng tôi đồng ý rằng tổ chức là một phần, nhưng một phần quan trọng khác là môi trường lớn lên của cậu bé. Từ nhỏ đã được theo mẹ đi khắp thế giới, cậu bé có cơ hội trải nghiệm trực tiếp nhiều nền văn hóa và những luồng tư tưởng khác nhau. Sự nhiệt tình của ba mẹ con nhà này làm tôi cũng bị cuốn theo. Chúng tôi hôm thì dạy các bé làm bánh, hôm thì mua sơn vẽ sơn lại phòng ngủ cho các bé, hôm thì mua thùng rác về đặt quanh khuôn viên và dạy các bé về giữ gìn vệ sinh, hôm thì căng dây để mọi người ở đây phơi quần áo: mọi người ở đây toàn phơi quần áo ở ngay dưới mặt đất. Các bé ở đây cũng rất dễ thương. Tôi quyết định về lại Ấn Độ đi lễ hội Chim Mỏ Sừng (Hornbill Festival), rồi sẽ quay lại đây giúp Maya quản lý trại trẻ mồ côi trong ba tháng.

45. Không về lại Ấn Độ

Mọi người có nhớ cặp vợ chồng Asenla và Temsu tôi gặp trên máy bay đi từ Kuala Lumpur xuống Kolkata không? Ban đầu tôi không nghĩ rằng hai người là người Ấn Độ bởi họ nhìn không khác gì người Đông Nam Á. Asenla mới giải thích cho tôi rằng họ đến từ Nagaland – một bang ở phía Đông Bắc Ấn Độ. Vùng Đông Bắc Ấn Độ có bảy bang, được ví như bảy chị em gái và họ đều có văn hóa rất khác với phần còn lại của Ấn Độ. Đầu tháng mười hai hàng năm, bang Nagaland tổ chức lễ hội Chim Mỏ Sừng rất lớn, trong đó tất cả các bộ tộc địa phương sẽ trở tài ca hát, nhảy múa, nấu nướng. Asenla nhiệt tình mời tôi lên thăm gia đình cô. Chúng tôi sau này giữ liên lạc trên Facebook và đến gần ngày lễ Asenla giục tôi về. Lúc bấy giờ, Nagaland còn là vùng hạn chế du lịch, ai muốn vào bang phải có giấy phép. Temsu có người quen làm trong chính quyền, anh nhờ họ làm giấy phép này cho tôi. Sau đó anh scan lại gửi cho tôi, tôi chỉ cần in ra mang theo người là được.

Tôi đi xe bus về lại biên giới Kakarvita phía Nepal, đi bộ qua phía Ấn Độ, bắt xe bus lên Siliguri. Đến đây tôi cần phải bắt tàu đi Nagaland, nhưng đến bến tàu hỏi tôi mới phát hiện ra mình không còn đủ tiền mua vé. Tôi quyết định sẽ đi nhờ xe lên Nagaland. Nhưng còn chưa ra đến được đường chính để đi thì tôi bị hai người đàn ông trên rickshaw chặn lại. Sau khi nghe tôi kể, họ mắng tôi bị khùng, muốn bị cướp bị hiếp chết hay sao mà đòi đi nhờ xe ở Ấn Độ.

“Chú làm bảo vệ ở ga tàu. Quay lại đây chú mua vé cho đi Nagaland”. Một người đàn ông bảo.

Mặc cho tôi phản đối, chú kéo tôi lên rickshaw đi ngược về ga. Đến đây chú mua cho tôi platform ticket chuyến tàu sớm nhất. Chú nói tiếng Anh không tốt lắm nên tôi cũng không hiểu chính xác platform ticket là gì. Vé tàu ở Ấn Độ bán hết rất nhanh, nếu không đặt trước thì sẽ không thể nào có vé mà đi được. Để giải quyết vấn đề này, công ty đường sắt Ấn Độ đặt ra platform ticket, có thể mua ngay tại ga, chỉ ghi từ ga này đến ga kia mà không ghi tên tàu, đừng nói tên khoang hay tên ghế. Mình lên kiểm được chỗ nào ngồi thì ngồi thôi.

Bác soát vé nhìn thấy vé này liền chỉ tôi vào một khoang nhỏ xíu nhưng ngập người và hành lý ở cuối tàu cho mình được một chỗ cạnh cửa sổ, ngồi co ro dựa đầu vào thành tàu ngủ. Trời lúc đấy đã vào đông, càng về khuya càng lạnh. Tôi vẫn chỉ có mỗi cái áo khoác mỏng dính mua ở Kashmir và một cái khăn cũng mỏng dính mua ở Mumbai, cuốn mấy vòng vào người mà vẫn lạnh. Tàu xóc nên cái đầu tôi nó cứ va vào thành tàu lộp cộp. Mùi nhà vệ sinh nồng nặc. Tôi cũng chẳng hiểu sao mình sống sót được qua đêm trên tàu. Lờ mờ sáng, những người xung quanh lục đục xuống tàu và giục tôi xuống. Tôi hỏi “Nagaland?”, họ gật đầu. Nhưng xuống đến nơi rồi tôi mới phát hiện ra đây mới chỉ là Guwahati, cách Nagaland ba tiếng nữa cơ. Tàu nghỉ một tí rồi chạy tiếp, để lại tôi ngẩn tò te không biết đi tiếp thế nào.

Sau khi nghe tôi giải thích, ban quản lý tàu bảo tôi đợi đến sáng mai có thể lên được một chuyến tàu khác đến Dimapur mà không phải mua vé mới. SIM điện thoại mua ở các khu vực khác ở Ấn Độ đến khu Đông Bắc này đều bị mất sóng, tôi phải nhờ một chị ở ga đấy gọi điện báo cho Asenla là tôi sẽ đến trễ một hôm. Đời có lắm bất ngờ. Tuy chị này không quen biết Asenla, nhưng hai người cùng bộ tộc Ao nên bắt điện thoại một cái là nói chuyện liên thoảng gì đó với nhau bằng tiếng Ao. Tự nhiên chị miệng vẫn còn đang nói chuyện điện thoại, tay đã cầm tay tôi kéo đi, đẩy lên một con tàu khác.

“Là sao ạ?”. Tôi không hiểu chuyện gì đang diễn ra, ngơ ngác hỏi.

“Không có thời gian giải thích đâu. Ngồi yên ở đấy, sẽ có người đến tìm em”.

Tàu bắt đầu chuyển bánh, chú soát vé đến rồi mà vẫn chưa có ai đến tìm tôi. Tôi lúng túng:

“Cháu xuống nhầm ga chuyến tàu trước, họ bảo cháu phải đợi đến sáng mai mới đi Dimapur được, trong khi cháu có việc gấp phải đến Dimapur ngày hôm nay. Lúc đấy vội quá cháu chưa kịp mua vé”.

Chú nhìn trước nhìn sau rồi nói nhỏ:

“Cháu biết tội trốn vé sẽ bị phạt thế nào không? Bây giờ chú có cách này giúp cháu. Chú có thể bán cho cháu một vé mới ngay trên tàu này với giá 1.500Rs”.

1500 Rs tức là hơn \$30. Như thế thì có mà cắt cổ con người ta à? Tôi biết ngay mình đã trở thành món mồi béo bở cho các bác ở đây làm tiền. Tôi trưng bộ mặt hết sức khổ sở của mình ra:

“Cháu không có chừng đấy tiền đâu. Cháu đi lạc bố mẹ. Mọi người ở Dimapur hết rồi. Cháu là học sinh làm gì có tiền”.

“Điện thoại cháu nhìn cũng đẹp đó”.

“Cháu mà không có điện thoại thì đến Dimapur làm sao tìm được bố mẹ cháu. Cháu nói thật, cháu chỉ còn đúng 200Rs thôi”. Tôi giả bộ mở ví, lật túi ra cho chú xem rằng mình hết tiền thật. “Nếu chú không cho cháu mua vé thì chú phải đuổi cháu xuống ở ga tàu tiếp theo rồi”.

Chú đứng đấy nhăn mặt nhíu mày, cân đo đong đếm gì đó. Chắc nhìn tôi cũng có vẻ nghèo thật, nên chú cuối cùng cũng ậm ừ:

“Thôi được, chú sẽ chiếu cố cho”.

Đúng lúc tôi chuẩn bị đưa 200 Rs thì tự nhiên một chị từ đâu tất tả chạy tới.

“Em là Chip phải không?”.

“Dạ vâng ạ”.

Sau đó chị quay ra nói gì với chú soát vé, rồi móc ví đưa cho chú đấy 800 Rs mà chẳng hỏi han gì tôi. Mất công tôi này giờ mặc cả.

Chị dẫn tôi về ghế cạnh chị. Hóa ra sáng nay lúc Asenla nói chuyện điện thoại thì chị đang ở nhà một người bạn, mà bạn của chị lại biết một người đang ở trên tàu từ Guwahati về, nên mọi người sắp xếp cho tôi lên cùng chuyến tàu

“Sao trùng hợp thế hải chị?”.

“Ha ha ha, Dimapur nhỏ lắm em ơi, ai cũng biết nhau cả”.

46. Lễ hội Chim Mỏ Sừng

Tàu đến Dimapur đi qua những cánh đồng lúa chín vàng óng ả, lấm tấm đầm hoa sen. Ven cánh đồng, những ngôi nhà nhỏ xinh xắn có vườn, có ao không khác gì phong cảnh làng quê Việt Nam yên bình. Nhà Asenla và Temsu là một căn biệt thự xinh xắn nằm trong một khu cũng toàn biệt thự. Hai người thừa hưởng căn biệt thự này từ bố của Temsu vốn là một Đức Cha đạo Tin lành.

“Nhà cô đẹp quá”.

“Hi hi, đẹp không? Đợi tối đèn lên còn đẹp nữa. Nhà cô cả tuần vừa rồi trang trí mừng Giáng sinh đấy. Deo vừa về nước cũng phải bắc thang lên treo đèn dây”.

Deo là con trai cả cô đang du học ở Singapore, tranh thủ kỳ nghỉ về thăm gia đình. Ngoài Deo ra, cô còn có con gái Leia mới mười lăm tuổi và con trai Arenlong thua tôi hai tuổi.

“Ở Việt Nam mọi người có đón Giáng sinh không?”.

“Ít lắm. Ở thành phố lớn thì các trung tâm mua sắm có trang trí cây Noel. Ở quê con trang trí cũng đẹp vì quê con là quê đạo. Nhưng ở các tỉnh thành khác thì không. Giáng sinh không phải là dịp nghỉ lễ”.

“Con theo đ

“Cơ đốc giáo ạ”. Tôi trả lời mà thầm nghĩ không biết mọi người ở quê tôi mà biết tôi đang đón Giáng sinh với người theo đạo Tin lành thì sẽ nghĩ sao. Ở quê tôi, mọi người còn khá cứng nhắc trong việc nhìn nhận các tôn giáo khác, hay thậm chí là các chi nhánh khác của cùng một tôn giáo. Tôi nhớ có một người họ hàng của tôi đi Mỹ về, cải sang đạo Tin lành đã bị gia đình phản đối kịch liệt.

“Cơ đốc giáo hay Tin lành cũng thế cả. Thiên Chúa chỉ có một mà thôi”.

Người Đông Bắc không chỉ nhìn giống người Đông Nam Á, mà cách họ ăn uống cũng rất giống người Đông Nam Á. Trong khi khắp Ấn Độ người ta kiêng ăn thịt lợn, thịt bò thì ở đây mọi người ăn tất. Họ cũng ăn lòng lợn, ăn măng, ăn đủ các loại lá kỳ quặc. Khi tôi còn ở đây, Temsu còn mua ong về chiêu đãi tôi. Ong là đặc sản của khu vực này, ngon và cực kỳ đắt. Cách nấu nướng cũng khá gần cách nấu nướng ở Việt Nam mình. Tôi ở Ấn Độ và Nepal sục cật trăm trọng thì khi đến đây lại tăng cân nhanh chóng.

Lễ hội Chim Mỏ Sừng được tổ chức tại Kohima, thủ phủ bang Nagaland. Kohima nằm tít trên đồi, cách Dimapur gần hai tiếng lái xe. Tôi lên Kohima lần đầu tiên là đêm khai mạc lễ hội. Bé Leia, từng được giải nhì Tiếng hát triển vọng bang Nagaland, được mời hát trong đêm đấy. Lần thứ hai lên lễ hội Chim Mỏ Sừng, chúng tôi lên từ sáng sớm để không bỏ lỡ các màn trình diễn. Tôi hơi ngạc nhiên vì cứ nghĩ rằng lễ hội lớn nhất trong năm của khu vực được coi là mảnh đất của những lễ hội này phải đông hơn nữa. Khách du lịch rất rất hiếm. Tôi có lên một số diễn đàn du lịch tìm hiểu trước về lễ hội này thì nhận ra rằng rất nhiều khách du lịch không biết cách đến Nagaland thế nào, hay làm sao để xin được giấy phép. Nói như thế không có nghĩa là tôi thất vọng. Ngược lại, tôi thấy hơi vui vui vì có thể tha hồ lượn lờ mà không phải chen chúc. Mỗi bộ tộc có một khu nhà riêng với kiến trúc đặc trưng, trang trí những hoa văn riêng, phục vụ đồ ăn riêng của khu vực đấy. Ngay trung tâm khu vực lễ hội là nơi biểu diễn các điệu múa, trình diễn ca nhạc đặc trưng của những người con Nagaland. Thực ra với bản thân tôi, được tận mắt nhìn thấy những nét văn hóa khác biệt như thế là một trải nghiệm hết sức thú vị, nhưng nó không phải là những thứ sẽ làm thay đổi suy nghĩ hay tính cách con người tôi. Tôi ấn tượng hơn với những người mà tôi gặp.

Một người trong số đó là người cậu của Asenla. Ông có một ngôi nhà hết sức đặc biệt. Ngôi nhà không phải là ngôi nhà rộng nhất, nhưng là ngôi nhà có thiết kế quái nhất mà tôi từng vào. Nằm trên đồi, phía trước hướng ra mặt đường nhưng mặt phía sau lại chênh vênh hẻm đá nhìn thẳng xuống thung lũng. Tường lẫn vào vách núi, phòng khuất trong bóng đá, tầng này so le với tầng kia, hai ba cầu thang

lắt léo vào nhau khiến cho người lạ vào đây có cảm giác cứ như bước vào ma trận. Leia bảo hồi nhỏ đến đây cô bé đã từng khóc mấy lần vì bị lạc. Tôi được dẫn đi tham quan mà cũng chóng hết cảm giác. Nhà có phòng khách, hai nhà bếp: một nhà bếp nấu đồ ăn Tây và một nhà bếp nấu đồ ăn truyền thống của người Ấn Độ, hai phòng làm việc, một phòng gym, vô số hành lang, phòng ngủ. Hỏi ra tôi mới biết cậu của Asenla làm cho chính quyền bang. Ông là một trong những người có công lớn trong việc đưa Nagaland ra khỏi cuộc xung đột các bộ tộc.

“Tại sao Nagaland lại là khu vực giới hạn hả ông?”. Tôi đã thắc mắc rất nhiều nhưng chưa bao giờ nhận được câu trả lời thỏa đáng. Một số người thì nói rằng bởi vì Nagaland là một khu vực có nhiều xung đột nên nguy hiểm với du khách. Nhưng tôi thấy không đúng, vì những khu như Mumbai, New Delhi thỉnh thoảng bị đánh bom mà có bị giới hạn đâu. Hơn nữa, bản thân tôi cảm nhận thì Nagaland là một khu vực vô cùng an toàn, người dân cực kỳ văn minh và thân thiện. Một số người khác thì nói rằng là vì Nagaland cũng như các tỉnh phía Đông Bắc chưa phát triển nên sẽ không tiện cho khách du lịch. Du lịch cũng có nhiều kiểu du lịch, tiện hay không tiện là do khách người ta chọn chứ chính quyền sao phải chọn cho người ta? Hơn nữa, phải có khách du lịch đến mới có tiền mà đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng chứ.

“Dùng từ giới hạn thì không đúng, mà cháu có thể nói khu vực này là khu vực được bảo vệ”.

“Bảo vệ cái gì khỏi cái gì ạ?”.

“Bảo vệ văn hóa địa phương khỏi văn hóa ngoại lai”.

“Ừa, thế văn hóa các vùng khác không cần hay không đáng bảo vệ h

“Có thể họ coi cái lợi thu về từ du lịch quan trọng hơn”.

“Nagaland có phải là một khu vực tự trị không hả ông?”.

“Nagaland có quyền tự trị cao hơn các bang khác, nhưng nó vẫn là một bang của Ấn Độ. Bộ tộc Naga được trao quyền đặc biệt để giải quyết những vấn đề nội bộ của họ”.

“Có phải nhiều người ở đây muốn nó thành khu vực tự trị hoàn toàn không ạ?”.

“Ha ha ha, chính trị Nagaland rất phức tạp, chắc chắn sẽ có người muốn thế này và sẽ có người muốn thế kia. Chính vì vậy mới có xung đột”.

Thỉnh thoảng ở Nagaland vẫn có lệnh giới nghiêm do xung đột giữa các bộ tộc với nhau, hay xung đột giữa các tổ chức với chính quyền Nhà nước.

“Ông ủng hộ chính sách nào ạ?”.

“Ha ha ha, ông là người làm Nhà nước, làm sao ông trả lời được câu này”.

Một gia đình khác để lại ấn tượng đặc biệt sâu sắc cho tôi là gia đình Akum Amri. Biết tôi quý trẻ em, Asenla nhờ một người bạn của cô là Robert dẫn tôi đến thăm trại trẻ mồ côi Enbenzer Orphanage Home. Akum là một anh chàng giản dị với nụ cười hiền hậu. Trại trẻ mồ côi là một ngôi nhà hai tầng hết sức đơn sơ. Một phòng cho bố mẹ anh, một phòng cho anh, một phòng cho các bé trai, một phòng cho các bé gái. Phòng khách chỉ có một bộ bàn ghế bọc nhung đã bạc màu, rách lỗ chỗ. Ly trà vợ chồng anh mời chúng tôi đều đã sứt mẻ, nhưng tôi biết đây là những ly đẹp nhất mà anh có, bởi bản thân anh và bố mẹ chỉ uống ly nhựa đã đen sì như thế đã dùng được mấy chục năm rồi. Cả gia đình anh sinh hoạt luôn ở đây cùng với các bé: Các bé ăn gì, gia đình ăn nấy như một đại gia đình thật sự. Các bé được đến trường. Ngoài giờ học, các bé được dạy giúp đỡ như trồng rau, nấu ăn. Tất cả chi phí đều là do gia đình anh và một số người hảo tâm giúp đỡ. Tôi đã đến thăm nhiều trại trẻ mồ côi, nhưng hầu hết ban quản trị ở đó đều là những người làm việc đó như một việc làm công ăn lương. Tự san sẻ những gì mình có trong khi bản thân cũng chưa có gì nhiều như gia đình nhà này thì thực sự bây giờ tôi mới gặp.

Một lần khác, Robert dẫn tôi đến lớp học sáng chủ nhật của trẻ em xóm núi ở nhà mẹ anh. Những bé này không phải là mồ côi mà là trẻ em nghèo. Đói ăn vụng, túng làm liều, nhiều trẻ em nghèo không

có điều kiện đi học dễ bị lôi kéo dụ dỗ làm điều xấu. Hàng tuần, Robert cùng một người bạn nữa của anh tổ chức lớp học sáng chủ nhật nhằm giúp các bé định hướng tốt hơn cho tương lai của mình, dạy các bé điều hay lẽ phải. Người bạn của anh sẽ dạy các bé hát, kể chuyện ngụ ngôn cho các bé, tóm tắt qua tin tức mà các bé nên biết. Đây là những gì tôi đoán chứ thực ra tôi chẳng hiểu tiếng mọi người dùng ở đây là tiếng gì. Để động viên các bé đến lớp, Robert và bạn bè thỉnh thoảng quyên góp quần áo cũ, bánh kẹo, sách vở tặng cho các bé. Tặng quà xong, Robert kêu tôi kể chuyện gì đó cho các bé nghe, anh đứng phiên dịch. Lúng túng, tôi quyết định nói về đề tài mà tôi thích nói về nhất: ước mơ.

“Chị là Chip, đến từ Việt Nam. Các em biết Việt Nam ở đâu không?”

Một bé rụt rè:

“Trung Quốc ạ?”

“Ha ha không. Việt Nam là nước giáp Trung Quốc, nhưng không thuộc Trung Quốc. Việt Nam không giàu. Thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam chỉ tương đương Ấn Độ. Tuy nhiên, cũng như Ấn Độ, Việt Nam là một nền kinh tế đang phát triển với rất nhiều cơ hội mới cho những người dám nghĩ, dám làm, dám ước mơ. Chị có một ước mơ điên rồ là đi vòng quanh thế giới. Điều này sẽ dễ thực hiện hơn nếu mình có rất rất nhiều tiền. Chị là một đứa rất rất nghèo, nhưng chị vẫn đang từng bước thực hiện ước mơ của mình. Chị đã đi qua Đông Nam Á và giờ chị đã đi được kha khá của Ấn Độ. Để theo đuổi ước mơ, tiền không phải là tất cả, ý chí nghị lực đôi khi có thể mang lại những điều mà tiền không thể mua được”.

Tôi kể cho các bé chuyện tôi muốn đi học Aptech nhưng lại không có tiền đi học. Tôi đã viết email đến tất cả các công ty tôi quen nói với họ tại sao tôi lại mong muốn học Aptech như thế và xin họ tài trợ. Chỉ có một công ty duy nhất trả lời, đó là FPT, và tôi đã được tài trợ để đi học thế nào. Tôi kể cho các bé chuyện tôi leo núi ở Katra, khi tôi không có tiền nên tôi đã đi bộ, và nhờ thế mà tôi được có được những trải nghiệm thú vị mà nếu tôi đi như người có tiền, tôi đã không có được.

“Đừng nhìn việc không có tiền là một cản trở, mà nhìn nó như một thử thách để phát huy sự sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề của mình”.

Lúc đấy tôi cũng không chắc về những gì mình nói đâu, cũng chẳng biết bản thân mình còn đi được bao lâu nữa, nhưng tôi vẫn giả bộ tự tin hết mức với hy vọng phần nào truyền được động lực cho các bé. Tôi cũng chẳng rõ mình nói thế có xi nhê gì không, nhưng Robert khi ra về có vẻ rất xúc động. Anh bảo, khi Asenla giới thiệu về tôi, anh cũng chưa rõ điều gì ở tôi khiến Asenla quý như vậy. Nhưng đến giờ thì anh đã hiểu: Ở tôi có một nghị lực và một cách nhìn nhận cuộc sống vô cùng khác lạ.

47. Ngủ lang ở Guwahati

Trên đường về lại Nepal, tôi quyết định dừng chân ở Guwahati. Tàu đến Guwahati lúc nửa đêm, thấy bên ngoài không có vẻ gì là an toàn cả, tôi ngồi trong ga ngủ. Sớm quá không muốn đánh thức ai, tôi tính đi dạo vòng vòng quanh thành phố đợi trời sáng hẳn sẽ ra điện thoại công cộng gọi cho Devraj, một CouchSurfer mà tôi đã liên hệ từ trước.

Cũng giống như ăn cá phải ăn lúc còn tươi, muốn tìm hiểu một thành phố thì phải chọn lúc sáng sớm, khi mà thành phố đang bắt đầu lấy lại nhịp sống sôi động hàng ngày nhưng chưa đủ tỉnh táo để che đậy những bí mật riêng tư nhất của mình. Một người phụ nữ trải báo nằm ngủ ngay dưới chân tượng nữ thần Durga. Một dãy đàn ông ngồi xôm bên đường hồn nhiên làm vệ sinh buổi sáng. Một em bé ngồi chống cằm bên thùng bánh, ngáp không buồn che miệng. Một cụ già vừa quét vỉa hè, vừa nhóp nhép nhai trầu. Một anh thợ cắt tóc hí hoáy cạo râu cho một người đàn ông trung niên trên vỉa hè, những vị khách còn lại kiên nhẫn đọc báo đứng chờ. Một cô gái một tay cầm tràng hoa cúc, một tay khẽ nhắc chân bộ sari rực rỡ bước từng bậc lên chùa.

Chợ trung tâm đã bắt đầu lấy lại sự nhộn nhịp. Chợ ở Guwahati rất lớn, tràn ngập hoa quả, gia vị, xoong nồi, củi đun, trầm thơm, hoa cúng, lá dừa khô để lợp nhà, cỏ lau khô để làm chổi. Khác với chợ Việt Nam, đồ ăn Ấn Độ không nhiều thịt cá, rất nhiều rau củ quả, nhiều nhất là ớt. Người Guwahati cũng ăn trầu cau như mình. Cau vàng óng ả chất thành từng bao đầy oạp, lá trầu không xanh ngắt xếp tròn thành từng vòng. Đất đai Guwahati màu mỡ, quả nào cũng căng tròn, béo ngậy, màu sắc tươi giòn. Tôi mua cho mình một nải chuối đi ra bờ sông ngồi ăn.

Sông Guwahati có bãi cát trắng muốt, tỏa ra một vàng sáng mờ ảo trong ánh nắng ban mai. Bãi cát này rộng phải đến năm mươi mét, là nơi diễn ra mọi sinh hoạt của ngư dân nơi đây. Lần đầu tiên ở Ấn Độ tôi thấy đàn ông giặt quần áo. Những người đàn ông ngâm nửa người dưới nước, hì hụi vo vo, đập đập. Hàng chục dây căng dài kín đặc quần áo: hàng trăm chiếc quần phẳng xanh, hàng trăm chiếc khăn trắng – loại được dùng để làm quần quanh hông dạng như khố. Tôi đoán là họ nhận giặt quần áo thuê, chứ làm gì có ai nhiều quần áo thế. Khắp bờ sông rải rác những hình nộm làm từ rơm. Trong dịp lễ hội, chúng được khoác quần áo, được thờ cúng như những vị thần. Giờ đây hết thời, chúng bị lột trần truồng vút văng vút vãi mé nước, sút đầu, sút tay, sút chân. Những xác thuyền sắt được tận dụng làm hotel giờ mới bắt đầu mở cửa. Hotel ở Ấn Độ có rất nhiều nghĩa và trong văn cảnh này nó có nghĩa là quán ăn nhỏ.

Devraj đến đón tôi về nhà anh. Tóc anh dài, râu anh rậm rạp, tương phản với khuôn mặt non choẹt. Anh sống với bố mẹ trong một ngôi nhà xây kiểu thực dân cũ hết sức ngăn nắp và sạch sẽ, có phòng riêng cho khách. Đám bạn của anh lúc đó đã ở đó cả, đang ngồi xem video chuyến đua xe ô tô độ mà anh vừa thực hiện với một nhóm nhiếp ảnh gia khác trên đường đến xem lễ hội Chim Mỏ Sừng. Anh cẩn thận đóng cửa, rồi quay sang nói với đám bạn:

“Được rồi đây. Cuốn đi”.

“Cuối tuần nào mọi người cũng gặp nhau thế này à?”. Tôi hỏi

“À, Devraj với anh ngày nào chẳng gặp”. Raju, anh chàng to cao, râu quai nón đặc trưng của người khu vực miền Bắc Ấn Độ, nhưng cười thì duyên đến đau tim vừa cuốn thuốc vừa bảo:

“Tuần này có hai người từ Delhi đến nên tất cả mọi người tụ tập”.

“Mọi người có tính đi đâu cuối tuần này không? Đi Bhutan đi”.

Devraj phá lên cười.

“Chip muốn đi Bhutan mà không có tiền mua visa, nên đang tìm ai lái xe qua biên giới cho nó chui xuống ghế xe lên vào”.

Người Ấn Độ không cần visa để vào Bhutan, nhưng người từ các quốc gia khác muốn vào Bhutan

phải trả tiền visa khoảng \$200/ngày.

“Ha ha, dám liều không? Để anh hỏi thử bạn bè xem có ai đi không. Ngày mai bọn anh tính ra đi ra đảo”.

“Ừa, ở Guwahati có biển đâu mà có đảo?”.

“Thế mới đặc biệt. Đảo đẹp nhất trần gian, không một bóng người, hoang sơ đến từng centimet”.

“Nhìn này”. Devraj cười bí hiểm lôi ra một cái loa đĩa USB chạy bằng pin. “Mua dành riêng cho dịp này đây. Nghe thử đi, âm thanh ngon chết luôn. Đi chơi đảo mà có nhạc nữa thì còn gì bằng”.

Không ai chịu giải thích thêm cho tôi đây là đảo gì. Mãi đến buổi tối khi cả hội đi nghe nhạc, tôi mới moi được thông tin từ Devraj. Hòn đảo đấy là hòn đảo riêng của Raju.

“Cái gì? Raju có một hòn đảo?”.

“Ừ, thừa kế từ gia đình. Đảo trên sông thôi mà”.

“Vẫn sướng. Làm sao để có một hoàn đảo bây giờ nhỉ?”.

“Ha ha ha, hoặc là em có rất nhiều tiền, hoặc là gia đình em có đất đai để lại, hoặc là em cưới Raju”.

Sông Brahmaputra bắt nguồn từ Tây Tạng, sang đến Assam đột ngột mở rộng, có những chỗ rộng đến mười kilomet. Hòn đảo của Raju nằm cách bờ sông khoảng nửa tiếng đi tàu. Tàu là của chú Raju luôn. Chú Raju sống ngay trên bờ trong một trang trại cũng vô cùng đáng thèm muốn. Nhà ở ngay sát bờ rừng, có vườn đầy cây trái, ao sâu thả cá, có cả túp lều thơ mộng bên ao để câu cá. Sống ở làng quê, đất đai rộng rãi thật là thích.

Nếu tự nhiên cho tôi đáp máy bay lên đảo mà không thông báo gì trước, có lẽ chẳng bao giờ tôi nghĩ nó là đảo trên sông đâu. Đảo cũng có bãi cát trắng miên man, cũng có những cụm hoa muống biển tím tím, cũng có những tảng đá nước ăn mòn nhẵn bóng. Nước tuy không xanh như nước biển nhưng khá là trong. Hơn đảo ngoài biển, đảo trên sông không sợ thiếu nước ngọt. Trên đảo ngoài một khu để cắm trại và những cái ô rực rỡ sắc màu cho gia đình Raju thỉnh thoảng ra nghỉ thì khắp đảo không có dấu hiệu gì của thế giới văn minh.

“Có hòn đảo đẹp thế này để không phí quá. Sao Raju không mở nó thành khu nghỉ mát hay gì đó nhỉ?”.

“Nó cũng đang tính đấy. Nhưng có vẻ nó cũng không cần nhiều tiền nên cũng chưa hào hứng cho lắm”.

“Raju làm việc gì hả anh?”.

“Ha ha ha, Raju ơi, Chip đang hỏi mày làm gì”. Anh gào to. “Nó chẳng làm gì cả, suốt ngày đi câu cá thôi”.

Nhóm bạn Devraj có vẻ lãng tử, thích đàn ca, nhảy múa, thích du lịch, thích nhiếp ảnh, thích ăn uống. Có lẽ vì thế mà tôi kết thân với nhóm này rất nhanh, vừa gặp nhau đã như quen biết từ kiếp trước vậy. Có nhóm này ở đây là tôi cứ bị cuốn đi. Mọi người dẫn tôi đi thăm đủ các danh lam thắng cảnh, cho tôi ăn đủ món ăn quái dị của nơi này. Sau khi bàn bạc, cả hội quyết định rằng lên vào Bhutan là không hợp lý, bởi tôi sẽ phải trốn qua bốn trạm kiểm soát Hải quan. Hồi ấy tôi cũng ngại thơ nên nghe mọi người khuyên thế, tôi cũng dễ dàng bỏ cuộc. Không sang được Bhutan, tôi còn hơn một tuần trong visa Ấn Độ. Mọi người dụ tôi ở lại Guwahati chơi, nhưng vì cuồng chân, tôi muốn đến một nơi nào đó khác. Sau khi đọc qua thông tin trên mạng, tôi quyết định chọn Sikkim.

Bí quyết đặt vé tàu ở Ấn Độ

Tàu là phương tiện đi lại hết sức tiện lợi và phổ biến ở Ấn Độ. Tuy nhiên, do cầu lớn hơn cung, vé tàu bán hết rất nhanh. An toàn nhất là bạn nên đặt vé tàu từ trước. Bạn có thể vào trang: <http://erail.in> để kiểm tra chuyến tàu, giá vé, quota. Tìm được vé ưng ý thì qua <https://www.irctc.co.in> để mua. Kiểm tra ở Irctc cũng được nhưng erail đầy đủ hơn, tiện tra cứu hơn.

Trong trường hợp bất khả kháng không kịp đặt vé trước, bạn cũng có thể mua vé phút chót bằng những cách sau.

1. Sử dụng foreign quota

Hầu hết các chuyến tàu của Ấn Độ đều có quota dành cho khách nước ngoài và thường hết vé chậm hơn. Vé này không mua được online mà bạn đến tận bến tàu, hỏi Tourist Information hay Tourist Bureau để mua vé.

2. Tatkal quota

Nôm na là vé ngày chót. Mỗi chuyến tàu đều có một số ghế nhất định dành cho người cần mua vé gấp. Vé tatkal được bán hai ngày trước ngày đi, bắt đầu từ tám giờ sáng. Ví dụ nếu bạn muốn đi ngày 24 thì 9h sáng 22 phải ngồi rì mua luôn. Vé này bán rất nhanh, có khi mười phút đã hết rồi. Bạn có thể tham khảo thêm ở đây: <http://www.iloveindia.com/indian-railways/tatkal-cheme.html>

3. Platform Ticket

Vé này là vé đi từ bến tàu này đến bến tàu khác, nhưng không có số ghế. Bạn sẽ phải lên khoang dành riêng cho hạng vé này, chen lẫn có chỗ ngồi là may. Nhưng vé này lúc nào cũng có và giá rất rẻ.

48. Cuộc gặp gỡ tình cờ ở Sikkim

Sau khi dành một ngày lang thang ở Darjeeling – quê hương của cô bạn Anu dễ thương, tôi bắt taxi lúc bảy giờ tôi lên Sikkim. Taxi thực ra là xe Jeep, bảy chỗ ngồi nhưng được cải tiến thành mười bốn chỗ. Tôi bị nhét vào ngồi phía sau khu vực mà đáng lẽ là để hành lý. Chật, mông tôi ngồi phía sau những mặt phải đu ra phía trước. Anh chàng ngồi phía trước tôi tranh thủ bắt chuyện. Trời tối, anh bịt mặt kín mít như ninja, tất cả những gì tôi nhìn thấy chỉ là làn da sần vì lạnh, đôi mắt sắc một mí của người Tây Tạng. Kalden, tên anh, cùng nhóm bạn đi tình nguyện ở Dharamsala, đang trên đường về lại Sikkim.

“Em từ đâu đến?”.

“Việt Nam anh ạ”.

“May quá, không phải người Trung Quốc”.

“Ha ha, em cũng thấy may”.

Chúng tôi nói chuyện khá hợp. Nói chung, đi nhiều gặp nhiều người tôi nhận ra rằng ngoại trừ một số người cực kỳ lạnh lùng hay tẻ nhạt ra, tôi nói chuyện với ai cũng hợp. Bí quyết chính để nói chuyện là tìm ra những mối quan tâm chung. Mà cái gì tôi cũng quan tâm một tí nên gió chiều nào cũng xoay theo.

“Em thích đọc sách gì?”.

“Đủ loại sách anh ạ. Anh thích đọc sách gì?”.

Anh kể ra Harry Potter, Chúa tể của những chiếc nhẫn, mấy cuốn của Dan Brown, mấy cuốn sách phát triển bản thân mà tôi không thích lắm, mấy cuốn sách nổi tiếng của Ấn Độ như White Tiger, Shantaram, The God of Small Things. Anh hết sức ngạc nhiên khi tôi nói tôi cũng đọc hết mấy cuốn đấy, bởi trong đám bạn anh chỉ có mỗi anh thích đọc sách. Còn tôi cũng rất ngạc nhiên khi biết là anh ngạc nhiên. Có lẽ anh ở trên núi lâu quá, chứ những cuốn anh đọc đều thuộc dòng văn học phổ thông.

“Em có giấy phép vào Sikkim chưa?”.

“Em chưa. Em đọc trên mạng thấy bảo là đến nơi xin cũng được”.

“Ừ. Để lát đến Sikkim anh xin cho. Anh là hướng dẫn viên du lịch mà”.

“Ừa, em tưởng anh bảo là anh là giáo viên?”.

“Thỉnh thoảng cũng phải làm hướng dẫn viên du lịch mới đủ sống chứ. Nhưng yên tâm, anh không tính tiền em đâu”.

Xe càng lên cao càng lạnh, trời càng về khuya càng buốt. Bên ngoài tối đen như mực, lốm đốm những mảng đèn sáng le lói của làng mạc lưng chừng đèo. Xe đến biên giới Sikkim lúc đã hơn mười giờ. Trạm làm giấy phép đã đóng cửa ngủ im ắng. Kalden và bác lái xe phải đập cửa gọi gần mười lăm phút mới có người lò dò ra. Bác trực ở đây tuy ngủ nhưng không có vẻ gì cáu bẳn. Bác còn cười sảng khoái khi nghe tôi bập bẹ mấy từ tiếng Sikkim mà Kalden dạy tôi trên xe. Lấy được con dấu, tôi mừng rơn, rút tay vào túi quần lấy máy ảnh ra chụp lại con dấu làm kỷ niệm mới phát hiện nó không còn ở đấy nữa. Tôi nhớ như in lúc lên xe tôi vẫn còn máy, bởi lúc đấy tôi còn dùng nó chụp cảnh xe đông đến mức nào. Nhưng bây giờ tìm đâu cũng không thấy. Lúc người trên xe cũng đã tốt bụng chờ cho tôi xin dấu cả nửa tiếng đồng hồ nên tôi cũng không dám nghi ngờ đòi kiểm tra ai cả. Của mất thì đã mất rồi, tôi chỉ thờ dài không biết bao giờ mình mới có tiền mua được máy ảnh mới. Xe dừng lại ở Gangtok, thủ phủ của Sikkim lúc đấy đã gần mười một giờ. Khác xa với tưởng tượng của tôi, thủ phủ gì mà về đêm cũng tối đen như mực không khác gì xóm núi.

“Giờ em đi về đâu?”. Kalden hỏi.

“Trung tâm thành phố ở đâu hả anh? Em đi vòng vòng tìm xem có nhà nghỉ nào rẻ không”.

“Em bị khủng à? Gangtok chứ có phải là Mumbai đâu mà đêm hôm thế này còn có chỗ mở cửa

cho em vào. Đi một mình giờ này nguy hiểm lắm. Nhà anh ở làng Rumtek, cách đây mười bốn cây. Nếu em không ngại, em có thể đến ở tạm nhà anh”.

Mấy bạn nữ đi cùng anh cũng gật đầu hưởng ứng.

“Em về nhà Kalden nghỉ tạm đi. Em yên tâm, Kalden tốt lắm, không sợ bị bắt cóc hay gì đâu”.

Nhìn xung quanh, tôi tính rủi ro ở ngoài đường sẽ cao hơn nhiều so với rủi ro khi về nhà Kalden, nên tôi theo đám bạn anh lên một xe bus khác về làng Rumtek. Cả nhà anh lúc đó vẫn còn thức. Không biết anh có kịp báo cho bố mẹ anh là chúng tôi đến không mà mẹ anh đã chuẩn bị sẵn trà nóng với cơm thịt cho chúng tôi. Trời lạnh, hai tay tôi cầm chặt cốc trà, hơi hơi lên mặt đón hơi ấm. Lúc rửa chân tay đi ngủ, mặc dù đã được Kalden cảnh báo, tôi vẫn tái mặt vì nước lạnh. Nước lấy thẳng từ suối nguồn trên núi, vốn được hình thành nhờ băng tan. Đánh răng mà tôi cảm tưởng rằng mình đang rơi ra từng chiếc. Kalden nhường cho tôi phòng của anh vì nó đẹp và ấm hơn, còn anh nằm bên phòng dành cho khách.

Rumtek đẹp cứ như trong mơ. Nhà Kalden lại chìm vào trong núi, chiếm ngự một vị trí chiến lược khiến cho tôi có cảm giác như tất cả núi đồi đều thuộc về mình và tất cả bản thân mình đều thuộc về núi đồi vậy. Hàng xóm gần nhà anh nhất cũng phải cách mấy chục mét. Bên cạnh nhà anh là vườn rau cải đắng mà tôi nghiện. Bên kia vườn rau cải là thung lũng. Bên kia thung lũng là Tây Tạng. Ngồi tôi thích dậy sớm, co ro ngồi ngoài hiên, trùm chăn từ đầu tới chân, tay mân mê cốc trà thơm phức, ngắm mặt trời lên từ phía bên kia sườn núi. Bắt đầu là những tia nắng le lói, rồi nắng thành dải lụa, rồi bất chợt không gian sáng rực lên như ai đó vô tình làm đổ tràn một bình đầy nắng. Thỉnh thoảng bố Kalden cũng ngồi uống trà cùng tôi. Quay mặt về phía Tây Tạng, bác bảo kể từ khi Tây Tạng bị Trung Quốc xâm chiếm, rất nhiều người Tây Tạng đã bỏ trốn sang đây. Bác cũng là người Tây Tạng. Bác theo gia đình sang đây từ khi mới một tuổi. Từ đó đến nay, bác chưa bao giờ về lại Tây Tạng, phần vì không được Trung Quốc cấp visa, phần vì phản đối sự chiếm đóng của Trung Quốc không muốn về.

“Tên bác là Gyatso, như tên của Đạt Lai Lạt Ma ấy”.

Bác Gyatso là hiệu trưởng trường làng Rumtek Monastery, Kalden là một giáo viên ở đây. Rất tiếc bây giờ là nghỉ lễ, chứ không mọi người rất muốn tôi tham gia trợ giảng.

“Em nghe nói đến Rumtek Monastery bao giờ chưa? Nổi tiếng lắm đấy”.

“Nổi tiếng về cái gì cơ?”.

“Đây là kinh đô khi tha hương (capital in exile) của Karmapa. Bình thường, nếu như Karmapa không ở Tây Tạng thì ngài sẽ ở đây”.

“Karmapa là ai ạ?”.

“Em biết Đạt Lai Lạt Ma mà không biết Karmapa thật hả?”.

“Đạt Lai Lạt Ma là thủ lĩnh tinh thần của Tây Tạng mà”.

“Karmapa còn cao hơn cả Đạt Lai Lạt Ma cơ. Cả hai vị đều là các vị sư đầu thai, mỗi vị đứng đầu một nhánh đạo Phật ở Tây Tạng. Nhưng Đạt Lai Lạt Ma mới được đầu thai lần thứ mười bốn, vị Karmapa này đã được đầu thai đến lần thứ mười bảy”.

“Giờ em mới biết đấy. Nghe hay nhỉ. Em cũng muốn gặp ngại. Rumtek Monastery có ở gần đây không ạ?”.

“Gần, mai mình đi. Nhưng Ngài cũng bị chính phủ Ấn Độ cấm về đây luôn rồi nên Ngài đang ở Dharamsala. Anh vừa được gặp Ngài ở Dharamsala. Ngài rất trẻ và đẹp trai nữa”.

“Đẹp trai á? Đâu, cho em xem ảnh”.

Cũng như những người Tây Tạng khác, nhà Kalden có rất nhiều ảnh của các vị Lạt Ma (vị sư đầu thai) của Tây Tạng, đủ để thấy tôn giáo có vai trò quan trọng như thế nào trong đời sống của người Tây Tạng. Anh còn một series ảnh chụp đứng nói chuyện với Karmapa ở Dharamsala. Tôi nghĩ mọi người vì sùng bái vị Karmapa này quá nên thấy ông đẹp trai, chứ tôi thấy cũng bình thường.

“Anh nói chuyện với ngài được lâu không?”.

“Được gần năm phút đây”.

“Nói những chuyện gì ạ?”.

“Anh kể cho ngài nghe việc dạy và học ở Rumtek Monastery và rằng người dân Rumtek luôn mong ngài sớm trở về. Ngài có vẻ vui lắm, cười suốt”.

Nhận thấy tôi là một đứa không biết gì về Tây Tạng, Kalden tự nhận việc khai sáng cho tôi là trách nhiệm của anh. Nhà có bao nhiêu phim ảnh tài liệu về Tây Tạng, anh bắt tôi xem qua hết. Nhờ vậy mà khá nhiều thắc mắc của tôi được giải đáp, ví dụ sao người ta biết chắc được người này là vị Lạt Ma trước đầu thai, hay nếu như không tìm được người đầu thai đó thì sao, hay tại sao người Tây Tạng lại sùng đạo đến như vậy.

Sáng hôm sau chúng tôi lên đường đi Rumtek Monastery. Từ nhà Kalden lên Monastery không có xe bus, Kalden cũng không có ô tô hay xe máy nên chúng tôi phải cuộc bộ. Tu viện nằm tí trên đỉnh ngọn đồi, đi qua vườn ngô, rừng cải, ruộng bậc thang, thanh bình và xinh đẹp không khác gì Tây Bắc Việt Nam. Những ngôi nhà gỗ nhỏ nhắn, vuông vắn, tường thấp, mái rộng kiểu Tây tạng rải rác sau rặng cây bên đồi. Những sợi dây chằng kín những mảnh vải tam giác đủ năm màu sắc sỡ: trắng, đỏ, vàng, xanh lá cây, xanh da trời. Tượng trưng cho năm thành phần: đất, lửa, khí và không gian trong tín ngưỡng của người Tây Tạng. Những cây nêu thân tre, cờ trắng hình chữ nhật xếp thành một hàng dài bên đường. Kalden bảo trong văn hoá Tây Tạng, khi ai đó chết đi, gia đình sẽ dựng một trăm linh tám cột cờ như thế để linh hồn họ được siêu thoát. Đi được khoảng hai tiếng thì có xe ô tô nào đó đi qua. Cao hứng, tôi giơ ngón tay cái ra xin đường. Xe dừng lại cho chúng tôi đi nhờ. Lúc đi xuống, tình cờ thế nào chúng tôi cũng lại gặp đúng xe đấy. Lần này chẳng cần xin đường xe vẫn dừng lại, đưa chúng tôi về đến tận nhà.

Một vài lần, cùng với đám bạn của Kalden, chúng tôi lên Gangtok chơi. Phố núi nhưng có vẻ văn minh hơn nhiều thành phố khác của Ấn Độ. Gangtok sạch và đẹp. Nhà nước cấm dùng túi nilon và người dân khá có ý thức bỏ rác vào thùng. Trung tâm thành phố M.G.Marg (Mahatam Gandhi Marg) nhìn giống như một phố ở Châu Âu dành riêng cho người đi bộ. Lúc đi qua sân vận động, tôi phát hiện người ta đang giăng cờ quạt chuẩn bị cho một sự kiện lớn gì đó, tôi tò mò vào hỏi thì được biết Đạt Lai Lạt Ma sắp sang đây.

“Cháu có thể mua vé để vào nghe Đạt Lai Lạt Ma nói chuyện, nhưng sẽ đông lắm đấy”.

“Cháu là nhà báo thì có thể vào gặp riêng Ngài được không ạ?”.

“Cháu có thể nhà báo không? Nếu có thể thì lên Trung tâm Truyền thông để làm media pass (vé dành cho giới truyền thông) để vào”.

Mặc dù không có thể nhà báo, tôi vẫn vào Trung tâm Truyền thông xem có chém gió cho họ tin mình là nhà báo được không. Đến nơi mới biết là media pass đã làm hết từ trước đó cả tuần rồi. Hỏi chuyện một hồi, tôi được biết Đạt Lai Lạt Ma có một hội thảo về khoa học, tâm linh và giáo dục vào ngày 20 tháng 12. Một nhà báo đến lấy media pass, tôi nhìn thoáng qua và nhanh chóng ghi nhớ thiết kế của cái thẻ này

Về đến nhà, tôi với Kalden tự mình in ra một cái tương tự, dán ảnh mình lên, rồi mượn con dấu của người quen của bố Kalden đóng dấu vào như thật. Hôm diễn ra hội thảo, Kalden với tôi cố tình đi trễ nửa tiếng, tôi cầm máy ảnh (đi mượn), Kalden cầm túi đựng tripod nhìn rất hoành tráng chạy đến trung tâm diễn ra hội nghị. Hàng ngàn người đứng chật kín hai bên đường mong được nhìn thấy Đạt Lai Lạt Ma. Các chú cảnh sát phải vất vả lắm mới giữ được trật tự. Đi qua chỗ bảo vệ, chúng tôi giơ cái thẻ giả của mình ra rất nhanh, hốt hải ra bộ mình đang vội lắm. Tôi xô ra một tràng tiếng Anh đại loại là mình bị trễ rồi. Máy chú bảo vệ nhìn chúng tôi đầy vẻ ái ngại, chắc thương hại chúng tôi đi tác nghiệp mà bị trễ nên cũng nhanh chóng mở cổng cho chúng tôi mà không kiểm tra kỹ càng gì. Nhờ tài

len lỗi, chúng tôi vào được tận bên trong, kiếm có chụp ảnh mà lên ngay cạnh sân khấu, cách Đạt Lai Lạt Ma chỉ khoảng vài chục phân. Ngài nhìn tuy có vẻ già và yếu hơn những ảnh tôi đã nhìn, nhưng da dẻ vẫn hồng hào. Kalden thì thảo vào tai tôi: “Em nhìn thấy không, từ Ngài có ánh sáng toả ra kia”. Tôi căng mắt ra nhìn mà chẳng thấy đâu. Ban đầu Ngài nói tiếng Tây Tạng, có người phiên dịch cho Ngài, nhưng một lúc Ngài chuyển sang nói tiếng Anh luôn cho nhanh. Ngài đã được coi là bậc chân nhân, còn tôi chỉ là một con bé ranh con mới học xong cấp ba, nên tôi tạm thời không dám bình luận bài diễn văn của Ngài. Sau buổi lễ, chúng tôi chen lên được gần Đạt Lai Lạt Ma xin ban phép lành. Sau này, mọi người hỏi Kalden gặp Đạt Lai Lạt Ma thì như thế nào, anh trả lời rằng lúc Đạt Lai Lạt Ma chạm tay lên trán, anh cảm giác như là từ Ngài toả ra một sức mạnh gì đó không có ở phạm trù này. Anh sung sướng đến mức gần như là ngất đi. Còn khi mọi người hỏi tôi gặp Đạt Lai Lạt Ma thì thấy thế nào, tôi chỉ trả lời là rất thú vị. Có lẽ là do tôi không phải là người Tây Tạng chăng? Hoặc là do tôi sống lý trí quá?

49. Cho một cậu bé chưa bao giờ có cơ hội du lịch

Tôi viết phần này dành riêng cho Yarfel, em trai của Kalden. Nói là viết cho em cũng không đúng, bởi em đã không còn ở trên thế giới này để đọc được những dòng tâm sự của tôi nữa. Tôi viết có lẽ dành cho tôi nhiều hơn, cho những niềm thương, niềm nhớ, niềm xót, niềm đau dành cho em ở trong tôi.

Em đã là một cậu bé rất ngoan. Em hiền lành, ít nói, so với anh trai thì em có vẻ bẽn lễn. Những lúc tôi nói chuyện với bố em, em chỉ im lặng đứng cạnh mà không bao giờ lên tiếng. Những lúc tôi đi với nhóm bạn của anh em, em cũng không bao giờ dám xin đi cùng. Chỉ có buổi sáng sớm, tôi ra hiên uống trà, em mới rụt rè ra ngồi cạnh. Em bảo tôi kể cho em về nơi mà tôi sinh ra, về những nơi mà tôi đã đi qua và về những nơi mà tôi sắp đến. Tôi kể hết chuyện này đến chuyện kia. Mắt em sáng rực lên. Em bảo, sau này em cũng muốn đi như tôi. Cuối năm nay thi tốt nghiệp cấp ba xong, em sẽ bắt đầu cuộc hành trình đầu tiên của đời mình. Em sẽ đi ở Ấn Độ trước, sau đó sẽ đến Kim Tự Tháp, rồi Châu Âu và một ngày nào đó, em sẽ đến thăm quê hương tôi.

Tôi hỏi em về ngôi trường em học, về những người bạn em quen, về những nơi em thường đến. Em khoe em học rất giỏi. Em bảo, có một địa điểm bí mật em hay đến mỗi lần em cần suy nghĩ gì đó, em muốn cho tôi xem. Đó là một cây cầu treo bằng gỗ vắt ngang con suối ở tít trong rừng. Cây cầu nâu nhuốm màu thời gian, mỗi lần đi qua nó kêu cọt két, đi nhanh một tí là nó chòng chành. Bên dưới dòng nước chảy cuồn cuộn, va vào những tảng đá ngay giữa lòng suối tạo thành những con xoáy nổi tiếp nhau. Em hỏi tôi: “Đẹp không chị?”. Tôi gật đầu: “Đẹp. Bí ẩn. Hoang sơ. Đáng sợ.”

Ngày tôi rời khỏi Sikkim, khi tìm mãi không thấy đôi giày của mình đâu, em mới rụt rè xách đôi giày đã được em cạo rửa sạch bóng đặt dưới đôi chân tôi rồi chạy mất không kịp để tôi nói cảm ơn. Tôi đi giày vào chân mà nước mắt lã chã. Hơn nửa năm lang bạt, tôi chỉ có đôi giày với cái ba lô làm bạn. Bao nhiêu khối bụi đường trường đôi giày chịu hết, dơ dáy tới tận mấy tôi cũng chẳng muốn động vào. Thế mà em lại sẵn lòng làm điều đó cho tôi.

Tôi nay đây mai đó, em không lên mạng nên tôi cũng chẳng có cách gì liên hệ với em được. Bỗng một ngày cuối tháng năm, khi tôi lên Facebook của anh trai em mới đọc được tin sét đánh: Em không còn trên đời này nữa. Tôi không hiểu chuyện gì đang diễn ra, cuống cuống gọi điện cho anh trai em để hỏi xem thực hư thế nào mới biết rằng em mất đúng ngày em thi tốt nghiệp xong. Em ra địa điểm bí mật của mình và cây cầu gãy. Tôi bật khóc. “Chẳng phải bây giờ là lúc em muốn thực hiện chuyến đi đầu tiên của cuộc đời mình sao? Tại sao em lại ra đi khi chưa đến thăm quê hương chị?

Tôi lại tìm lại trong máy tính của mình tất cả những tấm ảnh tôi chụp em ở cây cầu đó. Một ảnh em đứng ở đầu bên kia cầu, mặt hơi cúi xuống, cười bẽn lễn. Một ảnh em ngồi bên suối, miệng cười tươi rói khoe mấy cái răng khềnh, mắt tít lại. Tôi không tin được rằng cũng tại địa điểm đó, giây phút này em còn chìm đắm vào dòng suy nghĩ của riêng mình, giây phút tiếp theo em đã cận kề cái chết. Em nghĩ gì trong thời điểm đó? Em có bị đau không? Em đã rất muốn đi, liệu lúc đó ước mơ còn có ý nghĩa gì với em không? Tôi lại bật khóc.

Tôi không phải là người theo tôn giáo của em, để có thể cầu nguyện cho em được đầu thai hóa kiếp. Tôi cũng không biết em có tin vào thiên đàng hay không, để cầu mong cho em được yên nghỉ trên đó. Tôi cũng không biết linh hồn có tồn tại hay không, để mong em đọc được những dòng này của tôi. Tôi chỉ có thể nói với những người đang sống ngày hôm nay rằng: Em đã sống rất tốt. Và tôi rất thương em.

50. Võ mộng với trại trẻ mồ côi

“Trời ơi, mình làm cái quái gì ở Nepal thế này?”.

Đó là câu đầu tiên tôi thốt ra khi xuống xe ở Kathmandu lúc năm giờ sáng. Tự nhiên tôi thấy mình ngu ghê gớm. Đứng đứng giữa trời đông lạnh chọn đi đâu không chọn lại chọn lên Himalaya. Lạnh, lạnh, lạnh, lạnh, lạnh. Chưa bao giờ tôi thấy lạnh đến như thế. Không khí lạnh đến mức hít thở thôi cũng đã là một cực hình. Tôi mặc bộ quần áo nỉ Asenla may cho rồi mặc áo len mà Asenla tặng làm quà Giáng sinh vào bên trong, mặc thêm áo khoác bên ngoài mà vẫn lạnh. Da tôi cứng lại, tay chân không cử động được. Đầu óc tôi cũng đông đặc lại, chẳng nghĩ được gì. Không xe bus xe biéc gì hết, tôi phóng tay bắt taxi về trại trẻ mồ côi.

Các bé mở cửa ra chạy ủa đến ôm lấy tôi. Tôi được bố trí một căn phòng riêng. Phòng đối diện là hai tình nguyện viên khác đến từ Châu Âu, tôi không nhớ chính xác là nước nào. Vào nhà rồi vẫn lạnh. Sau hai ngày hai đêm vật vã từ đây, tôi chỉ muốn tắm gội cho sạch hết bụi bẩn trên đường đi, nhưng trời lạnh đến mức động vào nước còn sợ nói gì đến tắm. Ở đây không có nước nóng mà phải kéo nước từ giếng đào sâu dưới đất. Các bé một tuần chỉ tắm gội một lần vào trưa chủ nhật khi mặt trời lên cao.

Buổi chiều, Maya phóng ô tô đến thăm. Việc đầu tiên chị làm là đưa cho tôi danh sách dài dằng dặc những thứ cần mua cho trại trẻ mồ côi. Tôi xem qua phát hiện ra trong danh sách đó có việc mua mười thùng đựng rác cho trại trẻ. Tôi hỏi những thùng rác mà mẹ con bác người Hà Lan mua cho đâu, Maya nói là không biết. Tôi hỏi hai bạn tình nguyện thì các bạn bảo mấy buổi đầu tiên các bạn ấy đến thì có thấy, nhưng rồi tự nhiên chúng biến mất. Nói chuyện với các bạn một hồi tôi còn tìm hiểu thêm được nhiều thông tin cực sốc. Trong số năm mươi trẻ em mồ côi ở đây, khá nhiều trong số đó không phải là trẻ mồ côi thật mà là con cháu họ hàng của Maya. Bác người Hà Lan mua cho trẻ ở đây rất nhiều đồ chơi, nhưng bác vừa đi một cái là phần lớn đồ chơi bị Maya tịch thu chỉ cho con cháu của mình chơi. Và rồi là Maya suốt ngày hỏi đến tiền. Cái này thì tôi cũng cảm nhận rất rõ. Vừa lĩnh lương, tôi đã đóng góp tiền mua thịt hàng tuần cho các bé, nhưng Maya bắt đầu hỏi đến đủ các loại tiền khác. Thứ nhất, tôi cũng chẳng có nhiều tiền đến vậy. Thứ hai, tôi nhận ra rằng ban quản lý trung tâm này cũng tham nhũng như rất nhiều những trại trẻ mồ côi khác. Hai bạn tình nguyện viên kia đã cất công sang tận Nepal làm tình nguyện rồi mà tự nhiên bỏ đi cũng không biết đi đâu. Mặc dù rất quý các bé ở đây, tôi không muốn ở lại làm việc cho bộ máy tham nhũng này nên lấy lý do này kia về lại thành phố, tìm cách thiết thực hơn để giúp đỡ các bé.

Không có chỗ ở, tôi phải ở tạm khách sạn. Đi cả ngày trời hỏi han tất cả các nhà nghỉ ở Thamel, tôi tìm được phòng ở Nepal Guest House, một nhà nghỉ ngay cạnh Irish Pub, với giá chỉ 300Rs (\$1 lúc bấy giờ tương đương 70 Nepali Rupees). Tôi đã nghĩ khách sạn ở Myanmar là rẻ, khách sạn ở Nepal còn rẻ hơn nữa. Chỉ với \$4, tôi có thể thuê được phòng đẹp nhất của khách sạn với tường và nền lát gỗ, giường đôi to vật vĩa, bàn làm việc, cửa sổ to thoáng, nhà tắm riêng với nước nóng, lại bao gồm cả wifi. HR, bác chủ khách sạn, bảo rằng bây giờ đang là mùa vắng khách nên mới cho tôi thuê với giá đó.

Lúc ra ngoài ăn tối, thấy biển quảng cáo tiệc Giáng sinh, tôi mới chợt nhớ ra là Giáng sinh sắp đến rồi. Tự nhiên, tôi thấy thương mình ghê gớm. Một thân một mình ở đây, không quen biết ai thì đón Giáng sinh thế nào? Tôi nhớ đến các bé ở trại trẻ mồ côi. Không biết các bé ấy đã đón Giáng sinh chưa?

Một ý tưởng chợt lóe lên trong đầu tôi. Tôi lên nhóm Nepal trên CouchSurfing post một tin nói rằng tôi muốn tổ chức một bữa tiệc Giáng sinh nho nhỏ cho năm mươi bé ở trại trẻ mồ côi, ai chưa có kế hoạch gì cho Giáng sinh đều được chào đón. Mọi người có thể đóng góp một khoản tiền tùy tâm để mua quà cho các bé. Sau đó khi các bé đi ngủ, cả nhóm có thể về lại Thamel nhậu nhẹt để ăn mừng

Giáng sinh kiểu người lớn. Kathmandu có lẽ có nhiều trái tim bơ vơ. Trong một ngày tôi đã nhận được sáu trả lời, quyên góp được gần \$100. Ở Nepal, đây là một khoản tiền khá lớn. Chúng tôi mua bánh kẹo, sô-cô-la, hoa quả, bóng bay, rồi bắt xe bus đến đây. Văng khách hay sao đó (văng theo tiêu chuẩn của Nepal thôi chứ vẫn có khách phải đứng), xe lượn lờ từ đầu này đến đầu kia thành phố, gần hai tiếng mới đến trại trẻ mồ côi. Đến nơi thì chúng tôi hay hung tin là các bé vừa bị bắt đi ngủ. Tôi biết giờ này các bé chưa ngủ đâu. Không có Maya ở đây, tôi đành phải tự quyết định. “Đánh thức các bé dậy”, tôi bảo mấy tình nguyện viên ở đây. Thế là chúng tôi vào gõ cửa từng phòng. Các bé mặt ngơ ngác không biết chuyện gì đang diễn ra, nhưng vốn nghe lời, các bé ngoan ngoãn ngồi thành hàng trong căn phòng mọi khi được dùng là phòng ăn kiêm phòng học. Không khí ban đầu có vẻ kì cục vì chẳng ai biết mình đang làm gì.

“Các bé biết đêm nay là đêm Giáng sinh không?”

Một vài bé gật.

“Đã ai từng đón Giáng sinh chưa?”.

Tất cả đều lắc.

Chúng tôi vừa hỏi vừa trả lời về Giáng sinh. Mấy bạn đi cùng tôi cũng được cái vui tính, bắt đầu làm trò: hát hò nhảy múa. Các bé cười nghiêng ngả. Rồi chúng tôi phát quà. Còn thừa quà, chúng tôi nảy ra ý định cho các bé thi văn nghệ. Các bé nhiệt tình hưởng ứng. Tất cả hát hò, nhảy múa như phát cuồng. Lúc chúng tôi ra về, các bé tranh nhau ôm tôi. Một số bé thốn thức khóc bởi chưa bao giờ được tham gia một bữa tiệc như thế. Bé này ôm xong lại đứng vào hàng ôm tiếp. Riêng cái màn ôm này đã mất hơn nửa tiếng. Quả thực, đây là Giáng sinh vui nhất từ trước đến giờ của tôi.

51. Chiến lược “Kebano”

Trong số những người trả lời tôi vụ Giáng sinh hôm đó, có một anh chàng mà tôi chỉ nhận được tin nhắn khi mà tôi đang trên xe bus đến trại trẻ mồ côi rồi. Người đó là Asher. Anh chàng gửi tôi một tin nhắn cũng thảm thiết không kém: “Tao đang héo hon vì buồn chán ở Kathmandu đây, mày có trò gì vui đến giải cứu cho tao”. Tư tưởng lớn gặp nhau, chúng tôi nhanh chóng kết thân.

Sau hơn một tuần ở Kathmandu, tôi vẫn chưa biết mình đang làm cái quái gì ở đây. Kế hoạch ban đầu của tôi là ở tạm đây một thời gian tập trung viết cho Wallyou, nhưng kế hoạch cứ ngày một ảm đạm vì lạnh đến mức tôi thậm chí còn chẳng bỏ tay ra khỏi chăn mà viết được. Cho đến một ngày, tinh thần của tôi xuống thấp đến mức tôi quyết định gọi cho Asher hy vọng rằng trí tuệ Do Thái của anh có thể cho tôi thêm một ít động lực.

“Tao đi chết đây. Bao nhiêu deadline mà tao chẳng tập trung được vào cái gì”.

“Hừm, trong trường hợp này thì cách tốt nhất là sử dụng chiến lược Kebano”.

“Là sao?”

“Là mày nói Kệ bà nó, tắt máy tính, rồi ra ngoài đi chơi”.

Và đây chính xác là những gì tôi làm sau đó.

Asher gọi bạn của anh và bốn đứa chúng tôi leo lên hai con xe máy già nua, long sông sọc luôn lách qua làn xe cộ nổi tiếng điên cuồng của Kathmandu. Sau gần một tiếng, cuối cùng chúng tôi cũng đến được miền đất hứa: Một quán ăn giữa chốn đồng không mông quạnh. “Ồ đây có chhaang rất ngon”, Binod hồ hởi giới thiệu. Căn nhà nhỏ dựng lên ngay giữa cánh đồng lúa với một kiến trúc khá kỳ cho phép khách hàng có thể ngồi bất cứ đâu: trong phòng, trên cầu thang, trên gác xép. Từ mái nhà nơi chúng tôi ngồi, bạn có thể phóng tầm mắt ra xa tới tận chân trời. Bò thong thả đi dạo trong sân. Gà thong dong cục tác trên mái. Một cảm giác thanh bình đến lạ. Mọi thứ đang diễn ra suôn sẻ thì tự nhiên, người bạn bác sĩ của chúng tôi nhận được một cuộc gọi khẩn cấp từ bệnh viện. Anh nhìn có vẻ

hết sức bối rối, nhưng rồi quyết định tắt máy và nói:

“Kệ bà nó”.

Ha, chiến lược Kebano là nhất. Giá như anh chàng này mà nghĩ sâu xa rồi bắt chọt bỏ về thì chúng tôi lại phải kẹp ba mà về.

Chúng tôi gọi chhaang và rosy (vodka của Nepal) với đủ loại đồ ăn vặt Nepal: đậu phộng muối, thịt trâu khô, khoai tây xay nhuyễn nấu masala, trứng rán đậu lăng, cá mặn, măng. Cảnh, gió, rượu khiến tôi cảm giác hơi ảo. Tôi phát hiện ra một cái lồng với những dải dây dài treo bên trong.

“Ốt à?”.

“Không, thịt khô đấy”.

“Mình lấy được không?”.

“Mình có thể đặt người ta nướng ngay cho bây giờ”.

“Không, nó muốn ăn trộm cơ”. Ha, chỉ có Asher là hiểu tôi. Mua thì còn gì thú vị.

“Lồng bị khóa mà”.

“Để em thử. Canh chừng cho em nhé”.

Tôi chạy đến, khéo léo mở khóa rồi luồn ngón tay của mình vào trong, lôi ra mấy mẩu thịt nhỏ. Cả nhóm còn chuẩn bị báo Kantipur. Chúng tôi tự nhiên cười lẫn lộn khi thấy Asher cẩn thận gói thịt vào trong giấy báo, nhét vào trong túi. Trời ạ, chúng tôi cứ như là kẻ trộm chuyên nghiệp vậy.

“Chỗ này khoảng bao nhiêu tiền?”. Tôi hỏi.

“Khoảng 100Rs. Có thể hơn”.

“Mình nên để lại 100Rs tiền tip”.

“Khoooooong”. Binod nhiệt tình phản đối. “Không ai để tiền tip ở Nepal cả. Kỳ cục lắm”.

Tôi phải giải thích thêm rằng tip không phải là chuyện phổ biến ở Nepal. Nhà hàng thường tính 10% hay 15% phí dịch vụ. Tôi đã có một lần vô cùng xấu hổ vì cả gan dám tip. Tôi đưa cho cậu bé làm việc ở khách sạn 100Rs vì xách ba lô lên phòng cho tôi, cậu nhìn tôi như thể bị xỉ nhục.

“Tiền này để làm gì?”.

“Không có gì”. Tôi chạy vào phòng, đóng sầm cửa lại để giấu khuôn mặt đỏ bừng bừng. Từ đó về sau, tôi không bao giờ tip ai ở đây nữa.

Chúng tôi rời nhà hàng với chiến lợi phẩm, cảm giác như một băng đảng tội phạm. Thỉnh thoảng cũng phải phạm một tội gì đó vô hại để thấy rằng mình vẫn là con người.

Chúng tôi về lại thành phố và tụ tập ở Sam’s bar. Tôi rất thích bar này vì nó có đồng lửa rất ấm cúng. Tất cả mọi người có thể ngồi quây quần quanh đó. Asher bẻ một que tre từ ban công, xiên thịt vào đó rồi nướng. Khách Sam’s bar hôm đấy được một phen cười bể bụng vì hai đứa dở người dí sát mặt vào đồng lửa, vừa ăn xiên thịt nướng cháy đen vừa tấm tắc khen như thể nó ngon lắm.

Tôi trở về khách sạn, tràn đầy sinh khí và động lực. Ít nhất tôi cũng đã có thể bỏ tay ra khỏi chăn để viết bài này. Chiến lược Kebano thật là quả. Trí tuệ Do Thái cấm có sai.

52. Tìm gặp Kumari của Nepal

Một lần ngồi chúng tôi đang đang ngồi tán dóc, Binod khoe màn hình điện thoại của anh. Đó là hình một cô bé khoảng sáu, bảy tuổi, đánh môi đỏ chót, đuôi mắt đen dài, mắt phượng to tròn ở trán, đôi mũi đỏ, áo đỏ.

“Cháu gái anh. Kumari đấy”.

“Kumari là cái gì?”

“Con bé này ở Nepal mà chẳng biết gì về Nepal thế. Kumari là nữ thần sống đấy”.

“Hả? Cháu gái anh sao lại là nữ thần?”.

“Kumari. Sinh ra là cháu anh nhưng thực ra là nữ thần đầu thai vào đó”.

“Thật á? Người ta thờ lạy bé này luôn á?”.

“Thật. Người thờ lạy quá nhiều luôn”.

“Ghe nhỉ. Thế anh là cậu của nữ thần có được tính là nam thần không?”.

“Nói năng linh tinh. Lên mạng tìm hiểu đi.”

Tôi lên mạng tìm hiểu và đã bị sốc. Tôi cứ nghĩ mình là đứa rảnh đường rảnh đất, vậy mà một nét văn hóa hay như thế này lại không hề biết tới. Kumari, nghĩa là thần trinh tiết, là hiện thân của nữ thần tối cao Durga của đạo Hindu. Khắp Vương quốc Nepal có năm hay ba Kumari. Mỗi Kumari trị vì một khu vực để ban phước lành cho người dân ở đó.

Việc lựa chọn Kumari trải qua những quy trình, quy định rất khắt khe. Kumari được lựa chọn từ những bé gái khoảng ba đến năm tuổi thuộc dòng tộc Shakya, cùng dòng tộc với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Những bé gái có cơ thể hoàn mỹ, không chút khuyết điểm, chưa từng bị thương chảy máu, chưa từng bị mụn nhọt trên người...mới đủ điều kiện làm ứng cử viên. Những bé gái hội đủ ba mươi hai điểm cát tường (cổ trắng ngần, thân như cây bồ đề, chân như đùi hươu, lông mi dài và cứng, mắt và tóc đen nhánh, ngực như sư tử, răng đều tăm tắp...) sẽ phải trải qua những bài kiểm tra nghiêm khắc hơn nữa để đảm bảo rằng bé gái đó sở hữu những đức tính của thần Durga, bao gồm sự thanh thản và dũng cảm. Một trong những bài kiểm tra đó là bé gái phải ngủ một mình trong phòng tối với đầu súc vật xếp quanh mà không thể hiện sự sợ hãi.

Bài kiểm tra cuối cùng cũng không khác gì với bài kiểm tra tìm Đạt Lai Lạt Ma của Tây Tạng. Ứng cử viên phải lựa chọn chính xác vật dụng của Kumari tiền nhiệm trong một loạt những vật dụng được đưa ra. Bé gái được chọn sau đó sẽ được làm lễ chuẩn bị cho nữ thần nhập vào. Kể từ đó, toàn bộ cơ thể của Kumari được coi là linh thiêng, không được phép chạm đất trừ khi nên được trải thảm đỏ. Kumari không được sống chung với gia đình. Những bé gái này sẽ phải từ biệt cuộc sống trần tục để vào sống trong ngôi đền dành riêng cho mình. Kumari không đến trường mà giáo viên phải đến ngôi đền để giảng dạy. Mỗi năm, Kumari chỉ được ra ngoài để ban phước lành trong các dịp lễ quan trọng như lễ hội truyền thống Indra Jatra của người Hindu tại thủ đô Kathmandu.

Quan trọng nhất và được tôn thờ nhất là Kumari Hoàng gia sống trong ngôi đền ở trung tâm thủ đô Kathmandu, cách Thamel chỉ khoảng ba mươi phút đi bộ. Tôi quyết định rằng mình phải tìm gặp Kumari này cho bằng được. Nhưng chỉ có người Nepal và Ấn Độ mới được cho phép gặp nữ thần. Cách duy nhất để người nước ngoài như tôi có thể diện kiến Kumari là chờ nữ thần xuất hiện ở cửa sổ ngôi đền hai lần mỗi ngày vào chính giờ sáng và bốn giờ chiều. Thế là sáng hôm ấy, tôi cẩn thận diện lên mình bộ quần áo truyền thống của con gái Ấn Độ với hy vọng có thể đánh lừa được bác bảo vệ như lần ở Taj Mahal.

Ngôi đền nằm trong Quảng trường Durba Kathmandu. Bình thường người nước ngoài phải mua vé \$3 vào trong, nhưng mà bảo vệ ở đây khá lỏng lẻo nên trừ khi bạn đâm đầu thẳng vào chỗ soát vé, bạn đi từ bất kỳ hướng còn lại đều không phải mua vé. Bên ngoài ngôi đền có khoảng bốn, năm người dân

chào mời bán hình của Kumari. Một bà cụ da đồi mồi, mắt nhắm nheo, tay lật lật xấp ảnh, miệng phì phèo điều thuốc. Thấy là lạ, tôi mua cho cụ một tấm.

Ngôi đền ba tầng thực ra là một ngôi nhà gạch chỉ được ốp gỗ dành riêng cho Kumari. Trong đền chỉ có một người làm bảo vệ luôn mặc đồ thường dân, thầy tu phụ trách đền và những người phục vụ.

Tuy nhiên, sau khi năn nỉ mọi cách, rồi cả trèo tường mà vẫn thất bại, tôi đành ngậm ngùi tham gia nhóm khách du lịch đang chen nhau đứng dưới sân chờ đợi sự xuất hiện của Kumari. Mọi người được nhắc cất máy ảnh vì nếu thấy máy ảnh, Kumari sẽ không ra mặt.

Kumari đương nhiệm có tên là Matina Shakya, sáu tuổi, xuất hiện ở khung cửa sổ với vẻ mặt hơi buồn. Kumari Matina Shakya xuất hiện trong bộ trang phục màu đỏ với tóc vấn cao cùng với nhiều trang sức và con mắt thứ ba được vẽ trên trán tượng trưng cho sức mạnh nhìn xuyên thấu. Khách du lịch nước ngoài hoan hỉ vỗ tay, người dân Nepal thành kính cúi lạy.

Kumari Shakya thờ ơ nhìn khắp lượt đám đông. Kumari không cười, không vẫy tay chào, không nói một lời nào nhanh chóng đi vào trong, nhanh tới mức một số người vẫn còn ngơ ngác.

Người dân Nepal ở trong đền giải thích cho tôi biết mỗi biểu hiện trên nét mặt hoặc cử chỉ của Kumari đều được coi là điềm báo. Họ cũng nói rằng tôi là người may mắn khi gặp được Kumari với khuôn mặt lạnh như băng vì như thế có nghĩa là mọi ước nguyện của tôi đã được chấp nhận.

Nếu Kumari khóc hoặc cười to thì đó là điềm báo của bệnh tật hoặc cái chết. Người dân Nepal cũng tin rằng khi Kumari ứa nước mắt là điềm báo có ai đó sắp chết hoặc than phiền về thức ăn nghĩa là có người sắp mất mát về tài chính.

Không trực tiếp gặp được Kumari Shakya, tôi tìm cách gặp nữ sống thần khác. Gặ Kumari đang trong thời gian cai trị là không tương, tôi nhờ Binod sắp xếp cho tôi gặp cô cháu gái của mình. Đó là Chanira Bajracharya, vừa bước sang tuổi mười sáu, người từng làm Kumari tại thành phố cổ Patan, nằm cách thủ đô Kathmandu khoảng ba kilomet về phía Đông Nam. Chanira đã từng được xem là Kumari quan trọng thứ hai của Nepal, chỉ sau Kumari Hoàng gia.

Chanira mất ngôi vị Kumari cách đây hai tháng khi cô bắt đầu có kinh. Người dân Nepal tin rằng một khi Kumari chảy máu, dù là do kinh nguyệt hay bị thương, Nữ thần tối cao Durga của đạo Hindu sẽ rời bỏ cô.

Tôi gặp Chanira tại căn phòng trong ngôi đền thiêng, nơi Chanira từng gặp gỡ thần dân đến xin ban phước lành. Tôi từng tiếp xúc với rất nhiều cô gái trẻ Nepal, nhưng trong những phút đầu gặp Chanira vẫn rất khó trò chuyện. Sau khi chào cô bằng cả tiếng Anh lẫn tiếng Nepal mà không được đáp trả, tôi mới được cha cô giải thích rằng cô vẫn chưa học được cách giao tiếp với người lạ và vẫn quen với quy định không được phép trò chuyện. Tôi không biết nên bắt đầu bằng chủ đề gì. Chanira không chơi thể thao, không nghe nhạc, mặc dù cô được coi là một trong những Kumari cấp tiến và hiện đại nhất.

Cha cô còn cho biết trước đây không người ngoài nào được phép nói chuyện với Chanira vì bị cho là làm ô uế sự thanh khiết của Kumari. Sau một lúc độc thoại, cuối cùng tôi cũng khiến Chanira mỉm cười và bắt đầu nói chuyện. Với mọi người dân Nepal giờ đây Chanira cười hay khóc dường như không còn là điềm báo nữa.

Tóc búi gọn sau gáy, mặc áo len và quần bò trong tiết trời se lạnh, Chanira trông khác hẳn với những bức ảnh trang nghiêm trong bộ đồ lễ vẫn còn treo trong phòng. Nếu không được báo trước, chắc tôi và ngay cả những người dân Nepal khó có thể nhận ra cô từng là Kumari.

Không được trang điểm như khi còn là Kumari, nhưng khuôn mặt bầu bĩnh của Chanira vẫn toát lên nét đẹp và sự quyến rũ lạ lùng. Cách nói chuyện của Chanira cũng toát lên thần khí và đặc biệt là sự thông minh như người dân Nepal vẫn lưu truyền.

Dường như Chanira vẫn chưa quen với cuộc sống của người phàm trần và việc cô trở lại ngôi đền

nếu để vui đi sự tiếc nuối và nỗi nhớ về nơi đã gắn bó suốt thời niên thiếu, từ 1 mới năm tuổi. Chanira cho biết trong một thập kỉ làm Kumari, cô không có bất kỳ người bạn nào, nhưng có thể trò chuyện và chơi với hai người anh em trai của mình.

“Thế có buồn không?”.

“Không, cũng chẳng buồn”.

Trong suốt gần mười năm làm Kumari, Chanira hầu như chỉ gặp dân chúng đến làm lễ, nhất cử nhất động đều được quan sát và xem như là điềm báo. Chanira thậm chí phải kiềm chế để không cười to thành tiếng vì đó được xem là điềm báo về bệnh tật nặng hoặc cái chết. Chanira cho biết mỗi năm khi còn ở ngôi vị Kumari, cô chỉ rời khỏi ngôi đền gần hai mươi lần để tham dự các buổi lễ quan trọng.

Chanira nói tiếng Anh khá dở do không được thực hành nên tôi phải nhờ Binod phiên dịch. Chanira vào học đại học ngành tài chính đã được một tháng sau khi tốt nghiệp phổ thông đúng như ước nguyện khi còn ở trong đền thiêng. Ít tháng trước, Chanira khiến dư luận quốc tế xôn xao khi là Kumari đương nhiệm đầu tiên của Nepal vượt qua kì thi trung học phổ thông được tổ chức ngay trong ngôi đền.

Một điều khá dễ hiểu khi Chanira nói thực sự cô có cảm giác hụt hẫng khi không còn là Kumari nữa. Trước đây, cô không được phép ra ngoài, nhưng cảm thấy vui mỗi lần làm lễ với dân chúng và đặc biệt là gặp gỡ các bạn học sinh. Bây giờ, cô không biết sử dụng thời gian rảnh rỗi của mình thế nào. Cô đang dần làm quen với bạn cùng lớp đại học, nhưng việc kết bạn không dễ.

Cô cũng không quen đường sá trong thành phố do ở trong ngôi đền quá lâu. Giờ đây mỗi lần ra ngoài, Chanira đều phải nhờ người thân đi kèm. Trước đây bố mẹ không được phép quát mắng, chỉ dạy Chanira, nhưng từ nay mọi việc sẽ khác.

Sau khi đã quen nhau, tôi đề nghị dẫn Chanira đi chơi, thăm thú thành phố để làm quen với cuộc sống đời thường, cô vui vẻ gật đầu và hẹn tôi đến nhà đón. Tôi hào hứng kể và muốn dẫn Chanira đến thưởng thức món Pizza cực ngon và cả những món ăn thời thượng khác mà giới trẻ Nepal yêu thích.

Tuy nhiên, Chanira bẽn lẽn nói rằng cô không được phép ăn uống ngoài phố. Dường như Chanira quên rằng mình đã không còn là Kumari nên hoàn toàn có thể ăn ở nhà hàng, đi học, làm việc, yêu và kết hôn như những cô gái trẻ khác ở Nepal.

Từ một cô bé bình thường trở thành Kumari đã khó, nhưng từ thánh nữ trở lại làm người thường, hòa nhập với thế tục còn khó hơn. Khi còn là nữ thần, Chanira và cả gia đình cô được tôn thờ, chiều chuộng, nhiều mong muốn của họ đều được Nhà nước đáp ứng. Khi ngôi vị thiêng liêng đó không còn nữa, Chanira lo lắng mình và gia đình cũng sẽ bị lãng quên dần đi như những Kumari khác.

Hiện cựu Kumari Chanira sống nhờ vào gia đình cùng khoản trợ cấp mang tính tượng trưng (khoảng 800.000 VND/tháng) dù Tòa án Tối cao Nepal đã lệnh cho Chính phủ nước này phải đảm bảo đời sống và giáo dục cơ bản cho các cựu Kumari.

53. Vipassana

Nepal là một đất nước kỳ lạ về mặt tôn giáo, nơi mà ranh giới giữa Phật giáo và đạo Hindu gần như không tồn tại. Khi tôi hỏi Chanira cô là theo đạo gì, cô ngơ ngác hỏi bố nhưng bố cũng không biết trả lời thế nào. Kumari được tôn thờ bởi cả những người theo Phật giáo và đạo Hindu. Chính vì vậy, rất nhiều người đến Nepal là người sống tâm linh. Giao du với dân ba lô ở đây nhiều, tôi nghe được nhiều thông tin hết sức hay ho. Tôi phát hiện ra rất nhiều người trong số đó đến đây để học thiền Vipassana. Khóa học này kéo dài mười ngày. Suốt quá trình đó, người học sẽ được đưa đến một khu vực tách biệt hẳn với thế giới bên ngoài. Họ sẽ không được phép nói chuyện với bất cứ ai, không được phép nhắn tin, gọi điện thoại hay lên mạng. Phương pháp học nghe mọi người kể thì cũng khá ảo. Người học thiền sẽ được dạy cách thở, cách hướng suy nghĩ của mình để tìm về cội nguồn của mối liên hệ giữa cơ thể và tâm trí. Khóa học này có khá nhiều nước trên thế giới, nhưng phổ biến nhất là ở Nepal và Ấn Độ. Tuy không phải là đũa sống tâm linh, nhưng tôi lại là đũa cực kỳ tò mò, cái gì cũng muốn thử. Tôi đăng ký một khóa học ở trung tâm Vipassana Kathmandu, bởi theo mọi người đồn đại đây là trung tâm Vipassana đẹp nhất ở Nepal. Trung tâm này nằm trong một khu vườn quốc gia cách thành phố gần một tiếng lái xe. Tôi rủ mấy đứa bạn đi cùng mà không đứa nào chịu đi.

“Mày với tao cá xem thứ mấy nó nghĩ?”. Asher bảo với Shushil, một anh bạn người Nepal của chúng tôi.

“Họ không cho nghĩ giữa chừng đâu đấy”. Shushil cảnh báo “Bạn anh học được nửa khóa thì trèo tường bỏ chạy”.

Tôi đã đọc qua nhật ký một số người tham gia khóa học và phần nào hiểu được việc nhin nói mười ngày liền kinh khủng đến mức nào. Không chỉ không được nói, bạn còn không được phép làm bất cứ việc gì có thể khiến đầu óc bạn bận rộn. Đọc sách, nghe nhạc cũng bị cấm.

“Con bé này đốt nhà nó còn đốt được nữa là trèo tường. À Chip, tao có ý tưởng cho mày. Khóa học của mày diễn ra đúng dịp giao thừa tết cổ truyền của tụi Trung Quốc bọn mày, đêm hôm đó mày đốt pháo hoa đi. Vừa ăn mừng vừa giải thoát các bạn đang chịu cảnh tù tội ở đây”. (Asher rất hay trêu tôi bằng cách gọi tôi là người Trung Quốc).

Hôm trước khi buổi học bắt đầu, học viên tập trung ở điểm đăng ký Vipassana nằm trong thành phố, rồi xe của trung tâm đưa đến tận nơi. Lại một lần nữa, xe bảy chỗ được cải tiến thành xe cho gần hai mươi người. Vốn không giỏi bon chen, tôi yên vị ở trong cốp. Mỗi lần ỏ gà là đầu tôi đập vào trần xe kêu lộp bộp. Ngồi xung quanh tôi là mấy bạn gái da trắng, quần túm aladin, áo ba lỗ, cổ hoặc đầu quấn khăn, trang phục đặc trưng của dân đi bụi. Tôi bắt chuyện nhưng các bạn ấy cứ có cái vẻ của dân sống tâm linh không quan tâm gì đến thế giới thực nên nói chuyện một hồi là tôi chán.

Đúng như những gì tôi được nghe nói, trung tâm này nằm tít trên đồi, trong vườn quốc gia, tách biệt khỏi thế giới trần tục. Khuôn viên trung tâm toàn cây và hoa. Những ngôi nhà nhỏ xinh nằm xen lẫn với những bãi cỏ xanh rì. Chúng tôi được yêu cầu bỏ lại máy ảnh, điện thoại, tiền bạc và tất cả những gì quý giá ở ngoài lễ tân. Tôi được xếp ở một căn phòng với khoảng chục bạn nữ khác. Nam ở một khu, nữ ở một khu. Ngày đầu tiên còn chưa bị cấm nói chuyện. Tôi đi vòng vòng gặp một anh chàng xoắn đỏ, râu ria xồm xoàm, mặt nhìn tưng tưng. Anh nhìn tôi cười nhả nhổ. Tôi cũng nhe răng ra cười.

“Em là người duy nhất ở đây nhincó vẻ có sức sống một tí”.

“Anh là người thứ hai. Mọi người ở đây cứ có vẻ mơ màng ảo ảo thế nào ấy nhỉ”.

“Ừ. Em đến đây lần đầu tiên à?”.

“Vâng. Anh có tin vào thiền không?”.

“Thiền vài phút để tâm hồn tĩnh lặng lại thì anh tin. Nhưng còn thiền hàng ngày trời để tìm ra ý

nghĩa của cuộc sống hay được giải thoát này nọ thì không. Sống bản thân nó đã là một ý nghĩa rồi, sao phải tìm”.

Anh chàng này nói cứ như đọc được suy nghĩ của tôi vậy. Chúng tôi đang nói chuyện hợp thì một người quản lý (cũng là học viên đã theo khóa học, giờ quay lại tình nguyện giúp quản lý học viên mới) đến nhắc nhở chúng tôi rằng nam nữ không được tiếp xúc trong khuôn viên trung tâm. Tôi tiếp tục đi vòng vòng khám phá trung tâm. Tôi đến tận rìa khuôn viên, phát hiện ra một lối mòn nhỏ xíu dẫn lên đỉnh đồi. Lên cao, lối mòn đó lại dẫn vào khuôn viên trung tâm, gần như cắt vào mái của ngôi chùa. Tôi trèo lên, và lập tức chết lặng trước vẻ đẹp thiên nhiên đang bày ra trước mặt. Thung lũng trải dài từ chỗ tôi ngồi xuống đến dòng sông. Bên kia thung lũng, vách núi vươn thẳng lên đâm vào hòn lửa đỏ rực, khiến muôn ngàn tia sáng đổ ra dát vàng cả không gian, đọng lại trên những hàng cây lấp lánh. Mây theo sườn núi sà xuống sát ven sông, tan vào trong nắng, mờ mờ ảo ảo như khói lam chiều. Tôi nghĩ, nếu chiều nào tôi cũng được ra đây ngắm cảnh thế này thì mười ngày chứ một trăm ngày tôi cũng ở được. Tôi đang thả hồn vào mây núi sông nước thì bất chợt một bác xuất hiện.

“Cháu ơi, đây là khu vực dành riêng cho nam giới, cháu không được lên đây”.

“Ừa, nhưng có bạn nam nào ở đây đâu bác?”

“Nhưng đây vẫn là khu vực dành cho nam giới”.

Tôi âm ức đi về phòng. Tự dung tôi thấy ghét mấy cái luật lệ ở đây thế.

Chiều tối, sau khi được ăn một bữa cơm đạm bạc, chúng tôi tham gia buổi hướng dẫn thiền. Lúc đấy tôi bắt đầu bị ốm. Mọi người đang ngồi chăm chú lắng nghe thầy giảng thì cứ năm phút tôi lại hắt hơi một lần, mũi sụt sịt cứ phải liên tục lấy giấy lau. Thầy bảo, khóa học sẽ tập trung vào việc học hít thở, tức là mình sẽ phải theo dõi việc hít vào thở ra của mình cả ngày, học được cách hít vào từ một lỗ mũi, thở ra từ lỗ mũi kia.

“Các con đừng nghĩ đến bất kỳ việc gì ngoài việc hít và thở. Hãy để đầu óc mình được giải phóng khỏi những lo toan bụi trần”.

Tự nhiên tôi thấy mình đại dột. Mũi tôi bị nghẹt cứng đặc, thở còn không thở được nói gì đến chuyện theo dõi. Lúc đấy tôi đã nghĩ đến chuyện xin về, nhưng khóa học chưa bắt đầu mà đã về thì hơi vô duyên. Để học thử một buổi xem sao.

Mùa đông Nepal nhiệt độ có khi xuống đến độ âm. Trời lạnh tê tái. Không có nước nóng nên tôi đành tắm nước lạnh. Bình thường tôi cứ tắm nước lạnh xong sẽ thấy mình tỉnh táo, nhưng lần này tắm xong tôi càng thấy mệt. Tôi bắt đầu ho. Sáng hôm sau bốn giờ keng rung đánh thức chúng tôi dậy mà đầu tôi cứ nặng trĩu. Tiếng kinh đều đều trên giảng đường vào tai tôi kêu cứ o o o o. Tiếng đọc chậm chậm phát ra từ mành ghi âm: “Hít vào, thở ra” với tôi cứ nghe là lời ru ngủ. Mấy lần có người phải đến lắc vào vai tôi đánh thức dậy. Từ khoảng tám giờ sáng thì tôi không tài nào tập trung được nữa. Trung tâm đang trong thời kỳ tu sửa, tiếng đập búa bịch bịch trên mái nhà vào tai tôi nghe như tiếng búa đập vào đầu. Tôi mở mắt ra nhìn xung quanh thấy ai cũng ngồi im, lưng thẳng, chân khoanh tròn, hai tay đặt trên gối, hít vào thở ra đều đặn. Tôi biết có mấy bạn ở đây tham gia không phải lần đầu, mà đã là lần thứ ba, thứ tư. Học nhiều vậy có phải vì các bạn thực sự thấy sáng tỏ ra được điều gì, hay các bạn chỉ muốn tìm một chỗ để chạy trốn khỏi những lo toan thường ngày? Cô giáo mở mắt ra nhìn thấy tôi mắt thao láo, liền ra dấu cho tôi nhắm mắt lại.

Sau mỗi buổi học, học viên được phép nói chuyện với cô nếu có thắc mắc. Tôi đứng đợi đến lượt mình để được tư vấn.

“Thưa cô, có cách học thở nào khác không ạ? Mũi em bị nghẹt”.

“Nghẹt mũi này thì thở bằng mũi kia đi”.

“Cả hai mũi đều bị nghẹt, em chỉ thở bằng miệng được thôi ạ”.

“Không ai nghẹt mũi mãi đâu em ạ. Em chịu khó thở một lúc mũi sẽ thông thôi”.

Nhưng đến chiều mà mũi tôi vẫn không khá hơn. Mà ngay cả có khá hơn, tôi cũng không chắc mình có muốn phí thời gian của mình vào việc học thử hay không. Hết buổi học tôi lại lên gặp cô.

“Thưa cô, mục đích của khóa học này là gì ạ?”.

“Khóa học này nhằm thanh tẩy tâm hồn con và giúp con kiểm soát suy nghĩ của mình”.

“Tâm con đã sáng, con không có ý định hại ai bao giờ. Con cũng không muốn kiểm soát suy nghĩ của mình. Con muốn suy nghĩ của mình phát triển một cách tự nhiên, để có thể cảm nhận cuộc sống như những gì nó vốn có”.

“Đến một lúc nào đó, con sẽ nhận ra rằng mình cần kiểm soát suy nghĩ của mình. Không ai có thể sống một cách hoang dã được”.

“Thưa cô, con xin phép về”.

“Không được. Quy định ở đây không cho phép học viên được nghỉ giữa chừng”.

“Tại sao ạ?”.

“Vì nếu học chưa xong, con có thể bị tẩu hỏa nhập ma”. (Cô dùng từ khác cơ, đại loại là những gì mình học đang dở có thể ảnh hưởng đến thần kinh của mình gì gì đó.)

“Nếu học viên bị ốm nặng cần phải đưa vào bệnh viện gấp thì sao ạ?”.

“Đây là một trường hợp ngoại lệ”.

“Thưa cô, con bị ốm”.

Lúc tôi ra lấy đồ, bác bảo vệ cứ nhìn tôi trân trân. Chưa bao giờ có học viên nào ra từ ngày đầu tiên như tôi.

“Bây giờ cháu định về bằng cách nào?”.

“Cháu cũng không biết. Có xe bus hay gì đó về thành phố không bác?”.

“Không có cháu ạ. Hay cháu đợi đến sáng mai rồi về”.

Tôi nhìn ra ngoài. Trời đã bắt đầu xâm xẩm tối. Xung quanh chỉ là đồi với núi, không có vẻ gì là có người qua lại.

“Để cháu đi bộ ra đường xem có ai cho cháu đi nhờ về thành phố không”. Tôi thực sự không muốn ở lại đây thêm một đêm nữa. Không phải là tôi ngại khổ, tôi chỉ không thích ở xung quanh những người mà mặt lúc nào cũng ảm đạm như đưa đám thế này.

“Để bác hỏi xem nhân viên trung tâm có ai

Số tôi cũng rất may. Đúng lúc đấy lại có một anh chàng chuẩn bị vào thành phố để mua mấy đồ lặt vặt nên anh cho tôi đi nhờ luôn. Đám bạn tôi cười nhả nhả khi thấy tôi về.

“Tao tưởng khóa học mười ngày cơ mà Chíp”. Asher trêu tôi.

“Tao học nhanh nên cô cho tốt nghiệp sớm”.

“Em thật kém cỏi. Anh học hai khóa rồi, chuẩn bị đi học khóa thứ ba”. Anders, một anh chàng người Hà Lan đang sống và làm việc ở Nepal, bảo tôi. Anh chàng này đúng là học nhiều quá nên đầu óc có vấn đề. Vấn đề thế nào thì từ từ rồi mọi người sẽ biết.

“Trời, học thế mà anh vẫn chưa thông à?”.

“Sao họ cho phép em về sớm thế?”. Sushil hỏi.

Tôi kể lại cuộc hội thoại với cô giáo.

“Tâm mày mà sáng”. Tất cả đồng thanh. “Có mà sáng như mực. Họ cũng khôn khi cho mày về sớm. Để mày ở lại mấy hôm có mày làm loạn chỗ đấy lên”.

54. Maha Shivaratri

Tiểu lục địa có những ngày lễ quái đản. Một trong số đó là ngày lễ khi mà người ta được phép ăn chơi nhảy múa cả đêm và chính phủ thậm chí còn phát cần sa cho người dân hút. Cũng giống tất cả những ai lần đầu tiên nghe về ngày lễ này, tôi ngay lập tức kêu lên: “Cho mình tham gia

Ngày lễ tôi đang nói đến là Maha Shivaratri, dịch ra tiếng Việt nghĩa là “Đêm của Thần Shiva”. Thần Shiva là một vị thần vô cùng thú vị, có lẽ là vị thần mà tôi thấy thú vị nhất trong số hàng triệu vị thần của đạo Hindu. Shiva có nghĩa là sức mạnh, thần Shiva là vị thần có sức mạnh to lớn nhất trong đạo Hindu, là một trong ba vị thần được tôn thờ nhiều nhất. Tôi nhớ có lần đi cùng mấy người bạn Ấn Độ gặp ở Varanasi, mấy bạn cứ chỉ vào cái cột tròn to và dài bằng khoảng bắp chân được dựng lên ở miếu gốc cây mà tùm tùm cười: “Chip biết cái này là gì không? Của quý của thần Shiva đấy”. Nghe có vẻ báng bổ nên ban đầu tôi cứ tưởng các bạn ấy đùa. Lúc lên mạng tìm hiểu thêm thì tôi giật mình khi biết nó là thật. Tên gọi của cái cột đấy là Linga, nghĩa là “giới tính” hay “dương vật”, là biểu tượng của vị thần Shiva và cũng là biểu tượng của sức mạnh sinh sản. Linga hay được dựng ở giữa Yoni, một hình vuông vốn là biểu tượng của nữ thần Shakti. Thần Shiva còn được biết đến như vị thần lúc nào cũng say thuốc. Sức mạnh của thần Shiva là sức mạnh hủy diệt, nên để giảm bớt mặt tiêu cực của sức mạnh này, thần Shiva được cho ăn thuốc phiện. Chính vì vậy, trong đêm của thần Shiva, người theo đạo Hindu sử dụng cần sa để tỏ lòng sùng kính với vị thần của mình.

Điểm đông vui nhất để xem Maha Shivaratri là đền Pashupatinath ở Kathmandu với số người tham gia hàng năm lên đến cả trăm người. Sushil làm tình nguyện viên dẫn chúng tôi đi. Ôi chao, đền đông ời là đông. Tôi đã từng đi một lễ hội khác của đạo Hindu là Thaipusam ở Malaysia với cả triệu người tham gia nhưng có lẽ ở đây địa điểm rộng nên cũng không thấy đông đến thế. Ngay từ bên ngoài cổng, chúng tôi đã thấy hàng dài cả ngàn người xếp hàng chờ để vào. Sushil dẫn chúng tôi vòng bờ sông đi đường tắt vào chứ chờ thì không biết đến bao giờ.

Đền Pushupatinath là đền của vị thần bảo vệ quốc gia Nepal – thần của các loại động vật. Đây là đền Shiva linh thiêng nhất trên thế giới. Bình thường những người không theo đạo Hindu chỉ được đứng bên kia bờ sông nhìn sang thôi, nhưng hôm nay là lễ hội nên chẳng ai quan tâm. Đền mang kiến trúc đậm chất Nepal với những ngôi đền nhỏ hình lập phương, vuông đều bốn cạnh, lợp hai lớp mái ngói. Kiến trúc sư xây dựng ngôi đền khéo léo kết hợp công trình của mình với những đường uốn khúc của dòng sông Bagmati, dựng lên những cây cầu trĩu tình vắt qua sông. Bên bờ sông lãng mạn đó là một khu vực đốt xác chết. Nhìn những xác chết được xếp trên đồng củi chờ được thiêu, tôi rùng mình nhớ đến Burning Ghat ở Varanasi. Ngay cạnh đấy có một cụ già chỉ mặc áo mà không hề nửa dưới của mình, nằm dằng tè he ra đất ngủ ngon lành. Dưới sông, hàng chục người đang tắm rửa. Đi qua cầu, chúng tôi phát hiện ra một đám đông ở trong đám đông: Tức là giữa cảnh hỗn loạn này lại có khoảng vài trăm người vây kín một cái gì đó. Chúng tôi cũng chen vào xem nhưng không tài nào chen được, cũng không tài nào nhìn qua hàng trăm cái đầu xem giữa cái vòng tròn này là cái gì. Bất chợt, Sushil cầm tay tôi kéo đi rồi hét: “Chạy”. Tôi quay lại nhìn thì thấy ở giữa vòng tròn đầy một sadhu mặt mũi hết sức tức giận đang nhảy lên làm gì đó. Bị bất ngờ, đám đông cũng bắt đầu chạy, chạy từ trong chạy ra, xô đẩy, giẫm đạp lên nhau, không khác gì vỡ đám. Tôi chạy đến nơi an toàn rồi mà vẫn còn run. Chỉ cần chạy chậm một tí nữa thì có khi tôi đã bị đám đông đẩy xô ngã, giẫm lên mà chết rồi.

Mục tiêu chính của tôi ở đây là tìm hiểu xem mọi người buôn bán cần sa như thế nào. Tôi hỏi Sushil:

“Cần sa ở đâu anh?”.

“Ở đây này”. Anh chỉ sang hai bên đường, nơi mà la liệt cả sadhu, cả người thường ngồi với vài điều thuốc lá đặt trước mặt. “Không có em cứ gặp sadhu nào mắt đỏ au mà hỏi. Nếu họ không bán cần

sa thì thế nào cũng chỉ được chỗ cho em mua”.

Trời ạ, nhiều đến mức tôi cứ nghĩ họ bán thuốc lá thường. Cần sa ở đây rẻ bèo, chỉ khoảng 20Rs (khoảng 4000 VND) một điếu. Người bán ở đây rất nhiệt tình, họ sẵn sàng để bạn hút thử trước khi mua.

“Em uống thandai chưa?”.

“Thandai là gì ạ?”.

“Là một loại đồ uống làm từ sữa, hạt hạnh nhân, cần sa với đủ loại gia vị khác. Thandai không thể thiếu trong ngày lễ Maha Shivaratri”.

Chúng tôi tìm mua được thandai từ một sadhu đang ngồi xồm bên bờ sông. Ông không mặc gì ngoài một tấm vải cuốn quanh hông. Khắp người bôi kín tro màu nâu trắng, trán và bụng sơn vàng, tóc dài cuốn thành búi trên đầu kiểu tóhàn Shiva. Đồ uống có vị rất kỳ cục, vừa có sữa, lại vừa cay cay như thể người ta cho hạt tiêu vào. Tôi uống không nổi.

“Nhà nước phân phát cần sa thật hả anh?”.

“Thật. Họ phát để cúng thôi, vì cần sa là món yêu thích nhất của thần Shiva mà. Còn việc buôn bán thì anh không rõ, hình như bị cấm đó”.

Khi về đến nhà, tôi có lên mạng tìm hiểu thì thấy đúng là có tin chính quyền Nepal cử cảnh sát đi dẹp người buôn bán cần sa, nhưng từ những gì tôi thấy ở đền Pashupatinath thì không biết là cảnh sát không muốn hay không thể dẹp được. Việc Ấn Độ và Nepal được coi là thiên đường cần sa với dân du hành xuyên lục địa là một điều hiển nhiên như thể Italy là thiên đường pizza vậy. Cần sa ở đây rẻ, nhiều, dễ tìm, tuy nhiên chất lượng thì tùy chỗ. Bất cứ người lái xe richshaw hay bán hàng rong nào cũng có thể là cò mồi dẫn bạn đến chỗ người bán. Cảnh sát ở đây lại rất dễ “mua”, chẳng may có bị phát hiện thì chỉ cần dứt lốt cho họ ít tiền là được.

Lúc chen lấn trong đám đông để đi lên đồi xem nghi lễ dưới dòng sông, bỗng nhiên tôi thấy bàn tay nào đó sờ soạng vào mông mình. Tôi túm lấy bàn tay, rồi quay lại tát thẳng vào mặt chủ nhân của bàn tay đó, hét toáng lên: “Đồ đêu cáng”. Lúc đấy tôi chỉ muốn hét lên thật to để hấn thấy xấu hổ, lần sau hét dám sàm sỡ đàn bà con gái. Lúc đã nguôi giận rồi, tôi mới chợt nhận ra mình đã thay đổi thế nào. Mới cách đây vài năm thôi, tôi còn hiền như cục đất. Nếu như tôi có bị người ta sàm sỡ thì cũng chỉ dám nhìn người ta căm giận thôi chứ không dám làm gì vì xấu hổ. Bây giờ thì hoàn toàn ngược lại. Hề ai làm gì tôi là tôi làm cho tung tóe lên ngay. Ở Ấn Độ và Nepal thì đàn bà con gái lại hay bị sàm sỡ. Có lẽ đây cũng là một lý do mà ra đường ít thấy phụ nữ.

Ở đây được đến tối, khi tiệc tùng ăn chơi nhảy múa mới bắt đầu, thì chúng tôi quyết định ra về vì mệt quá không chen nổi nữa. Khi ra về qua linga trước đền của thần Shiva, chúng tôi thấy người dân đang vây kín cầu nguyện. Cứ ba tiếng một lần, linga này lại được tắm với năm vật hiến tế linh thiêng từ con bò: sữa, bơ lọc, sữa chua, nước tiểu và phân bò. Nước tiểu và phân bò được coi là vật linh thiêng, thảo nào Nepal bán vậy. Sau đó, năm loại đồ ăn bất tử sẽ được cúng phía trước bao gồm: sữa, bơ lọc, sữa chua, mật ong và đường. Cần sa cũng được mang ra cúng. Sushil tranh thủ mua thêm mấy điếu về cho bố mẹ ở nhà. Đạo Hindu quả thực là một tôn giáo vô cùng thú vị.

55. Cậu bé Phật của Nepal

Asher là một người không bình thường, theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Nói thế để cho mọi người thấy Asher không bình thường thế nào, chứ tôi cũng chẳng biết nghĩa bóng của “không bình thường” là gì. Anh là người Mỹ gốc Do Thái. Đang học dở đại học, bỏ sang Nepal vừa học tính chuyện làm kinh doanh. Nhưng sau sáu tháng ở đây, anh đã bỏ học. Không được ở trong ký túc xá nữa, anh ở một khách sạn gần đây. Sau một thời gian tìm kiếm, anh được người quen giới thiệu cho một ngôi nhà ở gần Monkey Temple (đây là tên nhiều người gọi Swayambhunath vì ở đây có rất nhiều khỉ. Nhưng tôi được biết người địa phương, nhất là những người sùng đạo, rất ghét tên gọi này). Hôm tôi đi cùng Asher đến thăm nhà, tôi thích mê luôn. Thế là tôi quyết định chuyển đến ở ngôi nhà này.

Quả thực, gọi là ngôi nhà có lẽ khiêm tốn quá, mà phải gọi là biệt thự thì đúng hơn. Nhà gồm ba tầng. Tầng trệt là phòng khách rộng mênh mông với hai bộ salon: bộ to đặt giữa làm phòng khách chính mà chúng tôi ít ngồi vì rộng quá, bộ nhỏ đặt ở phía hơi nhô lên của căn phòng. Khu nấu ăn cũng rộng rãi không kém với bàn nấu ăn kéo dài suốt ba mặt tường, trang bị đầy đủ bếp ga, lò nướng, lò vi sóng cho Asher tha hồ trở tài nấu ăn. Tầng trệt có một căn phòng được chúng tôi bố trí thành phòng chiếu phim với máy chiếu chiếu thẳng lên tường, bộ loa năm chiếc và một bộ ghế salon cực kỳ êm ái. Tầng trên là hai phòng ngủ cho tôi và Asher. Cạnh đó là phòng chơi poker. Tầng trên cùng chúng tôi dọn dẹp hết đồ đạc ra ngoài, bạn bè quyên góp một bộ loa xịn và lắp đèn xoay vào làm thành sàn nhảy. Bên ngoài là ban công rộng phải đến năm mươi mét vuông, chúng tôi kê bàn ghế làm chỗ uống cà phê và thỉnh thoảng đốt lửa trại. Có cầu thang cuốn đi lên mái nhà, nhưng chúng tôi chẳng bao giờ sử dụng đến vì ban công đã quá rộng rồi. Nhà rộng rãi nên chúng tôi hay host CouchSurfer. Một người trong số đó là Frank. Frank là người Mỹ gốc Đài Loan. Cậu bằng tuổi tôi, đang học đại học Yale, khoa tâm lý học. Cậu là bậc thầy của việc áp dụng những gì mình học vào điều khiển tâm lý người khác. Một lần, cậu về nhà với một đôi giày mới cóng và khoe rằng mua được với giá rẻ bất ngờ. Tôi không nhớ chính xác là bao nhiêu, chỉ nhớ là rẻ chỉ bằng một nửa giá chúng tôi biết

“Bí quyết để mua đồ giá rẻ là để người bán hàng đầu tư về mặt thời gian và tình cảm vào mình. Mình càng thử đồ lâu, càng hỏi người bán hàng nhiều về sản phẩm thì càng khiến cho họ muốn bán cho mình vì họ đã đầu tư quá nhiều công sức vào mình rồi. Đến một mức nào đó, họ sẵn sàng bán cho mình giá cực kỳ rẻ. Ví dụ đôi này, họ bán cho tớ giá chỉ bằng 1/3 giá họ nói ban đầu và tớ chắc chắn rằng họ chịu lỗ để bán”.

“Ấy nói thế nào chứ lỗ thì sao họ bán?”.

“Sao không bán? Nếu họ giữ đôi giày đó lại thì biết bao giờ mới có khách thích nó? Nếu họ bán ngay, chịu lỗ một tí nhưng vẫn là có tiền. Họ có thể ngay lập tức về nhà mua thịt cho vợ, mua kẹo cho con. Mình phải biết họ muốn gì để đánh vào đó”.

Tôi và Asher không thích kiểu cò kè mặc cả như vậy lắm. Với mình, vài đô có lẽ chẳng đáng là bao, nhưng với những người bán hàng ở đây, đó có thể là tiền ăn mấy ngày của cả gia đình họ. tuy vậy, chúng tôi cũng không nói gì. Cách sống của người ta thế nào thì mặc kệ người ta thôi.

Lúc bấy giờ, qua một người bạn tên là Max, tôi được biết anh chuẩn bị theo thầy của mình đi gặp cậu bé Phật của Nepal. Bằng tuổi tôi, cậu bé này từng nổi tiếng đình đám trước giới truyền thông quốc tế khi cậu có thể ngồi thiền hàng tháng trời trong rừng mà không cần ăn uống gì. Cậu bắt đầu ngồi thiền từ tháng 5 năm 2005. Cậu nói rằng cứ đà này khoảng chục năm nữa cậu sẽ đắc đạo. Vì con đường cậu chọn rất giống Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngày xưa nên mọi người bắt đầu gọi cậu là cậu bé Phật. Tìm gặp cậu bé Phật rất khó, bởi cậu toàn ngồi thiền sâu trong rừng. Cứ mỗi khi bị người khác phát hiện ra chỗ cậu thiền, cậu lại tìm chỗ khác, bởi có quá nhiều người muốn đến gặp cậu để xin ban phép lành nên cậu không yên tĩnh để thiền được. Chỉ có lần này cậu mới ra mặt để tổ chức buổi lễ cầu

nguyện cho hòa bình thế giới. Những người có tâm từ khắp nơi trên thế giới đều được mời đến tham gia. Tò mò, tôi cũng xin đi theo. Frank cũng không bỏ lỡ cơ hội, lùi ngày chuyến bay của mình để được tận mắt nhìn thấy cậu bé Phật.

Max đi cùng các thầy tu người Nhật nên tôi và Frank phải tự bắt xe đi. Anh cho tôi tên một cái làng ở đâu đó phía nam Nepal. Tôi bị mất cuốn sổ tay ghi chép lại mọi chuyện trên đường nên tôi chẳng nhớ chính xác địa điểm đây là gì hay ở đâu. Tôi chỉ nhớ rằng khi đây tôi và Frank cảm thấy nó gần như là phép màu khi chúng tôi tìm được đúng đến cái làng đấy. Chúng tôi phải hỏi không biết bao nhiêu là người, bắt ba cái xe khách, đi hai ngày mới tới nơi. Đến làng rồi mà chúng tôi vẫn không biết đây có phải đúng địa điểm hay không. Làng nhỏ xíu, tro tro chỉ vài túp lều tranh ở mặt đường với mấy cửa hàng bán lơ thơ ít bánh quy, ít rau, ít dal bhat. Dal bhat là đồ ăn truyền thống của người Nepal, truyền thống đến mức ngày nào họ cũng ăn ba bữa món này không biết chán. Nó gồm dal: súp đỗ và bhat: cơm, đi kèm một ít rau hay một ít thịt. Trông không khí trong làng chẳng có vẻ gì là sắp có buổi gặp mặt cầu nguyện cho hàng ngàn người cả. Người dân nơi đây không nói ai được tiếng Anh. Chúng tôi nói “Buddha boy” cũng không ai biết. Cũng may, tôi nhớ là khi trên xe bus nói chuyện với mấy người địa phương, tôi biết được ở đây họ gọi cậu bé Phật là “Ram Bomjon”. Nghe đến cụm từ này, người dân làng mắt sáng lên, gật gù: “Yes, yes” (Yes có lẽ là từ tiếng Anh duy nhất mà họ biết). Họ chỉ cho chúng tôi đi lên một xe bus. Xe thả chúng tôi đến một con sông đã khô chỉ còn tro cát với đá cuội. Bạn phụ xe chỉ đường cho chúng tôi đi xuống lòng sông, rồi quay đầu xe trở lại.

Thời tiết miền Nam khác hẳn thời tiết ở Kathmandu. Trời nắng và nóng. Chúng tôi cởi áo khoác ra vắt lên vai, vừa đi vừa lau mồ hôi, mắt nhắm lại vì nắng. Chúng tôi nhận ra rằng càng đi, chúng càng tiến sâu vào trong rừng. Hai bên bờ sông cây cao, cây thấp, cây thân mềm đan kín đặc vào nhau. Ở dưới lòng sông cỏ mỗi lúc một dày, cứ vài mét lại có một bụi cây rậm rạp. Tôi nhặt cho mình một cái que dài để chẳng may có gặp rắn. Đi khoảng mười lăm phút mà vẫn chưa gặp ai, Frank và tôi đang bắt đầu thắc mắc không biết có bị bạn phụ xe chỉ đường nhầm không thì bất chợt một chiếc xe Jeep từ đâu tiến tới. Chúng tôi đưa tay ra vẫy rồi rít. Mừng nhất là bạn lái xe nói tiếng Anh trơn tru. Bạn bảo là chỗ cầu nguyện ở trong rừng, cách đây khoảng ba cây. Bạn cho chúng tôi đi nhờ đến tận cái cổng chẳng đầy vài màu sắc rực rỡ, trang trí họa tiết Phật giáo phương Đông, chỉ chút chữ Nepal. Đi qua cổng, chúng tôi đã thấy người người cắm trại la liệt. Có người chẳng cần chăn chiếu gì ngủ ngay dưới đất. Họ chắc là đã đến đây từ mấy hôm trước mong được diện kiến cậu bé Phật.

Những bảng hiệu với khuôn mặt cậu bé Phật cắm hai bên đường chỉ lối đi vào khu bên trong. Một ảnh cậu đang đốt nến với dòng chữ: “Nếu cả thế giới chấp nhận sự thật, ta có thể thấp cây nên hòa bình”. Một ảnh cậu ngồi thiền lại có dòng chữ: “Vì không từ bỏ ham muốn, con người chỉ khổ suốt đời”. Những câu đại loại như thế bạn có thể bắt gặp trong giáo lý của hầu hết các tôn giáo.

Khu bên trong bao gồm mấy ngôi nhà tranh, rõ ràng mới được dựng để phục vụ riêng cho dịp này. Trong này đông nghịt người: các sư thầy, ni cô đến từ đủ các nước, người hành hương Ấn Độ, Nepal; đoàn phóng viên quốc tế; quân đội đến để đảm bảo an ninh trật tự. Một bức ảnh cậu bé Phật ngồi thiền cao phải đến hai mét dựng trước hiên, phía trước đây là một anh chàng da trắng tóc vàng đang cúi đầu chuẩn bị được xuống tóc. Tôi gặp lại Max thì phát hiện ra khuôn mặt anh đã bắt đầu có vẻ mơ màng của những người thiền nhiều quá. Gặp tôi anh cũng chẳng cười nói như mọi khi mà chỉ gật đầu chào, trả lời xã giao vài câu rồi quay trở lại với những thầy tu Nhật Bản của mình. Tôi gặp một cô người Mỹ gốc Á. Cô bảo đi cùng cô lần này cũng có khá nhiều tín đồ của cậu bé Phật từ Mỹ sang. Nói chuyện một hồi, tôi phát hiện ra cô là người gốc Việt.

Số chúng tôi quả thực rất rất may. Đến muộn một tiếng nữa là có khi chúng tôi không được gặp cậu bé Phật rồi. Vừa đến nơi được một lúc, chúng tôi thấy mọi người rục rịch xếp hàng vào rừng. Chúng tôi được nhắc nhở phải đi vào hàng lối cẩn thận, bởi cách đây không lâu người ta phát hiện ra

dầu chân hổ ở gần nơi cậu bé Phật ngồi thiền.

Từ cách chỗ cậu ngồi thiền cả cây số, chúng tôi đã phải bỏ dép ra đi chân đất để giữ “cho chỗ ngài thiền trong sạch”.

Đường đi không biết đã được ai dọn thành một con đường mòn nho nhỏ khoảng vài chục phân. Cách một đoạn lại có một sư thầy cầm trầm hương khói nghi ngút không ai được phép nói chuyện, không ai được phép chỉ trỏ. Không gian im lặng như tờ, chỉ có tiếng là kêu sột soạt, tiếng đọc kinh lầm rầm. Thấy mọi người nghiêm trang quá, tự nhiên tôi cũng thấy hồi hộp. Tôi nhớ như in mình cũng nín thở khi lần đầu tiên nhìn thấy tán cây bồ đề, khi ai đó phía trước tôi run run thì thầm: “Tán cây Ngài ngồi đấy”. Cây to, cao phải ba, bốn chục mét, rộng cũng phải chục mét, hàng trăm rễ cây to như bắp chân đánh đu từ tua tua các nhánh cây xuống cắm sâu vào trong đất. Cậu bé Phật ngồi khoanh chân trên một bệ hoa sen xây bằng bê tông. Nhìn cậu giống hệt như những bức ảnh tôi tìm thấy trên mạng: cậu mặc áo chùng nâu, vắt chéo hờ một vai như thầy tu, tóc dài hơi xoắn che khuất một nửa khuôn mặt, mắt đen láy, sáng rực, râu lấm tấm ở cằm. Hai mươi tuổi bề gãy sừng châu, cậu nhìn có vẻ khá cơ bắp cho một người ch thiền mấy năm liền không làm gì. Xung quanh cậu đứng một vài thầy tu áo choàng nâu đỏ, một vài người đàn ông mặc áo vest trịnh trọng.

Những người hành hương ngồi thành từng hàng phía trước. Mọi người được ra lệnh vái cậu bé ba vái. Cả buổi chỉ có một thầy tu tuổi đã trung niên đứng lên cầm mic nói; còn cậu bé Phật chỉ ngồi yên đưa ánh mắt lơ đãng ra nhìn khắp lượt. Anh chàng vừa nãy xuống tóc bây giờ lên để cậu bé Phật ban phước lành. Mọi người cũng nối đuôi nhau mang vật phẩm lên để cúng tặng. Cuối buổi, mọi người được xếp hàng lên để cậu bé Phật ban phước lành. Bình thường, mọi người sẽ cúi đầu để cậu chạm tay lên. Đến lượt tôi, vì tò mò muốn nhìn rõ khuôn mặt cậu mà tôi quên không cúi. Chỉ đến lúc nhìn khuôn mặt lúng túng không biết làm thế nào của cậu tôi mới chợt nhận ra cúi đầu xuống.

Có một số người nói cậu bé Phật thực ra chỉ là chiêu bài PR để lừa gạt những người cả tin, có một người thì nói cậu bé Phật là Phật sống thật. Tôi là dân ngoại đạo không dám bình phẩm gì nhiều, chỉ hơi thất vọng là không được nghe cậu bé Phật nói một câu để xem cậu ăn nói như thế nào. Tất cả ý nghĩ của cậu đều được truyền đến đám đông thông qua vị thầy tuổi trung niên kia, nên những kẻ đa nghi cũng có thể dựa vào đó mà đưa ra nhiều suy đoán. Khi tôi đi về, mọi người hỏi tôi cậu bé Phật thế nào, tôi chỉ biết trả lời rằng:

“Cũng dễ thương lắm”.

Có lẽ cũng vì báng bổ mà tôi bị trời phạt. Vừa về đến Kathmandu, sang đường cái là tôi bị một cái xe máy đi với tốc độ gần 100km/h đâm thẳng vào chân, gãy luôn cả ống đồng.

56. Burning Snails

Chuyến đến nhà mới được khoảng một tuần thì chúng tôi có người đến ở cùng, đó là Jihad, bạn học cùng trường của Asher. Tôi chẳng biết tình hình chiến sự ở Trung Đông thế nào chứ ở đây, Asher người Do Thái và Jihad người Palestine vẫn thân thiết với nhau lắm. Jihad thì không qua nên bị đuổi học nghỉ học trước khi bị đuổi. Lý do thì cũng như nhau.

“Trường quảng cáo rất hoành tráng trên mạng nhưng mà hoạt động cứ như băng đảng mafia. Quảng cáo thì giáo trình tiếng Anh nhưng dạy thì toàn bằng tiếng Nepal, nghe còn chả hiểu thì thi thế quái nào được. Kêu lên trường thì bị dọa đuổi học. Muốn nghỉ học thì họ không chịu trả lệ phí. Tao phải dọa là đưa lên báo thì mới lấy lại được tiền”. Asher kể về trường.

Không quen biết ai, Jihad sang ở cùng chúng tôi. Jihad da hơi nâu, tóc đen hơi xoăn, mắt đen lông mày rậm. Râu cậu để dài chắc cũng rậm nhưng cậu rất hay cạo, chỉ để lại vệt đen lấm tấm quanh mặt và dưới cằm. Cậu cao hơn một mét tám và rất hay nổi quạu khi tôi gọi cậu là bé, bởi cậu thua tôi một tuổi. Nói chung nhìn kỹ cậu cũng đẹp trai, phải tội rất sợ con gái. Có một chuyện mà đến giờ chúng tôi vẫn còn trêu cậu. Asher là đứa thích tic tưng, nên cuối tuần nào cũng tổ chức tiệc rồi đưa thông tin lên CouchSurfing, mở cho tất cả mọi người tham gia. Nói chung chỉ cần bật nhạc lên, rồi ai đến thì tự mang đồ uống cho mình đến. Ngoài một số bạn bè của chúng tôi ở đây ra thì người đến đa số là người nước ngoài sinh sống và làm việc ở đây, hoặc là khách du lịch ghé qua. Nhà chúng tôi rộng nên nhảy nhót hát hò thoải mái, nhiều khi mọi người tiệc tưng qua đêm. Thỉnh thoảng tôi ngủ dậy xuống nhà thấy người lạ nằm la liệt. Một lần, chúng tôi đang nói chuyện vui vẻ thì cậu đến, mặt hầm hầm hầm hầm.

“Bọn con gái ở đây hư hỏng quá”.

“Hả? Bé nói vậy là sao?”. Tôi giật mình hỏi.

“Bọn con gái phương Tây thật là hư hỏng. Cái chị kia kia,” Jihad chỉ tay vào một bạn tóc vàng, chân dài, rất xinh “đang nói chuyện tự nhiên cầm tay em”.

Ôi trời ạ, đúng là con trai Hồi giáo không quen bị con gái tấn công. Mới có vậy thôi mà cậu đã dùng dùng bỏ đi như phải bồng.

Trong số đám bạn chúng tôi ở đây còn có Anders, mà cả tôi và Asher đều công nhận là anh cũng không bình thường. Anh xuất khẩu phần mềm, khách hàng của anh chủ yếu là ở Đan. Thu nhập Châu Âu mà tiêu tiền Nepal nên cuộc sống của anh đáng lẽ cũng thoải mái. Nói “đáng lẽ” vì từng học lập trình nên tôi biết viết code căng thẳng như thế nào. Lúc bình thường còn đỡ, nhưng code thì kiểu gì cũng có lỗi. Lúc nào phải đọc lại cả ngàn dòng code dòng nào cũng giống dòng nào chỉ để tìm ra một dấu chấm, dấu phẩy sai thì dễ phát điên lắm. Kathmandu lại chẳng phải thành phố sôi động gì cho cam. Ngoài ra Thamel uống bia ở mấy quán quen ra thì ở đây chẳng còn việc gì làm. Anh ngày ngày chỉ biết ngồi cắm đầu vào máy tính, có ngày làm việc đến mười sáu tiếng. Đầu óc lúc nào cũng căng như dây đàn, tóc tai bù xù, người ngòm yếu xìu. Nghe chúng tôi khuyên, anh sáng sáng dậy sớm để chạy. Nhưng anh không chạy như người ta. Sợ bị tai nạn, anh phải mua cái áo vàng chói mà cảnh sát giao thông hay mặc khi làm việc ngoài đường để chắc ăn rằng xe cộ nào cũng nhìn thấy anh mà tránh ra.

Tuy có vẻ hơi cực đoan, anh lại là người cực kỳ tốt bụng. Bằng chứng là anh cho Karlis ở nhờ nhà anh hàng tháng trời. Karlis cũng là một anh chàng quái (thật ra nhìn đi nhìn lại, tôi chẳng thấy bạn bè nào của tôi là bình thường cả). Anh là người Latvia, một quốc gia nhỏ xíu với chỉ hai triệu dân ở Bắc u. Học múa từ nhỏ, anh từng là một vũ công khá có tiếng ở Latvia cho đến khi anh quyết định từ bỏ tất cả để chọn cuộc sống nay đây mai đó. Anh lặn lội qua mấy nước Châu Âu, qua Ấn Độ và giờ ở Nepal, chơi poker để kiếm sống. Tôi đã nghĩ là mình hoang dã, nhưng anh mới thực sự hoang dại. Anh sẵn lòng hát tung mọi thứ nhảy lên bàn nhảy tung tung, hay cởi trần mặc quần đùi phóng xe máy tốc độ

tôi đa ngoài đường. Anh lại cực kỳ mê gái. Kiểu lẳng nhăng của anh lại không có chọn lọc. Vốn là vũ công, anh bị ám ảnh rằng con gái phải có bụng phẳng và cứ bạn gái nào có bụng phẳng là anh mê. Anh khá đẹp trai, tóc vàng, mắt xanh, người cũng rất đẹp nên cũng nhiều cô chết. Mặc dù khá là dễ thương, anh là đứa hay bị chửi nhất trong nhóm. Vì hoang dại, anh hay có hành động nông nổi mà không để ý đến người xung quanh. Ví dụ, có lần sang nhà chúng tôi chơi, sáu giờ sáng anh còn bật loa to hết cỡ hát karaoke khiến cho hàng xóm mắng cho chúng tôi một trận. Rồi gặp bạn gái nào bụng phẳng là anh cũng cưa cẩm, không thèm để ý người ta có bạn trai hay có chồng chưa, nên mấy lần tôi điên tiết quạu cho một trận. Nhưng ngoài những lúc như thế ra, tôi vẫn rất quý Karlis.

Lúc bảy giờ, chân cẳng của tôi đã đỡ rồi. Trời đã ấm lên nên tôi cũng không còn ho ra máu. Người khỏe lên một tí là tôi bắt đầu thấy cuồng chân.

“Lúc tao mới gặp mày, sáng sáng mày còn dậy lúc năm giờ đi tập kickboxing. Giờ thì ngày nào mày cũng ngồi ở nhà dùng máy tính bảo sy không chán”. Asher mắng tôi.

“Tao muốn đi xe máy vòng quanh Nepal mày ạ”.

“Chân cẳng thế kia thì đi thế nào?”.

Tôi chợt nhớ đến Karlis, liền rủ Karlis đi cùng làm xe ôm cho tôi. Trong đám bạn của tôi ở đây, có mỗi Karlis là biết đi xe máy. Và cũng chỉ anh mới điên rồ đến mức lái xe vòng quanh một đất nước mà tỷ lệ tử vong trên đường cao nhất nhì thế giới này (chỉ cạnh tranh với Việt Nam mình). Asher cũng muốn đi lắm, nhưng lại có hẹn đi chơi đâu đó với bạn gái. Khi chúng tôi đang bàn chuyện thì mấy bạn CouchSurfer đang ở nhờ nhà chúng tôi cũng nhao nhao lên:

“Cho bọn tớ đi với”.

Lúc bảy giờ, tôi và Asher đang host ba người: một cặp người Pháp và một anh chàng người Úc. Paxton là người Úc nhưng bố mẹ gốc Singapore nên anh nhìn giống người châu Á. Anh hạ cánh xuống Kathmandu lúc hai giờ sáng, tự mày mò đi taxi đến nhà chúng tôi (không phải dễ tìm gì cho cam bởi ở Nepal toàn nhà không số, phố không tên), rồi gọi điện cho Asher đưa lên nhà mà không báo cho tôi biết. Sáng tôi dậy, mắt nhắm mắt mở xuống nhà thấy một anh chàng tóc đen nằm với một tư thế vô cùng quái đản trên sàn, tôi hết hồn cứ tưởng anh chàng Nepal nào nửa đêm mò vào nhà tôi ăn trộm rồi ngủ quên mất. Anh đang trong tour đi vòng quanh thế giới với round the world ticket. Round the world ticket là một dạng vé máy bay cho phép bạn đi vòng quanh thế giới trong khoảng thời gian giới hạn từ mấy tháng đến tối đa là mười tám tháng, tùy hãng máy bay. Các chặng dừng là cố định, nhưng ngày cụ thể đến và đi ở từng chặng là có thể thay đổi được. Round the world ticket thường rẻ hơn rất nhiều so với mua từng vé nhỏ lẻ. Tuy nhiên, mua vé này cũng tùy bạn mua ở đâu. Trước tôi có xem thử thì mua vé từ Hàn Quốc sẽ rẻ hơn hẳn mua từ Việt Nam. Vé Paxton mua nếu tôi nhớ không nhầm chỉ là 4000 USD và cho phép anh đi được 17 nước. Anh đến Nepal, máu me đi xe máy quá, anh đổi lại ngày rời Nepal để đi cùng chúng tôi.

Cuộc đầu tiên của chúng tôi với anh chàng người Pháp diễn ra như sau.

“Anh tên là gì

“Ê-Ti-En”.

“Hả, ATN á?”.

Thế là từ đó chúng tôi gọi Etienne là ATN. Mọi quan hệ giữa ATN và Emilie khá phức tạp. ATN cũng đang đi một chuyến đi dài ngày, vòng quanh thế giới hay không thì cũng không rõ. Anh đi qua Thổ Nhĩ Kỳ và gặp Emilie ở đó. Vì rất quý ATN, Emilie sang Nepal để du lịch cùng anh. Nhưng hai người không phải là bạn trai bạn gái, vì ATN đã có bạn gái đang chờ mình ở Ý. Nói chung, ngoại trừ thỉnh thoảng hai người có căng thẳng ra, phần lớn thời gian chúng tôi chơi với hai người khá là thoải mái.

“Bọn mày có ai lái xe được không?”. Karlis hỏi.

“Không. Nhưng học được không?”.

“Được. Trước tao dạy cho mấy đứa ở Latvia cũng chỉ một ngày là bọn nó phóng xe vù vù ngoài đường”.

Thế là mọi người hẹn ngày mai thuê xe rồi tập luôn. Emilie kêu ATN chở nhưng anh không chắc chắn về tay lái của mình vì chưa đi bao giờ nên chị cũng thuê xe tự đi. Emilie khỏe như con trai vậy, lại có một phong cách mạnh mẽ đến mức nhiều khi con trai cũng phải ngả mũ bái phục. Xe máy ở Nepal to, cao và rất nặng. Tôi nghĩ nếu chân tôi có khỏe hẳn rồi thì tôi cũng không đi được. Thứ nhất, tôi quá lùn không chống được chân. Thứ hai, xe có đổ thì tôi sẽ bị đè ngay lập tức chứ không đủ khỏe để đỡ nó lên. Nhưng Emilie thì chẳng ngại gì. Tôi phục chị lắm.

57. Tai nạn đầu tiên

Lần đầu tiên ngồi sau tay lái của Kralis, tôi đã nghĩ rằng đây là sai lầm lớn nhất của đời mình. Anh phóng xe nhanh hơn bất cứ xe nào gã trên đường. Hai xe tải đang đi sát cạnh nhau anh cũng sẵn sàng lạng lách phóng vượt lên trên. Dừng xe anh không chịu dừng xe như người ta, mà mỗi khi chuẩn bị dừng, anh quay đầu xe, bóp phanh trước để bánh sau trượt một đường dài như mình hay xem trong phim hành động. Xuống xe, anh bảo tôi:

“Chip à, em có thể không lái xe giỏi, nhưng em là một hành khách giỏi đấy. Anh rất ghét bọn ngồi sau mà cứ luôn miệng bảo mình phải đi xe thể này thể kia như thể mình là người cầm lái vậy”.

“Trời, em sợ quá cứng lưỡi lại không nói được đấy”.

Emilies, ATN và Paxton mặt trắng bệch sau buổi tập đầu tiên. Paxton uống nước mà tay run run. Emilies thì đi khắp khiễng vì bị xe đổ vào chân. ATN vừa vo thuốc vừa bình luận đầu đầu:

“Đường xá ở Nepal thật là dã man. Mọi khi đi bộ đã thấy ghê, giờ cầm lái còn thấy ghê hơn nữa”.

Tôi nhìn Karlis lo lắng:

“Nhìn mọi người thăm hại thế này liệu có đi được không hả Kralis?”.

“Tụi này đi trong sân thì tốt rồi, chỉ có ra đường thấy xe nhiều nên mọi người hơi choáng thôi”.

“Đi trong sân cũng đã ngã rồi”.

“Buổi đầu tiên ai mà chẳng thế”.

Tôi biết Kralis chỉ làm ra vẻ cứng rắn thế thôi chứ thực ra trong lòng anh cũng như lửa đốt. Mọi người cũng xin một đêm để suy nghĩ xem có dám liều mình đi chuyến này hay không. Tôi cũng phải xem lại xem mình có thể tin tưởng giao mạng sống mình vào tay tái lụ Kralis hay không.

“Anh có tin vào tay lái của mình không?”. Tôi hỏi.

“Có”.

“Vậy thì em cũng tin vào tay lái của anh. Em sẽ không bắt anh chịu trách nhiệm nếu có tai nạn xảy ra, nhưng nếu hứng lên làm chuyện gì dại dột, em mong anh sẽ nghĩ đến chuyện còn một người khác ngồi sau xe anh. Một cô bé cực kỳ dễ thương mà lại chưa chồng. Em không muốn chết khi chưa lấy chồng đâu”.

Sáng hôm sau chúng tôi gặp nhau, tinh thần mọi người đã phấn chấn hơn hẳn.

“Đi chứ. Chẳng mấy khi có cơ hội đi như thế này”. Tất cả cười toe toét. “Tụi này quyết định sẽ kiếm mũ bảo hiểm thật xịn, bảo vệ từ răng đến tóc”.

Chúng tôi thuê bốn con xe Engine, ba cái lều, năm mũ bảo hiểm xịn, năm túi ngủ, năm kính râm chắn bụi, năm khăn quàng quanh miệng che bụi. Kralis tự bầu mình là trưởng nhóm, nên từ đó về sau anh được biết đến như là Dictator. Paxton vì rất ghét bị gọi là người Trung Quốc nên chúng tôi gọi anh là Chinaman. Emilies vì một lý do nhạy cảm bị gọi là Smallboob. ATN vì chất giọng đặc Pháp của mình nên bị gọi là Frenchie. Còn tôi vì khuôn mặt trẻ con và mỗi khi trúng tủ thì nói rất nhanh không ai hiểu được nên bị gọi là Lingling. Giống như tất cả mọi người trong nhóm, tôi cực kỳ ghét cái tên của mình. Đêm trước khi đi, chúng tôi đốt lửa trại trên mái nhà cho nó không khí. Kralis cao hứng lên liền lấy đà nhảy qua ngọn lửa cao gần mét rưỡi. Asher thấy bọn tôi rục rịch chuẩn bị thì thèm lấm, nhưng bạn gái nhất định không cho đi. Có bạn gái nó khổ thế đấy.

Ngày đầu tiên.

Roẹt... Ràmmmm

Paxton vừa ra khỏi ngõ đã đâm thẳng vào cột điện. Một nửa lòng bàn tay anh da trầy trụa, máu nhỏ từ ngón giữa tong tong. Anh lồm cồm bò dậy, mặt nhăn nhó, tay phải bụi ở quay vào bảo lữ chúng tôi đang dừng xe xung quanh.

“Không sao. Cho anh năm phút anh lấy lại tinh thần rồi đi tiếp”.

Asher chạy từ trong nhà mang theo một hộp giở đồ. Đồ đạc của chúng tôi có bỏ sung mới: bông băng và thuốc sát trùng.

“Em có linh cảm chẳng lành”. Tôi bảo Kralis.

“Nói linh tinh. Em bám chắc vào không bay đi bây giờ”. Kralis rú ga phóng đi. Càng ra khỏi Kathmandu đường càng xấu, càng tắc. Khói bụi mù mịt. Kralis hét lên:

“Lên đi. Trái, phải vượt hết. Phải máu lên. Đi chậm thì không biết bao giờ mới ra được khỏi đoạn này”.

Emilies tìm được một chỗ trống ở mép đường. Đá dăm trơn, đường dốc nên chân chị không chống được. “Xoẹt”, chị ngã sõng xoài, chị vẫn không chùn bước. ATN lúc lách giữa hai xe tải bị trượt bánh. Tôi với Kralis đi phía sau nhìn cảnh đấy mà hết hồn, nhưng may anh đứng dậy kịp trước khi bị xe tải phía sau cán qua. Ra khỏi cái đoạn nguy hiểm rồi, Kralis ra hiệu cho mọi người dừng lại bên đường để nghỉ.

“Mọi người thấy sao?”.

“Đường xá thật là kinh khủng”. ATN bảo.

“Nếu không bị ngã thì mình đã là đứa chạy nhanh nhất”. Emilie rất máu.

“Thấy mình cũng tài năng phết”. Paxton hỉ hả.

Người ta nói Kathmandu thật sự bắt đầu khi ra khỏi Thamel và Nepal. Bắt đầu từ đây, đường xá vắng hơn hẳn. Không khí trong lành. Đồi núi hai bên cũng trùng điệp nên thơ đến lạ. Đường èo ngoắt ngoéo không làm run tay Kralis. Anh rồ ga, phóng hết tốc độ vượt qua tất cả những xe tải, ô tô, xe máy gặp trên đường đi. Gió quất vào mặt rất cháy. Bụi bay vào mắt đỏ như. Thật lạ, đứng một chỗ thì lạnh, nhưng càng phóng nhanh da tôi càng trở với cái lạnh. Paxton và Emilies thay phiên nhau theo sát phía sau. ATN đi cuối cùng nhưng cũng không thua kém về độ vượt rào.

“112”. Kralis hỉ hả khoe. Ý anh là tốc độ tối đa anh đạt được trên quãng đường vừa rồi.

“108”. Emilies báo cáo.

“109”. Paxton.

“105”. ATN.

Tôi nghe mọi người đọc số mà ghen tị. Tôi thèm được lái xe quá. Thèm được tự mình rồ ga, thèm được tự mình bắt lái, thèm được tự mình điều khiển chiếc xe của chính mình. Tôi ghét cái chân của mình quá.

Chiều tối, chúng tôi dừng chân ở một thị trấn mưa gần chục lít nước, mấy gói mì tôm, mấy cái bánh mì, một hộp mứt quả để ăn tối và ăn sáng hôm sau. Khi hỏi mấy người ở đây về chỗ cắm trại, chúng tôi được chỉ lên một ngọn đồi cách đây hai chục cây số. Trời mỗi lúc một tối. Đường đèo khúc khuỷu quanh co. Trăng ban đầu lấp ló sau hàng cây, trăng lên cao bằng đỉnh núi, rồi trăng lại bị khuất vào trong đám mây. Chúng tôi leo mãi, leo mãi, cho đến khi Kralis phát hiện ra bãi cỏ phía sau một ngôi nhà năm gian. Cửa nhà đóng im thín thít, chúng tôi gọi mãi không thấy ai trả lời, nhìn xung quanh thấy không có vẻ như có hàng xóm quanh đây, chúng tôi yên trí chọn đây là nơi tá túc qua đêm. Chỗ này có bãi cỏ, có vòi nước ở ngoài, lại có đường đi vào bụi cây trong rừng để giải quyết nỗi buồn, thật là địa điểm cắm trại lý tưởng.

Chúng tôi dựng một chiếc xe ở ngoài, bật đèn lên để chờ Paxton đến rồi vào trong dọn chỗ cắm trại. Nhưng chúng tôi chờ năm phút, mười phút, rồi hai mươi phút vẫn không thấy Paxton đâu. Gọi điện cũng không thấy bắt máy.

“Hình như đèn của Paxton bị hỏng ATN cố gắng nhớ lại. “Lúc mình đi qua thấy anh chàng đứng lại sửa đèn nhưng rồi bảo mình cứ đi trước đi”.

“Bỏ mẹ”. Kralis la lên rồi nhảy lên xe. “Để anh quay lại xem sao”.

Chúng tôi ở lại chờ mà đứng ngồi không yên. Trong đầu ai cũng nghĩ đến đủ các trường hợp xấu

nhưng không ai dám nói ra. ATN lại lẳng lẳng lấy thuốc ra vo, rồi buông một câu lẳng xet.

“Lạnh nhỉ”.

Chờ khoảng nửa tiếng, chúng tôi mừng húm khi thấy Kralis và Paxton quay lại.

“Đèn hồng, phanh hồng, phải mồi mới lên được đến đây.”

“Xe thuê nó khổ thế đấy. Nghi ở đây đêm nay đã, mai tìm chỗ sửa”.

“Ở đây có rảnh không nhỉ?”.

“Không”.

“Sao biết”.

“Đoán vậy”.

ATN là dân đi bụi chuyên nghiệp. Anh có loại bếp ga nhỏ xíu với bình ga chỉ to bằng quả dứa. Chúng tôi cũng mang theo một cái xong, đổ vào ít nước lọc vừa mua để nấu mì. Phải tội năm người mà chỉ có một cái thìa và một cái đĩa, chúng tôi phải chuyền tay nhau ăn. Cứ mỗi lần thấy tiếng xe đi qua là chúng tôi tắt vội đèn pin, sợ bị người ta tưởng nhầm là ăn trộm. Ăn xong không có việc gì làm, chúng tôi ngồi nói chuyện nhảm nhí. Paxton kể cho chúng tôi chuyện anh ở Trung Quốc.

“Ồ, nếu mình nhìn giống người Trung Quốc mà không nói tiếng Trung, người ta không bao giờ nghĩ mình là người nước ngoài, mà họ chỉ cho rằng mình bị thiếu năng. Khi họ nói với mình mà mình không hiểu, họ không chuyển sang tiếng Anh đâu nhưng sẽ lặp lại y hệt nhưng thật chậm. Nếu như mình vẫn không hiểu nữa thì họ không cần mình hiểu luôn. Họ sẽ mặc định ngay rằng mình chỉ cần một trong hai thứ: ăn hoặc đi vệ sinh. Một lần anh đang vội ra sân bay, anh hỏi người ta sân bay ở đâu thì họ lại dẫn anh vào nhà vệ sinh. Anh cáu lên: “Tôi không cần nhà vệ sinh, tôi cần ra sân bay cơ”. Họ gật đầu ra vẻ hiểu, rồi lại dẫn anh vào nhà hàng”.

Trời mỗi lúc một lạnh. Gió mỗi lúc một to. Lều của ATN vừa dựng lên đã bị gió quạt cho lật ngửa, gãy luôn cả thanh chống. Không ai chịu ngủ cùng Kralis nên bốn chúng tôi phải ngủ chung một lều.

“Ai muốn vào đây ngủ phải đi rửa chân đấy nhé”. Paxton nhăn mũi khi ngửi mùi giày của chính mình. “Giày muốn bỏ vào trong lều thì phải được bọc túi nilon”.

Chúng tôi mỗi đứa chui vào một túi ngủ. Đất cứng, lều chật nhưng vì mệt nên tôi ngủ như chết. Sáng dậy tôi không thấy Paxton đâu. Ra ngoài tìm thì thấy anh đang gấp túi ngủ của mình ở ngoài hiên trường học.

“Đứa nào đêm ngủ xì hơi hôi quá”. Anh càu nhàu.

Chúng tôi ôm bụng cười tưởng chết.

Mặt trời lên chúng tôi mới nhận ra mình chọn vị trí cắm trại đẹp đến mức nào. Phía trước là bãi cỏ nằm chênh vênh ngay lưng chừng đồi, bên tay phải là những ruộng bậc thang trải dài như sóng vỗ, bên tay trái là cánh rừng với những hàng bạch dương rì rào trong gió.

“Thật không thể tin được có người lại đánh đổi cái này để lấy cuộc sống tù túng bụi bặm ở Kathmandu”. Kralis bảo.

58. Tai nạn thực sự

Chúng tôi nhìn thấy bản đồ mầy mò đường đến Bandipur, thành phố cổ nổi tiếng ở miền Trung nước này. Đường phố lát gạch rộng thênh thang chỉ dành cho người đi bộ. Hai bên đường là những ngôi nhà hai tầng xinh xinh tường lát gạch, mái lợp gỗ, cửa sổ cong cong, ban công đầy hoa. Thành phố du lịch nên đầy những khách sạn lịch lãm. Chúng tôi chọn cho mình một quán café hết sức dễ thương ở phía sau một khách sạn cũng hết sức dễ thương.

Quán mở ra một ngôi vườn, mở xuống ruộng bậc thang, mở ra cảnh đồi núi trùng điệp. Sau mấy ngày lặn lội trên đường, người đưa nào cũng phủ mấy centimet bụi. Chúng tôi tranh thủ vào nhà vệ sinh của khách sạn tắm cho sạch sẽ. Ngôi cao hứng, chúng tôi đặt tên cho nhóm là Burning Snails. Sân chạy nhanh đến mức tóa lửa.

Rồi chúng tôi lại lái xe đi. Đường cứ mở dần ra như thế một cuộn tranh phong cảnh đang lăn tròn trước mặt. Những gì mình biết lùi dần về sau còn những gì mình chưa biết mở dần ra trước mặt. Chúng tôi cứ lái xe mãi miết không biết chán. Càng đi, càng nghiệm.

Chúng tôi đến Pokhara khi trời tối. Pokhara là một trong những thành phố tôi rất rất muốn đến, bởi đây là thành phố tôi đọc trên mạng “được nhiều người đánh giá là nơi đẹp nhất trên thế giới” và được nhiều bạn bè tôi nhiệt tình giới thiệu. Pokhara có hồ rộng, có núi cao, có thác nước hùng vĩ, có rừng xanh miên man. Những ngày đẹp trời, bạn có thể nhìn thấy những đỉnh núi phủ tuyết trắng xóa trên nền trời xanh ngắt, hay lẫn trong những đám mây đỏ ửng của hoàng hôn. Được bao phủ bởi nhiều đỉnh núi cao của dãy Himalaya, thành phố này trở thành cửa ngõ để leo Annapura. Bạn có thể leo từ một tuần cho đến cả tháng tùy bạn lựa chọn.

Đã từng đến đây, Kralis biết rõ nơi này như lòng bàn tay. Chúng tôi tìm đường lên đỉnh Sarangkot cắm trại trên đây. Đường đất đỏ dốc, trơn, gập ghềnh. Tay lái lùa như Kralis mà cũng bị trượt bánh mấy lần. Emilie cứ đi một đoạn lại ngã, ai đó lại phải chạy đến đỡ xe chị lên rồi đi tiếp. Paxton và ATN cũng không khá khẩm gì hơn. Tôi nhảy xuống đi bộ cho lành. Trên đường đi, tôi gặp một bà cụ già ời là già, già đến mức tôi không đoán được tuổi. Do vất vả, người dân Nepal già rất nhanh nên cực kỳ khó đoán tuổi. Có những người nhìn như tá mươi ở mình nhưng thực ra mới chỉ khoảng năm mươi. Bà cụ đã nhăn nheo hết cả, lưng còng của cụ càng còng hơn khi cụ phải cúi rạp mình xuống để gánh củi. Thương cụ, tôi đề nghị giúp cụ, nhưng vừa nhắc bó củi lên tôi đã suýt vẹo xương sống. Trời ạ, hai mươi tuổi bẻ gãy sừng trâu như tôi còn thấy nặng vậy mà cụ già thế này rồi vẫn phải ngày ngày vác củi từ dưới núi vác lên. Tôi thương cụ vô cùng.

Chỗ cắm trại của chúng tôi là một mảnh đất bằng phẳng ngay trên đỉnh đồi. Muốn lên đây, chúng tôi phải đi qua nhà một người quen của Kralis. Tôi nghĩ nếu coi điểm cắm trại hôm trước là đẹp, thì điểm cắm trại này phải nói là hoàn hảo. Trên đỉnh đồi tự nhiên lại có một bãi đất bằng phẳng rộng thênh thang. Đi ra trước mặt khoảng chục bước lại là một vách đá thẳng đứng, sâu đến dựng tóc gáy. Bao phủ quanh thung lũng là những đỉnh núi cao nhất thế giới, thấp cũng trên 7.000m, cao nhất là 8.091 m, chỉ thua Everest vài trăm mét thôi. Buổi đêm, nằm trên bãi cỏ, ngửa mặt lên trời, bạn có thể thấy mặt trời đỏ rực như hòn lửa ngang tầm mắt. Cả một dãy núi phủ tuyết ánh lên long lanh dưới ánh nắng mặt trời. Những chiếc dù lượn bay qua bay lại như những chú đại bàng trong “Chúa tể của những chiếc nhẫn”. Chúng tôi ngồi khoanh chân trên đất, vừa uống trà vừa chết lặng đi ngắm cảnh. Hơi trà ấm ấm trong tay, hơi lạnh trên núi ran rát mặt, sương đọng trên cỏ thơm nức mũi. Uống trà trên đỉnh Himalaya, đời có mấy khi thú được như thế.

Ở lại đây mấy ngày, no đủ khí trời rồi, chúng tôi lại rong ruổi trên con ngựa sắt. Kỷ lục của Kralis đã lên đến 122km/h. Emilie và Paxton vẫn tranh nhau vị trí thứ hai. ATN vẫn ở vị trí cuối cùng.

“ATN đàn bà quá, chậm hơn cả Emilie.” Kralis chọc.

“Chả sao cả. Tao thấy chẳng có gì phải xấu hổ. Ở Nepal này, tao chỉ chậm hơn mỗi ba đứa bọn mày thôi chứ còn nhanh hơn tất cả những người Nepal khác”. ATN lại vo thuốc tỉnh bơ.

Chúng tôi đi hết đồi núi xuống đến đồng bằng. Đường đèo quanh co đã thay bằng đường to thẳng tắp. Rừng cây lá kim đã được thay bằng rừng nhiệt đới. Không khí lạnh lạnh miền núi đã thay bằng cái nắng cháy đồng bằng. Chúng tôi đang đến gần tiến đến rừng quốc gia Chitwan, nơi mà mới cách đây mấy tuần Asher đã lên vào viện bảo tàng ăn trộm một đầu lâu tê giác chỉ để đặt lên tàu dọa khách du lịch một phen hết vía.

Tôi nhảy lên xe đi cùng ATN. Say cảnh, chúng tôi đi mà chẳng để ý đến mấy người khác. Đến tầm trưa, chúng tôi mới phát hiện ra mình đã để lạc mất mọi người. Cuồng cuồng gọi điện cho Kralis thì nhận được tin sét đánh:

“Paxton bị tai nạn rồi”.

“Ở đâu? Để bọn em quay lại”.

“Không cần. Quay lại xa lắm. Tìm chỗ nào ngồi nghỉ đi. Giờ đang không nói chuyện được. Lát nữa gặp sẽ giải thích”.

“Để xem đã”.

Chúng tôi vào một quán ven đường nơi người ta bán đủ loại đồ ăn vặt địa phương: samosa (bánh rán khô hình tam giác nhân thịt hay nhân rau), momo (bánh bao nhỏ xíu), pakoda (bột trộn các loại rau rán lên thành từng búi). Chúng tôi gọi mỗi loại một ít nhưng chẳng có bụng dạ nào mà ăn. Chúng tôi nói chuyện phiếm để giết thời gian.

“Anh vừa nhận ra rằng mình không biết gì về bất kỳ ai trong nhóm: làm gì, gia đình như thế nào. Thế mà vẫn cảm thấy thân thiết như quen từ lâu lắm rồi”.

“Ừ, thế có khi lại hay. Em chỉ hỏi về những thông tin đấy khi hết chuyện để nói thôi. Đi nhiều, gặp nhiều người, có người chỉ nói chuyện một vài phút, hỏi mấy thông tin đấy làm gì cho mệt. Có nhớ được đâu”.

“Thế em hay nói về chuyện như thế nào?”

“Như thế này này, chia sẻ cách suy nghĩ nhiều hơn là khai thác thông tin”.

Sau hai tiếng dài như h kỷ, cuối cùng chúng tôi cũng thấy Emilies, Kralis và Paxton.

“Có gãy xương không?”.

“Không. Chỉ bị xây xước với vài vết cấn thôi. Chị đi xe đạp Paxton đâm vào may mà cũng không bị sao”. Kralis trả lời. Paxton mặt tái mét không nói được gì.

Ở trên núi thưa dân tìm chỗ cắm trại còn dễ, ở đồng bằng thì đi đâu cũng đụng người. Chúng tôi tìm vào làng, men theo con sông. Đi đến hết cánh đồng, chúng tôi tìm được một bãi đất bồi cỏ xanh mơn mơn. Paxton mặt vẫn căng thẳng. Anh bảo mọi người ở lại đây đi, anh phải vào khách sạn một đêm để bình tĩnh lại.

Đây là một đêm yên tĩnh. Chúng tôi chỉ ngồi nhìn nhau mà không nói gì nhiều, ai cũng suy nghĩ. Hoa lục bình trôi bập bênh trôi sông, cá rĩa dưới làn phù sa đỏ nặng. Lần lượt điện thoại chúng tôi rung. Paxton gửi cho mỗi đứa chúng tôi một tin nhắn rất dài, đại loại là như thế này:

Đây là lần đầu tiên anh đi du lịch xa đến thế và cũng lần đầu tiên làm một việc đại dột đến vậy (ý anh ám chỉ việc đi xe máy) và rồi cũng lần đầu tiên bị tai nạn. Nhưng anh nghĩ, đây là lần đầu tiên anh thấy mình được thực sự sống. Anh xin lỗi đã cư xử như một ông già khó tính không kiềm chế được cảm xúc của mình. Đừng giận anh nhé. Anh đang ở trong khách sạn một mình nhớ mọi người lắm. Hẹn gặp lại mọi người sáng mai.

Chúng tôi bật cười. Ôi Paxton ơi là Paxton. Với chúng tôi, đây chỉ là một lần cao hứng. Nhưng với Paxton, đây là chuyến đi làm thay đổi cuộc đời mình.

Chúng tôi phát hiện ra là Paxton đi mang theo căn lều to nhất. Không đủ lều, đêm hôm đấy chúng

tôi ngủ ngoài trời. Văng vẳng từ đâu đó xung quanh, tiếng chó sói hú vang làm chúng tôi sờn hết gai ốc.

“Có chó sói quanh đây?” “Không sao đâu. Sói trong rừng quốc gia đấy, tụi nó không ra đây đâu”.

“Sao biết chắc vậy được?”. “Đoán vậy”.

Chúng tôi lại cuộn túi ngủ ngủ tiếp. Tôi không sợ chó sói bằng sợ có con gì đó chui vào tai, vào người. Tiếng dế kêu rả rích, tiếng ếch kêu ộp ộp, tiếng cá đớp bèo tí tách. Cỏ cửa vào má ran rạt, sương đọng trên mi lạnh lạnh. Bầu trời đầy sao lấp lánh. Tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Tỉnh dậy, chúng tôi giật mình khi thấy hàng chục cặp mắt tò mò của người dân vây quanh mình. Người lớn thì chỉ trỏ xì xạo. Trẻ con thì cười khúc khích. Một người đàn ông tự cho rằng mình nói được tiếng Anh hùng hổ tiến đến chỗ chúng tôi. Giọng tiếng Anh giật cục của ông bọn tôi phải vận dụng tới đa óc sáng tạo của mình mới hiểu được.

“Mấy đứa làm gì ở đây?”.

“Bọn cháu đang đi xe máy (chúng tôi chỉ vào mấy cái xe đang dựng ở đấy), vòng quanh Nepal (nhấn mạnh chữ Nepal rồi đưa tay ra làm vòng tròn). Không có chỗ ngủ (đưa hai tay lên má như em bé ngủ), ngủ tạm ở đây (chỉ tay xuống đất)”.

“À, thế mấy đứa cứ nghỉ ở đây đi. Đêm qua có thấy cá sấu không?”.

“Hả? là sao ạ?”.

“Ở ngay bên kia bờ sông là trang trại nuôi cá sấu, thỉnh thoảng bọn nó xổng ra ngoài. Nhưng đừng sợ, nếu thấy cá sấu cứ chạy thật nhanh là không sao đâu”.

Chúng tôi không biết cá sấu ở đây có chậm đến mức đấy không, nhưng không ai muốn ở lại kiểm tra xem thế nào.

Paxton gặp chúng tôi ở đường chính, cười toe toét. Cả nhóm đoàn tụ, tinh thần chúng tôi phấn chấn hơn bao giờ hết. Chúng tôi đi qua cánh đồng, khi đi qua vách đá, đi qua cánh rừng, đi qua con sông, đi qua không biết bao nhiêu là ngôi đền, bao nhiêu làng mạc. Xe Paxton càng ngày càng cà tàng, hết hỏng phanh đến lủng lốp, gần về đến Kathmandu thì hỏng hẳn. Chúng tôi phải nhờ một xe tải đưa xe về thành phố, còn Kralis đèo anh.

Về đến nơi, chúng tôi vẫn không tin là mình còn sống sót.

59. Holi màu sắc

Chúng tôi về Kathmandu chỉ một đêm trước Holi. Trước khi đi, chúng tôi đã nghĩ dù sống dù chết cũng phải lê xác về Kathmandu cho lễ hội này. Holi được chúng tôi mong đợi còn hơn cả lễ hội Maha Shivaratri. Đây là lễ hội sắc màu, ngày mà tất cả mọi người đều ra đường, bôi màu lên người mình và lên người của bất kỳ ai mình gặp. Không chỉ màu, mọi người còn được nghịch nước. Đại loại, Holi giống lễ hội té nước ở Thái Lan và Lào, nhưng nhiều màu sắc và nhiều trò nghịch hơn.

Lúc bấy giờ, tôi đang ở khách sạn Visit Nepal. Trong thời gian tôi du hí với nhóm Burning Snails, Asher đã bị đuổi ra khỏi nhà vì tiệc tùng nhiều quá. Hôm đấy tôi có hẹn ăn sáng với Asher. Sáng ra còn đang ngái ngủ, tôi chưa kịp nhớ ra hôm nay là ngày gì thì “Bụp”, một bịch nước lạnh từ đâu bay thẳng vào mặt. Mọi người xung quanh cười ré lên. Thủ phạm là một anh chàng tầm tuổi tôi, tay cầm cả chục bịch nước. Tôi cười hiền lành: “Vui thế, cho em một bịch để em chơi với”. Anh chàng cả tin cũng cho tôi một bịch. Tôi ném thẳng vào người cậu ta, cười như nắc nẻ rồi chạy thật nhanh trước khi cậu trả thù. Đi có trăm mét mà tôi bị tấn công mấy lần. Đến được quán ăn thì tôi đã ướt như chuột lột từ đầu đến chân. Anh chàng phục vụ nhìn tôi cười toe toét: “Happy Holi”.

Asher đến cùng bạn gái của mình là một cô bạn Nepal đáng người cao ráo, khuôn mặt trái xoan, tóc dài, răng khềnh, cười rất có duyên. Asher là một người rất đào hoa. Anh tuy không “nghiêng nước nghiêng thành” gì nhưng mấy bạn anh quen cô nào cũng xinh. Chúng tôi ngồi ở cái bàn yêu thích của mình. Bàn ở tầng hai, cạnh cửa sổ, nhìn thẳng xuống ngã tư nơi mà mọi chuyện kỳ quặc của Thamel phơi bày ra trước mặt. Mọi khi Th tràn ngập các cửa hàng lưu niệm, cửa hàng quần áo. Hôm nay các cửa hàng đóng cửa để bảo toàn tài sản. Đường phố vắng hơn hẳn ngày thường. Những kẻ lang thang đường phố sáng sớm thế này cũng phải là kẻ cực kỳ máu chiến. Mấy nhóm Tây cao to mặc quần sóc Hawaii, đội tóc xù đầy màu sắc, tay cầm súng bắn nước, gặp ai cũng bắn. Mấy anh chàng thanh niên bản địa thì vẽ sơn kín mặt kín người người cầm bịch màu, kẻ cầm bịch nước, đi đến đâu là âm ỉ đến đó. Mấy bạn gái thì bên lên hơn, chỉ bám vào tay nhau cười khúc khích. Một vài người sợ ướt, trời tạnh ráo mà trùm áo mưa từ đầu đến chân.

“Chiến đấu thì phải có vũ khí và đồng đội”.

“Sang nhà Anders đi. Đội Burning Snails ở đó sẵn rồi”.

Nhà Anders ở tầng ba một khu chung cư cạnh một trong những con đường chính. Sáng hôm đấy, chúng tôi tụ tập ở ban công nhà anh, lôi hết xô, chậu, ca, cốc trong nhà ra làm vũ khí. Ý tưởng là để tấn công người ngoài, nhưng thấy nước là cả bọn hứng lên té vào nhau tung tóe. Đứng trên ban công, cứ thấy ai đi qua là “Afoooo”, chúng tôi đổ cả chậu nước xuống. Ai hiền lành thì chỉ... né, ai sung lên thì ném trả bằng bịch nước. Đường phố mỗi lúc một đông, người qua lại mỗi lúc một nhộn nhịp, tiếng la hét, cười đùa mỗi lúc một to. Mặt đường mỗi lúc này đã nhuộm đủ màu xanh đỏ tím vàng. Mặt ai cũng be bét màu sắc. Quần áo rỏ tong tong.

“Bây giờ mới là lúc ra trận thực sự”. Sushil bảo.

Anh dẫn chúng tôi đến quảng trường Durbar, nơi mà hàng chục ngàn người đang tụ tập. Một xe tải lớn với sân khấu lưu động đang mở nhạc to hết cỡ. Biển người reo hò, nhảy múa. Mặt ai cũng chi chít sơn. Xung quanh tôi nào là Joker, nào là người nhện, nào là đầu lâu, nào là ác quỷ. Ai cũng nhìn nhau cười rạng rỡ như thể đã quen biết nhau từ lâu lắm rồi. Sáng giờ tôi tránh sơn nên mặt còn sạch bong, một anh chàng chạy lại quét cho tôi một phát. Mọi người xung quanh cũng lao vào quét sơn lên mặt tôi túi bụi, sơn cả vào tóc, cả miệng. Chưa bao giờ tôi ăn nhiều sơn đến thế. Thấy tôi hò hét hăng quá, mấy người xung quanh cũng hăng lên kiêu tôi lên vai chạy toản loạn. Lúc bấy giờ, trên sân khấu có một anh chàng ca sĩ đang hát. Không cam lòng để mặt anh sạch sẽ như vậy, tôi nhảy lên sân khấu quét cho anh mấy vệt. Khán giả ở dưới reo hò cổ vũ tôi còn to hơn cả cổ vũ anh ta h

Nhưng càng về sau, mọi chuyện càng trở nên hỗn loạn. Một đám thanh niên lúc bơi sồn lên mặt tôi tranh thủ sờ soạng, liền bị Burning Snails của tôi dằn cho một trận. Tôi nhận ra rằng đây là cơ hội lý tưởng cho đám thanh niên sàm sỡ chị em phụ nữ. Thỉnh thoảng lại có những kẻ xấu bụng, ném bịch nước mạnh đến bỏng rát. Cũng có không ít kẻ nghịch dại cho nước bắn vào túi. Đến đầu giờ chiều, khi mọi chuyện đã quá tầm kiểm soát chúng tôi bỏ chạy về nhà.

60. Tạm biệt Nepal

Holi kết thúc cũng là lúc chúng tôi mỗi người một ngả. Emilies về lại Thổ Nhĩ Kỳ. Kralis sang Malaysia vì anh nhận được một vai diễn ở đây. Etienne và Paxton cùng nhau đi xe máy vòng quanh Ấn Độ. Tôi thì sang Ai Cập. Tôi đã định sang Iran, nhưng sau khi kiểm tra lại thủ tục xin visa tôi nhận ra rằng tôi chỉ được phép chọn hoặc là Israel, hoặc là phần còn lại của Trung Đông. Hộ chiếu Việt Nam cần phải xin Visa từ trước khi đến Israel. Nhưng một khi đã có visa này rồi, Iran và các quốc gia Hồi giáo khác sẽ không đời nào chịu cấp visa cho tôi. Vậy nên tôi quyết định sang Ai Cập rồi sang Israel. Đêm trước khi Etienne và Paxton bay, chúng tôi ngồi uống bia định chờ đến năm giờ sáng đưa hai người ra sân bay luôn. Nhưng đến bốn rưỡi thì tôi ngủ gật, định chui xuống phòng ngủ nửa tiếng thôi nhưng rồi ngủ quên đi mất. Paxton lén vào phòng tôi, lấy trộm cặp kính râm, rồi còn tốt bụng để lại tin nhắn: “Chip ơi, anh lấy kính của em đây. Anh giữ làm tin, khi nào gặp lại anh sẽ trả”. Sau này anh gửi cho tôi tấm ảnh anh chụp đeo kính của tôi ở Basecamp Everest. Kính tôi kính con gái, mặt anh vuông vức nam tính, nhìn buồn cười không chịu được. Một năm sau, tôi nói chuyện lại với mọi người thì phát hiện ra năm người chúng tôi mỗi đứa một châu lục. Paxton đang du ngoạn ở Nam Mỹ. ATN thì ở Úc vừa du lịch vừa làm việc với cô bạn gái người Ý. Emilies ở đâu đó Châu Âu. Tôi ở Châu Phi. Kralis thì đã ở Đài Loan dạy học. Thực sự tôi không tin vào mắt mình khi đọc được thông tin này nữa. Anh chàng điên rồ ngày nào bây giờ cũng đã có một cái nghề, đã chịu thuê một ngôi nhà tử tế và rồi cũng có một cô bạn gái như ai.

Jehad cũng lên đường về lại Palestine. Jihad là một cậu bé tội nghiệp. Sinh ra trong khu vực chiến sự, gia đình cậu đã phải hy sinh rất nhiều để có thể đi du học, nhưng rồi cậu lại bị đuổi học. Cậu rất sợ phải về nhà gặp bố, nhưng cậu không còn cách nào khác. Cậu là một cậu bé rất ngoan. Lúc chia tay, cậu còn phá lệ ôm tôi và dặn:

“Mày hứa đến thăm tao ở Palestine đây nhé”.

Tôi cười cười, gật đầu: “Ừ”, mà lòng sắt lại. Palestine ở đâu? Người ta có cho tôi vào không? Liệu tôi có bao giờ gặp lại Jihad không?

Ander thì vẫn cố sống cố chết bám trụ ở đây với đồng sách chống động đất và mục tiêu kiếm thật nhiều tiền rồi mua một hòn đảo nhỏ ở Philippines an dưỡng tuổi già. Chỉ có Asher là vẫn chưa chắc rằng mình sẽ làm gì tiếp theo ở Nepal.

“Asher này, sao tự nhiên mày đi đâu không đi lại sang Nepal?”.

“Cách đây ba năm, tao sang đây lần đầu thì vui lắm, nên mới quyết định quay lại đây ở hân. Ai ngờ nó tẻ nhạt thế này đâu”. “You could not step twice into the same river”, tôi chợt nghĩ đến câu nói của Heraclitus.

“Tẻ nhạt sao mày còn ở đây làm gì?”.

“Tao đã đầu tư một đồng tiền vào đây: nghiên cứu thị trường, học tiếng. Giờ tao bỏ đi thì đi đâu? Về Mỹ thì tao không thích. Đến nước khác thì tao cũng lại phải đầu tư từ đầu”.

“Israel thì sao? Mày có quốc tịch Israel nữa mà”.

“Hừm, Israel à?”. Anh chàng hơi sững lại, có vẻ như cậu ta chưa bao giờ thực sự nghĩ đến cái điều này. “Tao cũng muốn học tiếng Hebrew, vì dù sao đây cũng là tiếng mẹ đẻ của tao”.

“Ừ, tao cũng sắp sang Israel, mày sang luôn đi. Dân Do Thái mà không biết tiếng Hebrew thì hơi nhục

Thế là chúng tôi hẹn gặp lại nhau ở Israel.

PHẦN III: TRUNG ĐÔNG: AI CẬP, ISRAEL, PALESTINE

61. Salam Ai Cập

Mối duyên nợ của tôi với Ai Cập diễn ra không được tốt đẹp cho lắm. Thứ nhất, một trong những lý do tôi bỏ qua Pakistan, Iran để đến thẳng Ai Cập là vì tôi đã quá mệt mỏi với chuyện chạy vạy visa và nghĩ rằng Ai Cập sẽ cho tôi visa tại cửa khẩu. Tôi phát hiện ra điều đó hoàn toàn là hoang tưởng chỉ mười ngày trước ngày bay. Rồi tôi cũng phát hiện ra rằng thủ tục xin visa Ai Cập cho người Việt Nam ở Nepal là vô cùng phức tạp. Thế rồi sau hàng trăm cuộc điện thoại, thư mời từ Ấn Độ, thư bảo lãnh từ Việt Nam, hai cuộc phỏng vấn, ba lần lặn lội lên đại sứ quán (cách chỗ tôi ở hai tiếng đi xe bus cộng xe bộ), hàng giờ ngồi chờ ở đấy, lại còn bị sàm sỡ bởi nhân viên sứ quán, cuối cùng tôi cũng lấy được visa một lần vào, trong khi tôi nộp đơn xin nhiều lần vào, đúng một ngày trước chuyến bay.

Mừng khôn kể xiết, mọi người tung bừng tổ chức tiệc chia tay cho tôi. Ấy vậy mà khi tiệc tàn, nước mắt đã cạn, tôi vào trang FlyDubai lần cuối trước khi ra sân bay thì phát hiện ra rằng chuyến bay của mình đã bị hoãn sang ngày hôm sau mà không ai thêm thông báo với tôi. Khi Asher gọi điện đến văn phòng đại diện của FlyDubai ở Nepal, họ còn khẳng khái rằng tôi có vấn đề về thần kinh đặt vé ngày mai mà cứ tưởng ngày hôm nay. Tôi quay trở lại khách sạn để ở thêm một ngày nữa thì phát hiện ra rằng tất cả các phòng đã kín. Chắc thấy tôi tội nghiệp quá, HR thu xếp cho tôi một cái nệm ở trong phòng chứa đồ và cho một đêm miễn phí.

Ngày hôm sau, tôi ra sân bay làm thủ tục xuất cảnh thì phát hiện ra rằng visa Nepal của tôi đã hết từ hôm trước, bởi tôi đặt vé căn đúng ngày visa mình hết hạn. Sau cả nửa tiếng đồng giải thích cho bác ấy rằng đây là lỗi của hãng hàng không chứ không phải lỗi của cháu, bác cuối cùng cũng cho tôi qua mà không phải nộp phạt. Điểm sáng duy nhất trong chuyến đi lần này là thuế xuất cảnh đã được bao gồm cả trong vé máy bay nên tôi dùng hết số tiền rupees còn thừa mua một gói kẹo to dùng. Tôi không ăn kẹo, nhưng tôi thích có kẹo trong người dành khi nào gặp trẻ con.

Chuyến bay tôi dừng ở Dubai. Tôi biết mình đã bay xa ra khỏi khu an toàn của mình khi tôi nhận ra ở đây có rất nhiều người mà nhìn kỹ đến đâu tôi cũng không thể đoán ra đến từ nước nào, nghe kỹ đến đâu tôi cũng không thể đoán được ngôn ngữ của họ là ngôn ngữ gì. Mấy đứa trẻ da đen nhìn thấy tôi thì cười ngật nghèo không thể dừng được, như thể tôi nhìn buồn cười lắm vậy. Tôi có lẽ người Việt Nam đầu tiên mà chúng từng nhìn thấy. Tôi mỉm cười đưa cho mỗi bé mấy cái kẹo. Mấy đứa bóc ra ăn rồi ném vỏ ngay xuống mặt đất. Tôi nhặt lên cho vào thùng rác. Ban đầu tụi nó không nhận ra, nhưng sau khi tôi làm thế vài lần, chúng dường như hiểu và không xả rác nữa.

Tôi hạ cánh xuống sân bay Alexandria đúng nửa đêm, trễ hơn giờ dự tính cả tiếng đồng hồ. Sân bay cách thành phố cả bảy mươi kilomet nên tôi dự tính ra sớm để tìm ai chia tiền taxi. Nhưng vì lý do gì đó, cán bộ Hải quan lại cho rằng hộ chiếu của tôi là giả. Hộ chiếu Việt Nam khổ thế đấy, ít người được cấp visa quá nên đến khi mình được cấp visa rồi lại bị nghi ngờ. Thế là tôi bị giữ lại để họ làm đủ thủ tục kiểm tra và tôi chỉ được thả ra khi tất cả mọi người đã đi hết. Tôi là người cuối cùng ở sân bay, thậm chí cả quầy đổi tiền cũng đóng cửa rồi. Bác lái taxi tận dụng cơ hội đòi \$25, trong khi giá thực tế tôi đã hỏi trước trên mạng chỉ khoảng \$10. Cũng may bác tốt bụng còn tôi thì khéo nói nên cuối cùng bác cũng đồng ý cho tôi trả \$15.

Tôi đến thành phố khoảng ba giờ sáng. Lúc đấy khoảng bảy giờ sáng ở Nepal. Người tôi thì mệt lử nhưng tâm trí tôi thì nhất định không chịu nghỉ. Đây là Ai Cập. Đây là Châu Phi. Đây là Địa Trung Hải. Đây là kim tự tháp. Để đến được đây không đơn giản tí nào, nhưng tôi đã làm được. Tôi nằm thao thức chờ trời sáng để ra ngoài xem mặt mũi đất nước mà tôi đã mong ngóng bao nhiêu năm nay như thế nào.

62. Những người đi bộ ở

Nhờ vào công dụng tẩy não của truyền thông, Ai Cập khác xa những gì tôi vẫn luôn tưởng tượng. Trong tâm trí của tôi, Ai Cập là một đất nước Hồi giáo với sa mạc, lạc đà và kim tự tháp. Chưa bao giờ tôi được nghe nói về một Ai Cập với những bãi biển tuyệt đẹp, những đường cao tốc trải nhựa láng boong, những chiếc xe mới coóng và những cửa hàng đồ ăn nhanh nhộn nhịp. Tôi đã sốc khi lần đầu tiên đến Alexandria. Thành phố này khiến tôi liên tưởng đến Kuala Lumpur. Chỉ khác là Kuala Lumpur lớn hơn với nhiều tòa nhà chọc trời hơn và không có biển.

Hồi hộp quá không ngủ được, sáng hôm sau tôi dậy rõ sớm khi chủ nhà Emmanuel vẫn còn đang ngủ. Tôi nhón chân ra ngoài đi dạo mà không hề có tí khái niệm nào về phương hướng. Nhiệm vụ đầu tiên của tôi ở bất cứ quốc gia nào là: Tìm ATM của HSBC để rút tiền và mua một SIM điện thoại. Tôi đi bộ ngược ra trung tâm Green Plaza gần nhà nơi mà mấy bác bảo vệ đang đứng ăn sáng. Thấy tôi, các bác ấy chỉ vào eish (một loại bánh mì nhìn giống ro-ti của Ấn Độ) và ful (đỗ đen xay nhuyễn ra nấu lên như súp), mời tôi ăn. Thật lòng mà nói, tôi thấy ful nhìn đen đen, lỏng lỏng cũng hơi ghê ghê, nhưng lại tò mò cái gì cũng muốn thử, tôi bẻ một ít eish nhúng vào ful ăn cho biết. Các bác không ai nói được tiếng Anh, tôi hỏi HSBC thì chỉ nhận được những câu trả lời dài ngoằng ngoằng bằng tiếng Ả Rập. Một bác đi qua thấy tôi vật lộn với đủ loại cử chỉ kỳ quái liền dừng lại chỉ đường cho tôi. Bác bảo HSBC nằm trên đường ra bãi biển, cách đây khá xa. Không có tiền Ai Cập trong túi, tôi quyết định ra đường chính đi nhờ xe. Ra đến nơi rồi, tôi mới nhận ra thử thách Alexandria của mình mới chỉ bắt đầu.

Nếu chỉ có một điều duy nhất tôi nhớ về Alexandria, thì đó chính là sang đường. Nếu bạn nghĩ dân Việt Nam coi thường mạng sống ở ngoài đường, sang đây bạn sẽ thấy người dân Alexandria còn liều lĩnh hơn gấp bội. Alexandria nhiều đường cao tốc mà lại ít cầu vắt ngang. Ô tô toàn phóng trên dưới 100km/h mà người dân cứ ngang nhiên cắt mũi xe mà sang. Tôi đứng xem có chục phút mà phải bị ít nhất dăm pha thót tim. Không thể tin được là một đứa sinh ra và lớn lên ở Việt Nam như tôi lại có lúc phải tần ngần đi lên đi xuống cả cây số mà vẫn chưa tìm được chỗ thỏa đáng nào sang đường, phải núp sau một bác đang dắt em bé đi kè. Đi đến nửa đường, bác ấy bỗng chốc bế xốc em bé lên chạy vì một cái xe đang lao đến với vận tốc chóng mặt.

Tôi bắt được xe đi nhờ với một nhóm thanh niên Ai Cập không nói nửa chữ tiếng Anh. Họ chẳng hiểu tôi muốn đi đến đâu, không hiểu ngay cả khi tôi đánh vào HSBC nên thả tôi lại ngã tư. Lang thang một hồi cuối cùng tôi cũng tìm được cái máy ATM, rồi đi thẳng đến cửa hàng dịch vụ của Vodafone. Người Ai Cập thật là thảo, đi đâu gặp ai đang ăn người ta cũng mời mình. Bác bán hàng ở đây mời tôi ăn falafel cùng bác. Tôi mời bác ăn kẹo. Một tiệm bánh trên đường ra bãi biển thấy mặt tôi dễ thương cho tôi thử mỗi loại bánh quy một cái mengher flus (miễn phí). Bắt đầu thích đồ ăn Ai Cập rồi, thấy người ta bán đồ ăn gì tôi cũng mua một ít. Ở đây có những hạt đậu to như đốt ngón tay gọi là hummus, người ta luộc rồi bóc vỏ ra ăn; có nước mía nấu khô lên, ép cứng lại bán thành từng cục hình nón như kem cốc, có nước me bỏ ít muối, có kabab hay còn gọi là kofta: Đây là thịt lam xay nhuyễn, trộn gia vị, nướng lên thành từng viên – một món mà mức độ phổ biến đã vượt ra ngoài cả thế giới Ả Rập. Ở đây còn một thứ cực kỳ quái gọi là Hummus esham. Đây không hẳn là đồ uống cũng không hẳn là canh. Nó là hummus luộc với nước, muối, tiêu và đủ các loại gia vị masala khác, bán theo từng cốc với thìa và ống hút. Món tôi thích nhất là kebda (gan nướng) – đặc sản của Alexandria. Một tình cờ khá thú vị là hôm đấy lang thang thế nào, tôi vào được một quán kebda rất ngon. Ban đầu tôi chỉ gọi thử một cái bánh mì kebda, ăn xong ngon quá lại gọi thêm luôn hai cái nữa. Mấy hôm sau một CouchSurfer biết tôi thích ăn kebda liền bảo sẽ dẫn tôi đi ăn ở quán kebda ngon nhất Ai Cập, rồi lại cũng dẫn tôi đến chính cái quán này. Mấy bác bán hàng cứ nhìn tôi cười tủm tỉm, kể với bạn tôi rằng họ nhận ra tôi: Cô

bé Trung Quốc đến đây ăn một phát ba cái bánh mì.

Tôi đến được bãi biển mà chẳng thấy có điểm du lịch nào thú vị. Máy người tôi gặp trên đường cũng chẳng ai nói được tiếng Anh. Đúng lúc đấy, một chiếc xe dừng lại và anh chàng lái xe vẫy tay về phía tôi. Nghĩ rằng đó là CouchSurfer mà tôi liên hệ từ trước, tôi bước đến hỏi: “Em có biết anh không nhỉ?”.

“Chưa biết. Anh cũng không biết tại sao, nhưng nhìn em rất dễ thương”.

Haizz. Bình thường chắc tôi đã bỏ đi luôn rồi đấy, nhưng lần này không hiểu sao tôi lại nấn ná lại. Có lẽ một phần vì anh nói được tiếng Anh, một phần vì anh nhìn cũng có vẻ tử tế, một phần vì Nepal và Ấn Độ đã làm cho tôi trở nên miễn dịch với các thể loại thô bỉ. Tôi hỏi anh đường vào trung tâm thành phố, anh đề nghị cho tôi đi nhờ. Hussein hóa ra một anh chàng rất tốt bụng. Anh chỉ cho tôi Bibliotheca Alexandria – một thư viện khổng lồ và hết sức hiện đại được xây dựng trên nền của thư viện Alexandria nổi tiếng ngày xưa, những nhà thờ tuyệt đẹp, nhà hát thành phố, một con phố mà anh tự nhận rằng đây là đường phố cổ nhất thế giới. Anh bảo, Alexandria được xây dựng theo mô hình một thành phố cổ ở Hy Lạp, thảo nào kiến trúc ở đây mang đậm phong cách Châu Âu. Hôm đấy là thứ sáu nên anh phải tham gia lễ cầu nguyện buổi trưa. Các cửa hàng cũng đóng cửa để tham gia buổi cầu nguyện này. Hàng trăm người trải chiếu ra ngay giữa đường phố để cầu nguyện, hàng ngàn người khác đi vào các mosque (đền thờ Hồi giáo).

Sau một thời gian dài ở một đất nước lạnh lẽo trên đỉnh núi, đi bộ dọc theo một bãi biển tuyệt đẹp dưới ánh nắng vàng rực rỡ và gió biển mơn man đùa nghịch trên tóc thế này là một sự xa hoa thực sự. Tôi cứ đi mãi đi miết mà không thấy mệt. Người dân ở đây thân thiện đến bất ngờ. Tôi nói “As–Salaama Alaykum”⁽²³⁾ với tất cả những người tôi nhìn thấy, tất cả mọi người mỉm cười chào lại với một tràng dài tiếng Ả Rập. Tôi đứng câu cá với mấy đứa trẻ ở đấy, rồi ngồi xuống với một cặp vợ chồng có cô con gái tóc vàng óng, mắt xanh miên man đang có một buổi picnic trên bãi biển. Trước khi tôi kịp nhận ra, tôi đã thấy mình ở Citadel of Qaitbay – pháo đài cổ nguy nga ở tận cùng của thành phố. Tôi phải quay ngược trở lại.

Tôi bắt đầu thấy mệt. Bây giờ tôi mới nhận ra mình đã đi bộ xa đến mức nào. Tôi chọn đường đi trong thành phố thay vì đường bờ biển. Alexandria là một thành phố lớn và sôi động. Tôi thấy khoảng nửa tá các khu chợ đông đúc và nhộn nhịp, vài cuộc biểu tình nho nhỏ và một vụ đánh nhau giữa hai người lái xe vì va chạm gì đó. Đi được nửa đường thì mệt quá, tôi quyết định chi 1LE (khoảng 3.000 VND) để đi xe bus về nhà.

Tôi gặp hai CouchSurfer cũng đang ở cùng host của tôi lần đầu tiên. Đêm qua khi tôi đến, họ đã đi ngủ và sáng nay khi tôi thức dậy, họ vẫn còn đang ngủ. Đây là một cặp người Pháp phải nói là cực kỳ đi điên khùng: Họ đi bộ từ Nam Phi đến Ai Cập, đi hết quãng đường mười bốn ngàn kilomet trong hai năm với ngân sách chỉ 2 Euro/ngày. Họ đi bộ qua cả Sudan, và điều hay ho nhất là họ lấy được visa Sudan chỉ với \$20, trong khi giá bình thường là \$151. “Xin visa cũng như mua hàng vậy, em phải mặc cả”, họ bảo. Tôi cũng muốn sang Sudan lắm, nhưng với visa Israel trong hộ chiếu thế này thì cứ mơ đi.

Buổi tối, tôi đi gặp Tarek và vài người bạn khác của anh ở một quán café cực kỳ đẹp với cả một thác nước ở bên trong. Bạn anh là một chàng trai vui tính hiện đang trong quân ngũ. Tất cả thanh niên Ai Cập đều phải đăng ký dự tuyển quân đội, anh chàng này không may nên bị chọn. Cũng may, nhờ có bằng đại học, anh chỉ phải phục vụ một năm. Những ai không học đại học sẽ phải phục vụ ba năm. Đây là một nhóm bạn rất hay ho nhưng tôi mệt quá chẳng buồn nói. Hai đêm không ngủ và hơn ba chục kilomet đi bộ đã vắt kiệt năng lượng trong tôi. Tôi về nhà ngủ như chết. Chúc ngủ ngon, Alexandria. Tôi nghĩ tôi yêu thành phố này mất rồi.

63. Nắng thiêu ở Siwa

Tôi đọc trên CouchSurfing có một anh chàng lái xe từ Alexandria đi Siwa, tìm người đi cùng để chia tiền xăng. Tôi tìm kiếm nhanh trên Google thì biết Siwa là một ốc đảo xinh đẹp nằm sâu trong sa mạc Sahara, tít gần biên giới Libya. Nghe thấy ốc đảo là tôi sướng mê. Tôi gửi tin nhắn cho Ahmad xin đi cùng gấp.

“Sahara trong tiếng Ả Rập nghĩa là sa mạc”. Ahmad giải thích cho tôi khi đang ngồi sau tay lái. Chuyến đi này chỉ có anh và tôi. Ahmad gầy, nhỏ và hơi đen. Anh rất thích thú khi thấy rằng mới sau một tuần ở Ai Cập, tôi đã có thể bắt đầu giao tiếp đơn giản bằng tiếng Ả rập.

“Ahmad tên của anh nghĩa là “ca tụng”, ám chỉ người luôn luôn ca tụng Đức Allah. Tên họ anh là “Gamal”, nghĩa là lạc đà. Sa mạc, lạc đà và Allah là ba điều quan trọng nhất đối với người Ai Cập”.

Đường cao tốc giữa sa mạc rộng, thẳng, đẹp. Chúng tôi một mình một đường cứ tốc độ 140km/h mà đi, có khi kéo ga lên đến 180. Từ Alexandria đến Siwa khoảng 600 kilomet, chúng tôi đi chưa đầy bốn tiếng đã đến. Ở Nepal để đi cùng khoảng cách này phải mất hai ngày. Hiếm hoi lắm tôi mới gặp một xe khách hay xe tải khác. Ahmad bảo như thế là nhiều rồi đấy, có khi anh lái xe cả ngày mà không gặp bất kỳ xe nào. Tôi tưởng tượng cảnh chết máy giữa đường mà rùng mình. Khấp bốn sa mạc. Một màu nâu nóng bỏng chạy xa tít tắp đến tận chân trời. Thị trấn gần nhất có khi cách đến hàng trăm cây số. Ấy vậy mà nơi đây vẫn có người qua lại. Thỉnh thoảng lại có những bóng trắng xuất hiện ở chân trời, thoát ẩn thoát hiện làm tôi không biết đây là thật hay chỉ là ảo giác sa mạc.

“Bedouin đấy”.

“Họ là người xấu á?”. (Tôi nghe nhầm thành Bad one).

“Ha ha, không. Bedouin, Ba-da-wi”. Anh kéo dài giọng. “Đây là một bộ tộc du mục sống trên sa mạc. Họ luôn mặc áo chùng trắng, đầu quấn khăn, sống bằng việc nuôi lạc đà”.

“Sa mạc không có nước, không có cây thì họ sống bằng cách nào?”.

“Họ có cách sống riêng của mình. Sống ở sa mạc bao nhiêu đời nay thì phải thích nghi thôi”.

Cái bất tận của tạo hóa khiến đưa cả đời chưa nhìn thấy sa mạc bao giờ như tôi chết lặng đi ngắm nhìn, trong khi nó khiến cho Ahmad xem chút nữa ngủ gật vì sự đơn điệu chỉ cát với cát suốt chặng đường.

“Lái xe trong sa mạc một mình nguy hiểm lắm. Không có người nói chuyện thì rất dễ ngủ gật”. Anh bảo.

Sự đơn điệu dần dần thay đổi khi chúng tôi tiến đến gần ốc đảo. Đầu tiên là sự xuất hiện của những tảng đá khổng lồ hình thù kỳ dị, trông giống như những gì còn sót lại của những kiến trúc hàng ngàn năm về trước.

“Sắp đi qua trạm kiểm soát rồi, em giấu cái này dùm anh nhé”.

“Cái gì vậy anh?”. Tôi chột dạ.

“Cần sa. Chỉ một cục nhỏ để hút thôi. Em giấu vào người ấy”.

“Anh giấu không được sao?”.

“Không. Con gái giấu sẽ an toàn hơn. Ở Ai Cập công an không bao giờ kiểm tra con gái”.

“Hừm”. Tôi cân nhắc rủi ro và độ tin tưởng của mình dành cho Ahmad. “Anh có thể giấu một nơi nào đó khác mà không ai kiểm tra không? Như gắn băng dính và gài xe, bỏ trong túi bánh quy chẳng hạn?”.

Màu xanh rì của cây cối dần hiện ra phía sau trạm kiểm soát, xung quanh một cái hồ lớn. Đây là hồ đẹp nhất mà tôi từng được thấy! Mặt hồ mênh mông phẳng lặng, phản chiếu màu xanh ngắt của bầu trời, màu trắng tinh của mây, màu nâu đậm của đá và cát. Giữa hồ là một tảng đá khổng lồ mà theo như Ahmad, nơi đây từng được dùng là nơi chôn cất. “Hồ nước mặn đấy”, Ahmad bảo. Có lẽ vì thế mà

nước trong hồ nhìn cứ là lạ. Xe chạy chậm chậm ven hồ, sát đến nổi tôi có cảm giác như mình đang trôi bồng bềnh trên mặt nước vậy. Vẻ đẹp cứ như là ảo ảnh của hồ Siwa khiến hồ trở thành vị trí tuyệt đẹp để ngắm hoàng hôn. Chiều chiều, cùng với mấy anh chàng người địa phương trong bộ áo chùng trắng, đầu quấn khăn vải, chúng tôi trải chiếu dưới túp lều lá cọ ngay sát mặt hồ ngồi ngắm mặt trời lặn. Chỉ cần một ấm chè, một ít lạc rang, một cái “argeel” là họ có thể nhâm nhi cả buổi chiều. Argeel là dụng cụ hút thuốc của người dân địa phương, mà tôi gọi nôm na là cái điều cày Trung Đông bởi cơ chế hoạt động của nó không khác gì điều cày ở mình. Cái argeel mà chúng tôi dùng là dạng thiết kế đơn giản nhất của cái mà thế giới biết đến dưới cái tên hookah để hút shisha. Nó chỉ bao gồm một lọ thủy tinh nhỏ chứa nước, một ống với một đầu để đốt thuốc lá, đầu kia dẫn khói thẳng xuống nước và một ống để hút. Trà ở đây đắng. Đun trà xong, người ta chạy ra vườn, bứt vài ngọn lá húng lìu bỏ vào trà cho thêm vị đậm đà. Gió sa mạc lồng lộng. Mặt trời lững thững khuất dần sau phía sau tảng đá khổng lồ. Cái nắng gay nắng gắt bỗng dung tan biến, gió cũng nhẹ dần, trời bỗng trở nên mát lạnh. Cuộc sống ở đây thư thả đến lạ. Những ngày ở Siwa, tôi tuyệt nhiên không được tiếp xúc với bạn gái nào. Cairo là thành phố lớn, những quy tắc Hồi giáo dành cho phụ nữ được nới lỏng hơn nhiều. Nhưng ở Siwa, phụ nữ vẫn phải trùm khăn kín mặt và không được phép ra ngoài không có bố, anh hay chồng đi kèm.

Siwa nổi tiếng thời cổ đại với đền thờ tiên tri của Amun. Trước khi xâm chiếm Phổ, Alexander Đại Đế đi theo hướng chim bay qua sa mạc và đến được nơi này. Lời tiên tri dự đoán rằng Alexander Đại Đế là người trời và là Pharaoh chính đáng của Ai Cập. Mặc dù ngày nay chỉ còn là đồng cỏ nát, đền thờ Amun vẫn là điểm hút khách du lịch. Một điểm hấp dẫn khác của Siwa là suối nước nóng. Ốc đảo nhỏ bé này có tới ba trăm suối nước ngọt, rất nhiều trong số đó là suối nước nóng. Đặc trưng khác của Siwa là những ngôi nhà xây bằng gạch bùn và đá. Những ngôi nhà nhỏ nhỏ xinh xinh xen lẫn giữa những tảng đá nâu bạc màu khiến người đến thăm có cảm giác như bị lạc vào một thị trấn thờ Pharaoh vậy. Sống với thời tiết khắc nghiệt, người dân ở đây học được cách sử dụng kiến trúc tự nhiên để điều hòa. Ngay cả trong giờ chết (thời gian từ khoảng mười giờ sáng đến ba giờ chiều, nóng đến mức không ai muốn ra ngoài), trong nhà vẫn mát lạnh mặc dù không sử dụng máy móc gì. Chúng tôi đến thăm khu nghỉ mát Adrère Amellal nằm ngay bên hồ Siwa. Đây có lẽ là khu nghỉ mát cao cấp duy nhất mà không có...điện. Khách sạn được xây hoàn toàn bằng chất liệu tự nhiên, tường bằng gạch bùn, nội thất bằng muối tảng, mái lợp lá cọ và được thắp sáng bằng nến sáp ong. Đây là nơi mà thái tử Charles của Anh đã nghỉ khi Thái tử đến thăm ốc đảo Siwa xinh đẹp này.

Ốc đảo có khoảng ba khu nghỉ mát hạng sang như thế, mỗi phòng lên đến hàng trăm đô la một đêm. Thị trấn Siwa nhỏ xíu với khoảng bốn, năm khách sạn, mỗi phòng khoảng 20USD. Chúng tôi quyết định nghỉ tại một trại trong sa mạc cách thị trấn khoảng bảy kilomet. Trại chỉ có hai túp lều để ngủ, một chỗ đốt lửa ngoài trời mà tôi tới khách ngồi quây quần. Cuộc sống ở sa mạc quả thực không dễ dàng. Ban ngày chúng tôi phải đánh nhau với ruồi để chiếm bóng râm, tối tới phải gồng mình lên chịu cái lạnh đêm sa mạc. Chăn chiếu lúc nào cũng phủ đầy cát. Suốt ba ngày ở đây chúng tôi không có nước để tắm rửa giặt giũ, nói gì đến đèn điện thắp sáng. Niềm an ủi duy nhất là suối nước nóng cách trại chỉ vài bước chân. Phần lớn khách đến Siwa là để trượt cát. Xe thường không đi được vào sa mạc, người muốn đi trượt cát phải thuê xe Jeep. Một ngày thuê xe lên đến 1.200 LE (khoảng \$200). Không đủ tiền thuê, chúng tôi quyết định đi bộ vào sa mạc. Đi được khoảng hai tiếng, nóng, khát, mệt, lại bị ám ảnh bởi quãng đường về, chúng tôi đành bỏ cuộc. Hai đứa nằm ườn trên mặt cát. Chúng tôi chôn chân dưới lớp cát mát lạnh, phủ khăn lên mặt, thi u thi u ngủ. Cái mệnh mông của sa mạc khiến mọi lo toan tan biến hết. Cuộc sống ở sa mạc kẻ cũng không đến nỗi nào.

64. Kim Tự Tháp

Amr bảo, lần đầu tiên thấy tôi bước từ trong xe ra với cây gậy trên tay, cậu đã nghĩ rằng tôi bị mù. Thảo nào cậu lúng túng thế khi lần đầu tiên gặp. Anh chàng cứ đứng gãi đầu gãi tai, thấy tôi bước đi thì đưa tay ra đỡ, xong rồi lại bỏ xuống, định xách hộ ba lô cho tôi nhưng rồi lại thôi. Cây gậy đấy là cây gậy tôi nhặt được ở Siwa phòng chẳng may gặp rắn, nhưng thấy nó đẹp nên cầm luôn về Cairo.

Amr ở với bà nội trong một căn hộ ở ngay tầng hai một tòa nhà cổ ở khu phố cũng cổ luôn của thành phố. Căn nhà cậu ở rộng thênh thang với cách trang trí khiến tôi liên tưởng ngay đến nghìn lẻ một đêm: những tấm thảm hoa to, những chiếc đèn chùm dát bạc, những chiếc ghế gỗ cong, những khung ảnh chạm khắc tinh xảo với những khuôn mặt quý phái nhìn từ trên cao xuống. Tôi nhận ra ngay đây không phải là một gia đình tầm thường. Tôi được cho ở trong một căn phòng âm cúng trang bị đầy đủ đồ đạc. Amr mê Rock, căn phòng của cậu dán kín ảnh Metallica, Iron Maiden, Slayer và đủ các band nhạc tôi không tài nào nhận ra. Vốn là công tử, cậu được gia đình đầu tư cho hẳn một căn phòng để cậu chơi nhạc với nào là piano, trống, kèn, ghi ta gỗ, ghi ta điện. Cậu thua tôi một tuổi, nhưng vẻ ngoài đậm chất Trung Đông khiến cậu nhìn như chú tôi vậy: mặt vuông góc cạnh, tóc dài đen nhánh buộc lại sau lưng, mắt sâu, lông mày rậm. Cậu mà muốn dọa ai thì chỉ cần trừng mắt là người ta sợ khiếp vía. Nhưng cậu là một chàng trai rất dễ thương: hiền lành thì không hẳn nhưng rất tốt bụng. Bạn bè cậu rất hay sang chơi nên tôi nhanh chóng làm quen với cả nhóm. Trong nhóm cậu có hai người tên là Mohamed và một người tên là Ahmad.

“Hình như 90% đàn ông Ai Cập tên là Ahmad hay Mohamed”. Tôi nhận xét.

“Ừ”. Đám bạn Amr phá lên cười.

“Thế mọi người gọi nhau như thế nào để biết ai là ai?”.

“Biệt danh. Bạn này là Cous-cous. Đúng rồi, tên của món ăn đấy này là Hookah”.

“Thế sao ngay từ đầu không đặt biệt danh luôn đi còn đặt tên làm gì cho nó thừa?”.

Hầu hết bạn bè của Amr có bố mẹ làm ở nước ngoài: Mỹ, Châu Âu và nhiều nhất là Ả rập Saudi. Cả nhóm bạn này đều đã có một thời gian sinh sống và học tập tại đây. Trong thế giới Ả rập, Ả rập Saudi có vị trí như Singapore với Đông Nam Á vậy. Trong thời gian tôi ở Cairo, nhóm bạn này đi đâu cũng rủ tôi đi, duy nhất một lần cả nhóm đi hút shisha, Amr không rủ tôi đi.

“Chip ở nhà với bà nhé. Có giận tở không?”.

“Có”.

“Chỗ hút shisha này không cho con gái vào. Ai Cập mà. Ấy ở nhà đi, ngày mai bọn tở hứa sẽ dẫn ấy đi thăm kim tự tháp”.

Nghe đến kim tự tháp là tôi nín luôn.

Nhưng khác hẳn với hình dung của tôi về kim tự tháp với sa mạc hoang vu bí ẩn, kim tự tháp thực ra nằm ngay mép thành phố với mũi nhọn hoành tráng vươn lên ngay trên mái vòm vàng chói lọi của McDonald. Tôi băn khoăn hỏi:

“Kim tự tháp thật đấy à?”

“Ừ”. Đám bạn Amr phá lên cười. “Ai đến đây cũng hỏi câu y hệt”.

Vé vào khu bảo tồn là 60LE (khoảng \$10), vé vào bên trong The Great Pyramid of Giza – kim tự tháp lớn nhất là 100LE, nhưng sinh viên được giảm giá 50%. Tôi không có thẻ sinh viên nhưng vẫn muốn được giảm giá.

Đến chỗ quầy soát vé, tôi bắn một tràng mấy câu tiếng Ả rập nhóm bạn Amr vừa dạy: tôi là sinh viên đang ở tiếng Ả rập. Tôi học cùng trường với các bạn của Amr nhưng hôm nay quên thẻ. Mấy người đi cùng cũng hứa vào nói cho tôi. Tôi không biết bác bán vé tin vào câu chuyện đấy hay chỉ thấy quý vì tôi nói được mấy câu tiếng Ả rập mà bác đồng ý cho tôi vào với giá sinh viên.

Ai cũng biết kim tự tháp là một kỳ quan của thế giới, nhưng phải tự mình ngẩng lên mới có thể không thấy đỉnh, phải tự mình đứng cạnh những khối đá khổng lồ và thấy mình thật bé nhỏ, phải tự mình đứng tại điểm mà cách đây mấy ngàn năm, tổ tiên của người Ai Cập đã sử dụng những công cụ thô sơ để xây dựng lên kim tự tháp, mới thấy được sự vĩ đại của công trình này. Ở lưng chừng mỗi kim tự tháp có một cái lỗ nhỏ mà mỗi năm, ánh sáng mặt trời sẽ chiếu qua cái lỗ đấy vào thẳng căn phòng Pharaoh nằm. Tôi lúc đấy lại bị mất máy ảnh nên phải chụp ảnh bằng điện thoại, chụp được bức ảnh với kim tự tháp với một tia sáng chói lọi từ trên đỉnh xuống tận đáy. Mọi người trầm trồ bảo là số tôi phải may lắm.

Chúng tôi đi qua lăng mộ của vị kiến trúc sư xây dựng lên công trình này. Chúng tôi đi qua những dòng chữ tượng hình chim, thú, người trên tường. Chúng tôi đi qua những tảng đá được đục ở giữa để làm vỏ đựng xác ướp. Chúng tôi đi qua những lỗ sâu hun hút với đá nằm ngổn ngang hai bên.

“Hố chôn người xấu đấy”. Một anh chàng dốt lạc đà ở đó kể. “Ngày xưa, mỗi khi ai đó chết, người ta sẽ có một buổi phán xét xem người đó đã là người tốt hay người xấu. Nếu người đó là người tốt, họ sẽ được ướp xác để ngày sau sống lại. Nếu người đó là người xấu, họ sẽ bị móc tim ra, vứt xác xuống cái hố này để không bao giờ sống lại được”.

Ở khu này có chín kim tự tháp, lớn nhất là kim tự tháp của Pharaoh Khufu, lớn nhì là kim tự tháp Khafre, kim tự tháp bậc trung Menkaure. Sáu kim tự tháp nhỏ hơn được biết đến như kim tự tháp nữ hoàng. Đường lên kim tự tháp Khufu là một bậc thang nhỏ xíu chiều ngang chỉ vừa một người, chiều cao chỉ khoảng một mét, muốn đi phải cúi rạp người. Bên trong có mấy bóng đèn le lói chỉ đủ nhìn đường đi chứ không nhìn được những họa tiết trên tường. Trong đầu tôi văng vẳng lời nguyện kim tự tháp mà tôi đã đọc đâu đó. Lời nguyện nói rằng những ai dám xâm phạm nơi yên nghỉ của Pharaoh sẽ phải chịu hậu quả tàn khốc. Tôi sờn da gà khi nghĩ rằng đôi mắt của vị thần nào bảo vệ nào đó đang dõi theo từng bước chân của mình. Tôi cẩn thận hết sức để không động chạm vào đâu, không để lại dấu vết gì.

Điểm cuối hành lang là một căn phòng rộng nhưng trống trơn, trống đến mức đến nơi rồi mọi người phải ngơ ngác hỏi: “Đây á?”. Amr bảo: “Thì đây cũng chỉ là phòng chứa quan tài thôi mà. Bây giờ quan tài với vật trang trí bị đưa hết vào trong viện bảo tàng để bảo quản rồi, ai còn để đây nữa”. Thế là chúng tôi lại lóc cóc đi ra.

“Đây là lần đầu tiên tớ đến kim tự tháp đấy”. Cous-cous bảo.

“Không muốn đến à?”.

“Núi cao phải đứng xa mới thấy. Ngày nào mình cũng thấy kim tự tháp nên thấy nó cũng bình thường, chưa bao giờ nghĩ đến chuyện phải vào đây xem”.

“Bây giờ vào xem rồi thấy sao?”.

“Thấy cũng vậy”.

Ha ha, con người là một loài kỳ lạ, không bao giờ biết trân trọng những gì chúng ta có.

65. Ai Cập sau bạo động

Khi tôi bảo với bạn bè tôi là tôi sắp sang Ai Cập mọi người ai cũng bảo tôi khùng. Lúc bấy giờ, Ai Cập mới trải qua cuộc biểu tình lịch sử dẫn đến cuộc cách mạng lật đổ chính quyền của Tổng thống Hosni Mubarak. Hình ảnh đất nước này trên báo chí quốc tế vẫn là hình ảnh những vụ bạo động, những cuộc biểu tình, những vụ tranh chấp hỗn loạn và đẫm máu.

Đến Ai Cập, tuy cảnh đẫm máu đầy không còn, dấu ấn của cuộc cách mạng vẫn còn in rõ. Dễ nhận thấy nhất là những tấm biển với dòng chữ 25 January (25 tháng Giêng) ở khắp nơi: phía sau xe ô tô, ngoài đường, trên cửa nhà. 25 tháng Giêng là ngày đầu tiên trong chuỗi 18 ngày biểu tình. Rồi đâu đó là quán ăn 11 February (ngày mà Mubarak từ chức), cửa hàng sửa chữa điện thoại 25 January. Ở góc ngách nào cũng có graffiti cổ động cách mạng. Nhiều tòa nhà Chính phủ bị đốt trong cuộc biểu tình vẫn chưa được tu sửa. Bạn bè của Amr nói chuyện hết sức nhiệt tình về cuộc cách mạng vừa diễn ra. Cậu khoe rằng cậu trụ ở quảng trường Tahrir từ những ngày bắt đầu cho đến ngày kết thúc. Cậu có rất nhiều chuyện hay ho để kể. Ban đầu cậu tham gia biểu tình cũng chỉ như tham gia một cuộc biểu tình bình thường chứ không hề nghĩ rằng nó sẽ phát triển lên như vậy. Rồi mọi người bắt đầu bị tấn công và đoàn kết lại để chống trả; rồi những tin đồn thất thiệt xuất hiện khiến nhiều người nản lòng; rồi có những kẻ được trả tiền để trà trộn trong đám người biểu tình nhằm chia rẽ quân chúng; rồi nó biến thành cuộc đổ máu thực sự khi cảnh sát tấn công người biểu tình người biểu tình đốt xe cảnh sát. Cả thế giới hướng về quảng trường Tahrir. Tôi đang lông bông nay đây mai đó vẫn ngày ngày tìm cách đọc tin xem chuyện gì đang diễn ra tại đây. Vậy nên lẽ tự nhiên, tôi muốn đến thăm quảng trường này.

Tình cờ tôi đến đây đúng ngày thứ sáu và phát hiện ra rằng nơi đây cũng đang có biểu tình. Nói chuyện với người dân nơi đây, tôi phát hiện ra rằng biểu tình dường như đang trở thành thói quen của nhiều người dân đất nước này từ sau bạo động. Thứ sáu hàng tuần – vốn là ngày những người theo đạo Hồi tập trung lại để cầu nguyện – trở thành ngày biểu tình không chính thức. Những cuộc biểu tình này thường diễn ra ở quy mô nhỏ với nhiều mục đích khác nhau. Hôm tôi đến, ở đó có khoảng ba trăm người theo Thiên Chúa giáo với băng rôn, khẩu hiệu tập trung ở đây để ra yêu sách như đòi trả tự do cho tín đồ bị bắt giữ trong cuộc đụng độ giữa những người Hồi giáo với Thiên Chúa giáo hồi tháng ba. Nhưng tôi không biết bao nhiêu phần trăm người đến đây là thực sự biểu tình. Tôi đi qua một nhóm người đang hò hét, chưa hiểu chuyện gì diễn ra đã bị kéo lại, rồi một thanh niên sơn cờ Ai Cập khắp mặt tôi, sau đó tranh nhau xin chụp ảnh cùng. Không khí cuộc biểu tình thật khác những gì tôi hình dung. Phần lớn trong số những người ở đó dường như chỉ coi biểu tình như một dịp tụ tập cho vui. Tôi gặp không ít khách du lịch len lỏi trong đám người biểu tình, tham gia cho biết như tôi. Những người bán dạo áo phông, cờ Ai Cập, đồ ăn, nước uống phục vụ người biểu tình phủ kín quảng trường.

Lúc đấy trong bài tôi viết cho báo Tiền Phong, tôi đã sợ rằng mọi người ăn mừng là quá sớm và thực tế bây giờ chứng minh nỗi sợ đó đã trở thành sự thật. Là đất nước du lịch, Ai Cập nhanh chóng lấy lại vẻ yên hòa thân thiện đó, ta có thể nhìn thấy rất nhiều vấn đề.

Khi ngồi trên xe của Hussein ở Alexandria, tôi phát hiện ra gương chiếu hậu cả hai bên xe của Hussein đều bị hỏng. Tôi hỏi như thế không phạm luật à, cậu cười bảo: “Vừa sau bạo động, mọi thứ còn rối ren lắm, làm gì có luật”. Theo một người bạn của Amr, sự thành công của bạo động khiến nhiều người dân ở đây có cảm giác đất nước thực sự là của họ và có thể làm bất kỳ điều gì mình muốn. Sự tự do này bị nhiều người lạm dụng một cách thái quá. Tăng tốc, vượt đèn đỏ, trộm cắp vặt... diễn ra thường xuyên và ít bị trấn áp. “Khi Chính phủ còn chưa ổn định, lực lượng cảnh sát cũng chưa thể hoạt động hiệu quả được”, Hussein than thở.

Báo chí địa phương cho biết trong thời gian diễn ra bạo động, hàng ngàn tội phạm thoát ra ngoài và hiện còn sống ngoài vòng pháp luật. Người dân ở Cairo lý giải cảnh sát còn thiếu, trong khi tội

phạm ở khắp nơi khiến mọi người lo về an ninh luôn thường trực với bất kỳ ai, đặc biệt là người nước ngoài. Một số vụ chặn xe bus liên tiếp để cướp bóc khiến nhiều người không dám đi xe bus. Tôi suýt nữa bị kẹt ở thành phố Aswan vì xung đột hậu bạo động. Những xung đột ở Qena, nút giao thông quan trọng nằm giữa Aswan và Cairo, khiến việc đi lại qua thị trấn này đều bị đứt đoạn, tàu hay xe bus không thể đi qua. Khi vừa mua được vé xe bus, tôi lập tức nghe tin về một xe khác bị cướp cũng ở Qena. Đi xe bus đêm khiến tôi càng thấp thỏm lo sợ không dám ngủ. Những người dân địa phương ngồi quanh tôi trong xe thể hiện sự lo âu và luôn nhìn tôi dò xét.

Bạo động rõ ràng ảnh hưởng mạnh tới đất nước mà 12% lực lượng lao động làm trong ngành du lịch. Các diễn đàn du lịch tràn ngập chủ đề tranh luận rằng liệu Ai Cập có an toàn cho khách du lịch hay không. Dù những người ở Ai Cập đều khẳng định tình hình nay đã ổn định, hầu hết khách nước ngoài vẫn lo ngại, không dám đến. Các điểm du lịch nổi tiếng ở Ai Cập vắng heo hắt. Siwa vốn là một ốc đảo xinh đẹp giữa sa mạc Sahara, nhưng khi tôi đến chỉ thấy lác đác vài nhóm khách nhỏ lẻ. Tôi là một trong ba vị khách ở nhà nghỉ ở Luxor. Chủ nhà nghỉ cho hay mọi năm vào giờ này nhà nghỉ luôn kín khách, nhưng năm nay khách đến rất ít. Qua CouchSurfing, tôi gặp khá nhiều người nước ngoài đang sinh sống và làm việc tại Ai Cập. Phần nhiều trong số họ đã và đang lên kế hoạch rời khỏi nước này. Tình hình rối ren khiến việc trả lương, tăng lương bị trì trệ. David Grant, huấn luyện thể lực cho một hạt giống tennis của Ai Cập, than phiền rằng tiền trợ cấp tiền nhà sáu tháng qua anh chưa được nhận. Đáng lẽ anh được tăng lương từ mấy tháng trước, nhưng nay không ai uyết định chi tiền. Tình hình cũng chẳng khá hơn với dân địa phương. Ahmad El Gamal, anh bạn Ai Cập tôi quen qua CouchSurfing, đang tận hưởng những ngày tháng ăn chơi dài dài. Anh tốt nghiệp đại học từ năm 2010, nhưng chẳng buồn tìm việc làm, bởi biết chắc rằng tình hình bất ổn thế này làm gì có việc mà tìm.

66. Ngôi nhà Bob Marley ở Luxor

Luxor là một thành phố du lịch nằm ở Upper Egyp (Ai Cập chia thành Upper & Lower như miền xuôi miền ngược của mình) bên bờ sông Nile. Được xây trên nền của thành phố Thebes cổ đại, Luxor có vô vàn công trình kiến trúc lăng mộ, đền đài từ thời Pharaoh, nhiều đến mức thành phố này đã được mệnh danh là bảo tàng ngoài trời lớn nhất thế giới. Thành phố này cũng rất đẹp với nhiều cây và hoa, không gian thoáng đãng, dòng sông thơ mộng. Tuy nhiên, đẹp quá nên thành phố này đã bị du lịch hóa quá mức. Tôi không thích một nơi mà cứ ra ngoài là bị bám theo chào hàng, bị lôi kéo, bị ép giá chỉ vì mình là người nước ngoài. Tuy nhiên, thành phố này vẫn để lại cho tôi những ấn tượng khó quên bởi một con người vô cùng thú vị mà tôi gặp.

Chuyến xe tôi đi đến Luxor lúc sáng sớm. Chưa biết sẽ xuống đâu, tôi cứ ngồi lì trên xe bus. Khi chỉ còn tôi trên xe, anh chàng soát vé mới hỏi:

“Giờ em xuống đâu?”.

“Em chưa biết. Anh biết khách sạn nào rẻ rẻ không giới thiệu cho em?”.

“Biết. 10LE/đêm. Nhà nghỉ của ông anh anh”.

Bình thường tôi không hay nghe theo lời giới thiệu từ phụ xe, bởi họ hay giới thiệu cho mình giá cao cắt cổ để ăn phần trăm. Nhưng 10LE thì chưa đến 2USD, tôi không nghĩ bạn này mất công lừa mình làm gì. Thế là tôi đi theo.

Tôi thích Bob Marley House ngay từ cái nhìn đầu tiên. Nhà nghỉ đậm chất rasta với những mảnh vải đủ màu sắc sặc sỡ chằng chịt; những chiếc bàn uống nước vuông và thấp; cạnh đó là những chiếc gối to vuông vức để mình ngồi hay quỳ tùy thích; cờ ba màu xanh lá cây, vàng, đỏ của phong trào rasta. Một góc sân được căng đủ các loại vải để che mưa nắng, trải gối ngồi, căng võng để khách nằm hóng gió. Trên sân thượng lại là những chiếc ghế xích đu, trải nệm dài để mình có thể nằm phơi nắng. Tôi hơi buồn vì ở Việt Nam, ít người biết đến Bob Marley hay phong trào rastafari (gọi tắt là rasta). Có lần đi nói chuyện với các bạn trẻ, các bạn hỏi tôi thích ca sĩ nào, tôi nói tôi thích Bob Marley. Các bạn mới ngơ ngác hỏi:

“Bob Marley là ai?”.

“Là ông vua nhạc reggae”.

“Nhạc reggae là gì?”.

Tôi liền cao hứng hát mấy câu: “Don’t worry, be happy”, các bạn mới à lên hiểu hiểu.

Anh chủ nhà nghỉ khoảng hai lăm tuổi, vừa chui từ trong bếp ra vừa cười toe toét. Anh mặc trên người chiếc quần pijama rộng thùng thình với ba màu rasta và mặt Bob Marley to đùng ở trên mông.

“Em muốn ở phòng dorm hay phòng riêng?”.

“Phòng dorm ạ. Bao tiền một đêm anh?”.

“20LE em ạ”.

“Ừa, bạn phụ xe vừa nãy bảo em 10LE”.

“Ừ, thì lấy em 10LE”.

Anh dẫn tôi lên xem phòng dorm. Rồi như tự nhiên nhớ ra gì đấy, anh bảo:

“Đằng nào bên anh cũng còn phòng riêng trống đấy. Em vào đấy mà ở. Giá bằng luôn”.

Vậy là tôi có được một căn phòng rất xinh và sạch sẽ với giá chỉ 10LE/đêm. Trong phòng có khăn tắm thơm nức, có xà bông để tắm, có nước để uống. Khách ở khách sạn được ăn sáng miễn phí, tối tối anh còn rủ tôi ăn cùng anh và nhân viên khách sạn luôn. Riêng mấy cái đấy cũng phải tốn gấp năm lần cái giá anh cho tôi thuê phòng. Thắc mắc, tôi hỏi thì anh cười:

“Anh chạy nhà nghỉ cho vui thôi chứ anh không kiếm tiền từ cái này”.

“Thế anh kiếm tiền từ cái gì?”.

“Ha ha, từ từ em sẽ biết”.

Tôi tò mò muốn chết, bắt đầu theo dõi anh. Anh cao ráo, hơi gầy, da ngăm đen, nhìn kỹ cũng đẹp trai. Anh lúc nào cũng cười, cười hiền ời là hiền với mà lúm đồng tiền duyên tưởng chết. Ở anh có vẻ vô tư vô lo rất đúng tinh thần “Don’t worry, be happy”, nhưng anh không tết tóc rasta mà để tóc ngắn. Anh ở nhà hầu như cả ngày, bạn bè đến chơi suốt. Một buổi chiều, một người bạn đến đón anh đi đâu đó. Anh gọi tôi:

“Chip muốn biết anh kiếm tiền thế nào đúng không? Đi cùng anh cho xem”.

Tôi gạt đầu cái rụp.

Xe đi chậm chậm dọc bờ sông Nile, gió thổi vào mặt mát lạnh. Anh cố tình lái xe một vòng quanh thành phố chỉ cho tôi đủ các điểm thú vị. Xe dừng lại trong một con hẻm nhỏ. Anh dặn tôi ở lại trong xe, chạy ra nói chuyện với ai đó chỉ năm phút rồi đi vào. Anh thấy một gói nhỏ nhỏ bọc giấy báo sang phía tôi.

“Em biết cái này là gì kh

Không cần mở ra, chỉ cần ngửi mùi tôi cũng biết là cần sa.

“Anh kiếm tiền từ cái này”.

“Ừ”.

“Gói này anh để bán cho ai?”.

“Không, anh không trực tiếp bán. Cái này để cho người nhà hút thôi”.

Về đến nhà nghỉ, anh rủ tôi lên phòng anh hút thuốc uống trà.

“Biết anh là đưa buôn thuốc, em có sợ không?”.

“Không”.

“Anh có súng này”. Anh lôi dưới hộc tủ ra hai khẩu súng: một khẩu súng lục và một khẩu súng trường nhìn hơi ngắn so với các loại súng trường tôi hay nhìn thấy.

“Em có sợ không?”.

“Có”. Tôi trả lời mà bản khoăn không biết cuộc hội thoại này sẽ đi về đâu.

“Ha ha, em thông minh lắm, biết cái gì nên sợ cái gì không. Em yên tâm, anh không làm hại em đâu”. Anh đưa tay lên vuốt ve khẩu súng trường, neho neho mắt như thể sắp bắn. “Đây là khẩu Egyptian Rasheed, một trong những loại súng trường hiếm nhất thế giới. Nhỏ nhưng bắn khá tốt. Nhưng nó hiếm quá nên bắn tiếc lắm. Để giữ làm cảnh thôi”.

“Dân thường được phép sở hữu súng ở

“Ừ. Có giấy phép thì được sở hữu. Mà cứ trả tiền thì giấy phép gì cũng lấy được hết”.

“Sao anh lại kể cho em về công việc của anh?”.

“Vì em muốn biết”.

“Ý em là sao anh lại tin em mà kể cho em?”.

“Vì anh quý em. Em là một cô bé rất dũng cảm, rất thông minh. Hai mươi tuổi, thân gái một mình, từ tận Việt Nam sang đây. Thật kinh khủng. Hồi bằng tuổi em, anh cũng bươn chải ghê lắm, nhưng chỉ ở Ai Cập này thôi, làm gì dám bôn ba như em. Em bây giờ như miếng bọt biển vậy, em hấp thụ tất cả những gì xung quanh mình. Cứ đi nhiều đi, cứ trải nghiệm nhiều đi, cứ hấp thụ thật nhiều đi”.

“Anh quê gốc ở đâu?”.

“Ở Aswan. Anh người Nubian: đen, khỏe, đẹp”. Anh cười lớn “Em thấy bức tranh treo ở đây không? Cảnh Aswan đấy. Đẹp lắm”.

Bức tranh vẽ cảnh mấy hàng dừa soi bóng bên bờ sông, những cánh buồm trắng thong dong trên mặt nước, những ngôi nhà đất mái vòm cong cong, đám trẻ con da đen bóng hờn nhiên nô nghịch. Phong cảnh bình yên đến lạ.

“Em cũng đang trên đường đi Aswan”.

“Em ở đến cuối tuần đi. Bạn anh cuối tuần lái xe về Aswan sẽ cho em đi nhờ”.

Thế là tôi ở lại thêm mấy ngày. Tôi tranh thủ đi thăm thú hết những điểm du lịch ở đó: Thung lũng vua, thung lũng hoàng hậu, đền đài, chợ búa. Buổi sáng tôi dậy sớm ra ngoài không kịp ăn sáng, anh cẩn thận gói bánh mì, sữa, trái cây vào túi cмang theo. Lúc chia tay, tôi hỏi thanh toán nhưng anh nhất định không chịu lấy tiền.

“Để dành tiền mà đi em ạ. Tuổi trẻ cứ phải xông pha như em. Sau này trưởng thành rồi, quay lại đây nhớ tìm anh nhé”.

67. Đi nhờ xe lên Aswan

Abdel làm nghề lái taxi du lịch. Anh vừa chở khách từ Aswan lên Luxor, nên xe về Aswan còn trống. Anh là một anh chàng Nubian đặc sệt từ đầu đến chân: to cao, da đen ánh nâu đỏ, môi dày. Anh có điệu cười vang vô âu vô lo, như thể tiếng cười là thứ duy nhất anh cần để phân biệt anh với tất cả những người xung quanh vậy. Lâu lắm rồi tôi mới được nghe ai cười như thế trong đời sống thực.

“Cô bé dừng cảm. Anh nghe bạn anh kể thì em học tiếng nhanh lắm. Bây giờ anh sẽ dạy em tiếng Nubian”.

“Ăc, em còn đang học tiếng Ả rập, giờ học tiếng khác vào nữa sẽ bị lẫn ngay anh ạ”.

“Ha ha ha ha, không được. Em không thể học tiếng Ả rập mà lạ không chịu học tiếng Nubian được. Anh giận đấy”.

Lòng tự tôn Nubian thật là đáng sợ.

Đường từ Luxor xuống Aswan toàn là sa mạc. Nhưng sa mạc ở đây khác sa mạc ở Siwa. Cát ở đây nhiều cung bậc màu sắc hơn ở Siwa. Chỗ thì cát xếp thành từng dải cong cong như giường trải lụa bị ai đó làm rối. Chỗ thì xếp cát cao thành đụn, lẫn vào vi đá, màu hơi đen như mai rùa. Chỗ thì vệt cát trải dài với những vết cắt tua tủa như đuôi rồng. Tôi vừa nhìn cát vừa tưởng tượng ra đủ hình thù như thể đang ngắm mây vậy. Anh chàng Nubian cười vang mỗi khi tôi chỉ cho anh một hình nào đó quái dị. Càng đi xuống phía Nam trời càng nắng. Càng đi xuống phía Nam đường càng vắng. Hai bên đường tuyệt nhiên không có làng mạc gì. Bỗng nhiên, từ giữa sa mạc, một cột khói bay lên cao ngút. Những đốm trắng lấp lăm lăm như cả đàn cò trắng trên nền cát nâu nóng bỏng. Tôi dụi mắt cứ ngỡ mình bị ảo giác.

“Để lại đây xem là cái gì”.

Abdel bẻ tay lái đi về hướng cột khói đấy cho tôi xem. Đàn cò trắng hóa ra là cả trăm tấm lều được dựng lên giữa sa mạc hoang vu. Hàng ngàn người đầu quấn khăn, thân khoác áo chùng trắng chẳng biết từ đâu đến đang đi, đứng, ngồi, nằm ung dung trên cát. Những người bán hàng rong cũng xuất hiện với chủ yếu là bánh mía. Tuyệt nhiên chẳng thấy ai bán nước. Tiếng nói chuyện ồn ào huyền ảo. Cột khói hóa ra là cát bay mù mịt. Tôi đang đứng ăn bánh mía thì bất chợt mấy người xung quanh tôi chạy tán loạn. Ai đó kéo áo tôi chạy dạt sang một bên. Quay lại nơi tôi vừa đứng, một chú ngựa đang phi nước kiệu tới, cười trên lưng là một kỵ sĩ mới khoảng trên dưới chục tuổi. Vài chú ngựa khác theo sát phía sau. Tiếng người reo hò vang dội, vọng vào trong nắng, lắng đọng trong cát, chìm hẳn vào trong không gian mênh mông bất tận. Hóa ra nơi đây đang diễn ra cuộc thi đua ngựa. Phần thi vừa rồi là phần thi dành cho trẻ em. Tôi tiếc hùi hụi mình không có máy quay để ghi lại quang cảnh có một không hai này.

Tôi thích Aswan ngay từ cái nhìn đầu tiên. Ở Aswan có cái gì đó chân chất, thật thà chứ không con buôn thành thị như kiểu Luxor. Xe dừng lại ở nhà một người bà con của Abdel. Mọi người nhìn tôi tò mò. Mấy người còn đến sờ chân sờ tay tôi cứ như thể để kiểm tra xem tôi có được làm từ xương từ thịt không vậy, rồi tỏ ra hết sức thích thú khi phát hiện ra là có. Mọi người cười ré lên khi tôi bập bẹ vài từ tiếng Nubian vừa học trên xe. Tôi ở với em gái của Abdel trong ngôi nhà đất của gia đình anh, trong ngôi làng ven sông đúng như những gì tôi thấy trên tranh. Tôi yêu Aswan không phải vì đây có những địa điểm tham quan đẹp, cũng không phải vì ở đây có những món ăn ngon. Tôi yêu Aswan đơn giản vì yêu cái tình làng nghĩa xóm ấm áp nơi đây, yêu cái phong cảnh bình yên đến lạ, yêu cái phóng khoáng ăn sóng nói gió của con người sông nước.

68. Lỡ xe bus

Ai cũng phạm phải sai lầm gì đó khi đi bụi. Có những sai lầm rất buồn cười, ví dụ như khi tôi ngủ quên khi đi nhờ xe, tỉnh dậy đã thấy mình quá điễm tôi muốn đến tới hơn hai trăm cây số, thế là tự nhiên phát hiện ra một thị trấn cực kỳ hay ho mà chưa bao giờ tôi nghe thấy. Có những sai lầm lại rất là ngớ ngẩn, ví dụ như sai lầm sau đây. Tôi kể ra để bạn nào đi như tôi thì biết mà tránh.

Kế hoạch tươi đẹp của tôi là tôi sẽ đi xe bus từ Cairo đến Sinai, dừng lại ở tu viện St.Catherine lúc sáu giờ tối, leo lên đỉnh núi Sinai nơi Mô-sê nhận mười điều răn từ Thiên Chúa, ngủ qua đêm trên đây chờ mặt trời mọc, rồi sẽ xuống thăm tu viện vào buổi sáng. Tôi cẩn thận đặt vé xe bus từ trước. Sau khi mua vé xe và mua quà cho bà của Amr, tôi chỉ còn đúng 100LE. Tôi nghĩ số tiền này đủ cho tôi đi nhờ xe từ tu viện St.Catherine đến biên giới và ra khỏi Ai Cập trước khi visa của tôi hết hạn. Sang bên kia Israel, tôi có \$20 để đi nhờ xe lên Tel Aviv, gặp Abramson – chủ của trang Walyou trước giờ tôi vẫn viết cho – để lĩnh lương và tôi sẽ giàu trở lại. Mọi thứ được tính toán từng li từng tí, chỉ duy nhất có một điều tôi quên: giao thông. Quá quen với giao thông ở Việt Nam và Nepal rồi, tôi bị hoang tưởng rằng ngày có vài lần tắc đường như Cairo là thiên đường.

Sáng hôm đấy thức dậy, tôi thông thả ăn sáng, tắm rửa, đọc sách, thậm chí còn có thời gian lên Facebook. Bến xe bus chỉ cách chỗ tôi ở mười phút đi taxi, nên tôi lao ra khỏi nhà mười lăm phút trước giờ xe (định) chạy. Xe ở Ai Cập không bao giờ chạy đúng giờ cả. Lần trước tôi đi, tôi phải đợi ở bến xe hai tiếng.

Tôi không ngờ được rằng phải mất một tiếng, taxi mới đi hết quãng đường 5,5 kilomet.

Và chuyến xe bus của tôi, ngạc nhiên thay, đã đi mất rồi.

Phải mất một lúc lâu tôi mới nhận ra mình thảm hại đến mức nào. Tôi vẫn không thể nào tin được rằng mình lại bị trễ xe bus, mà lại là xe bus ở Ai Cập. Một ngày chỉ có một xe đi St.Catherine. Bởi vì visa của tôi sắp hết hạn, tôi không thể chờ đến ngày mai được.

Kế hoạch ban đầu của tôi là thuê một xe taxi đuổi theo xe bus, nhưng nhanh chóng nhận ra đưa xe là một điều không tưởng với tình trạng tắc đường thế này.

Kế hoạch thứ hai của tôi là đi nhờ xe lên Sinai. Trước hết, tôi cần phải ra đến đường cao tốc. Một taxi dừng lại trước mặt tôi ở bến xe bus. Tôi bảo: “No money, no taxi” và người lái xe nói: “No money, no problem”. Tôi ngây người ra vì ngạc nhiên.

“Bác đang đi đâu ạ?” Tôi hỏi bằng tiếng Ả rập bồi.

“Cháu muốn đi đâu?”.

“Sinai”.

“OK”.

Tôi lặp đi lặp lại: “Sinai. Siinaiiiii. Xa lắm”. Tôi bối rối không hiểu bác có đi Sinai thật không. Trời thì nóng, tôi thì mệt. Ba lô to đùng sau lưng, ba lô nhỏ nhỏ trước ngực. Mồ hôi ướt đầm người. Não của tôi tan chảy. Tôi bước lên xe, gọi điện cho Amr nhờ Amr giải thích cho ông là tôi cần ra đến đường cao tốc. Ông gật đầu. Tôi thờ dãi nhìn ra ngoài khi bất chợt tôi thấy bàn tay ông sờ soạng đùi tôi.

“Bác làm gì thế?”.

“Friend”. Ông ta chỉ vào tôi rồi chỉ vào mình. “You. My friend”.

“Shit”. Tôi đập tay lên cửa kính.

“No friend?”. Ông nhìn tôi với con mắt ti hí. Quá ghê tởm, tôi yêu cầu ông dừng xe cho tôi xuống ngay tức khắc. Chưa được mười phút tôi đã bị sàm sờ thế này. Không hiểu nếu tôi đi nhờ xe đến Sinai thì sẽ còn bệnh hoạn thế nào. Tôi đến một chiếc xe minibus, đưa cái vé đi Sinai hoàn toàn vô dụng của mình ra giải thích rằng tôi cần tìm xe bus chợ đi Sinai. Anh chàng soát vé bảo tôi đi lên, rồi thả tôi lại

bên xe ngay cạnh nhà Amr. Hóa ra xe bus ban đầu đi từ cái bên mà tôi vừa bị lỡ, đến cái bên này rồi mới đến Sinai. Nếu biết trước đi thẳng ra đây có phải tôi đỡ bị lỡ xe không

Tôi đành ngậm ngùi bỏ qua núi Sinai bởi không có cách nào tôi có thể đến đây rồi đi Israel trước khi visa của tôi hết hạn cả. Tôi mua vé đi thẳng đến Taba tối hôm đấy với 80LE, rồi phóng tay đi taxi về nhà Amr vì quá mệt để đi xe bus. Bà của Amr nghe tôi kể thì cứ xuýt xoa tội nghiệp con bé. Buổi tối hôm đấy, không biết vì thương tôi hay vì sợ tôi lại quay lại mà bà bình thường không bao giờ ra ngoài, phá lệ ra tận bến xe để đưa tôi đi, với cô của Amr cầm lái. Bà và cô dẫn tôi đi một vòng cuối cùng quanh thành phố, rồi còn mua đồ ăn cho tôi mang lên xe. Ra gần đến bến xe rồi, bất chợt cô bảo:

“Chip này, hay con đừng đi nữa, ở lại đây luôn với gia đình nhà cô đi. Nhà cô có mấy cửa hàng quần áo còn thiếu người quản lý, con ở lại quản lý một cửa hàng cho cô. Vợ chồng cô cũng già rồi không đi xa được nữa, con ở lại lo luôn việc nhập khẩu hàng từ Trung Quốc cho mấy cửa hàng này”.

Cô của Amr rất quý tôi vì tôi học tiếng Ả rập nhanh. Tôi lại hay ở nhà chăm sóc bà vì Amr đi học cả ngày.

“Dạ, con phải đi cô ạ”. Tôi phân vân lắm. Ở lại Ai Cập học tiếng Ả rập mấy năm cũng hay. Giờ tôi đi là bao nhiêu vốn liếng học cả tháng nay thế nào cũng bay sạch cho xem.

“Ừ, cô biết. Nhưng nếu khi nào con mệt muốn dừng lại, thì hãy luôn nhớ rằng con có một gia đình ở Cairo nhé”.

69. Nắng gió và biển Israel

Chuyến xe bus đêm nào cũng dài và buồn tẻ. Chuyện duy nhất khiến mọi người xôn xao là anh chàng Do Thái đơn độc trên xe cứ liên tục bị yêu cầu xuống xe để khám xét. Ôi người Do Thái trên đất Ai Cập!

Có những con người tôi yêu ngay từ khi chưa gặp mặt. mảnh đất tôi yêu ngay từ trước khi đặt chân đến. Israel là một mảnh đất như vậy. Tôi không hiểu tại sao mình lại dành tình cảm cho Israel đến thế. Khoan nói đến chính trị, tôi không hoàn toàn đồng ý với chính sách của Chính phủ nước này. Tôi yêu Israel vì tôi bị cuốn hút bởi lịch sử của Israel và của dân Do Thái, kinh ngạc vì sự phát triển vượt bậc của đất nước vừa trẻ vừa nhỏ bé này. Đọc Kinh Thánh từ nhỏ, tôi đã quá quen thuộc với những địa danh của Israel và chỉ mong một ngày được đặt chân đến những nơi này.

Nghe quá nhiều về Hải quan Israel, tôi hơi run khi đi qua Hải quan vào nước này. Người đi trước tôi bị Hải quan giữ lại, yêu cầu mở túi kiểm tra từng li từng tí. Tôi cũng ngoan ngoãn xếp cái ba lô của mình vào góc chờ đến lượt. Chờ khoảng mười lăm phút vẫn chẳng thấy ai bảo sao. Chú Hải quan nhướn mắt lên hỏi:

“Cháu còn đứng đó làm gì?”.

“Ừa, không ai kiểm tra hành lý cháu ạ?” “Không. Đi đi”.

Sau cả đêm vượt sa mạc toàn cát là cát, tôi lập tức bị choáng ngợp bởi biển mênh mông lồng gió khi vừa bước chân ra khỏi trạm kiểm soát. Những cô nàng tung tăng đi dạo trong bikini trên bãi biển. Những chàng trai thoải mái chơi bóng. Những gia đình thả cắm trại trên bãi biển. Bầu không khí phóng khoáng khác hẳn Ai Cập. Tôi hít căng lồng ngực, thở ra thật chậm. Tôi dụi mắt mấy lần vẫn không tin rằng mình đang ở trên đất Israel. Đây là biển Đỏ. Đây là biển Chết. Đây là Jerusalem. Đây là miền đất hứa.

“Heeeyy”. Một gia đình đang cắm trại trên bãi biển vẫy tay về phía tôi rồi rít. Những người khác trên bãi biển cũng nhìn tôi mỉm cười thân thiện. Chưa bao giờ tôi đến một đất nước mà lại được chào đón nhiệt tình như thế.

“Chào mừng đến với Israel”.

“Shalom”. Tôi hét lên chào lại. “Đường nào lên Tel Aviv hả bác?”.

“Xe bus vừa đi mất rồi. Một tiếng nữa xe cơ. Xuống đây chơi đã”.

Các bác có khu lều to nhất mà tôi từng thấy. Lều có khu sinh hoạt chung cho mọi người, có bếp nấu ăn, có lều riêng cho mỗi cá nhân, đệm bơm hơi êm ái, ghế gấp gọn gàng, lại có nhà vệ sinh cơ động. Nhà vệ sinh này quây kín bằng vải, có bồn cầu không đáy, mỗi khi sử dụng bạn phải trùm túi nilon vào, rồi vứt túi nilon đó vất vào thùng rác. Tất cả những cái đấy đều có thể gấp lại cho hết lên xe.

“Các bác có đồ cắm trại chuyên nghiệp quá”.

“Chuyện, dân Do Thái là một dân tộc đi mà. Cháu chưa nghe câu từ ngày xưa, Mô-sê đã đi trong hoang mạc bốn mươi năm à?”.

Bác ấy đang cắm trại với khoảng năm người đàn ông trung niên khác và gia đình của họ. Người đàn ông nào cũng bặm trợn, hình xăm đầy mình, nhưng mặt thì hiền khô. Ai cũng tỏ ra hết sức thích thú khi thấy tôi đi một mình, tranh nhau hỏi chuyện tôi.

“Tụi này là một motorcycle gang (nhóm đi xe máy), chơi với nhau từ hồi trẻ”.

“Cháu đói không, ăn sandwich đi”.

“Cháu từ đâu đến? Đi những nước nào rồi?”

“Sao cháu lại sang Israel?”.

“Cháu nói được tiếng Hebrew không?”.

Tôi hỏi các bác cách đếm từ 1 đến 10. Mọi người ồ lên kinh ngạc vì chỉ cần nghe một lần là tôi lặp lại được ngay.

“Tại vì nó giống tiếng Ả rập

“Cháu nói được tiếng Ả rập à?”.

“Cháu học được một ít ở Ai Cập ạ”.

“Giỏi quá. Thế thì bây giờ cháu cũng phải học tiếng Hebrew”.

Thế là các bác bắt đầu dạy tiếng Hebrew cho tôi.

“Gạo là aroz. Không, “r” không rung ở lưỡi mà phải rung từ trong cuống họng. Đúng rồi. Hành là batzal. Không “tz” chứ không phải “ch”. Cháu phải đặt lưỡi ở răng. Ôi, con bé này không nói được âm “tz”.

Sau một lúc nói chuyện, có lẽ quý tôi, các bác bảo.

“Ngày mai các bác về lại Tel Aviv, nếu cháu ở lại đêm nay thì ngày mai các bác cho đi nhờ”.

Thế là tôi ở lại. Buổi tối, đứng trên bờ, các bác chỉ ra những cụm đèn ngoài khơi: “Đây là Jordan. Đây là Ả rập Saudi”. Tim tôi đập rộn ràng khi nghe những địa danh đấy. Các bác kể cho tôi nghe về cuộc đời của các bác.

“Bác sinh ra ở Nga, sang Nam Phi những năm 70 với gia đình, về lại Israel đầu những năm 90”.

“Khi Nelson Mandela chuẩn bị lên nắm quyền đúng không ạ?”. Lúc đấy, những gì tôi nghe về Nam Phi chỉ là những tiêu đề đọc trên báo, nhưng có đọc cũng chỉ đọc qua loa vì thấy nó quá xa với mình. Đây là lần đầu tiên những gì diễn ra ở đầu cuối của bán cầu bên kia lại gần gũi với tôi đến như vậy.

“Có thể cháu sẽ cho rằng bác là người phân biệt chủng tộc thế này thế kia. Nhưng quả thực, cuộc sống trước thời Nelson sướng hơn nhiều, an toàn hơn nhiều. Từ khi ông ta lên, người bản địa mới lộng hành, gây ra nhiều tội ác, nhiều tệ nạn.” Đây cũng là lần đầu tiên tôi nghe được một ý kiến trái chiều như thế, ý kiến từ một người ở phía bên kia của chiến tuyến.

Tôi không có túi ngủ, tôi kê ba lô làm gối ngủ ngay trên bãi biển. Ban đầu, gió mát hây hây, sóng biển dập dềnh, cát mềm gối lưng, tôi nằm ngửa vừa ngắm bầu trời đầy sao, vừa mỉm cười đầy mãn nguyện. Nhưng đấy là do tôi chưa lường hết được thời tiết biển Đỏ. Bao quanh bởi sa mạc, ban ngày hơi nóng, ban đêm lại lạnh thấu xương. Đến khoảng hai giờ sáng tay chân tôi bắt đầu tê cứng lại. Tôi lôi hết quần áo của mình ra mặc vào mà vẫn lạnh. Tôi mở mắt thao láo nhìn sang ánh đèn lấp lánh phía bên Jordan, tự hỏi nếu mình bơi lặn giỏi thì có thể lặn vào bên Jordan mà không phải qua xuất nhập cảnh hay không. Hay là sang Ả rập Saudi? Đây là một quốc gia mà tôi luôn muốn sang để thăm Mecca – thánh địa đạo Hồi. Nhưng họ không cấp visa du lịch cho con gái không theo đạo Hồi. Hay là tôi cải sang đạo Hồi để đi nhỉ? Tôi đọc trong cuốn Among the Dervishes tác giả cũng nói dối mình theo đạo Hồi để đi Mecca, nhưng họ không tin anh. Anh sau này cũng phải đi thuyền vào Ả rập Saudi bất hợp pháp. Tôi vừa nằm nghĩ miên man vừa thấp thỏm chờ mặt trời lên. Khoảng sáu giờ sáng, mặt trời lên ầm ầm, tôi lại ngủ thiếp đi.

70. Lên Petah Tiqwa đúng ngày Shabbat

Trong suốt chuyến đi của mình, tôi đã làm nhiều chuyện đại dột. Nhưng có một chuyện đại dột tôi hoàn toàn tránh được nếu tôi chịu tìm hiểu kỹ hơn, nhưng tôi đã không làm điều đó. Đó là lên thành phố Israel đúng ngày thứ bảy.

Chủ nhà Couchsurfing không cho tôi địa chỉ cụ thể, mà chỉ bảo tôi đến một quảng trường ở Petah Tiqwa, một thành phố vệ tinh cách Tel Aviv hai mươi phút lái xe, rồi gọi cho anh. Nhưng tôi phát hiện ra rằng mình chỉ có số anh gửi vào email cho mình mà quên chưa lưu vào trong điện thoại. Mấy hôm nay ở sa mạc với biển, chẳng có cách nào vào mạng được. Tôi đi vòng vòng quanh quảng trường mà chỉ thấy chỗ này vắng tanh vắng ngắt, các cửa hàng đóng cửa im ỉm. Ngạc nhiên quá, tôi túm một bác gái ngồi nghỉ gần đó hỏi. Bác nhìn tôi ngạc nhiên không kém:

“Ngày Shabbat ai làm việc hả cháu?”. Tôi hồi nhỏ đọc Kinh Thánh được biết ngày Shabbat là ngày Thiên Chúa nghỉ ngơi nên loài người không ai được phép làm việc. Nhưng trong đạo Thiên Chúa, ngày Shabbat các cửa hàng vẫn mở cửa như thường. Tôi đâu có ngờ mọi người ở đây lại giữ ngày Shabbat nghiêm thế.

“Bác biết ở đâu có quán Internet vẫn mở cửa không ạ? Cháu cần vào mạng có việc gấp”.

“Tel Aviv thì chắc là vẫn có”.

“Có xe bus lên Tel Aviv không hả bác?”.

“Có, nhưng Shabbat xe nghỉ chạy rồi”.

Tôi tiu nghỉu ngồi bệt ngay xuống đất, dựa lưng vào cột. Không có việc gì làm, tôi mở con netbook lỏm của mình ra. Trước sự ngỡ ngàng và sung sướng của mình, tôi phát hiện ra máy wifi không có password. Ở Ai Cập lâu quá, tôi quên khuấy đi mất Israel là một quốc gia công nghệ phát triển, wifi ngoài đường là chuyện hiển nhiên. Tôi tìm được số của Amir, rồi mượn điện thoại một người ngoài đường gọi cho anh. Trái tim tôi tan nát ra từng mảnh khi anh nói rằng anh đang ở rất xa, phải vài tiếng nữa mới quay trở lại, khi nào quay trở lại anh sẽ gọi cho tôi. Nhưng tôi làm gì có số đâu mà anh gọi? Hôm nay cũng đâu có chỗ nào bán SIM mở cửa đâu mà tôi mua. Tôi hẹn anh rằng hai tiếng nữa tôi sẽ gọi lại cho anh.

Đói hoa cả mắt, tôi đi tìm chỗ nào ăn nhưng hiển nhiên là cũng chẳng có chỗ nào mở cửa. Tôi cố gắng nhìn vào mặt sáng của vấn đề. Cũng may hôm nay là shabbat mà tôi có cơ hội nhìn Petah Tiqwa với bộ mặt nguyên sơ nhất của mình: không ồn ào, không huyên náo, chỉ có những con phố rộng thênh thang rợp bóng cây xanh, những con ngõ nhỏ đầy hoa và những ngôi nhà im lìm với bãi cỏ trước mặt, những cây điện thoại sơn đỏ rực như ở Anh. Israel là một sự kết hợp hoàn hảo giữa văn hóa Trung Đông và kinh tế Châu Âu, giữa tôn giáo và khoa học, giữa lịch sử đau thương và tuổi trẻ lạc quan vào tương lai tươi sáng. Sáng nay đi xe từ Eilat lên đây, tôi cứ liên tục phải há hốc mồm kinh ngạc khi tận mắt chứng kiến

“Cháu có tin được là cách đây sáu mươi năm, tất cả chỗ này chỉ là sa mạc khô cằn không ai thèm lấy. Vậy mà người Do Thái đã xây dựng nó thành một quốc gia công nghệ phát triển bậc nhất thế giới”. Bác cho tôi đi nhờ xe tự hào khoe. Tôi ước gì một ngày nào đó, tôi cũng có thể tự hào khoe như thế về đất nước của mình.

Sau ba tiếng làm đủ trò ngớ ngẩn, cuối cùng tôi cũng nhìn thấy cái mặt cười tươi rạng rỡ của Amir và bạn gái của anh Dana. Anh chị vừa cho tôi ăn vừa bảo:

“Shabbat ở đây còn đỡ đấy em ạ. Em còn may có người cho đi nhờ xe đấy. Nhiều người ngày Shabbat còn chẳng lái xe cơ. Bật điện họ cũng không dám bật. Em muốn biết Shabbat thực sự thế nào thì phải xuống Jerusalem cơ”. Dana bảo.

“Hôm nay vẫn còn nhiều người phá lệ đấy. Em mà đến đúng ngày Yom Hazikaron thì anh chị cũng

chẳng ra đón em”.

“Yom Hazikaron là ngày gì ạ?”.

“Em chờ đến ngày thứ ba sẽ biết”.

Israel 101

Israel là một đất nước đặc biệt. Người Israel là một dân tộc đặc biệt. Để sống sót được và hòa nhập ở nơi đây, bạn cần nắm rõ một số quy ước hành xử ở nơi này.

“Ani lo frayer” – “Tôi không phải là một frayer”

Đây là câu đầu tiên bạn bè dạy tôi khi biết tôi muốn ở lại Israel. Muốn sống sót ở đất nước này, bạn phải biết đấu tranh. Nhìn lại lịch sử hàng ngàn năm của người Do Thái, từ khi Mô-sê dẫn dắt người Israel ra khỏi kiếp nô lệ trên đất Ai Cập, cho đến khi dân Do Thái phải chống trả lại cuộc diệt chủng khiến nửa số người Do Thái diệt vong, chongày nay khi mà người Do Thái vẫn phải vẫn phải đấu tranh cho đất nước của chính mình, tất cả những gì họ làm đều là để không biến mình thành một “frayer”, dịch đại loại ra là thằng hèn, kẻ thua cuộc, kẻ bị lợi dụng. Họ sẽ không để người ta chà đạp lên mình, họ sẽ không để người ta lợi dụng mình, họ sẽ không để người ta tước đi quyền của mình. Trong đời sống thường ngày, họ sẽ không để ai đó cất lên trước mình khi xếp hàng, không để cho ai đó chém giá cắt cổ cho mình, không để cho ai đó sỉ vả mình mà không có lý do. Chính vì thế, người Israel ra nước ngoài thường bị một số người ghét vì “khôn” quá.

Người Israel rất “dugri”

Simon Cowell có gốc Do Thái và ông ấy rất “dugri”. Amir là người Do Thái và anh ấy rất “dugri”. Khi tôi mới bước chân vào nhà anh, anh đã nhăn mũi.

“Eww, có mùi gì ấy nhỉ?”.

“Mùi giày của em đấy ạ”. Tôi đỏ mặt.

“Em đi giặt giày đi. Xà phòng ở trong nhà tắm”.

Dana mới cười an ủi: “Em nên quên đi đừng ngại. Người Israel rất dugri”.

“Dugri” là tiếng lóng cho “nói thẳng, nói thật”. Người Israel thẳng thắn đến mức thô lỗ. Họ không ngại nói thẳng vào mặt bạn khi bạn làm gì đó quá dở. Họ không ngại nói rõ ràng cái gì họ muốn, cái gì họ không muốn. Với họ, như thế là để tiết kiệm thời gian mò mẫm đoán ẩn ý. Với nhiều người, như thế là thô lỗ. Với tôi, tôi thích như thế bởi tôi có thể thoải mái nói những gì mình nghĩ mà không sợ ai phật lòng.

Không ai được kể chuyện đùa holocaust, trừ người Do Thái.

Người Do Thái có khiếu hài hước đỉnh cao có từ thời kinh Torah. Từ trước khi sang Israel, tôi đã hâm mộ sự hài hước của Woody Allen, Groucho Marx, Jerry Seinfeld và cả Howard Wwitz trong Big Bang Theory. Và khi sang đến Israel, tôi hoàn toàn bị chinh phục bởi khả năng nói đùa một cách rất ngẫu nhiên nhưng có thể khiến bạn cười cho đến khi có bụng sáu múi.

Vốn sống lạc quan, người Do Thái có thể cười về bất kỳ chuyện gì, kể cả cuộc diệt chủng. Ronan đã từng bảo với tôi: “Cuộc nói chuyện nào cũng kết thúc bởi hoặc là cuộc diệt chủng, hoặc là người Đức, hoặc là Hitler”. Tuy nhiên, họ có ranh giới. Không ai được nói đùa về cuộc diệt chủng, trừ người Do Thái.

Israel rất đắt.

Đừng thấy Israel ở châu Á mà cho rằng nó rẻ. Tiêu chuẩn sống và giá cả ở đây cao tương đương Châu Âu, trong khi lương lại thấp hơn nhiều. Một con cá chỉ bằng bàn tay giá cũng phải 51NIS (khoảng \$15, lúc bấy giờ 1USD khoảng 3,5NIS), một gói bim bim cũng phải 3–4USD. Không thể tin được, chỉ cần đi qua biên giới ra khỏi Ai Cập một cái là giá cả cái gì cũng tăng lên gấp mười.

71. Một ngày vui và một ngày buồn ở Israel

Với tôi, Amir và Dana là một cặp hoàn hảo. Cả hai đều hiền động, vui tính, diên rồ. Kể tung người hứng nên nhà lúc nào cũng rộn tiếng cười. Nhưng đến buổi tối thứ hai, không khí trong nhà bỗng trầm hẳn, không ai nói, không ai cười, Amir bảo tôi:

“Chip ơi, từ bây giờ đến tối ngày mai em đừng nói cười gì nhé. Nếu em không có việc gì cũng đừng ra ngoài. Đánh máy thì đánh êm êm thôi để tránh gây tiếng ồn”.

Ngày ở Israel bắt đầu từ lúc mặt trời lặn. Hoàng hôn ngày thứ hai là bắt đầu của ngày thứ ba: Yom Hazikaron. Đây là ngày tưởng nhớ những chiến sĩ đã ngã xuống và nạn nhân khủng bố. Ngày này được kỷ niệm ngay trước ngày Quốc Khánh Israel.

Amir và Dana chẳng bao giờ xem TV, nhưng hôm đây hai người vào mạng xem chương trình tưởng niệm trên truyền hình. Amir cũng mở trang web nơi người ta đăng tải thông tin về những liệt sĩ đã ngã xuống, đọc trang về cậu anh, rồi khóc. Cậu anh khi đấy vẫn là một cậu bé mười chín tuổi, trẻ trung, hiền động. Đây là ảnh cậu cười rạng rỡ với đám bạn khi đang đi cắm trại. Đây là ảnh cậu ngồi trên bãi biển chơi ghi ta. Đây là ảnh cậu đùa nghịch với đám bạn trong quân ngũ, súng vất ngang vai, miệng cười toe toét. Amir bảo cậu anh hồi nhỏ rất thích làm thơ và chính anh cũng viết nhạc cho một số bài thơ của cậu. Đúng tám giờ tối, một tiếng còi dài kéo lên báo hiệu một phút tưởng niệm. Amir và Dana lúc đấy đang ở trong nhà vẫn bỏ tất cả những việc mình đang làm, đứng nghiêm trang. Nếu ai đang đi ngoài đường lúc đấy thậm chí cũng dừng xe lại, bước ra ngoài đứng để tưởng niệm. Tôi không phải người Do Thái, tôi cũng không biết nhiều về lịch sử Israel, nhưng lòng tôi tự nhiên cũng trĩu lại. Nỗi đau của cả một dân tộc, nỗi chua xót của cả một thế hệ bao trùm lên cả một đất nước.

“Ở Israel ai cũng quen ít nhất một người đã chết trong chiến tranh. Ông nội anh là người của cả gia đình sống sót trong cuộc diệt chủng, chạy trốn về lại được Israel. Cậu anh mất trong chiến tranh 1967, bạn anh mất trong chiến tranh Li-băng 2006. Bọn anh hiểu hơn ai hết giá trị của sự tồn tại của mình ngày hôm nay trong một đất nước như thế này”.

Ấy vậy, nhưng buồn là thế, chỉ buổi tối thôi là không khí lại khác hẳn. Bầu không khí u buồn lập tức thay thế bằng bầu không khí vui tươi hơn hờ như thể chưa có chuyện gì xảy ra. Amir lại bắt đầu bật nhạc, nhảy tưng tưng khắp nhà.

“Chào mừng Quốc Khánh Israel!”. Amir vừa bật champagne vừa nói. Hôm nay cả thành phố Tel Aviv sẽ trở thành sàn nhảy lớn nhất thế giới và chúng ta sẽ tiệc tùng cả đêm.

Anh không hề nói quá. Cả thành phố Tel Aviv lấp lánh ánh đèn, xập xình tiếng nhạc. Dường như cả đất nước Israel đều đổ ra đường, tiếng cười nói, nô đùa vang dội. Quảng trường Rabin biến thành một sân khấu ca nhạc rực rỡ với cả chục ngàn khán giả. Khu phố Florentine trở thành trung tâm của bữa tiệc ngoài trời chật kín người tham gia. Chưa bao giờ tôi thấy nhiều trai xinh gái đẹp đến thế! Người Israel phải nói là rất đẹp. Người Israel di cư về đây từ khắp nơi trên thế giới mang đủ loại màu da, màu tóc, màu mắt. Qua mấy thế hệ, những nét này lai tạo vào nhau tạo nên những vẻ đẹp kỳ lạ, không ai giống ai, ngắm hoài không . Giới trẻ Israel lại tuyệt nhiên không có người béo (đây đó có những ngoại lệ nhưng rất rất ít), ai cũng người đẹp đáng chuẩn.

“Con gái Israel đẹp quá, ăn mặc cũng đẹp”. Tôi ngậy người ra ngắm, nói băng quơ. “Mình đã chẳng đẹp thì chớ, lại cũng chẳng có tiền mua váy xinh”.

“Aww, tội nghiệp thế. Anh hứa là khi nào anh có tiền, việc thứ hai anh sẽ làm là mua cho em một bộ váy thật đẹp”. Ai đó ở phía sau bắt chọt chen vào.

“Thế việc đầu tiên anh làm là gì?”.

“Mua cho anh một bộ”.

Tôi quay lại nhìn kẻ xa lạ. Anh nhoẻn miệng ra cười. Nụ cười ảm áp nổi bật lên giữa cả biển

người trên phố. Tôi nghĩ tôi đã yêu Ronan ngay từ cái nhìn đầu tiên.

72. Miền Bắc Israel

Asher là một anh chàng hậu đậu. Để về lại Israel rẻ nhất, anh cần bay đến sân bay Amman của Jordan, rồi đi taxi chỉ hai tiếng là sang đến Israel. Hồi ở Nepal, một lần đang đi chơi với bạn gái thì anh gọi cho tôi: “Chip ơi, Sushil vừa tìm cho tao vé đi Amman rẻ lắm, rẻ hơn vé bình thường những 100 đô. Mày mang tiền sang cho Sushil đặt vé mua cho tao ngay đi, sợ khi nào tao về thì nó hết”. Tôi ngoan ngoãn làm theo. Lúc về mới té ngửa ra rằng Sushil đã đặt vé cho anh đi Oman là một quốc gia ở tận đầu kia vùng vịnh. Thế là anh tranh thủ làm một chuyến du ngoạn ở Oman. Trên đường từ Oman về Israel, anh còn ghé qua các tiểu vương quốc Ả Rập. Anh tính đầu tháng tư sẽ về lại được Israel, nhưng cuối cùng mãi đến đầu tháng năm mới sang đến nơi, muộn hơn tôi mấy ngày. Anh về thẳng nhà dì anh ở làng Kozarim phía Bắc Israel, hẹn gặp tôi trên đó. Tôi tremp (đi nhờ xe) lên phía Bắc ngay ngày anh sang đến nơi.

Tôi tr từ Tel Aviv lên Kozarim, vừa đi vừa hỏi hớp. Từ đầu chuyến đi tới giờ, mỗi con người tôi gặp đều gắn liền với một mảnh đất. Khi tôi nhớ về Veera, đó mãi là nắng, gió, biển và cái nhộn nhịp của Mumbai. Khi tôi nhớ về Karlis, đó mãi là anh chàng phóng xe điên rồ 122km/h trên những con đường ngoằn ngoèo vòng vèo của Nepal. Tôi tự hỏi không biết Asher ở Israel có khác Asher ở Nepal không? Liệu khi gặp nhau, chúng tôi vẫn còn thân nhau được không.

Nhưng ngay khi anh xuất hiện dưới mái hiên với mái tóc đỏ hoe và nụ cười toe toét: “Chip ơi, mày vừa giảm chiều cao à?”, tôi thấy mình lo lắng thật ngớ ngẩn.

Asher đang ở cùng chú dì anh, cũng là bố mẹ của Nati. Nati bước ra cười nhăn nhở:

“Đây là con bé thích ăn đồ mặn mà anh vẫn kể đấy à?”.

“Ở Việt Nam người ta nói rằng ăn đồ mặn nhiều sẽ thông minh”. Tôi bảo.

“Ở Mỹ người ta nói rằng ăn đồ mặn nhiều sẽ khát nước”. Asher tỉnh queo.

“Asher – Chip: 1 – 0”.

Thế là tôi ghét Nati từ đây. Nói thế thôi, chứ chẳng ai ghét Nati được. Anh cao gầy, tóc dài quá vai, mặt dài, mũi thẳng, khi anh nghiêm túc lại thì nhìn không khác gì Giê-su. Nhưng chẳng mấy khi anh nghiêm túc được vì anh hay làm những mặt rất là ngớ ngẩn. Khi ngồi xem TV, môi dưới anh hơi cong, cái mặt ngệt ra nhìn rất tếu. Khi cười, anh cười tít cả mắt lại không nhìn thấy trời trăng gì nữa.

Nhà bố mẹ anh là một căn nhà cực kỳ xinh xắn trên một ngọn đồi đầy hoa. Trước căn nhà là một bãi cỏ xanh rì, nhìn thẳng xuống biển hồ Galilee xanh ngắt soi bóng mây, bóng núi. Xung quanh nhà là khu vườn đầy cây ăn trái. Buổi sáng tôi thích dậy sớm, đi chân đất ra vườn hái quả ăn ngay ở gốc cây.

Buổi chiều tôi thích ngồi trong nhà chơi piano. Nati chơi ghi ta còn Asher thì ngủ gật. Mẹ Nati như mọi người bảo thì đúng là bà mẹ Israel kiêu mẫu. Bác luôn nhớ rõ mỗi người thích ăn gì, để mỗi lần chúng tôi lên thì bác mua đầy những đồ ăn đó để khắp nhà. Nào là hoa quả, sô-cô-la, các loại hạt để trong mấy cái giỏ ở ngoài phòng khách, trong bếp, trên cầu thang, trong phòng chúng tôi. Bác đã từng đến Việt Nam nên bác hết sức ngạc nhiên khi thấy tôi đi thế này. Bác cứ tưởng là ở Việt Nam không ai được phép xuất ngoại chứ. Nghe Asher nói là tôi lên thăm, bác đi siêu thị mua bánh đa, bún, hành lá về làm gói cuốn để đãi tôi.

Nati lái xe đưa tôi và Asher đi lòng vòng quanh phía Bắc. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy nhiều hoa như thế, như thế cả miền Bắc Israel được trải một tấm thảm hoa đầy màu sắc vậy. Hoa dại là hoa đầy sức sống.

Những mảnh màu rực rỡ đuổi nhau xa tới tận chân trời: đỉnh đồi này là một mảng màu tím, chân ngọn đồi lại là mảng màu trắng, ven theo con đường lại là mảng màu đỏ, cả cánh đồng lại là mảng màu vàng. Chúng tôi trải chiếu ngồi ở mép thung lũng. Vách núi dựng đứng phủ kín bờ công anh. Mỗi khi gió thổi, hàng triệu nhánh bờ công anh tung bay như cánh tuyết trắng xóa cả không gian.

Chúng tôi ra bờ sông Jordan – nơi Gio-an Tẩy Giả rửa tội cho Chúa Giê-su. Ngày trước đọc Kinh Thánh, tôi cứ nghĩ sông này phải to lắm. Đến nơi rồi, tôi mới há hốc mồm ngạc nhiên khi thấy sông chỉ rộng khoảng chục mét, sâu chưa đến hai mét. Chúng tôi đi xuống hồ Galibee, nơi Chúa Giê-su bước đi trên mặt nước. Tôi nhảy xuống đây, chìm ngimm.

Chúng tôi đến làng của người Druze. Druze là một dân tộc/ một tôn giáo hết sức thú vị. Các học giả xếp họ thành một nhóm của đạo Hồi, nhưng họ không thích bị gọi là người đạo Hồi. Họ nói tiếng Ả Rập, nhưng tham gia quân đội Israel như những người Do Thái. Người theo đạo Druze tin rằng Đấng Messiah tiếp theo sẽ được sinh ra từ một người đàn ông. Chính vì vậy, đàn ông Druze mặc quần rộng thùng thình, trễ đũng, túm chặt hai đầu gối để lỡ đấng Messiah có sinh ra sẽ không bị rơi mất. Kiểu quần này sau này được phụ nữ Israel ưa chuộng vì nó rộng rãi, thoải mái. Người Israel mang nó đi khắp nơi cùng những chuyến du ngoạn của mình, biến nó thành một thời trang yêu thích của dân hippie. Tôn giáo này tuy ăn mặc có vẻ kì quặc nhưng người dân ở đây lại hết sức thân thiện. Họ có nhiều đồ ăn rất ngon, mà ngon nhất là kinafee – một loại bánh ngọt làm từ pho mát và si

Chúng tôi đi qua những trang trại được ngăn cách ở giữa: một bên là Li-băng, một bên là Israel. Chúng tôi đi lên Golan Height, nhìn xuống bên dưới là Syria với cánh đồng lúa xanh mơn mớn, những mặt hồ xanh long lanh. Không gian nhìn yên bình đến lạ.

Ấy vậy mà trên đường ra bãi biển, chúng tôi bắt đài nghe tin mới hay biên giới Israel đang bị tấn công từ khắp các phía: Syria, Li-băng, Palestine. Ngày Israel giành được độc lập cũng là ngày người Palestine mất đi mảnh đất quê hương mình. Ngày vui đối với dân Do Thái được coi là “Ngày thảm họa” đối với những người theo đạo Hồi. Hàng năm cứ ngày này, quân đội Israel phải tăng cường lực lượng chống trả tấn công ở biên giới và tấn công khủng bố ở trong nước. Năm nay tình hình có vẻ nghiêm trọng hơn rất nhiều, bởi đây là lần đầu tiên mà biên giới Israel bị tấn công từ khắp các phía cùng một lúc, như thế các nước láng giềng đang liên minh lại với nhau để đánh Israel vậy.

“Liệu họ có đánh xuống đây không nhỉ?”.

“Nếu có thì thế nào em cũng sẽ làm được một bài cực hay về tình hình chiến sự Trung Đông, Chip ạ”.

Người Israel có cách tiếp nhận mỗi đe dọa thảm nhiên đến đáng sợ. Kể cũng đúng, Israel một thân một mình sống giữa thế giới Ả Rập, biến mình thành kẻ thù của tất cả các nước láng giềng. Mỗi nguy hiểm lúc nào cũng cận kề, họ quá quen rồi nên cũng chẳng sợ nữa.

73. Tìm đường vào Palestine

Asher vì nghĩa vụ với gia đình phải ở lại phía Bắc một thời gian. Nati về lại Tel Aviv. Còn tôi, phần vì cuồng chân, phần vì tò mò, phần vì nhớ Jihad, tôi quyết định sang Palestine. Nhưng đây không phải là một quyết định đơn giản. Tôi đã phải đắn đo rất nhiều có nên sang Palestine hay không: nơi đây có an toàn hay không? Có cần giấy tờ gì hay không? Sang Palestine có cho tôi vào lại hay không? Palestine trên báo chí luôn là một điểm đỏ trên miền xung đột. Thời điểm tháng năm này lại càng nhạy cảm hơn, bởi đây là tháng hay có xung đột phản đối sự thành lập đất nước Israel. Những người bạn Israel của tôi, khỏi phải nói, phản đối việc đi sang bờ Tây như thế nào. Ngay cả Đại sứ quán Việt Nam cũng khuyên nếu sang Palestine thì chỉ nên đi theo đoàn, đặt tour thôi.

Nhưng khi quyết định đi rồi, tôi lại cũng chẳng biết sẽ đi bằng cách nào. Thông tin trên mạng cực kỳ hiếm, chính sách của họ thì thay đổi liên tục tùy vào tình hình an ninh trong khu vực. Những người tôi biết thì chưa sang Palestine bao giờ. Jihad cũng mù tịt không biết thủ tục sang như thế nào. Lần trước anh sang Israel, anh sang bất hợp pháp bằng cách nhảy qua West Bank Barrier, bức tường ngăn cách giữa Israel và Palestine (bức tường được ví như bức tường Berlin ngăn cách Đông và Tây Đức thời kỳ chiến tranh lạnh ngày xưa). Tất cả những gì anh có thể bảo tôi là tìm đường đến trạm kiểm soát Tappuah, bắt xe bus đến Nablus rồi gọi anh ra đón.

Tôi ra bến xe bus ở Tel Aviv hỏi xe đi Tappuah thì ai cũng nhìn tôi ái ngại. “Cháu đi Tappuah làm gì?”, “Đề sang Nablus ă”. Mọi người cứ nghe tôi nói đến Nablus hay Palestine là lắc đầu bỏ đi. Phải hỏi đến hai chục người, tôi mới gặp một người muốn nói đến vấn đề này. Anh bảo “Em đại lắm, đừng có nói với người Israel là em muốn sang Palestine. Em phải hỏi xe bus đi Ariela, một thị trấn của Israel. Trước khi đến Ariela có một cái bùng binh lớn, xuống đó, đi bộ về phía Tappuah Junction. Ở đó sẽ có xe bus màu vàng đi Palestine. Hỏi bất cứ xe bus màu vàng nào họ có đến Nablus không?”. Tôi ngạc nhiên hỏi tại sao anh lại nắm rõ vậy, vì người Israel đâu được phép sang Palestine đâu. Anh cười bảo rằng anh không phải người Israel. Anh sang Palestine tình nguyện cho một tổ chức phi chính phủ, bây giờ đang ở Israel tham quan thôi.

Tôi làm theo đúng chỉ dẫn của anh đến Tappuah Junction, đợi khoảng mười phút thì thấy một chiếc xe bus màu vàng trời tới. Tôi vào Palestine mà không có bất kỳ một trở ngại nào, thậm chí còn không bị chặn lại kiểm tra hộ chiếu ở trạm kiểm soát. Tôi chỉ biết mình đang ở đất Palestine khi các banner quảng cáo được viết bằng tiếng Ả Rập thay vì tiếng Hebrew. Cảnh vật xung quanh cũng thay đổi dần. Nếu Israel là một quốc gia phát triển và ngăn nắp thì Palestine có vẻ hoang tàn hơn nhiều với những đồng cỏ nát chỗ này chỗ kia do xung đột triền miên. Nếu taxi của Israel có màu trắng đặc trưng thì taxi Palestine mang màu vàng với lá cờ Palestine tung bay. Nếu ở Israel, đường phố ngăn nắp tuyệt nhiên không có người bán hàng rong thì ở đây, vỉa hè tràn ngập các món ăn của người Ả Rập. Trong lúc chờ đợi tới đón, tôi mua cho mình một cái falafel (bánh mỳ nhân đậu xay ran, món ăn đặc trưng của Israel, Palestine cũng như khu vực Trung Đông). Tôi không tin vào tai mình khi người bán hàng bảo giá chỉ 2NIS. Ở Israel bèo lắm cũng phải 10NIS. Một chai nước ở Israel phải 7–8NIS thì ở đây chỉ 1,5NIS. Thật khó có thể tin là hai nước cạnh nhau, dùng chung một đồng tiền mà giá cả lại chênh lệch đến vậy. Tôi đi bộ loang quanh, cảm giác không khí nơi đây cũng hơi “Ả Rập”. Đàn ông vẫn là số đông trên đường, phụ nữ vẫn còn nhiều người quàng khăn. Một vài người ở bến xe huýt sáo trêu chọc khi thấy tôi đi một mình.

Khỏi phải nói tôi mừng thế nào khi nhìn thấy Jihad. Một tháng không gặp, cậu có vẻ đen và gầy hơn hẳn.

“Áy không biết một tháng vừa rồi có bao nhiêu chuyện xảy ra đâu”. Jihad ôm tôi thăm thiết, kể những ánh mắt soi mói của mọi người xung quanh.

“Từ từ rồi kể”.

Chúng tôi lên bên xe trung tâm nơi có hàng trăm taxi màu vàng đang xếp hàng đợi. Những chiếc xe đậu trước ra trước, những chiếc xe mới vào đứng tiếp luôn phía sau. Chúng tôi lên một chiếc taxi cùng hai phụ nữ trùm khăn kín mặt. Xe thả chúng tôi ở chân đồi, rồi chúng tôi đi bộ lên. Nablus nằm dưới thung lũng giữa hai ngọn núi Gerizim và Ebal. Nhà Jihad nằm trên đỉnh ngọn Gerizim, leo lên mất gần một tiếng, leo xuống cũng phải mất cả nửa tiếng.

“Mỗi lần muốn đi đâu lại phải leo thế này à?”. Tôi hỏi Jihad.

“Ừ, nhưng đáng lắm. Có nhà riêng ở là thích rồi. Ngày trước nhà tớ ở trong trại tị nạn dưới kia”.

Bậc thang đá chạm từ trong núi, cỏ lau màu vàng cao ngang mặt người. Những ngôi nhà trên đỉnh núi được xây bằng đá với mái bằng vuông vức, cửa và cửa sổ cong cong đúng như những gì tôi vẫn hình dung về một phố núi Ả Rập. Từ nhà cậu, chúng tôi có thể nhìn thấy toàn cảnh thung lũng. Nablus không phải một thành phố tráng lệ như Tel Aviv. Thành phố này có vẻ gì đó mộc mạc, chân chất với những cánh đồng lúa chẳng menh mông cũng chẳng mơn mớn, chỉ hơi nâu nâu vàng vàng để Nablus lửng lơ giữa thôn quê và thành phố. Mấy đứa trẻ con từ xa thấy chúng tôi đã kêu toáng lên “Jehad Jehad” với câu gì đó bằng tiếng Ả Rập mà cả người lớn cũng chạy ra nhìn tôi rồi cười khúc khích. Khu này có quá nhiều trẻ con, nhà nào cũng trên dưới cả chục đứa. Nhà Jihad đã có bảy anh chị, mấy đứa con nhà cậu họ ở bên cạnh thấy tôi đến cũng chạy sang chơi ngồi kín nhà. Nhìn thoáng qua, Nablus chẳng khác gì một thành phố yên bình.

“Tớ không nghĩ Palestine lại yên bình thế này đâu”.

“Thế ấy nghĩ Palestine lúc nào cũng tiếng súng đùng đoàng à? Thỉnh thoảng thôi. Bình thường thì người ta cũng phải sinh sống, làm ăn chứ. Nếu ấy muốn xem dấu vết xung đột với Israel, mai tớ dẫn ra trại tị nạn”.

Trại tị nạn được bao quanh bởi một bức tường kiên cố cao khoảng ba mét. Bên trong là những ngôi nhà bê tông sơ sài xây san sát, những túp lều dựng tạm, những con hẻm nhỏ xíu, những vách vôi chỉ chít những dòng chữ và hình vẽ cổ động: “Tồn tại là kháng cự”, “Nếu bạn không sẵn sàng chết vì nó, thì đừng có nói đến hai chữ tự do”, “Vẫn luôn có hy vọng”. Jihad chỉ cho tôi chỗ này xe tăng Israel làm đổ, chỗ kia quân lính Israel từng núp, nhà này cả gia đình bị giết hại, chỗ kia là trại trẻ mồ côi. Người Palestine đẻ nhiều, mà theo cách nói của một số người ở đây, “ đẻ nhiều để lấy người đánh Israel”, nên khắp trại tị nạn, chỗ nào cũng nghe tiếng trẻ em nói cười râm ran.

Không chỉ có trẻ em không đi học, người lớn ở đây dường như cũng chẳng đi làm. Tôi ở đây mấy ngày chỉ thấy mọi người ở nhà suốt. “Có việc đâu mà làm”, Jihad cười buồn. Chúng tôi đang ngồi vắt vẻo trên cây nhìn xuống toàn thành phố. Bây giờ chúng tôi mới có thời gian nói chuyện thực sự. Cậu trầm hơn hẳn, không còn là cậu bé ngây thơ như lúc ở Nepal nữa.

“Một tháng qua có nhiều chuyện xảy ra là sao?”.

“Ừm, ban đầu tớ về, bố không nói chuyện với tớ cả tháng liền. Tớ nhảy tường sang Israel tìm việc. Nhưng dân ở Ả Rập không có giấy tờ nên dân Do Thái gặp thì báo công an, dân Ả Rập cũng không dám nhận mình vì sợ bị liên lụy. Mấy tuần bị cảnh sát bắt gặp toàn phải nói tiếng Anh giả vờ làm khách du lịch. Ở một tuần không tìm được việc nên về”.

“Thế bây giờ kế hoạch là gì?”.

“Mấy hôm nữa tớ lên Ramallah làm việc ở quán bar”.

“Ở Palestine cũng có quán bar à?”.

“Ừ, Palestine còn có loại bia riêng cơ. Bia Taybeh”.

“Thế không đi học nữa à?”.

“Phải đi làm kiếm tiền đã”.

“Sao tự nhiên ấy lại sang Nepal học?”.

“Ở Palestine không có trường tốt”.

“Nhưng sao cả mấy trăm nước có trường tốt không chọn lại chọn nước vừa nghèo vừa phức tạp như Nepal?”.

“Vì cậu tớ thích Nepal. Cậu từng sang đấy triển lãm tranh”.

“Cậu nào cơ?”.

“Cậu ở Ramallah. Mấy hôm nữa lên Ramallah ấy sẽ gặp. Tớ xin phép cậu cho ấy ở nhà cậu luôn rồi.”

74. Người nghệ sĩ không gặp thời>

Chú của Jihad nhìn đúng chất nghệ sĩ: chú gầy, tóc dài búi phía sau, khoác áo gi-lê bụi bặm. Vợ chú đang làm luận án tiến sĩ ở Ý. Chú đang ở Ramallah cùng cô bạn gái trẻ hơn mình phải hai chục tuổi, trẻ đến mức tôi phải mất khá lâu mới dám tin rằng cô là bạn gái chú. Cô gái nhuộm tóc tím, bôi mắt tím, đánh môi tím. Cô hút thuốc, cô uống rượu. Cô không xinh nhưng có một vẻ hoang dã đến gần mức người ta đối với cô chỉ có hai khả năng: hoặc là rất yêu, hoặc là rất ghét. Tôi không ghét được cô. Lúc đây, tôi đã đủ lớn để nhận ra cuộc sống không chỉ là đen trắng cách biệt. Đôi khi chúng ta phải thỏa hiệp, đôi khi chúng ta phạm sai lầm, nhưng điều đó không có nghĩa rằng chúng ta là người xấu.

Một sự tình cờ thú vị, chú là hàng xóm của Marwan Barghouti, người được coi là Nelson Mandela của Palestine. Rất tiếc, lúc đó Barghouti đang bị Israel bắt giữ nên tôi không được gặp. Căn nhà chú ở một căn nhà hai tầng rộng rãi với đồ trang trí được chú mang về từ khắp nơi trên thế giới qua những chuyến du ngoạn của mình. Là một nghệ sĩ sinh nhầm thời, nhầm địa điểm, chú đã phải lặn lội làm dân tị nạn ở năm quốc gia, lấy đủ năm hộ chiếu, rồi lại từ bỏ cả năm hộ chiếu đó về làm người Palestine. Một thời lặn lội hằn sâu lên những vết sâu bên khóe mắt, lên những sợi tóc bạc ở tuổi bốn mươi, lên làn da đen sạm vì nắng. Bây giờ trở về, chú trở thành một trong những nghệ sĩ hàng đầu của Palestine. Chú chính là người vận động Liên Hợp Quốc xây dựng trường Học viện Nghệ thuật đầu tiên của Palestine (International Academy Of Art Palestine). Tôi càng nghe mọi người kể về chú, tôi càng hâm mộ. Tôi thực sự, thực sự chỉ mong được nói chuyện với chú, nghe chú kể chuyện. Nhưng thật lạ, gặp chú rồi tôi lại chẳng biết hỏi chuyện gì. Những người càng đi nhiều, càng ít nói. Có lẽ, chú đã trải qua quá nhiều, đã thấy quá nhiều, đã hiểu quá nhiều, như người anh hùng đã luyện võ thành công, đi khắp thiên hạ không ai lãnh được một chiêu kiếm của mình. Chú thà tự tranh luận trong suy nghĩ của chính mình, hơn là nói ra nhưng rồi không ai hiểu.

Hiếm hoi lắm, tôi mới thực sự nói chuyện được với chú. Đó là một buổi tối, chú ngồi bệt ngay ngoài ban công, nhìn xuống thung lũng lập lờ ánh đèn trước mặt, hút thuốc. Chúng tôi mon men ngồi cạnh. Tôi hỏi chú về làm nghệ thuật ở Palestine. Chú cười chua chát:

“Cái bụng nó còn chưa no, cái thân nó còn chưa ấm thì mấy ai nghĩ được đến nghệ thuật”.

“Vẫn có những người như chú làm đây thôi ạ?”.

“VẬY NÊN CHÚ MỚI LẠC LOẠI”.

“Nhưng rồi mọi chuyện sẽ tốt hơn chứ chú. Học viện hôm trước cháu đến thăm vẫn hoạt động tốt lắm mà”.

“Ừ. Tụi trẻ con cũng nhiều đứa có tài. Mong rằng chúng nó sẽ có đất mà dụng võ. Mà có đất rồi, cũng mong là chúng nó sẽ dụng võ cho đúng mục đích”.

“Tại sao chú lại trở về Palestine?”.

“Quê hương”.

“Chú có đổ lỗi cho Israel không?”.

“Không. Ta không thể nào đổ lỗi cho cả một dân tộc được. Chẳng có ai là hoàn toàn có lỗi, cũng chẳng có ai là hoàn toàn vô tội cả”.

“Chú có mong Palestine giành được độc lập không?”.

“Không”.

“Tại sao ạ?”.

“Độc lập để làm gì nếu như nguồn nước, nguồn điện vẫn bị phụ thuộc vào Israel; giáo dục, đào tạo, y tế vẫn phải phụ thuộc vào các tổ chức nước ngoài? Bây giờ Palestine mà giành được độc lập thì sẽ trở thành nước nghèo nhất thế giới với các khoản nợ ngập đầu, chẳng tự lo được cho mình cái gì”.

“Chú nghĩ là c nhiều người nghĩ như chú không?”.

“Nhiều, nhưng người ta không dám nói ra. Giờ mà bị hỏi, thế nào người ta cũng nói là muốn

Palestine được độc lập. Nhưng sau lưng, họ vẫn bí mật tìm cách trở thành công dân Israel. Bên đây có việc, có thu nhập, có điều kiện để mà sống, mà phát triển”.

Chú rút một hơi thuốc thật dài, thở ra thật lâu.

Những cành ô-liu nhuộm máu

Tình cờ một lần đi lang thang ở Palastine, tôi bắt gặp một banner rất bắt mắt mang dòng chữ “Palestine Farmer’s Market” – “Chợ nông dân Palestine”. Người bán hàng không chỉ là những người nông dân Palestine mà còn là những bạn trẻ trong độ tuổi sinh viên, cả người Palestine và nước ngoài. Tò mò, tôi vào xem thử. Cô bạn tóc vàng người Mỹ thấy tôi đến liền nhiệt tình chào hàng.

“Ưu bạn ơi, chợ nông dân Palestine là sao? Không phải tất cả những chợ rau củ quả ở đây đều là chợ nông dân Palestine à?”.

“Không phải đâu ấy. Các thành phố như Ramallah là toàn sản phẩm nông sản từ Israel đấy”. “Tại sao?”.

Bạn đây bắt đầu giải thích cho tôi một hồi. Cái đoạn tôi viết ra sau đây là bao gồm cả những thông tin tôi tìm hiểu thêm trên mạng nữa. Đại loại là sản phẩm từ Israel có lợi thế hơn hẳn so với sản phẩm từ Palestine: về chất lượng cũng như về giá cả. Nông dân Israel có điều kiện sử dụng phân bón hóa học tốt hơn và nước làm nông nghiệp cũng rẻ hơn, nên sản phẩm có năng suất cao hơn, chất lượng tốt hơn và nhìn cũng đẹp hơn. Nông dân Palestine cũng gặp khó khăn vận chuyển hàng hóa từ vườn đến nơi buôn bán. Khu Bờ Tây bao gồm ba khu vực: khu vực A – kiểm soát hoàn toàn bởi chính quyền Palestine, khu vực B – thuộc chính quyền Palestine nhưng nằm dưới sự kiểm soát của Israel và khu vực C – quản lý bởi Israel, bao gồm các khu định cư của người Israel. Khu vực A và khu vực B bị chia cách thành 227 khu vực nhỏ, tách biệt bởi khu vực C quản lý bởi Israel. Chính vì vậy, ngay cả khi vận chuyển hàng hóa giữa các khu vực trong Palestine, người dân vẫn phải đi qua các trạm kiểm soát của Israel. Theo bạn gái những trạm kiểm soát này khiến cho việc vận chuyển hàng hóa hết sức khó khăn. Người nông dân thường phải bán sản phẩm của mình ngay tại trang trại cho người trung gian với giá rẻ mạt chứ không vận chuyển được đến các thành phố lớn như Ramallah hay Nablus. Ví dụ, một cân cà chua bán cho người trung gian có giá chỉ 0,5 NIS, trong khi tại Ramallah có giá lên đến 2,5 NIS. Chợ nông dân Palestine chỉ giúp giải quyết một phần rất nhỏ vấn đề này, bởi bản thân Shakara, tên tổ chức của các bạn, cũng không có cách nào giúp người nông dân vận chuyển hàng hóa đường xa được. Chợ nông dân Palestine hiện nay chỉ tập trung vào sản phẩm từ những trang trại nhỏ khu vực lân cận Ramallah. Các bạn tình nguyện viên đến tận trang trại, thuyết phục người nông dân mang hàng hóa của mình lên Ramallah bán.

Không chỉ thế, người nông dân Palestine còn gặp khó khăn khi tiếp cận trang trại của chính mình. Bức tường Bờ Tây không chỉ ngăn cách Israel và Palestine mà còn ngăn cách người nông dân Palestine với trang trại của họ, bởi không ít trang trại nằm ở phía bên kia bức tường. Hàng năm, vào mùa thu hoạch (tháng mười là tháng thu hoạch ô-liu), chính quyền Israel cho người nông dân Palestine một ngày đi qua bức tường để thu hoạch, trong khi việc thu hoạch cần ít nhất một tuần. Vào dịp này, Shakara tổ chức chiến dịch tình nguyện “Thu hoạch ô-liu” để giúp đỡ những người nông dân thu hoạch ô-liu trong một ngày ngắn ngủi đấy. Bạn cho biết năm ngoái có hơn bốn mươi bạn trẻ tham gia. Chiến dịch không chỉ giúp các bác nông dân thu hoạch được nhiều ô-liu hơn, mà còn giúp các bạn trẻ học hỏi cách làm dầu ô-liu và biết trân trọng giá trị sức lao động.

Người ta thường dùng hình ảnh nhánh ô-liu nhuộm máu để nói về Palestine. Cây ô-liu xuất hiện ở khắp nơi và là nguồn thu chính của phần lớn người dân Palestine. Nó còn là biểu tượng của tình yêu, hòa bình, thịnh vượng. Thật tiếc, bây giờ, cành ô-liu đó đã bị nhuộm máu.

75. Biểu tình ở Palestine

Khi trở về Israel, tôi về qua đường Jerusalem. Lúc đến gần Đông Jerusalem, bắt chợt mọi người trong xe nháo nhác hết cả lên. Vốn tiếng Ả rập ít ỏi của tôi chỉ đủ để tôi hiểu rằng chúng tôi phải đi bộ một đoạn, lên lại xe bus ở đâu đó phía trước để đi tiếp về Jerusalem. Ra khỏi xe, tôi mới phát hiện ra đường phố đang đông nghẹt người. Một cột khói bốc lên nghi ngút ở giữa. Tiếng còi xe cảnh sát át cả tiếng hò hét. Tiếng ai đó loáng thoáng: “Biểu tình. IDF” (IDF là viết tắt của Israel Defence Force – Lực lượng Quốc phòng Israel). “Biểu tình”, tôi nghĩ thầm trong đầu, “lên xe bus về thì bao giờ mới có dịp chứng kiến tận mắt một sự kiện như thế này”. Tôi quyết định ở lại, một quyết định bồng bột mà chỉ chút xíu nữa, tôi sẽ thậm chí còn không có cơ hội để mà hối hận.

Tôi hòa vào dòng người đang xô đẩy nhau đi về phía đầu con đường, phía trước bức tường rào ngăn cách Palestine và Israel. Bức tường được sơn kín với hình ảnh các nhà lãnh đạo cách mạng Palestine. Tôi nhận ra trong số đó là gương mặt của Marwan Barghouti với hai tay trói chặt, cạnh đó là dòng chữ: “Free Barghouti”. Hàng chục thanh niên Palestine với banner, biểu ngữ cổ động đang mặt đối mặt với hàng lính Israel đang đứng ở đó. Mặt ai cũng trẻ măng. Cậu bé mà biểu ngữ có dòng chữ: “Even love is forbidden across the wall” (Ngay cả tình thương cũng bị ngăn cấm bởi bức tường) mới chỉ khoảng mười bốn, mười lăm tuổi. Hai cô gái cầm một cái banner dài bằng tiếng Ả rập mới chỉ khoảng mười bảy, mười tám tuổi. Những người còn lại chắc cũng mới chỉ ngoài hai mươi, trên tay cầm những câu đại loại như: “Tự do là nhân quyền”, “Trả lại Jerusalem cho Palestine”, “Facebook Status: Palestine is Free. 483 131 526 like”. Ai nấy đều đeo trên người một chiếc khăn rằn ri, biểu tượng của cuộc đấu tranh vì tự do mà mọi người đã thấy đi cùng áo bà ba trong cuộc cách mạng ở Việt Nam, ở Nam Mỹ và gần đây là ở Ai Cập.

Ban đầu mọi người chỉ đứng biểu tình một cách im lặng. Những người lính Israel trang bị mũ bảo hiểm, khiên chắn, súng trường kiên nhẫn đứng chờ. Họ cũng trẻ măng. Học xong cấp ba thanh niên Israel nhập ngũ luôn nên chỉ mười tám, mười chín tuổi. Bên cạnh đó là một hàng phóng viên với máy ảnh, máy quay sẵn sàng bấm máy nếu như có bất kỳ động tĩnh gì. Tôi không biết họ có được những người biểu tình liên hệ trước không, hay đây là thời điểm nhạy cảm nên họ luôn túc trực sẵn ở địa điểm này. Thấy tôi vật lộn với chiếc máy ảnh mới mua của mình, một anh chàng đứng cạnh đó quay sang giúp. Anh đeo trên người thẻ màu vàng của một tờ báo địa phương, ghi tên anh là Sameer. Anh hỏi tôi:

“Mới vào nghề hả em?”.

“Dạ. Hôm nay nhiều phóng viên anh

“Ừ. Biểu tình nào cũng nhiều. Ở Palestine nhiều nhà báo mà. Nhiều nhưng vẫn chưa đủ”.

“Anh có được thông báo trước không?”.

“Trên Facebook ai chẳng biết”.

Bắt chợt ai đó hét lên: “To Jerusalem we go” (Hãy cùng tiến về Jerusalem) và đám đông lập tức hòa vào. Ban đầu khoảng chục người, rồi cả trăm người. Mọi người bắt đầu chuyển sang những khẩu hiệu dài hơn bằng tiếng Ả rập. Một số người tiến sát đến những người lính Israel, sỉ vả gay gắt. Quân lính Israel vẫn đứng im không có phản ứng gì, ngoại trừ một vài anh chàng đỏ mặt, lúng túng quay đi. Máy xe Jeep màu xanh quân đội, cấm cò Israel đang từ từ tiến tới. Số người biểu tình đã lên đến con số vài ngàn, lính Israel cũng phải lên đến cả trăm. Họ tản ra khắp nơi: ngoài đường, trong hẻm, trên mái nhà, cả những điểm rất kín mà phải Sameer chỉ ra tôi mới nhìn thấy được. Đường phố ban đầu còn có xe qua lại, giờ tuyệt nhiên không còn bóng xe.

Người Palestine mỗi lúc một hăng. Họ lao vào hàng lính Israel, giật súng. Giằng co diễn ra, một cô gái Palestine bị xô ngã. Máy ảnh phóng viên chớp lia lịa. IDF bắt đầu ném bom cay. Lần đầu tiên bị

dính khói hơi cay, tôi biết mình không chết được nhưng cảm giác thì cứ như là sắp chết vì không thể nào thở được. Khói cay vào mắt, nước mắt đầm đìa. Khói cay vào mũi, phổi muốn bốc cháy. Đám đông nhanh chóng tản ra.

“Lần đầu tiên dính khói cay à?”. Sameer hỏi tôi.

“Dạ”.

“Rồi sẽ quen thôi em ạ. Đeo khẩu trang này vào. Cầm theo củ hành gừng sẽ đỡ bị cay”.

Quân đội Israel bắt đầu nổ súng. Một tiếng gào thét rộn cả người phát ra từ phía đầu kia của t

“Lại đó chụp ảnh không?”. Sameer hỏi. Tôi nhìn theo hướng tay chỉ của Sameer. Từ đây đến đây

phải đi qua một quãng đường trống trơn đến phát sợ. Chỉ có một cậu bé vừa đạp xe mang cờ Palestine vừa né đạn. Một đám khói nghi ngút ở giữa. Thấy tôi chần chừ, anh động viên:

“Yên tâm. Mình là nhà báo, không ai làm gì mình đâu”.

Chúng tôi đến đây, nửa đường lại dính khói hơi cay phải núp vào một căn nhà trống ở giữa phố. Bên trong, một anh chàng phóng viên người Bỉ không biết bị sao mà gập người lại vì đau, nước mắt nước mũi đầm đìa. Chúng tôi hỏi thì anh chỉ lắc đầu, mò mẫm vào trung tâm y tế dựng tạm ở đó của Hội Lữ Liềm Đỏ.

Tình hình mỗi lúc một hỗn loạn. Một người đàn ông bị gãy tay, xương lòi ra ngoài bị bao vây bởi cả chục nòng súng. Một người phụ nữ đã đứng tuổi ôm con trai mình gào khóc. Cô gái vừa nãy còn cầm biểu ngữ đã ngất xỉu giữa đường. Nhân viên y tế chạy không hết việc. Cánh phóng viên nhà báo thấy cảnh hỗn loạn nào cũng lao vào chen chúc nhau chụp ảnh làm cho tình hình càng lúc càng vượt quá tầm kiểm soát. Tiếng súng nổ đều hơn, bom cay thả dày hơn, nhưng người Palestine cũng chống trả hăng hơn. Đúng đến thời điểm tôi nghĩ cuộc biểu tình này sắp sửa biến thành một cuộc bạo động đẫm máu khi mà người chết vì bom đạn thì ít mà chết vì giẫm đạp lên nhau thì nhiều, quân đội Israel tung ra vũ khí quyết định. Một chiếc xe dạng xe tải chở dầu lù lù tiến vào giữa trung tâm của cuộc biểu tình. Từ chiếc vòi đang quay vòng trên nóc xe, một chất lỏng màu xanh đục phun xối xả vào dòng người biểu tình. Mùi hôi thối bốc lên nồng nặc, một cái mùi mà cho đến tận bây giờ, mỗi khi nghĩ lại tôi vẫn thấy buồn nôn. Chất này vào da thì ngứa, vào mắt thì đau. Nước chồn, phát minh của IDF. Mùi này dính trên quần áo thì phải năm năm mới hết.

Dòng người hoảng loạn tản dần ra. Người tôi dính nước chồn hôi rình. Mắt tôi dính hơi cay không mở ra được. Tinh thần tôi rệu rạo. Giờ đi về, tôi lại phải đi qua cái quãng đường trống ở giữa. Một phần vì không chịu nổi cái không khí ở đây nữa, một phần vì thấy mình ở lại cũng chẳng được tích sự gì, tôi đánh liều đi qua quãng trống đó. Đang chạy, bất chợt một bé Palestine từ đâu lao ra, vừa ném đá vào những người lính Israel vừa chửi rủa bằng tiếng Ả rập. Một người lính quỳ một chân ngay ước mặt tôi, đưa súng lên, neho mắt ngắm bắn. Trong giây phút đó, trong giây phút bị chĩa súng vào người đó, tự nhiên tôi thấy ghét quân đội Israel khủng khiếp. Nhưng rồi nhìn vào khuôn mặt trẻ măng của cậu ta, tôi giật mình khi nhận ra rằng anh chàng đó rất có thể là bạn của một người bạn tôi ở Israel. Mười tám, mười chín tuổi, học xong cấp ba, tham gia quân ngũ. Rất nhiều bạn bè tôi cũng đã và đang như cậu ta. Họ không có lỗi gì. Tất cả những gì họ đang làm là cố gắng làm tròn nghĩa vụ đối với đất nước.

Tôi đi qua trạm kiểm soát với tầng tầng lớp lớp song sắt như trại tù để vào lại Israel. Tôi lên xe bus với bộ quần áo còn dính nguyên nước chồn đó. Mọi người trên xe nhìn tôi rồi tản dần dần ra. Đến bên tiếp theo trên xe chỉ còn mỗi mình tôi. Tôi cũng mặc kệ. Một mỗi thân xác thì ít, nặng nề tâm trí thì nhiều. Lần đầu tiên nhìn thấy một cuộc tranh chấp mà tôi không biết mình đứng về bên nào. Cả hai đều có cái lý của họ. Tự nhiên, tôi nhận ra rằng vấn đề Palestine là một vấn đề không có lời giải. Tôi, là người ngoài, chỉ biết đau với nỗi đau của người trong cuộc. Insha'Allah, nếu ý Chúa muốn!

76. Jerusalem

Về qua Jerusalem, tôi tranh thủ đi thăm thành phố thiêng này. Tôi ở nhà Ariela, sếp trực tiếp của tôi ở Walyou và cũng là người đã viết thư mời để tôi xin visa sang đây. Chị thuê nhà ở trung tâm phố cổ, ngay cạnh Central Souk (Souk là tiếng Ả rập cho “chợ”. Central Souk là “chợ trung tâm”). Ở Israel, cứ ở đâu có souk tức là ở đó nhiều người Ả rập. Ariela ra đón tôi, vừa đi vừa nháy mắt cười đùa với mấy anh chàng bán hàng người Ả rập.

“Con trai Ả rập ở đây quậy lắm. Nhưng chị thích họ”. Chị cười khúc khích. Chị da trắng nõn, tóc vàng, mắt xanh. Là người Do Thái nhưng quốc tịch Mỹ, chị không tránh khỏi cái khuôn mẫu mọi người hay dùng để tả con gái Mỹ: mập. Nhưng mập cũng có cái hay của nó, chị hơi quá khổ nhưng khá dễ thương.

Chúng tôi đi đến một ngôi nhà cổ nép mình trong một con hẻm nhỏ lát gạch, tường bằng đá, cửa sổ vòm cong như cửa sổ nhà thờ. Ánh đèn le lói dát vàng cả không gian, lấp lánh trên mắđá, mơ màng trên mặt đất. Không gian thiêng liêng huyền ảo đúng như những gì tôi vẫn hình dung về thành phố Vàng. Đã, đang, và sẽ chỉ một Jerusalem mà thôi. Chẳng trách nào Israel và Palestine tranh chấp nhau quyết liệt đến thế.

Căn hộ của chị nằm ở tầng hai. Lúc lên lầu, ngang qua cái máy giặt để trên cầu thang ngay cạnh căn phòng chị, chị bấm nút tắt.

“Ừa, bên trong có quần áo mà chị?”.

“Quần áo ca bọn nhà bên trên đấy. Bọn mất dạy”. Chị rít lên. “Cái bọn cứ nghĩ mình sùng đạo là sạch sẽ hơn người ta”.

“Lần trước quần áo mình còn đang giặt, ướt sũng, bọn nó bỏ quần áo mình ra để cho quần áo bọn nó vào”. Mẹ Ariela đón chúng tôi ở cửa, vào phe với con gái”.

“Sao họ lại làm thế?”.

“Bọn nó ghét chị vì chị chơi với dân Ả rập. Người ở đây sùng đạo lắm. Harediii”. Chị kéo dài giọng.

Haredi là từ chỉ những người cực kỳ sùng đạo trong đạo Do Thái, số nhiều là Haredim. Họ nổi bật bởi họ luôn chỉ mặc hai màu đen trắng; đàn ông đội mũ hoặc kippah (một mảnh vải che đỉnh đầu), đàn bà mặc váy dài, áo dài tay, cổ kín, phụ nữ có chồng phải quàng khăn giấu tóc. Họ theo một hệ thống giáo dục riêng chỉ tập trung vào học các loại kinh và giáo lý Do Thái. Học xong, họ không đi làm như người bình thường mà sống nhờ trợ cấp xã hội bởi Nhà nước cần họ cầu nguyện cho sự tồn tại và phát triển của đất nước Israel. Nhưng chính điều này lại là một mối hiểm họa trong tương lai với kinh tế của Israel. Giống như đạo Hồi, Haredim tin rằng khả năng sinh sản là do Chúa trời ban tặng nên loài người phải tận dụng tối đa khả năng đó. Họ đẻ rất nhiều, trong khi người làm việc thì lại đẻ rất ít. Theo tỷ lệ tăng dân số như hiện nay, đến năm 2037, 23% dân số sẽ là Haredim và đến năm 2062, Haredim sẽ chiếm 48% dân số, 52% còn lại sẽ phải làm để nuôi 48% chỉ ăn rồi cầu nguyện này. Một cuộc nghiên cứu năm 2006 chỉ ra rằng trên 1/3 dân số cho rằng Haredim là nhóm người bị ghét nhất

Tôi đã nghe đến Haredim từ ngay khi mới sang Israel, báo chí và bạn bè tôi nhắc đến Haredim với nickname “chim cánh cụt”. Haredim tập trung chủ yếu ở Jerusalem. Họ sống trong một khu phố được coi là khu phố sùng đạo nhất thế giới: Meah Shaerim. Mọi người bảo là đến khu phố đây mình không phải là người Do Thái sẽ rất bị ghét. Người sùng đạo ăn uống và làm mọi thứ phải “kosher”, nghĩa là trong sạch (giống halal trong đạo Hồi). Đồ ăn nếu bị người không theo đạo Do Thái động vào sẽ không còn là kosher nữa.

Hôm đây là thứ sáu, quảng trường Shabbat tại Meah Shaerim đông nghẹt Haredim tới đây mua

sắm đồ chuẩn bị cho Shabbat. Cả khu phố bao phủ hai màu đen trắng. Trước khi đi, Ariela đã cho tôi mượn bộ váy dài, khoác áo bên ngoài, quần khăn bên trên theo đúng một của phụ nữ Haredim mà không hiểu sao tôi vẫn bị soi mói. Mọi người bước nhanh qua tôi, tránh không va đụng vào tôi như thể đụng vào tôi thì lây dịch bệnh sang vậy. Ở đây người ta có giấy ăn kosher, dầu gội đầu kosher, nước rửa chén kosher.

“Mấy đồ này kosher hay không khác quái gì nhau?”.

“Đồ ăn kosher hay không cũng khác quái gì nhau đâu. Mấy cái này chắc là được sản xuất vào ngày không phải ngày shabbat”.

Ở đây có một cái poster rất to vẽ hình những chiếc xe bus màu xanh lá cây lăn bánh qua cả biển người Haredim bên dưới. Ariela giải thích rằng đây là tranh khuyến cáo Haredim tẩy chay hãng xe bus Egged vì hãng này dám bí mật chạy xe trong ngày Shabbat. Trong ngày này không ai được phép làm gì cả: không được phép lái xe, không được phép sử dụng điện thoại, không được bật hay tắt điện. Ở đây có những công tắc hẹn giờ để đến giờ điện tự động đóng mở chứ mình không phải bật tắt công tắc. Một số người còn tháo bóng điện trong tủ lạnh ra để mỗi lần mở tủ lạnh nó không sáng.

“Mấy cái này là họ mới nghĩ ra chứ thời viết kinh làm gì đã có điện thoại hay tủ lạnh mà đưa vào quy định”. Ariela giải thích.

Chúng tôi đi qua những cửa hàng nội thất mà Ariela cười khúc khích. “Em biết không, ở đây người không bán giường đôi. Vợ chồng ngủ trên hai giường đơn riêng biệt. Một năm chỉ có mấy ngày họ được phép kê giường lại gần nhau để ngủ chung. Lý do duy nhất để ngủ chung chỉ là để sinh con”.

Khác với vẻ khỏe mạnh của hầu hết thanh niên Israel, đàn ông con trai Haredim có nước da trắng nhợt, mái tóc xoăn hơi đỏ với lọn tóc dài hai bên tóc mai. Tôi không rõ vẻ nhợt nhạt này là do họ ở trong nhà đọc kinh nhiều hay là do họ có tục lấy anh chị em họ.

“Em chẳng hiểu sao chị lại chọn Jerusalem chứ không phải Tel Aviv”. Tôi hỏi Ariela. Tel Aviv có bầu không khí thoải mái hơn với một sự tự do tuyệt đối để bạn sống theo cách của bạn. Bạn có thể muốn làm gì thì làm, muốn mặc như thế nào thì mặc, muốn chơi với ai thì chơi mà chẳng sợ bị ai soi mói. Jerusalem có vẻ khép kín hơn, nặng nề nhiều giá trị truyền thống. Thành phố này không chỉ là trung tâm tôn giáo của Israel mà còn là của cả thế giới. Nơi đây tập trung những địa điểm linh thiêng của ba tôn giáo lớn: Đạo Thiên chúa, đạo Hồi, đạo Do Thái. Người đến từ Jerusalem có thể dễ dàng hòa nhập với cuộc sống ở Tel Aviv, nhưng người đến từ Tel Aviv sẽ gặp khó khăn để hòa nhập với cuộc sống ở Jerusalem. Giới trẻ dĩ nhiên thường thích sống ở Tel Aviv hơn vì ở đây thoải mái lại nhiều chỗ ăn chơi.

“Chị cũng chẳng biết tại sao chị thích Jerusalem đến thế. Thành phố này có sự hấp dẫn riêng. Em cứ ở đây rồi sẽ biết”.

Chúng tôi ra khỏi cái không khí ngột ngạt của Meah Shaerim để đến khu phố cổ của Jerusalem. Khu phố cổ được chia thành bốn quarters: quarter cho đạo Thiên chúa, quarter cho đạo Do Thái, quarter cho đạo Hồi và quarter cho người Armania. Đã có quá nhiều nhà văn nhà thơ tốn không biết bao nhiêu giấy mực để ca ngợi vẻ đẹp của Jerusalem nên tôi cũng không dám dùng cái tài tả cảnh kém cỏi của mình ra để thuyết phục người đọc Jerusalem đẹp như thế nào. Jerusalem đẹp một vẻ đẹp kiêu kỳ, một vẻ đẹp quyền uy, một vẻ đẹp huyền bí, một vẻ đẹp khiến người lữ khách lần đầu tiên đến đây phải cúi rạp mình vì sùng bái, vì kính sợ. Bức tường đá sừng sững vây quanh giúp khu phố cổ giữ nguyên vẹn những kiệt tác kiến trúc từ thời đế chế Ottoman ở thế kỷ XVI. Ở đây có những nhà thờ mái nhọn nhưng duyên dáng, những đền thờ Hồi giáo vòm tròn sáng lấp lánh, những ngôi nhà vườn tầng lên lối vào trong đá, những con hẻm lát gạch uốn lượn lên đồi. Bỏ qua hết những xung đột xung quanh, Jerusalem vẫn giữ cho mình một vẻ bình yên đến lạ. Thành phố này biết hòa trộn một cách khéo léo kinh ngạc những khác biệt về văn hóa, về tôn giáo của những con người sống trong nó. Chúng tôi đi

men theo Via Dolorosa, con hẻm mô phỏng quãng đường Chúa Giê-su vác thánh giá lên Núi Sọ trong Kinh Thánh, đi qua những nhà thờ không phô trương nhưng đường nét thì tinh tế tráng lệ. Chúng tôi hòa vào dòng người đổ ra từ đền thờ Hồi giáo sau giờ cầu nguyện trưa thứ sáu, len lỏi vào những quán bán đồ ăn vặt Ả rập, tha hồ thưởng thức mỗi món một tí miễn phí vì các bác bán hàng quý cô bé Việt Nam tóc xù dễ thương, khi được hỏi biết kungfu hay không luôn gật đầu thách thức: “Có, bác có muốn thử không?”.

Buổi tối ngày thứ sáu chỉ có người theo đạo Hồi và người theo đạo Do Thái “cải cách” như Ariela mới ra ngoài đi chơi. Ariela tay trong tay với một anh chàng đạo Hồi cao ráo đẹp trai, nháy mắt: “Đây là một trong những lý do tại sao chị thích Jerusalem hơn”. Buổi tối, những con hẻm nhỏ vắng tanh vắng ngắt không một bóng người. Rồi không hiểu sao những con hẻm đó lại gặp nhau tạo ra đủ không gian để biến thành quán hút shisha ngoài trời lớn nhất mà tôi từng thấy. Hàng trăm bàn kê san sát, bàn nào cũng kín chặt người. Tiếng cười nói ồn ào, mùi shisha thơm phức, khói bay nghi ngút cả không gian. Về khoản này thì tôi thích Israel hơn hẳn. Ở đây con gái cũng được vào quán hút shisha, chứ ở Palesttine thì chỗ hút shisha, chỗ chơi bida con gái bị cấm tiệt. Có lẽ cái không khí ngọt ngào ban đầu làm bạn thấy sợ, nhưng càng ở lâu nó càng thấm vào trong bạn. Bạn phải học thuộc những con hẻm lắt léo, tìm đến những địa điểm thú vị nhưng bí mật chỉ ai quen mới biết. Mọi người vui vẻ làm việc của mình, cuộc sống cứ trôi đi bình dị. Tôi tự hỏi: Tại sao phải tranh chấp Jerusalem làm chi? Tại sao không thể để thành phố này bình yên như cách vốn dĩ của nó?

77. Ronan

Ronan cười lớn khi nghe tôi đặt câu hỏi đó với anh.

“Anh sẽ kể cho em một điều để em thấy mối liên hệ khăng khít giữa người Do Thái và người đạo Hồi như thế nào. Em biết câu Ả rập duy nhất hầu hết người Israel biết là gì không? “Wakef wala ana batohak”.

“Nghĩa là gì?”.

“Dừng lại không tôi sẽ bắn”.

Chúng tôi đang ngồi trên bãi biển, chân trần xoải ra chạm mép sóng. Anh hơi nghiêng đầu sang nhìn tôi, cười nửa miệng, một mắt hơi nheo lại. Ronan luôn có vẻ gì đó rất khó hiểu: vừa nghịch ngợm, vừa sâu lắng, vừa tung tung, vừa chua cay. Khi anh ngồi im lặng đọc sách, tôi đã sợ rằng anh thuộc về một không gian khác tôi có thể thấy nhưng không bao giờ có thể chạm đến được. Nhưng chỉ cần anh nở nụ cười, đó sẽ là nụ cười ấm áp nhất trên quả đất mà không ai có thể cưỡng lại được. Còn bây giờ, anh đang ở đâu đó lửng lơ giữa hai thái cực: nửa như cười, nửa như suy tư, nửa như châm biếm.

“Anh đã phải dùng câu đó bao giờ chưa?”.

“Rồi”.

“Anh đã bắn ai bao giờ chưa?”.

“Anh đã từng ở trong quân đội”.

“Đó không phải là câu hỏi của em”.

“Khi đấy anh còn quá trẻ, anh chưa phân biệt được yêu nước và lẽ phải. Anh đã từng chiến đấu ở dải Gaza, anh đã từng giương súng bắn. Đó là một quá khứ buồn. Anh không muốn nói về nó”.

Lòng tôi quặn lại khi anh nói những điều đó. Tôi thương anh. Tôi như cảm nhận được nỗi đau của anh vậy. Tôi cầm lấy bàn tay anh, bàn tay đã từng cầm súng, hôn nhẹ vào đó. Anh lùa tay vào tóc tôi, hôn nhẹ lên môi.

78. Lễ hội body painti

Có những người chưa bao giờ tôi nghĩ là mình sẽ gặp.

Có những thứ chưa bao giờ tôi nghĩ là mình sẽ thấy.

Có những việc chưa bao giờ tôi nghĩ là mình sẽ làm.

Có những việc, ngay cả khi đã làm rồi, tôi vẫn không thể tin được rằng bản thân mình đã làm việc đó.

Như Alice ở xứ sở thần tiên: Cảm xúc quá thật nhưng cảnh tượng quá ảo, để khi ra khỏi xứ sở đầy rẫy rồi vẫn không biết rằng mình đang tỉnh hay mơ.

Khi tôi lần đầu tiên nghe về lễ hội Pashut từ Amir và Dana, tôi đã nghĩ rằng đây là thứ kỳ quặc nhất trên thế giới.

“Không ai mặc bất cứ cái gì trên người? Suốt ba ngày liền? Ở giữa sa mạc? Nhiều người có sở thích kỳ quặc nhỉ?”.

“Không phải là sở thích, mà là như một cách phát triển bản thân. Mục tiêu chính của lễ hội này là để mình thấy yêu cơ thể mình hơn. Con người hay tự ti về cơ thể của mình. Đến lễ hội này rồi thì thấy thực ra cơ thể ai cũng có điểm khiếm khuyết. Như ngày trước chị tự ti vì mình béo”, Dana có vòng bụng khá to. “Nhưng giờ chị thấy có béo thì mình vẫn đẹp. Mình tự tin lên hẳn”.

“Nhưng có bị sàm sỡ không?”.

“Em đừng có nhìn nó theo cách bệnh hoạn như thế. Dana là bạn gái anh, nếu nó chỉ vì đàn ông đàn bà trần truồng thì anh thấy ghen chứ. Nhưng không, mọi người ở đó rất lịch sự. Với lại đây cũng là lễ hội body painting luôn. Body painting là nghệ thuật tôn vinh vẻ đẹp cơ thể con người. Những họa sĩ hàng đầu Israel sẽ vẽ đây tranh tài. Em nhìn này...”.

Amir cho tôi xem những bức ảnh anh chụp từ Pashut năm ngoái.

“Em nhìn vào những bức tranh này, em có nghĩ đến chuyện bậy bạ không? Nếu có, thì em quá bệnh hoạn”.

Tôi chết lặng đi ngắm nhìn những bức vẽ tuyệt vời. Trong phút chốc, tôi quên đi rằng chủ thể của những bức tranh đó là con người thực sự bằng xương bằng thịt. Trước mắt tôi, họ biến thành những tác phẩm nghệ thuật: họ là con thú hoang đói mồi trong sa mạc, họ là một vị thần lạc bước xuống trần gian, họ là một con bướm rực rỡ trong ánh chiều tà. Trong đầu tôi là một cuộc đấu tranh gay gắt giữa những gì mình cho là đúng và những gì mình được dạy là đúng. Tôi rất rất muốn có được một bức tranh như thế, để cho bản thân mình và để khoe với con cháu mình mai sau rằng mình cũng đã từng có một tuổi trẻ oanh liệt. Nhưng tôi sợ rằng, thế hệ đi trước sẽ vì thế mà không nhìn mặt tôi mất. Ở đây, những bức tranh như thế được tôn vinh. Về Việt Nam, những bức tranh thế sẽ bị chì chiết đến chết.

“Nhưng mọi người không thấy ngại à?”.

“Ban đầu thì cũng hơi ngại, nhưng sau một ngày là chẳng thấy ngại gì nữa. Với lại xung quanh mình ai cũng nude cả mà, có phải mỗi mình mình nude đâu mà sợ ngại. Nhưng nếu em ngại thì em không phải nude. Không ai ép em cả”.

“Vậy có nghĩa là em có thể đến tham gia nhưng sẽ không phải nude?”.

“Ừ. Nhưng đảm bảo là ở đây em sẽ muốn nude ngay. Nude là một quyền, không phải là một trách nhiệm”.

Thấy tôi vẫn còn phân vân, anh bảo.

“Em cứ nghĩ cho kỹ đi. Nhưng anh đảm bảo rằng nếu em không đi thì em sẽ hối hận đấy. Người ta thường hối hận những gì mình không làm hơn là những gì mình làm. Em tham gia rồi, nếu thích thì tốt, nếu không thích thì coi như là một trải nghiệm. Có mất gì đâu”.

“Dạ...”.

“Em nghĩ nhanh đi, anh chị đăng ký cho. Vé vào là 300NIS (khoảng \$80), như nếu mình đăng ký làm tình nguyện viên sáu tiếng/ngày thì mình sẽ không mất vé vào cửa, lại còn được miễn phí ăn ngày ba bữa”.

Tôi suy nghĩ mấy ngày, xong rồi quyết định rằng mình sẽ đi. Tham gia cho biết, chẳng ai bắt mình nude cả. Tôi kể cho Asher nghe về Pashut, cậu nhảy dựng lên:

“Hay thế. Bảo bạn mày đăng ký cho tao với”.

Thế là chúng tôi lên đường đi Pashut. Bố mẹ Nati cho chúng tôi mượn lều, túi ngủ. Chúng tôi về lại Tel Aviv, đi nhờ xe với một cặp khác mà chúng tôi liên hệ được qua website của ban tổ chức. Chúng tôi lái xe về phía Nam, đi qua thị trấn Beer Sheva xinh đẹp với những ngôi biệt thự trắng đầy hoa và những con đường xanh rợp lá cọ. Chúng tôi đi qua Makhtesh Ramon, makhtesh lớn nhất thế giới. Makhtesh là dạng địa hình chỉ có ở Israel, được hình thành bởi những vách đá vôi tròn lầy nhau trong sa mạc. Nước đọng trong đáy từ ngàn năm trước dần dần bốc hơi đi để lại những vết xói mòn hằn sâu vào trong đá, tạo thành những hình khối và tông màu kỳ dị như bề mặt sao Hỏa vậy. Đường sa mạc vắng tanh vắng ngắt, xung quanh chẳng hề có dấu hiệu của sự sống. Thế rồi tự nhiên ở giữa cái gió và cát đỏ, ashram hiện ra im lìm và bình yên đến lạ.

Xây dựng trên một căn cứ quân sự cũ, ashram Shitim có đủ sự kín đáo và tách biệt để tránh sự dòm ngó của thế giới bên ngoài. Nhìn từ ngoài vào, chúng tôi cứ tưởng nơi này bỏ hoang. Chỉ khi bước vào bên trong, chúng tôi mới thấy hàng dãy những lều cắm san sát nhau trên bãi cỏ xanh mướt. Hầu hết mọi người vẫn còn mặc nguyên quần hoặc áo.

Khi đăng ký làm tình nguyện viên, Amir bảo làm dọn vệ sinh là nhàn nhất bởi một ngày chỉ cần dành khoảng hai, ba tiếng đi loanh quanh nhặt vỏ ốc, vỏ chai là xong, nên cả hai chúng tôi đều đăng ký tham gia bộ phận này. Nhưng khi đến nơi, nhìn tôi từ đầu đến chân rồi bảo tôi làm pha chế ở quán bar, còn cho Asher vào làm trong bếp.

“Chúc mừng em đã nhận được công việc vui nhất ở đây”. Anh là Kooshi, quản lý quán bar cầm tay tôi lên hôn. Da anh nâu bóng, mũi thẳng, mắt sâu, tóc dài xoắn thành từng lọn. Mỗi lần anh nhẹ lắc đầu là mái tóc lại bông bênh như tài tử điện ảnh. Ánh mắt anh lúc nào cũng đắm đuối như đang nhìn người yêu. Phải mất một lúc tôi mới nhận ra là anh say thuốc.

“Kooshi nghĩa là đen. Anh gọi mình luôn thế để khỏi ai chê anh đen. Ở đây em cứ thoải mái. Không biết gì thì hỏi, cần gì thì nói. Tất cả mọi người ở đây đều là người nhà. Em từ Việt Nam đến phải không? Anh thích Việt Nam lắm. Người Việt Nam anh hùng. Ôi anh xin lỗi, anh bị nói nhiều mà, đúng không? Nếu như anh nói nhiều thì em cứ bảo anh dừng lại nhé. Anh từ nhỏ bị ADHD (Rối loạn tăng động giảm chú ý) nên phải uống Ritalin nhiều. Mà em biết Ritalin là một dạng thuốc phiện, nó khiến con người mình lúc nào cũng như say thuốc. À, mà mình đang nói đến đâu rồi nhỉ?”.

Anh nói với một cái giọng chân thành đến mức khiến cho người khó tính nhất cũng phải tan chảy. Mặc dù anh nói nhiều và hay lạc đề nhưng chẳng ai ghét được anh. Những lúc anh nói nhiều, mình chỉ cần nhẹ nhàng: “Kooshi, dừng lại” là anh dừng ngay lập tức: “Ôi, anh lại nói nhiều rồi, xin lỗi em nhé”. Kooshi lúc nào cũng cười trần đông khô. Khó của anh là một chiếc váy da bò anh tự cắt, tự đính khuy lên nhìn giống một chiếc váy của dân du mục. Anh quý chiếc váy đấy lắm. Một bạn say thuốc quá hay thế nào, anh cứ khẳng khẳng tặng tôi cái váy đấy. Mặc dù rất thích nó, tôi phải từ chối vì sợ nếu nhận thì anh sẽ không còn gì để mặc.

Làm việc ở quán bar đúng là vui nhất. Quán bar lúc nào cũng là trung tâm của lễ hội. Ban ngày trời nóng, mọi người toàn đến đây mua nước. Buổi tối trời mát, nơi đây lại là nơi tiệc tùng. Làm ở đây, tôi có thể quan sát tất cả mọi chuyện diễn ra xung quanh. Cũng nhờ làm nhân viên pha chế, tôi nhanh chóng được tất cả mọi người nơi đây quen mặt.

“Mày chẳng cần làm việc ở đây mọi người vẫn quen mặt. Mỗi mình mày là người châu Á ở đây.

Mà dân da trắng thì lại thích con gái châu Á”.

Có lẽ vì tôi lạ, lại lúc nào cũng đứng chình ình trước mặt nên hay được mọi người đến quán bar lôi ra làm chủ đề bàn tán khi không còn việc gì khác để làm. Thỉnh thoảng, mọi người nói chuyện về tôi cứ như thể tôi không có mặt ở đó vậy.

“Cô bé này được đấy. Một mình mà dám sang tận Israel. Lại còn dám tham gia lễ hội này”.

“Bé này hay cười dễ thương quá”.

“Chỉ đến quán bar này chỉ để nhìn em cười đấy”.

Đấy, bạn nào chê mình khó thương thì đề nghị đọc lại mấy lời nhận xét trên đây.

Lễ hội này đi kèm với rất nhiều hoạt động, trong đó có các workshop dạy thiền, dạy vẽ, dạy thêu thùa, dạy mát-xa do chính những người tham gia đăng ký dạy hoàn toàn miễn phí. Ai thích thì đi học cho vui, ai không thích thì cứ thanh thoi ăn chơi nhảy múa. Ban tổ chức bố trí được hai bể bơi di động đặt ra giữa sa mạc. Buổi sáng đầu tiên mới chỉ lác đác người nude, đến khoảng tầm trưa trời nóng hơn thì phải đến một nửa. Tôi phát hiện ra hầu hết những người tham gia lễ hội này đều đã tham gia lễ hội ít nhất một lần rồi thành nghiện. Có người tham gia lễ hội này đã sáu, bảy lần.

“Cảm giác không còn gì che giấu con người thật của mình thích lắm. Mình chỉ là chính mình thôi. Chẳng còn ai đánh giá mình được qua quần áo mình mặc nữa”.

“Lỡ người ta đánh giá mình qua cơ thể của mình thì sao? Cái này to quá, cái này nhỏ quá chẳng hạn?”.

“Ha ha, em nhìn xung quanh đi có ai là hoàn hảo đâu mà đi đánh giá người khác”.

Sang đến buổi thứ hai thì mọi người nude gần hết. Asher ngày đầu tiên còn mặc quần đùi, ngày thứ hai cũng đã trần như nhộng. Chẳng hiểu sao nhìn người lạ nude không sao, nhìn Asher nude là tôi ôm bụng cười lẫn lộn, không dám nhìn anh. Mọi người xung quanh bắt đầu thắc mắc tại sao tôi vẫn mặc quần áo đầy đủ thế.

“Đây mới là lần đầu tiên em tham gia cái này thôi. Cho em thời gian suy nghĩ đã”.

Ngày thứ hai, không khí rộn ràng hẳn lên với sự xuất hiện của các nghệ sĩ body hàng đầu Israel. Ban tổ chức bắt đầu truy tìm người mẫu. Mọi người kêu tôi tham gia. Tôi nhớ lại những bức tranh Amir cho tôi xem nên cũng hào hứng hẳn lên. Tôi đồng ý tham gia vẽ thử xem da mình có ăn màu không và xem tôi có thích không.

Da tôi ăn màu, và tôi cũng thích mê bức tranh. Bốn nhóm họa sĩ đều mời tôi làm người mẫu. Nhưng sau đó tôi được biết nếu trở thành người mẫu, tôi sẽ phải chấp nhận để ảnh của mình công khai trên báo chí. Tôi không thích như thế nên từ chối. Ngày tiếp theo, những người mẫu được chọn phải đứng yên sáu tiếng liền cho các họa sĩ tô tô vẽ vẽ. Vì mỗi tác phẩm đều cần rất nhiều thời gian và công sức, mỗi nhóm phải cần đến hai họa sĩ để làm việc. Năm nay nhiều tác phẩm đẹp, tôi nghe mọi người bảo thế. Trong số bốn họa sĩ mời tôi, một người giành giải nhất, một người giành giải nhì. Mọi người trêu tôi: “Em đại dốt chưa. Giá mà tham gia thì có phải được giải rồi không”. Tôi cũng chẳng tiếc. Khi đến đây, tôi chỉ mong có được một bức tranh body painting trên chính cơ thể mình thì tôi đã có qua buổi vẽ thử.

79. Thuê nhà ở Tel Aviv

Ban đầu tôi chỉ định ở Israel một tháng. Nhưng sau một tháng ở đây, vì yêu đất nước này quá, tôi quyết định ở lại cho đến hết visa thì thôi.

Việc đầu tiên tôi cần làm là thuê nhà. Bạn bè kêu trời lên: “Sao lại Tel Aviv? Đất đỏ lắm đấy”. Giá nhà ở Tel Aviv đắt thật. Hầu hết những căn hộ mà bạn bè tôi tìm được đều có giá gấp ba, gấp bốn lần ngân sách của tôi. Sau cả tuần tìm kiếm không được kết quả gì, bất chợt tôi nhận được tin nhắn từ Tal và Sheila – một cặp tôi quen từ lễ hội Pashut. Hai bạn bảo nhà còn một phòng đang tìm người ở chung nhưng người này phải có cùng “năng lượng” với hai người cơ. Tôi cũng không biết “năng lượng” ở đây nghĩa là gì nhưng Tal bảo tôi yên tâm là năng lượng của tôi rất hợp. Cặp này có cách ăn nói nghe giống giống cách nói chuyện của dân hippie từ Ấn Độ về. Hai người đang ở một căn hộ hai phòng ngủ ở HarTziyon, một khu phố cách khu Florentine nơi Nati ở có một con phố. Florentine là một khu sôi động, an toàn với nhiều quán bar, nhà hàng. Nơi đây tập trung nhiều bạn trẻ với 1/3 dân số ở đây nằm trong lứa tuổi 25 – 34. Còn HarTziyon lại là khu tập trung nhiều lao động nhập cư và cũng được coi là khu đèn đỏ của Tel Aviv. Florentine và HarTziyon chỉ cách nhau một con phố nhưng giá nhà ở Florentine đắt gấp rưỡi giá ở HarTziyon. Giá cả ăn uống, mua sắm ở HarTziyon cũng rẻ hơn nhiều. Nati toàn bộ sang đây đi siêu thị cho rẻ.

Giá rẻ, phòng đẹp, Tal và Sheila tính tình lại hay ho nên tôi đồng ý ở liền.

Một lần khi đang đi lòng vòng ở Tel Aviv, tôi phát hiện ra một anh chàng nhìn không khác gì dân gypsie đang ngồi ở ghế đá trong công viên, miệng ngậm một cành cây gì đó. Anh để tóc ngắn nhưng râu ria xồm xoàm, trời Tel Aviv nóng ba mươi lăm độ mà anh vận trên mình chiếc áo len thêu hoa văn xanh đỏ giống những chiếc áo len người ta bán đầy ở Nepal, nhưng bản và cũ hơn. Thấy tôi nhìn, anh cũng nheo mắt nhìn lại. Tôi hỏi:

“Anh mới ở Nepal về à?”.

“Không. Sao em lại hỏi thế?”.

“Cái áo của anh giống những cái áo người ta bán ở Nepal”.

“Anh chẳng biết. Anh mua hàng thùng ở đây. 10NIS”.

“Anh sống ở Tel Aviv?”.

“Không. Anh về đây chơi thôi. Trước anh sống ở đây nhưng chán rồi. Giờ dựng lều thôi”.

“Lều?”.

Tôi nghe anh kể chuyện mà há hốc miệng ra kinh ngạc. Anh chàng này vì thấy thật ngớ ngẩn khi phải trả cả nửa tháng lương mình vào tiền thuê nhà, nên quyết định cùng bạn gái mua một cái yurt (lều vuông của người Mông Cổ) rồi lên phía Bắc dựng lều ở.

“Ở trên đây mọi người kiếm tiền bằng cách nào?”.

“Kiếm tiền để làm gì? Mình có cần tiêu tiền đâu”.

“Ăn uống bằng cách nào?”.

“Tự trồng rau ăn. thỉnh thoảng bọn anh làm thuê cho các trang trại trên đây”.

“Có điện nước không?”.

“Không có điện nhưng có nước. Bọn anh cắm trại trong vườn một người dân. Một tháng làm việc cho họ mấy ngày họ cho dùng nước miễn phí”.

“Có nhà tắm không?”.

“Không. Tắm thì tắm chậu thôi. Nhà vệ sinh thì đào lỗ ở ngay dưới đất”.

“Anh nấu ăn bằng cách nào?”.

“Tạo ra lửa bằng gỗ”.

Rồi anh đi nhặt hai cành cây, rồi cọ hai cái vào nhau – cái cách người tiền sử vẫn làm như mình

hay nhìn thấy trên phim ảnh.

Khác có điều, trên phim ảnh nhìn thì dễ, ngoài đời nhìn thì mớ không dễ tí nào. Ta cần phải đi qua rất nhiều bước, mỗi bước lại cần sự chính xác tuyệt đối: chọn đúng củ, xoay đúng tốc độ, chuẩn bị than cho bén lửa, giữ lửa đúng cách. Phải mất mười lăm phút chúng tôi mới thấy ánh lửa lóe lên. Đây là anh đã được học bài bản. Còn tôi nhìn anh làm rồi mà làm lại vẫn không được. Thiết nghĩ, người đầu tiên nhìn vào que củi mà nói: Ta sẽ tạo được lửa từ cái kia, rồi tự mày mò mà tạo ra lửa thật thì cũng phải tài năng lắm.

“Nhưng anh có định sống thế này mãi không?”.

“Chưa biết nữa. Định sống vài năm, nhưng nếu hợp thì sống cả đời”.

“Em hỏi anh đừng giận nhé. Anh sống như vậy vì chán thành phố hay vì không trụ được ở thành phố?”.

“Cả hai. Sống thì kiểu gì chẳng sống được. Anh thấy rất vô lý rằng mình làm bực mặt cả ngày chỉ để mất luôn nửa tháng lương vào tiền nhà”.

“Có nhiều người sống như anh không?”.

“Nhiều. Có cả làng như thế luôn. Như làng Kfar Kalil anh ở thì có đến cả trăm lều. Người ta sống rải rác ở các nơi nữa”.

Nhưng ngay sau đó thì chẳng cần phải lên Kfar Kalil mới thấy lều. Một ngày hôm sau đi qua Rothschild, con đường trung tâm thành phố, tôi phát hiện ra một dãy lều đủ màu sắc. Một hôm sau số lượng lều đã lên tới gần trăm. Một hôm sau nữa thị trấn lều này đã trải dài xuống tận phía đầu bên kia của Rothschild. Đây là cách các bạn trẻ biểu tình phản đối giá thuê nhà cắt cổ ở Tel Aviv. Sự kiện này được khởi động bởi cô bạn hai mươi lăm tuổi Daphni Leef. Daphni và bạn bè sau khi bị mất chỗ ở vì chủ nhà tăng giá đã quyết định cắm trại ngoài đường. Sự kiện này được đưa lên Facebook và lập tức được cả trăm ngàn bạn trẻ đồng tình và ủng hộ. Cũng giống như anh chàng du mục tôi gặp mấy hôm trước, Daphni cho biết cô thấy không có lý do gì để mình phải chi nửa tháng tiền lương của mình vào nhà ở. Shir Alony, hai mươi bảy tuổi, một trong những người đứng đầu chiến dịch này cho hay giá nhà trong sáu năm qua ở Tel Aviv đã tăng gấp đôi và vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại. “Nếu như cách đây sáu năm, căn nhà tôi đang ở chỉ có giá khoảng 3.000NIS thì giờ đây nó đã lên đến 6.000NIS”, Shir nói, “chính phủ phải làm một cái gì đó để ngăn chặn giá cả leo thang này”.

80. Suýt bị bắt cóc

Sáu rưỡi sáng mà tôi vẫn không thể ngủ được. Tôi vẫn không thể tin được rằng những gì vừa xảy ra là thật. Suýt chút nữa, tôi đã bị bắt cóc bởi một lão già sáu mươi bảy tuổi đã từng bị kết án vì sàm sỡ các cô gái trẻ. Tôi thật không thể tưởng tượng được chuyện gì sẽ xảy ra nếu bạn bè không ở đó vì tôi.

Chuyện là thế này. Hết sạch tiền, tôi quyết định lên Craigslist tìm việc. Tôi tìm thấy quảng cáo từ một luật sư tên Neil rằng ông ta đang tìm ai đó có thể giúp ông đánh máy. Nghĩ rằng đánh máy là thứ duy nhất tôi có thể làm, tôi gọi cho ông ta nhưng ông nói rằng ông tìm được người rồi. Khoảng hai tuần sau, ông ta gọi lại cho tôi lúc khoảng bảy giờ tối nói rằng ông ta cần một người đánh máy NGAY LẬP TỨC. Tôi hỏi ông ta mức lương thế nào, ông bảo: “Đừng lo, bác không phải người keo kiệt đâu”. Vốn tin người già, tôi cũng không hỏi gì thêm. Đã lâu rồi không làm việc, tôi hào hứng hết sức, đi luôn mà chẳng buồn ăn uống gì. Ông ta ở đầu kia của thành phố, đi xe bus cũng phải hơn một tiếng. Cứ năm phút ông ta lại gọi giục. “Cô đang ở đâu? Sao lâu vậy?”. “Cháu đang cố giục cho xe bus đi nhanh đây”, tôi bực mình trả lời. “Cố nữa đi. Lề mề quá”.

Tôi đến nhà ông ta lúc tám rưỡi hay chín giờ gì đó và bắt tay vào làm việc ngay. Ông ta ban đầu bảo là cần tôi gõ máy trong ba giờ, nhưng tài liệu gấp nên ông bảo tôi cố làm sáu giờ liền mà không hề cho tôi nghỉ. Thỉnh thoảng ông lại hỏi một câu đại loại như: “Nhà cháu nghèo lắm à? Sang Israel có thích không?”, “Ở Việt Nam cháu có máy tính không?”. “Cháu chắc là cũng được đi học nên tiếng Anh mới tốt thế?”. Rồi ông bắt đầu kiểm soát sờ tay sờ chân tôi, nhưng tôi rất lịch sự: “Xin lỗi, nhưng đừng có động vào tôi”. Đã hai giờ sáng, cả hai đều đã mệt mỏi rã rời. Cái giọng phều phào của ông ta bắt đầu run rẩy, còn bộ não của tôi cứ như đang tan ra từng mảnh. Khi không nghe rõ một từ ông đọc, tôi hỏi lại thì ông quát: “Mày bị điếc à?”. Tôi cũng hét lên: “Muộn rồi. Cháu mệt. Cháu sẽ lập tức nếu bác còn cái giọng quát tháo đấy”. Ông năn nỉ tôi ở lại gõ cho xong tập tài liệu, và hứa sẽ đưa tôi về tận nhà. Tôi vừa mệt, vừa đói, vừa cáu, vừa buồn ngủ. Nhưng đã mất công lặn lội đến tận đây thì cũng phải cố mà kiếm lấy ít tiền. Tôi động viên mình rằng sau khi nhận tiền, sẽ quay về Tel Aviv và ăn một bữa sushi hoành tráng.

Tôi gõ xong lúc hai rưỡi sáng và ông ta bảo tôi chuẩn bị để đi về.

“Ừa, bác đã trả tiền cháu đâu?”.

“Tôi không có tiền. Một xu cũng không có”.

“Không có tiền nghĩa là sao?”. Tôi không tin vào tai mình nên cứ ngây người ra. “Bác ra ATM rút tiền đi”.

“Tôi không có thẻ ATM”. Tiên sư, lát sau ông ta mở ví ra thì trong túi có một đồng thẻ.

“Không có thẻ ATM nghĩa là sao?”. Tôi vẫn còn đang ngây người ra chưa biết nên phản ứng thế nào. “Vậy bác sẽ trả tiền cháu bằng cách nào?”.

“Lần sau đến làm rồi tôi sẽ trả”.

“Ông đùa tôi đấy à?”. Bây giờ tôi mới bắt đầu hiểu chuyện gì đang diễn ra. “Từ đã, ông định trả tôi bao nhiêu?”.

“Hmm, thường thì tôi trả mấy đứa sinh viên 25NIS/giờ”.

“Cái gì? Ông gọi tôi đến đây khẩn cấp, ép tôi làm việc đến tận giờ này, rồi trả tôi mức lương tối thiểu. Ít nhất cũng phải 35NIS/giờ”.

“OK thôi. Ba giờ đúng không”.

“Tôi bắt đầu từ chín giờ mà bây giờ đã là hai rưỡi. Năm tiếng rưỡi, 200NIS và tôi muốn được trả ngay bây giờ”.

“Tôi sẽ viết cho cô một ngân phiếu”. Ông ta lôi tập ngân phiếu bán đầy bụi ra từ dưới gầm bàn.

Trên ngân phiếu toàn chữ Hebrew. “Tôi không hiểu tiếng Hebrew và tôi cũng không có tài khoản ngân hàng ở đây, nên tôi không biết ngân phiếu ở đây hoạt động ra sao. Tôi sẽ gọi điện cho bạn tôi và ông sẽ giải thích cho bạn này cách đổi ngân phiếu ra tiền như thế nào”.

“Không, không điện thoại, không bạn bè gì hết. Mà hoặc là lấy cái ngân phiếu này, hoặc là không gì cả”.

Có cái gì đó rất rất không ổn. Tôi gọi cho Asher. Anh bảo tôi nhận tờ ngân phiếu đây là điều duy nhất tôi có thể làm. Bây giờ đã là gần ba giờ sáng mà tôi vẫn còn bị kẹt ở đây một mình với lão già thích sờ mó này. Tôi cần tìm cách về nhà trước đây. Tôi bảo ông ta hãy đưa tôi về nhà như ông ta đã hứa. Kế hoạch của tôi là nhờ Tal đợi tôi ở dưới cổng và nói chuyện với ông ta khi xe dừng. Ông già này có cái gì đó rất không bình thường hết sức đáng sợ. Mặt ông ta có cái vẻ căng thẳng của một kẻ tâm thần có thể làm bất cứ điều gì khi bị mất kiểm soát. Ông ta bước đi khom lưng, mặt cúi gằm, môi dưới lúc nào cũng run run. Tôi phải cố giữ cho mình thật bình tĩnh, không hoảng loạn. Tôi nhắn tin cho Asher: “Cứ năm phút lại gọi cho tao. Nếu tao không nghe máy thì báo cảnh sát. Tao đi cùng ông Neil L., xe Sirion, biển xxxx850”. Neil lái xe đưa tôi về nhà. Nhưng ngay khi thấy Tal, ông ta nhấn ga phóng vù đi.

“Ông đưa tôi đi đâu?”

Ông ta không trả lời tôi. Miệng thở hồn hển, tay ông ta run lên vì giận. Tôi vừa tức lại vừa sợ. Đây là xe của ông ta, tôi không biết ông ta có giấu con dao hay khẩu súng ở đâu không. Mỗi lần ông cúi xuống tìm cái gì đó là người tôi như đông cứng lại. Tôi bảo ông ta: “Tôi gửi tên và số xe của ông cho bạn tôi rồi. Nếu có chuyện gì xảy ra với tôi, cảnh sát sẽ biết”. Sắc mặt ông bắt chợt thay đổi. Biết chắc rằng ông sợ cảnh sát, tôi định dùng cái này để ép ông trả tiền cho mình, nhưng Tal gọi tôi: “Chip ơi, làm ơn em đang ở đâu hãy ra khỏi xe ngay”. Anh gần như khóc trong điện thoại vì lo lắng. Tôi mở điện thoại ra gọi cho cảnh sát, ông bắt chợt dừng xe lại đẩy tôi ra. Tal đến đón tôi về.

Khi thấy Tal, tôi ôm chầm lấy anh và bật khóc. Lúc bấy giờ, khi biết mình đã an toàn rồi, cảm xúc trong tôi mới tuôn ra. Tal và Sheila google tên của ông ta và chúng tôi tìm thấy một loạt bài báo về ông ta. Ông ta đã từng bị kết án hai lần vì quấy rối phụ nữ, thậm chí là khủng bố, đe dọa giết một trong số đó. Khi bị hỏi, ông thậm chí còn thẳng thắn thừa nhận rằng ông muốn giết cô ta thật.

Tôi quả thực là quá đổi may mắn.

81. Tạm biệt Israel

Sau vụ kiểm tiền hụt đây, Joe, bạn thân của Nati và Asher quyết định tìm cho tôi một cách kiếm tiền an toàn hơn. Anh bảo tôi trên phía Bắc bây giờ đang mùa thu hoạch. Tôi có thể đến các trang trại xin người ta chân hái hoa quả. Công cũng khá cao, 20–25NIS/giờ. Nhà ở thì Joe sắp xếp cho tôi ở nhà anh trai của Joe miễn phí với điều kiện một tuần tôi phải dọn nhà hai lần. Giá cả ăn uống trên phía Bắc cũng rẻ nên nếu chịu khó làm khoảng một, hai tuần, tôi cũng có thể tiết kiệm được kha khá để lên đường đi tiếp. Joe tốt bụng chở tôi đến từng trang trại để hỏi. Đến trang trại thứ mười thì cuối cùng cũng được nhận làm công việc hái đào và mận, đúng hai loại quả tôi thích. Thế là trong hai tuần liền tôi ở phía Bắc làm nông dân. Sáng sáng tôi đi nhờ xe lên trang trại, tối thỉnh thoảng Joe đến cho tôi đi nhờ về, hoặc là tự đi nhờ xe về kibbutz (kibbutz là dạng hợp tác xã ở mình). Ở phía Bắc thì đẹp nhưng ở lâu sẽ rất buồn. Ở đây ngoài đồi núi sông hồ thì chẳng có gì để chơi cả. Cả ngày ở chỗ làm tôi chỉ có ăn rồi bập bẹ tập nói tiếng Hebrew, nói mãi rồi cũng chán vì trình độ của mình thấp quá. Tối về tôi chỉ biết đọc sách hoặc lên mạng. Vậy nên đủ tiền rồi, tôi phi thẳng về Tel Aviv tự thưởng cho hai tuần lao động vất vả của mình.

Lúc này, visa Israel của tôi cũng đã gần hết hạn, đồng nghĩa với việc tôi phải tự hỏi mình câu hỏi muôn thuở: “Đi đâu bây giờ nhỉ?”. Từ Israel, tôi có thể đi tàu chỉ hai tiếng là đến Hy Lạp, rồi từ đó tôi có thể đi Châu Âu. Nhưng xin visa đi Châu Âu cũng không hẳn là chuyện dễ dàng. Hoặc, tôi cũng có thể đi xuống phía Nam, đi châu Phi. Ai Cập tôi đi rồi nên không muốn đi lại. Sudan thì vì tôi không có visa Israel trong hộ chiếu của mình, họ sẽ không cấp visa cho tôi sang. Nước tiếp theo trong trục Bắc Nam đây là Ethiopia. Khi ở Ai Cập, tôi không xin được visa Ethiopia vì đại sứ quán Ethiopia ở đây chỉ nhận hồ sơ của người có Residence Permit hoặc Work Permit (Giấy phép sinh sống và Giấy phép làm việc) ở Ai Cập. Họ yêu cầu tôi phải về nước mình sinh sống để xin visa. Tôi đưa ra lý do là Ethiopia không có đại sứ quán tại Việt Nam, họ bảo tôi phải sang nước lân cận như Trung Quốc hay Thái Lan. Quả thực là muốn làm khó mình đây mà. Tôi nhờ đại sứ quán Việt Nam ở Ai Cập tác động mà cũng không được. Lúc đấy cáu lên tôi đã thề thốt là không bao giờ thêm xin visa sang Ethiopia nữa. Nhưng lúc ở Israel, phần vì không còn lựa chọn nào khác, phần vì đã nguôi giận rồi, tôi lên đại sứ quán Ethiopia ở đây xin thử. Ai ngờ xin visa ở đây quá dễ. Tôi lên hỏi được cho vào gặp bác phụ trách visa. Bác hỏi tôi vài câu, hỏi tôi có mang theo ảnh không rồi làm luôn cho tôi một cái visa dán vào hộ chiếu. Mười lăm phút, hai mươi lăm đô, visa ba tháng. Vậy mà ở Ai Cập tôi cứ nghĩ đây là visa khó nhất trên đời.

Trước khi đi, tôi lên Korazim chào bố mẹ Nati. Đi đứng thế nào mà tôi mất xù ví. Tìm đi tìm lại vẫn không thấy đâu. Tôi đoán là nó rơi ra khi tôi đi nhờ xe về lại Tel Aviv, nhưng không có cách nào liên hệ lại với người cho mình đi nhờ được.

Tôi hơi buồn vì mất cái thẻ ATM duy nhất còn hiệu lực của mình. HSBC thì không chịu cấp cho thẻ mới khi tôi không có mặt. Từ giờ trở đi, sẽ không có cách nào để tôi rút tiền hay nhận tiền được. Trong giây phút bối rối, tôi suýt nữa quyết định bỏ về Việt Nam. Nhưng tôi nhận ra rằng điều đó thật ngu ngốc. Tôi không có tiền, thì sao? Tôi đã có vé đi Ethiopia và tôi sẽ đi CHU PHI! Thậm chí nếu tôi chỉ còn có thể đi vài tuần, tôi cũng sẽ vẫn đi cho vui. Tôi chưa bao giờ có nhiều tiền trong người, nên cái ví thực ra cũng chỉ mang giá trị tượng trưng mà thôi.

Tôi chuẩn bị cho mình một bữa sáng hoành tráng. Tôi bị cái bệnh cứ buồn là ăn rất nhiều. Ăn xong thì khỏi buồn. Phần vì muốn cuộc hành trình của mình thêm sôi động, phần vì không thể mua vé xe bus, tôi quyết định đi nhờ xe từ Tel Aviv xuống Eilat. Với nhiều người, đây được coi là điều không tưởng vì hai lý do: 1. Đi nhờ xe từ Tel Aviv rất khó, không ai dừng xe cho mình từ trong thành phố đông đúc như thế này cả. 2. Đây là quãng đường dài 350 kilomet qua sa mạc Negev vắng vẻ nơi mà

nhệt độ có thể lên đến 45–50 độ. Nếu bị kẹt ở đây thì mình coi như

Lúc đấy, tôi đã khá quen thuộc với đường sá Tel Aviv. Đầu tiên, tôi phải đi bộ ra khỏi thành phố. May mắn thay, tôi đang ở khá gần cửa Nam thành phố. Lần cuối cùng tôi đến đây là để đi nhờ xe xuống Jerusalem. Lúc đấy, tôi đã phải đi bộ hai tiếng liền trên một đường cao tốc không có đường viền để cho xe dừng lại, cho đến khi tôi mệt quá phải đi xe bus. Lần này, tôi quyết định chọn cho mình một điểm dễ nhìn trước khi bước vào đường cao tốc. Lái xe đi qua ném cho tôi một cái nhìn khó hiểu. Tôi đang thắc mắc không biết xe có được dừng chỗ đấy không hay tôi chỉ đang biến mình thành trò cười khi đứng đấy xin đi nhờ xe thì bất chợt một xe dừng lại.

“Eilat?”. Đây là một câu hỏi tu từ. Cơ hội để chiếc xe này đi một mạch xuống Eilat là một phần triệu. Tôi thực sự không quan tâm anh đang đi đâu, tôi chỉ cần biết là anh chàng đi xuống phía Nam và có thể cho tôi đi nhờ đến điểm nào đó dễ bắt xe hơn.

Anh chàng này nhún vai rồi phá lên cười. Chúng tôi trao đổi vài câu xã giao. Anh hỏi tôi từ đâu đến, bao nhiêu tuổi, tại sao lại đi nhờ xe, tại sao lại đi một mình, blah blah blah. Tôi chỉ mỉm cười lịch sự và cố gắng tỏ ra dễ thương nhất có thể. Anh thả tôi tại Ashdod, ba mươi phút lái xe từ Tel Aviv.

“Chúc em may mắn, cô gái liêu lĩnh”.

May mắn chính là thứ tôi cần lúc này. Ngay khi tôi ra khỏi xe của anh, một chiếc xe khác dừng lại. Cuộc hội thoại y hệt lại được lặp lại.

“Em từ đâu đến?”

“Việt Nam”.

“...”.

“Ah, con gái Philippines rất tuyệt”. “Yeah, nhưng em đến từ Việt Nam”.

“...”.

“Campuchia có nóng không?”.

“Em đến từ VIỆT NAM”.

Tôi thấy ghét anh chàng này quá. Ít nhất thì anh ta cũng phải nghe đến cuộc chiến tranh Việt Nam rồi chứ. Nước mình đâu có mờ nhạt đến thế đâu.

Anh thả tôi lại một nơi mà tôi cũng chẳng biết là ở đâu. Một chiếc xe van dừng lại và phát hiện ra đây có thể coi là một trong những phi vụ đi nhờ xe bất ngờ nhất mà tôi từng đi.

Đây là chiếc xe chở hàng từ Tel Aviv đến một thị trấn mà có Chúa mới biết được. “Chỉ cách Eilat có hai tiếng thôi, đừng lo”. Họ ném túi của tôi vào phía sau xe và kéo tôi lên ngồi phía trước. Nếu tôi nghe không nhầm thì anh chàng lái xe tên Nimrod, anh chàng còn lại tên Ron. Cả hai khoảng cuối hai mươi, đầu ba mươi, nhưng hiếu động cứ như trẻ con vậy.

“Wheeeee, đi thôi”.

Nimrod bẻ lái trong khi Ron cứ cười nghiêng ngả chẳng vì lý do gì cả. Hai người bắt đầu kể cho tôi nghe về chuyến phiêu lưu của họ ở Nam Mỹ, châu Á...sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Nimrod hào hứng hết sức khi kể về kế hoạch tương lai của mình.

“Anh muốn mua xe van để lái vòng quanh nước Úc”.

“Làm đi”.

“Không có tiền. Phải trả tiền thuê nhà các thứ nữa”.

“Anh cần nhà làm gì? Mua cái lều, ra Rothschild mà cắm trại (Hàng ngàn người đang cắm trại ở Rothschild để biểu tình phản đối giá thuê nhà cắt cổ)”.

“Nếu anh làm thế, em có đi Úc với anh không?”.

“Insha’Allah”. Tôi phá lên cười.

Xe dừng lại ở một vài thành phố trên đường đi để giao hàng. Tôi định xuống đi nhờ xe khác,

nhưng họ thuyết phục tôi đi cùng họ.

“Đi cùng bọn anh luôn đi. Vui mà. Đi được gần nửa đường rồi”.

Đi vui thật. Tôi há hốc miệng khi thấy nội thất hiện đại được lắp ghép từ những mảnh nhỏ xíu, với thiết kế cực kỳ sáng tạo mà tôi chưa thấy bao giờ. Tôi mày mò tự mình lắp một cái nôi mà mở ra lại là giường ngủ.

“Không thèm đọc sách hướng dẫn cơ à? Thông minh phết nhỉ”.

Họ thả tôi ngay phía ngoài Dimona.

“Gửi email cho anh nhé”. Nimrod hét lên chào tạm biệt. “Mình sẽ đi Úc cùng nhau”.

Tôi gửi mấy anh chàng một nụ hôn gió rồi tiếp tục chờ xe. Tôi hoảng hồn khi nhìn thấy biển: “Eilat – 240km”. Đi bốn tiếng rồi mà tôi mới đi được chưa đến 100 kilomet. Nhưng mà tôi không thấy tiếc. Mấy anh chàng đấy đúng là rất hay ho, đúng kiểu bạn bè mà tôi thích chơi. Rất tiếc tôi phải đi tiếp.

Một người đàn ông nhặt tôi lên và thả tôi lại ở giữa sa mạc. Trời nóng đến mức không thở được. Gió mang cái nóng từ khắp sa mạc, quạt thẳng vào mặt tôi. Chai nước tôi mang theo cứ nóng dần, nóng dần, đến mức tôi có thể thấy nó đang bốc hơi. Máu trong người tôi sôi lên sùng sục.

Điều đáng sợ là ở đây gần như không có xe cộ qua lại. Cứ phải mười, mười lăm phút mới có một xe đi qua. Không biết có phải vì nóng quá mà mọi người nghĩ rằng tôi chỉ là ảo ảnh sa mạc hay không mà chẳng có ai chịu dừng lại. Một chiếc xe dừng lại ngay trước mặt tôi. Tôi hớn hờ chạy lại nhưng người phụ nữ trên xe trừng mắt nhìn tôi ra dấu hiệu cho tôi lùi lại. Người đàn ông lái xe nhìn tôi lo lắng. Anh nói cái gì đó với người phụ nữ nhưng chị ta cứ lắc đầu nguây nguẩy. Người đàn ông nhìn tôi nhún vai như thể để thay cho lời xin lỗi. Ôi đàn bà. Nhưng cũng may mà họ không cho tôi lên xe. Bởi nhờ vậy mà tôi gặp Yoni.

Yoni là một chàng trai hai mươi tư tuổi với kiểu khuôn mặt có thể làm bất cứ ai tin tưởng ngay từ lần gặp đầu tiên: bầu bĩnh, hiền lành. Anh quê ở Dimona nhưng sống và công tác ở Eilat. Trình độ tiếng Anh của anh chắc cũng chỉ tương đương trình độ tiếng Hebrew của tôi. Anh chỉ vào chai nước ở trên xe:

“I make”. (Anh tạo ra)

“Anh tạo ra nước? Anh là Chúa trời à?”.

Với đủ cử chỉ kỳ cục, cuối cùng Yoni cũng giải thích được cho tôi là anh làm cho công ty đấy. Sau này, qua bạn bè anh, tôi biết anh là quản lý cho cả khu vực phía Nam hay đại loại như thế.

Chúng tôi nói chuyện qua lại vài câu nhưng phần lớn thời gian chỉ nghe nhạc và hát theo sẽ dễ dàng hơn rất nhiều. Mặc dù chúng tôi không nói chuyện gì nhiều, phong cách của anh khiến người khác hết sức dễ chịu. Anh sống ở trung tâm thành phố nhưng bỏ công lái xe đưa tôi ra tận biên giới. Nhiệm vụ bất khả thi đã được hoàn thành.

82. Thiên đường Sinai

Lý do tôi muốn đi Eilat là để v sang Sinai, Ai Cập và bay từ đó đi Ethiopia. Bay từ Amman hay Cairo sẽ rẻ hơn rất nhiều, nhưng tôi không có đủ thời gian để xin visa đi Jordan hay Ai Cập (hộ chiếu Việt Nam khổ thế đấy, vừa tốn tiền vừa tốn thời gian). Sinai là nơi duy nhất miễn visa cho tôi (và tất cả mọi người). Asher và Nati đúng lúc đấy cũng lên kế hoạch đi Sinai nên chúng tôi sắp lịch đi cùng nhau luôn. Chúng tôi hẹn nhau ở biên giới để bắt cùng taxi đi Bir Sweir.

Ngoài việc Asher bị chặn ở biên giới vì cái hộ chiếu cũ nát của mình và phải thay hộ chiếu mới chỉ trong vài tiếng đồng hồ thì chúng tôi vượt biên mà không gặp khó khăn gì cả. Tự nhiên 50 kilomet ở sâu trong sa mạc khô cằn, bao phủ bởi núi đá hiểm trở, bỗng xuất hiện một dãy những túp lều tranh nằm nghiêng nghiêng trên bãi cát trắng biển xanh thơ mộng. Ngay phía trước là một tấm biển đủ màu sắc sặc sỡ với dòng chữ: “Chào mừng đến với thiên đường”.

Dân đi bụi ai cũng biết Sinai là thiên đường của weed.

Ở đây weed được bán công khai đến mức có lều còn treo biển dạng: “Ăn trưa/ Ăn tối/ Uống trà/ Weed”.

Điều tôi thích nhất ở Bir Sweir là mọi người hết sức thân thiện, ai đi qua cũng toét miệng ra cười. Cứ nóng quá, chúng tôi lại nhảy xuống biển. Nước ở đây mặn hơn bình thường, chúng tôi nghĩ là do ở đây gần biển Chết.

Tôi phát hiện ra một sở thích mới của mình: hái chà là. Ở Việt Nam tôi cũng được ăn chà là rồi nhưng chưa nhìn thấy cây chà là bao giờ. Đến đây tôi mới biết cây chà là nhìn giống hệt cây dừa, khác cái ngọn cây dừa có quả dừa lủng lẳng thì ngọn cây chà là toàn quả chà là. Tôi thích quả chà là vẫn còn hơi xanh chứ chưa khô hẵn, giòn ngọt, chan chát. Ở đây có hàng trăm cây, nhiều đến mức chẳng có ai ăn toàn để cho nó khô rồi rụng. Tôi sướng như điên, tung tăng đi từ cây này đến cây kia, ăn không biết chán, ăn nhiều đến mức Nati phải kinh ngạc thốt lên: “Làm thế quái nào mà em ăn được nhiều vậy? Không thấy ngọt à?”.

Bao sao người Israel sang đây nhiều. Chỉ cần đi qua biên giới là mọi thứ rẻ hơn gấp mười. Chúng tôi ba người thuê một lều có 10LE/đêm (chưa đến \$2). Lều thực ra chỉ để là nơi chứa đồ. Ở đây có quá nhiều chỗ hay ho, ngủ trong lều hơi có thể thoải mái ngủ trên võng, ngủ trên các tấm đệm trải trong khu sinh hoạt chung, hay thậm chí ngủ ngay trên bãi biển. Tôi gỏi đầu lên cát, để sóng ướm chạm chân và gió lùa trong tóc. Hay thật, đêm đầu tiên đến Israel, tôi ngủ trên bãi biển. Bây giờ đêm đầu tiên tôi rời khỏi Israel, tôi cũng lại ngủ trên bãi biển. Tôi trải một tấm khăn dưới lưng, nhưng sáng dậy đã thấy mình cuộn tròn trong đó.

Chuyến bay từ Sharm el-Sheik đi Ethiopia của tôi khởi hành vào ngày mừng năm. Ban đầu tôi định đi từ ngày mừng ba cho chắc ăn, nhưng vì ở Sinai vui quá, tôi nấn ná lại đến tận mừng bốn. Kế hoạch của tôi là bắt xe bus lúc ba rưỡi chiều để đến từ Sharm el-Sheik. Giữa sa mạc mênh mông chẳng bao giờ nghe thấy tiếng động cơ, tôi hơi nghi ngờ về chiếc xe bus này, nhưng Saad, bạn quản lý khách sạn nói chắc như đinh đóng cột là sẽ có. Saad và Nati, Asher cùng tôi ra bến xe bus. Trước khi đi, Saad cứ đòi tặng tôi vài lon nước để đi đường uống cho đỡ khát, tôi phải giải thích mãi là tôi có nước rồi không cần gì nữa. Ba người đứng chờ xe bus với tôi. Ba giờ, ba giờ mười lăm, ba rưỡi, rồi cả bốn giờ mà xe bus vẫn chưa tới. Lòng tôi như lửa đốt. Khoảng bốn rưỡi, một chiếc ô tô từ đâu xuất hiện. Cả bốn chúng tôi vẫy xe cuống quýt. Đây hóa ra là một chiếc taxi. Vị khách trên xe ban đầu có vẻ không muốn cho tôi đi cùng lác, nhưng rồi Saad giải thích gì đó với họ.

“Được rồi. Nhưng cô phải quàng khăn che mặt lại bởi tôi vẫn có thể nhìn thấy cô từ gương chiếu hậu. Bây giờ là tháng Ramandan”.

Tôi suýt nữa quên mất tôi đang ở Ai Cập.

Chia tay mà mây đưa vẫn tung từng đóa nghịch, chẳng ai muốn nói đến chuyện bao giờ mới có thể gặp lại. Bước được vài bước, bất chợt Nati gọi với theo:

“Chip ơi đợi đã, anh bảo em cái này”.

“Nói đi”.

“Cái này”.

Tôi quay lại, anh cười toe toét, mắt tít lại. Tôi cười nhăn nhó, nhưng rồi quay vội đi để không ai nhìn thấy là tôi khóc. Tạm biệt Nati, tạm biệt Asher, tạm biệt tất cả những người bạn tôi quen, tạm biệt Israel, tạm biệt Biển Đỏ. Châu Phi ơi, ta tới đây.

Nếu bạn là người có đủ kiên nhẫn đọc được đến tận dòng cuối cùng của cuốn sách, có thể bạn sẽ trách tôi: “Kết thúc kiểu gì mà cụt thế”.

Nó cụt, bởi vì nó chưa kết thúc. Cuốn sách này cũng như cuộc hành trình của tôi vậy: vẫn đang tiếp diễn và chưa bao giờ có ý định dừng lại. Tại sao phải dừng lại? Tại sao không tiếp tục làm những điều mà nó khiến bạn hạnh phúc?

Đây mới chỉ là tập 1 của bộ sách *Xách ba lô lên và Đi*. Tập hai của cuốn sách sẽ là về Châu Phi, tập ba của cuốn sách về Nam Mỹ. Các bạn có thể theo dõi tiếp hành trình của tôi tại blog www.travel.huyenchip.com hoặc Facebook “Xách ba-lô lên và Đi” www.facebook.com/dulichbalo

Xin chân thành cảm ơn tất cả mọi người.

Lời cảm ơn

Chuyến đi của tôi đã không thể nào thực hiện được nếu không có sự thấu hiểu và thông cảm của gia đình: của bố mẹ, ông bà, anh trai và em trai tôi. Tôi cũng sẽ không thể nào quay trở về nguyên vẹn thế này nếu không có sự giúp đỡ cả về mặt vật chất và tinh thần của biết bao bạn bè ở nhà cũng như những người tôi gặp trên đường đi. Tôi đã không thể hoàn thành và ra mắt cuốn sách này nếu không có sự ủng hộ hết mình của biết bao nhiều anh chị và bạn bè trong ngành. Tôi xin cảm ơn bố Tuấn, mẹ Tuyết. Tôi xin cảm ơn ông anh trai khó tính với tôi cứ như mẹ chồng, nhưng thực ra là yêu quý tôi vô hạn. Xin cảm ơn cu Bim vì em luôn ủng hộ và tin rằng mình có một người chị hay ho. Tôi xin cảm ơn chú Việt vì đã luôn tin tưởng ở tôi từ những ngày tôi còn nhỏ xíu. Xin cảm ơn anh Hiều, hacker dễ thương nhất mà tôi từng gặp. Tôi cũng sẽ không thể nào bắt đầu được nếu không có lực đẩy từ anh Nguyên, người làm việc cùng tôi ở Malaysia và cũng là người mà tôi yêu quý như nh trai. Tôi đã có lúc suýt phải bỏ cuộc nếu không có sự trợ giúp to lớn từ chị Liên Thanh. Tôi đã không thể về nhà nếu không có sự trợ giúp của chị Siew Yan. Cảm ơn chị Nguyễn Thị Lan Anh (Vu Lan) đã cho tôi thấy sự kiên cường của phụ nữ. Tôi cũng chịu ơn sâu sắc từ chị Đinh Hằng vì ngòi bút sắc sảo của chị và vì chị đã cứu mạng tôi cả tháng trời ở Sài Gòn. Cảm ơn chị Liên tôi gặp ở Ethiopia và đã yêu quý tôi như em gái. Cảm ơn các anh chị Viettel ở Mozambique. Cảm ơn gia đình bác Tuấn, đại sứ quán Việt Nam ở Ấn Độ. Cảm ơn các anh chị đại sứ quán Việt Nam ở Ai Cập và Israel. Để thử xem có bạn nào đọc lời cảm ơn này không, mình sẽ có một bất ngờ nho nhỏ cho bạn nếu bạn gửi email đến chip@huyenchip.com với tiêu đề thư là [chipratladethuong](mailto:chip@huyenchip.com). Cảm ơn bạn Đạt ông cụ non, người Việt Nam duy nhất bằng tuổi mình mà mình gặp ở nước ngoài, nhưng nói chuyện cứ như là ông cụ vậy. Win Diệp ơi, tôi không biết phải cảm ơn nàng thế nào. Nàng biết là tôi yêu nàng thế nào. Em cảm ơn chị Nguyễn Hương và VinDragon đã viết giấy giới thiệu cho em để xin visa. Em cảm ơn anh Long xì tin, ông anh cực kỳ tài năng và cực kỳ đáng yêu. Em cảm ơn anh Đường Sugar, chị Hải Yến và các anh chị báo Tiền Phong đã theo sát và động viên em suốt cuộc hành trình. Cảm ơn anh Long Lắc Lư, anh Tuấn đẹp trai và các anh chị Baomoi.com đã luôn ủng hộ tôi ngay từ khi tôi còn chưa bắt đầu. Cháu cảm ơn bác Nguyễn Lâm Dũng vì đã tin tưởng và ủng hộ cháu. Chị cảm ơn Free Hugs Vietnam đã luôn là nguồn động viên tinh thần vô giá. Chị còn nợ các em một châu ô mai Hà Nội.

Tôi yêu bìa cuốn sách này vô cùng và tôi thực sự biết ơn anh Bút Chì đã thiết kế nó. Cảm ơn anh Jeet Zdung với một ngàn lý do mà tôi không thể viết ra ở đây được. Cảm ơn anh Kiên 44 vì đã tài trợ host cho blog của tôi suốt mấy năm qua, và luôn sẵn lòng giúp đỡ ngay cả khi tôi gặp những vấn đề ngớ ngẩn nhất về thiết kế. Cảm ơn anh Tuấn, chị Thuận ở nhà sách Quảng Văn. Cảm ơn anh Toàn, chị Hoa ở Time Universal. Cảm ơn anh Thành Phong sát thủ đầu mừng mủ, cảm ơn anh Tùng Tabalo và mọi người nhóm Tây Bắc, cảm ơn chị Thơ Mộc Miên (em thích tên này dã man ý). Em xin được cảm ơn anh Kẹo, anh Hưng Simpleman, cảm ơn chị Ngân Trương, chị Trâm mèo, bác Ray Greiner và không biết bao nhiêu là người khác.

Và tôi xin cảm ơn tất cả những người bạn tôi gặp trên đường. Các bạn là những người khiến cho cuộc hành trình của tôi đáng giá.

Xin chân thành cảm ơn tất cả mọi người.

CouchSurfing là trang web kết nối những người sống ở địa phương và dân du lịch ba lô.

2. Từ dùng chỉ những người dùng CouchSurfing.

3. Tập đoàn này được thành lập năm 1959 bởi Jay Van Andel và Richard DeVos với trụ sở chính tại Ada (bang Michigan, Hoa Kỳ) kinh doanh theo mô hình bán hàng đa cấp, các mặt hàng chủ yếu như đồ gia dụng, trang sức, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng...

4. Bandar là cách gọi tắt thủ đô Bandar Seri Begawan của Brunei.

5. Miri là thành phố ở bang Sarawak, Malaysia.

6. Tiếng Việt là Phúc Châu, thành phố lớn nhất của Phúc Kiến, Trung Quốc.

7. Là ngôn ngữ hành chính của Philippines, được sử dụng trong cộng đồng người Philippines cả ở trong và ngoài nước.

8. Thủ phủ bang Sabah của Malaysia.

9. Thợ lặn chuyên nghiệp

10. Trước đây gọi là Rangoon – cố đô cũng là thành phố lớn nhất Myanmar

11. Tiền Myanmar

12. Cố đ

13. Vùng đất phía bắc của Nam Á và là phần phía nam của Trung Á.

14. Bagan có tên cũ là Pagan, tng là kinh đô của vương quốc Pagan tồn tại từ thế kỷ IX đến thế kỷ XIII ở miền trung Myanmar ngày nay.

15. Cố đô của Ấn Độ

16. Phương tiện giao thông phổ biến ở Ấn Độ, dạng xe ba bánh có mui che, chở được ba người, thường sơn hai màu xanh và vàng.

17. Nằm ở Đông Bắc Ấn Độ, Thủ phủ bang là Kohima và thành phố lớn nhất là Dimapur.

18. Thuộc Đông Bắc của Tiểu lục địa Ấn Độ. Ngày nay thuộc Cộng Hòa Nhân Dân Bangladesh và bang Tây Bengal của Ấn Độ.

19. Bungalow là kiểu nhà có diện tích nhỏ, một tầng duy nhất và mái hiên rộng.

20. Henna (xăm mình nghệ thuật) là mt tập tục đã có từ nghìn đời của người Ấn Độ, chỉ với một mảnh vải nhựa và thùng chứa nhiều sắc tố cùng với các mẫu hình vẽ Henna, người nghệ sĩ có thể thực hiện tác phẩm nghệ thuật sống của mình.

21. Social media (Truyền thông xã hội) dùng những trang mạng xã hội tạo, đọc và chia sẻ cũng như nhận phản hồi của người khác về vấn đề mà người sử dụng quan tâm.

22. Tilt-shift (ống kính trượt) là kỹ thuật dịch chuyển và xoay ống kính để chỉ có một phần bức ảnh được rơ nét, tạo cảm giác chủ thể trong ảnh có kích thước nhỏ hơn nhiều so với thực tế hoặc trông như một món đồ chơi.

23. Câu chào của người Hồi giáo, có nghĩa là: Chúc bạn bình an